

Biểu mẫu 18

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2020-2021**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

Biểu 18C1 - Các môn học chung

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|--|
| 1 | Triết học Mác-Lênin | <p>- Kiến thức: Học phần cung cấp một cách khái quát về triết học và vấn đề cơ bản của triết học, biện chứng và siêu hình, sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin, đối tượng, chức năng và vai trò triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; phạm trù vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sau cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử; quan niệm của triết học Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhà nước và cách mạng xã hội; mối quan hệ giữa ý thức xã hội và tồn tại xã hội; quan điểm triết học Mác - Lênin về con người và bản chất của con người.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng lý giải những vấn đề thực tiễn và vận dụng được quan điểm triết học Mác - Lênin vào cuộc sống.</p> <p>+ Kỹ năng vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng như nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử - cụ thể và quan điểm thực tiễn vào hoạt</p> | 3 | <ul style="list-style-type: none">• Hình thức đánh giá học phần: kết hợp trắc nghiệm + tự luận• Điểm kết thúc học phần: 10- Điểm quá trình: 2/10+ Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận...) 1/10- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------------|--|------------|---|
| | | <p>động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân</p> <p>+ Kỹ năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác vào hoạt động nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn ở Việt Nam</p> <p>+ Nâng cao kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp tài liệu.</p> | | |
| 2 | Giáo dục quốc phòng | Thực hiện theo đề cương chung của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Hà Nội I, Xuân Hòa | 4 | |
| 3 | Giáo dục thể chất P1(Điền kinh) | <p>- Hiểu được nguồn gốc lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh. Giúp cho sinh viên có được sự hiểu biết cơ bản về đặc điểm, tính chất, tác dụng của việc tập luyện TDTT nói chung và môn chạy nói riêng.</p> <p>- Giúp cho sinh viên nắm được các kỹ năng về nguyên lý kỹ thuật trong chạy cự ly ngắn (100m) và cự ly trung bình (800m).</p> <p>- Giúp sinh viên nắm được kỹ thuật và phương pháp giảng dạy các môn Điền kinh.</p> <p>Giúp cho sinh viên chuẩn bị tốt nhất về mặt thể lực thông qua các bài tập điền kinh và mức độ tác động của lượng vận động, đặc biệt trong đi bộ, chạy, nhảy, ném, đẩy. Giúp người tập dễ dàng điều chỉnh và lựa chọn hình thức tập luyện phù hợp.</p> <p>- Cung cấp trang bị cho sinh viên khả năng tập trung cao và sự bứt phá, sự dẻo dai, bền bỉ trong công việc, trong cuộc sống và cách giải quyết các vấn đề.</p> <p>Rèn luyện tính kiên trì phẩm chất đạo đức lối sống cần mẫn chăm chỉ, không ngại khó khăn, thử thách để vượt qua.</p> | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10: Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết áp dụng quy chế phạt thi. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10: |
| 4 | Giáo dục thể chất P2 (Bóng rổ) | <p>Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu rõ sự cần thiết của việc tập luyện TDTT nói chung và môn bóng rổ nói riêng cũng như đặc điểm, tính chất, tác dụng môn học.</p> <p>Kỹ năng: Trang bị cho người học nhất về mặt thể lực thông qua các bài tập bóng rổ và mức độ tác động, cường độ vận động cơ thể.</p> | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10: Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết áp dụng quy chế phạt thi. - Điểm thi kết thúc học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------------|---|------------|---|
| | | Duy trì liên tục cường độ vận động ở mức độ cao, giúp phát triển thể lực và sức mạnh tốc độ. Các mục tiêu khác: khả năng tập trung cao, sự phối hợp đồng đội, phát triển tư duy logic, tính sáng tạo đồng thời luôn phát huy tốt nhất sự dẻo dai, sức bền tốc độ, sức mạnh tính bất phá có độ chính xác cao. | | 7/10) |
| 5 | Giáo dục thể chất P3 (Cầu lông) | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên hiểu rõ sự cần thiết của việc tập luyện TDTT nói chung và môn cầu lông nói riêng cũng như đặc điểm, tính chất, tác dụng môn học. - Giúp sinh viên nắm được các nguyên lý kỹ thuật và thực hành thuần thục các kỹ năng chơi cầu lông như phòng cầu, đập cầu, đánh cầu phải trái, thấp tay, cao tay.. - Giúp cho sinh viên chuẩn bị tốt nhất về mặt thể lực thông qua các bài tập cầu lông và mức độ tác động, cường độ vận động cơ thể. <p>Duy trì liên tục cường độ vận động ở mức độ cao, giúp phát triển thể lực và sức mạnh tốc độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên khả năng tập trung cao, sự phối hợp đồng đội, phát triển tư duy logic, tính sáng tạo đồng thời luôn phát huy tốt nhất sự dẻo dai, sức bền tốc độ, sức mạnh tính bất phá có độ chính xác cao. - Rèn luyện tính kiên trì, phẩm chất đạo đức lối sống chăm chỉ cần mẫn. | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thi thực hành kỹ thuật động tác. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10: Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết áp dụng quy chế phạt thi. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 6 | Giáo dục thể chất P3 (Võ TAEKWONDO) | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên hiểu rõ sự cần thiết của việc tập luyện TDTT nói chung và môn võ TAEKWONDO nói riêng cũng như đặc điểm, tính chất, tác dụng môn học - nắm được các nguyên lý kỹ thuật và thực hành thuần thục các kỹ năng võ TAEKWONDO như nắm được một số kỹ thuật đòn chân tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu môn võ TAEKWONDO. | | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------------|--|------------|--|
| | | - Giúp cho sinh viên chuẩn bị tốt nhất về mặt thể lực thông qua các bài tập võ TAEKWONDO và mức độ tác động, cường độ vận động cơ thể. Duy trì liên tục cường độ vận động ở mức độ cao, giúp phát triển thể lực và sức mạnh tốc độ. | | |
| 7 | Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật | + Về kiến thức: Giúp sinh viên sau khi kết thúc Học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy Về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng: Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần :8/10 |
| 8 | Hình học họa hình | + Về kiến thức: Giúp sinh viên sau khi kết thúc Học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy Về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng: Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần :8/10 |
| 9 | Hoá học đại cương | - Sinh viên nắm được khái niệm hệ, trạng thái, quá trình. Hiểu và vận dụng được định luật nhiệt động học, cân bằng hóa học. Biết được phương trình động học và các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng. Biết tính chất dung dịch. Biết được bản chất ăn mòn điện hóa và cách chống ăn mòn. Có đủ cơ sở tiếp thu được những kiến thức về vật liệu, môi trường. - Vận dụng trong chuyên ngành, có năng lực tư duy, biết cách lập luận. Có kỹ năng giải quyết vấn đề một cách logic, biết cách hợp tác, thuyết trình. Học được tính kiên trì, sáng tạo, hiểu được trách nhiệm xã hội. | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 9 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng viết các tiểu luận, các báo cáo một cách khoa học cũng như kỹ thuật nói, đặc biệt là | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|---|------------|---|
| | | hoàn thiện kỹ thuật thuyết trình trước đám đông người nghe, đặc biệt đối với những chuyên ngành phải thường xuyên giao tiếp, trình bày đồ án và hoạt động xã hội rộng rãi như kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, đô thị và quản lý đô thị. Học phần cũng góp phần cung cấp các kỹ thuật và kỹ năng xử lý tình huống khi cần thiết. | | + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm thi thuyết trình trên lớp: 3/10 + Điểm thi viết tập trung: 5/10 |
| 10 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 11 | Màu sắc cơ bản | - Giúp sinh viên có nhận thức đúng về màu cơ bản: đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc... Là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc phong phú và chủ động. - Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học về màu sắc là điều kiện tiên quyết để tạo ra các tương quan hòa sắc một cách chủ động. - Các bài tập về màu sắc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bố cục, sắp xếp các tương quan để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ. - Biết cách ứng dụng trong thực tế đời sống, chuyên ngành. | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 12 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về từ vựng, cấu trúc và chức năng ngữ pháp cần thiết cho các phần khác nhau ở mức mục tiêu 250-350 điểm TOEIC. | 2 | • Hình thức đánh giá học phần: Thi viết • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|---|------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề. - Khả năng biện luận và giải quyết vấn đề, nghiên cứu và khám phá kiến thức. - Kỹ năng tự chủ; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp và thuyết trình | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 13 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về từ vựng, cấu trúc và chức năng ngữ pháp cần thiết cho các phần khác nhau ở mức mục tiêu 250-350 điểm TOEIC. - Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề. - Khả năng biện luận và giải quyết vấn đề, nghiên cứu và khám phá kiến thức. - Kỹ năng tự chủ; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp và thuyết trình | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thi viết • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 14 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học, cũng như các điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. + Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu, đặc điểm và nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, của cách mạng xã hội nói chung và ở Việt Nam nói riêng. + Về những vấn đề chính trị, xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: dân chủ, nhà nước, giai cấp, dân tộc, tôn giáo... - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích được các nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội được nêu ra trong phần kiến thức; + Vận dụng được một số nội dung của môn học nhằm hiểu được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay; + Tìm kiếm tài liệu, hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản của | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (thảo luận và tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|--|
| | | môn học. | | |
| 15 | Lịch sử Đảng | <p>- Kiến thức: những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; Quá trình tổ chức thực hiện đường lối cách mạng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận dạng xác định kiến thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>+ Kỹ năng lý giải những vấn đề thực tiễn và vận dụng được quan điểm của Đảng vào cuộc sống.</p> <p>+ Kỹ năng giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội... theo đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>+ Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp tài liệu.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn</p> | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Thảo luận, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 16 | Pháp luật đại cương | <p>- Kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung mang tính hệ thống về nhà nước và pháp luật và một số ngành luật phổ biến mà mọi công dân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cần nắm vững. Từ đó giúp sinh viên chấp hành đúng nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước, có thể tuyên truyền cho mọi người xung quanh cùng thực hiện.</p> <p>- Kỹ năng: qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy khoa học và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.</p> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 17 | Pháp luật xây dựng | <p>- Kỹ năng tham gia xây dựng, hoạch định các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý xây dựng và quản lý đô thị;</p> <p>- Kỹ năng tham mưu hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất.</p> | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hình thành các nhận định và giả thuyết thông qua điều tra bằng trải nghiệm, thực tế, phân tích các dữ liệu và làm báo cáo. - Phân tích vấn đề liên quan quản lý xây dựng theo logic, so sánh và phân tích với các vấn đề khác, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ - Hiểu tác động của ngành quản lý xây dựng đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành quản lý xây dựng; - Kỹ năng Học và tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; | | <ul style="list-style-type: none"> + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 18 | Phương pháp thể hiện kiến trúc | Lĩnh hội thành thực các kỹ thuật thể hiện làm công cụ để thực hiện các đồ án kiến trúc và truyền đạt tư duy sáng tạo một cách hiệu quả. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm trung bình các bài tập: 7/10. |
| 18 | Tiếng Anh chuyên ngành | Sau khi kết thúc học phần sinh viên có được một số vốn kiến thức tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành bao gồm: từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc, cách diễn đạt, kỹ năng đọc và dịch; có thể đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh đơn giản | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thi viết (tập trung) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 20 | Tin học đại cương | Sau khi học, sinh viên cần đạt được những mục tiêu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin, hiểu khái niệm thông tin, biểu diễn thông tin trong máy tính. - Có kiến thức và kỹ năng về nguyên lý hoạt động của hệ thống máy tính, bao gồm phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, soạn thảo, bảng tính, trình chiếu. | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải bài toán đặt ra trong thực tiễn, biết mô tả thuật toán. - Nắm bắt được các nguyên lý lập trình, các cấu trúc lập trình cơ bản, mô hình hóa lý thuyết bằng ngôn ngữ lập trình C++. | | <ul style="list-style-type: none"> trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 21 | Toán 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp một số kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính và một số nội dung giải tích của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số và ứng dụng của đạo hàm, vi phân vào trong hình học. - Định hướng ứng dụng các kiến thức học phần vào các ngành kỹ thuật. - Trang bị khả năng tư duy, lập luận, giải quyết vấn đề. - Cung cấp kỹ năng giải quyết vấn đề, hợp tác, thuyết trình. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 6/10 |
| 22 | Toán 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức cơ bản về tích phân suy rộng, ứng dụng của tích phân xác định, tích phân kép, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi lũy thừa và phương trình vi phân. - Kỹ năng giải các bài toán liên quan đến các yếu tố tích phân và ứng dụng, chuỗi số, chuỗi lũy thừa và phương trình vi phân. - Định hướng ứng dụng các kiến thức học phần vào các ngành kỹ thuật. - Nhận dạng xác định vấn đề liên quan đến Toán 2 trong kỹ thuật. - Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp tài liệu. - Khả năng thuyết trình. Sử dụng phương tiện truyền thông. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 6/10 |
| 23 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|--------------------------------|
| | | <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy khoa học và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Giúp cho sinh viên thấy rõ hơn vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; học tập và noi theo tấm gương đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh để từ đó có định hướng đúng trong học tập, nghiên cứu và công tác; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.</p> <p>+ Quản lý thời gian, tự chủ bản thân. Làm việc theo nhóm, trình bày ý kiến trước tập thể. Sử dụng công nghệ trong học tập và nghiên cứu.</p> <p>Xử lý những tranh luận, ý kiến trái chiều trong quá trình làm việc nhóm.</p> | | |
| 24 | Xã hội học | <p>- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên các ngành Kiến trúc, Quy hoạch, Kiến trúc cảnh quan, Nội thất, Mỹ thuật, Đồ họa, Điêu khắc, Thời trang, Quản lý đô thị các kiến thức cơ bản về hệ thống lý thuyết Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học giúp người học có thể quan sát, mô tả những sự kiện, hiện tượng của các lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn đời sống xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Khả năng làm việc nhóm, thảo luận nhóm và thuyết trình về các chuyên đề nghiên cứu của xã hội học.</p> <p>+ Xây dựng, điều hành và làm việc nhóm hiệu quả (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên, khuyến khích ...),</p> | | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|--|
| | | <p>+ Xử lý xung đột trong nhóm; biết phối kết hợp, làm việc với các thành viên khác trong nhóm.</p> <p>+ Bình luận và đánh giá các bài thuyết trình của các nhóm khác.</p> | | |
| 25 | Trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 6/10 |
| 26 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v. - Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá - Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. <p>b. Kỹ năng</p> | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|--|
| | | <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | | |
| 27 | Vật lý đại cương | <p>Phần Nhiệt học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hệ nhiệt động, bao gồm các hiện tượng và nguyên lý áp dụng trong thực tế.</p> <p>Phần Điện học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Điện và Từ học, những nguyên lý và áp dụng các hiện tượng trong kỹ thuật điện và từ.</p> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Vật lý P1 | <p>- Về kiến thức: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về quy luật chuyển động và tương tác của vật chất, giúp sinh viên có thể tiếp thu thuận lợi các môn kỹ thuật cơ sở và chuyên môn, góp phần hình thành thế giới quan và tư duy khoa học.</p> <p>- Kỹ năng: Học phần giúp sinh viên rèn được năng lực tư duy logic, kỹ năng vận dụng những kiến thức Vật lý trong các vấn đề chuyên môn, kỹ năng sử dụng một số thiết bị cơ bản và hiện đại để thực hiện các phép đo một số đại lượng cơ bản của Vật lý, kỹ năng xử lý các số liệu thực nghiệm, giúp hình thành khả năng phân tích các kết quả thu được từ thực nghiệm và so sánh với kiến thức lý thuyết đã học.</p> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Vật lý P2 | <p>- Về kiến thức: Vật lý PII nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin những kiến thức cơ bản về: Tính chất sóng - hạt của ánh sáng; Thuyết tương đối hẹp của Einstein; Cơ học lượng tử; Vật lý nguyên tử; Chất rắn và bán dẫn</p> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|--|
| | | - Kỹ năng: Thông qua vật lý PII, có thể rèn cho sinh viên các kỹ năng sau: Suy diễn chặt chẽ, hợp logic; Vận dụng các kiến thức vật lý PII để học tập, nghiên cứu các vấn đề chuyên môn. | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 30 | Xác suất thống kê | - Cung cấp một số kiến thức cơ bản về xác suất cổ điển, xác suất có điều kiện, biến ngẫu nhiên và luật phân bố xác suất, mẫu thống kê và các bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê. - Định hướng ứng dụng các kiến thức của học phần vào các ngành kỹ thuật. - Trang bị khả năng tư duy, lập luận, xử lý mẫu số liệu. - Cung cấp kỹ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp được bằng văn bản, làm việc theo nhóm. | 3 | - Điểm quá trình: 04/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 06/10 |

Biểu 18C2 - Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành:

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----------|--|------------------|------------|------------------|--------------------------------|
| I | Ngành Kiến trúc. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Hình học họa hình | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Pháp luật Đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Giáo dục thể chất 1 (Điền | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | Kinh) | | | | |
| 6 | Tiếng Anh P1 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 7 | Kỹ năng thuyết trình | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 8 | Triết học Mác - LêNin | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 9 | Giáo dục thể chất (Bóng rổ) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Tiếng Anh P2 | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 11 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 12 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 4 | Biểu 18C1 |
| 13 | Giáo dục thể chất P3 (Cầu Lông) | Biểu 18C1 | 2 | 5 | Biểu 18C1 |
| 14 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 15 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Biểu 18C1 | 2 | 6 | Biểu 18C1 |
| 16 | Xã hội học | Biểu 18C1 | 2 | 7 | Biểu 18C1 |
| 17 | Văn hóa Việt Nam | Biểu 18C1 | 3 | 8 | Biểu 18C1 |
| 18 | Mĩ học | a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>đẫn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người</p> | | | <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 20 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 8 | Biểu 18C1 |
| 21 | Cơ sở kiến trúc | Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kiến trúc làm nền tảng để thực hiện các học phần đồ án (Thiết kế kiến trúc 1-10) và tiếp thu các kiến thức lý thuyết chuyên ngành. Bồi dưỡng khả năng tư duy không gian và tạo hình kiến trúc thông qua hệ thống bài tập thực hành | 3 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Phương pháp thể hiện kiến trúc | Lĩnh hội thành thục các kỹ thuật thể hiện làm công cụ để thực hiện các đồ án kiến trúc và truyền đạt tư duy sáng tạo một cách hiệu quả. | 3 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm trung bình các bài tập: 7/10. |
| 23 | Cơ học công trình | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hệ kết cấu chịu lực trong công trình, phạm vi áp dụng, vật liệu sử dụng, cấu tạo và các phương pháp tính để kiểm tra độ bền, độ cứng của các hệ kết cấu trong xây dựng. | 3 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|---|
| | | | | | trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 24 | Mĩ thuật P1 | Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, mực nho diễn tả hình khối, không gian bằng tổ chức nét và mảng. Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình: Cấu trúc, không gian, biểu cảm. Làm chủ sắc độ, có cách nhìn bao quát: Tổng thể- chi tiết, chính- phụ... Nâng cao năng lực quan sát, tổng hợp, phân tích và cảm thụ thẩm mỹ | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Lịch sử nghệ thuật | <p>- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được tiến trình của nền Nghệ thuật Thế giới và Việt Nam từ Nguyên thủy cho đến thời hiện đại, qua đó sinh viên nắm được đặc Điểm, thành tựu cũng như bản chất của Các trường phái Các trào lưu và Các nền Nghệ thuật.</p> <p>- Kỹ năng: qua việc tìm hiểu về đặc Điểm, phong cách và bản chất của Các trường phái, Các trào lưu, Các nền Mỹ thuật Giúp sinh viên nhận thấy Mỹ thuật nói riêng hay Nghệ thuật nói chung là những Hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, nó phản ánh trực tiếp xã hội đã sinh ra nó. Điều đó Giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong nghề nghiệp của mình.</p> <p>- Thái độ: có ý thức Tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự Hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 26 | Kết cấu bê tông | Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|---|
| | cốt thép, gạch đá | hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra cấu kiện dầm BTCT theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012; thiết kế hay thẩm tra được khối xây gạch đá; Lựa chọn và phân tích khái quát được các giải pháp kết cấu cho mỗi công trình cụ thể. | | | - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi : Bài thi viết cuối học phần |
| 27 | Mĩ thuật P2 | Giúp sinh viên nhận thức đúng về màu cơ bản: Khái niệm, đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc...là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc một cách chủ động. Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học màu sắc là điều kiện tiên quyết tạo ra sự đa dạng của màu sắc. Biết cách liên hệ, ứng dụng các bài tập màu sắc vào thực tiễn và sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Lịch sử kiến trúc P1 | Hình thành những quan điểm nhận định mang tính tổng kết, phục vụ cho công tác nghiên cứu và kế thừa / vận dụng kiến thức về lịch sử kiến trúc để xây dựng ý tưởng cho hệ thống đồ án kiến trúc & quy hoạch. | 3 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 29 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận | 3 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|--|
| | | dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | | | |
| 30 | Mỹ thuật P3 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc, tỷ lệ người. - Có khả năng thể hiện hình vẽ con người sinh động, đúng tỷ lệ, hình khối, màu sắc gắn với môi trường, không gian kiến trúc. - Rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. - Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 31 | Kết cấu thép, gỗ | <p>Trang bị cho người học kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu và các đặc trưng cơ học của thép xây dựng; - Đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép và kết cấu gỗ; - Đặc điểm cấu tạo kết cấu chịu lực của một số dạng công trình thép thông dụng trong thực tế. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 32 | Lịch sử kiến trúc P2 | Hoàn thiện hiểu biết về kiến trúc và văn hoá truyền thống, tạo tiền đề cho việc tiếp cận và vận dụng những bài học lịch sử một cách có định hướng trong quá trình nghiên cứu sáng tạo làm đồ án kiến trúc. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------|---|------------|------------------|---|
| 33 | Kỹ thuật hạ tầng đô thị | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về bề mặt địa hình thiết kế, lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt và thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong đô thị như giao thông đô thị, cấp, thoát nước đô thị ... Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế và công năng sử dụng của các công trình hạ tầng kỹ thuật. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |
| 34 | 1. Điều khắc | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Điều khắc. Biết cách xây dựng hình khối trong không gian với các thể loại của Điều khắc và cảm nhận được cái đẹp của nó | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | 2. Nghệ thuật ảnh | Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến trúc. Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 36 | Bảo tồn di sản | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về di sản | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|--|
| | kiến trúc | kiến trúc và đô thị, mục đích, nội dung và phương pháp của công tác bảo tồn trùng tu. Hướng dẫn cho sinh viên hiểu cách thức thực hiện, nhấn mạnh và làm rõ vai trò các công việc của kiến trúc sư trong công tác bảo tồn trùng tu di tích hay địa điểm di sản. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 37 | Vẽ ghi | Nắm vững phương pháp đo vẽ và thành thạo kỹ năng thực hành để vận dụng có hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khảo sát, bảo tồn di sản, thiết kế cải tạo, cũng như trong hành nghề kiến trúc nói chung. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 38 | Vật lý kiến trúc | Kiến thức: - Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo. - Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình. - Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo. Kỹ năng: - Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng. - Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình.</p> <p>- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu.</p> | | | |
| 39 | Tin học ứng dụng | <p>- Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD</p> <p>- Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập</p> <p>- Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..)</p> <p>- Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 40 | Thực tập công nhân | <p>- Sinh viên có thể áp dụng cho bài học và công việc trong thực tế.</p> <p>- Sinh viên có thể tham gia vào một quy trình sản xuất sau thiết kế.</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| | Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 HP) | | 2 | 7 | |
| 41 | <i>1. Kiến trúc Á Đông</i> | Học phần Kiến trúc á đông sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức: Lịch sử phát triển văn hóa, xã hội và kiến trúc của khu vực á đông qua các thời kỳ Đặc điểm và các giá trị đặc trưng của kiến trúc á đông thông qua các nước tiêu biểu: Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn độ Kiến trúc một số nước Đông Nam Á tiêu biểu, trong đó nhấn mạnh đến: Ảnh hưởng từ Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật bản với kiến trúc Đông Nam Á Ảnh hưởng từ Phương Tây đối với kiến trúc Đông Nam Á. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | <i>2. Kiến trúc đương đại</i> | Thông qua những hiểu biết có hệ thống sinh viên hình thành những quan điểm nhận định mang tính tổng kết thông qua việc so sánh những đặc điểm theo hệ thống nhận dạng, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và việc đề xuất ý tưởng trong hệ thống đồ án kiến trúc và quy hoạch mang tính thời đại. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 43 | <i>3. Kiến trúc nhiệt đới</i> | Cung cấp các thông tin và kiến thức cơ bản ứng dụng vào thiết kế quy hoạch và kiến trúc trong môi trường khí hậu nhiệt đới ẩm. Trang bị những công cụ và phương pháp thiết kế kiến trúc nhiệt đới ẩm phù hợp với Việt Nam hướng đến phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|--|------------|------------------|---|
| 44 | Công nghệ kiến trúc | Sinh viên có được định hướng đề xuất, phối hợp và điều tiết các giải pháp Kiến trúc - Kết cấu - Công nghệ để tạo dựng công trình kiến trúc theo phương châm Thích dụng - Bền vững - Kinh tế - Mỹ quan. Biết ứng dụng vào đồ án kiến trúc, cụ thể là thiết đặt các không gian kỹ thuật, giải quyết các ảnh hưởng / các yếu tố bất lợi phát sinh. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Tham quan | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học giữa lý thuyết và thực tế các công trình được đi tham quan. - Tìm hiểu thực tế để vẽ ghi và ký họa lại các công trình đã tham quan. - Làm quen với các công trình trên thực tế. - Thu thập tài liệu, cho các đồ án trên. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 46 | Thi công công trình | Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công và tổ chức thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 47 | Lý thuyết kiến trúc nhà ở | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình nhà ở, biết vận dụng vào nghiên cứu / phân tích và đánh giá các công trình nhà ở trong thực tiễn. Nắm được quy trình hình thành ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện kiến trúc nhà ở, định hình một số yếu tố kỹ thuật để phục vụ cho việc thực hành đồ án kiến trúc. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Thiết kế kiến trúc 1 | Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | hình khối và tỷ lệ. Làm quen với phương pháp thiết kế kiến trúc và quy trình thực hiện gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. | | | |
| 49 | Lý thuyết kiến trúc công trình công cộng | Qua môn học này, sinh viên nắm được kiến thức lý thuyết về các loại hình CTCC cơ bản, biết vận dụng vào nghiên cứu / phân tích và đánh giá các CTCC trong thực tiễn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng vào việc thực hành đồ án | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Thiết kế kiến trúc 2 | Làm quen và tiếp cận với phương pháp luận thiết kế kiến trúc, bước đầu biết phân tích đánh giá các mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường xung quanh (điều kiện tự nhiên, xã hội, yếu tố quy hoạch,..) để xác định nhiệm vụ thiết kế. Nắm được trình tự thực hiện một đồ án kiến trúc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ tổng thể đến chi tiết. Thực hiện quy trình thiết kế gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của hình khối và tỷ lệ. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 51 | Phương pháp thiết kế kiến trúc | Trang bị các yêu cầu cơ bản trong thiết kế kiến trúc. Nắm bắt và thực hành tốt các bước thiết kế từ lúc nhận đề tài, xây dựng nhiệm vụ thiết kế, phân tích khu đất, xây dựng và phát triển ý tưởng kiến trúc. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học được một cách hiệu quả trong quá trình thực hiện đồ án môn học. | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 52 | Thiết kế kiến trúc 3 | Làm quen và tiếp cận phương pháp luận thiết kế kiến trúc (Nhận thức ® Ý tưởng sáng tạo ® Giải pháp). Nắm vững và thực hiện quy trình thiết kế gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình: 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 53 | Thiết kế kiến trúc 4 | Tiếp cận và lĩnh hội phương pháp luận thiết kế kiến trúc (Nhận thức ® Ý tưởng sáng tạo ® Giải pháp). Nắm vững và thực hiện đúng quy trình nghiên cứu thiết kế gồm các bước: Phân tích NVTK - Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 54 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 55 | Lập quy hoạch 1 | - Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập đồ án | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | - Quy hoạch nhóm nhà ở | quy hoạch chi tiết. - Giúp sinh viên ứng dụng lý thuyết và phương pháp thể hiện kiến trúc và quy hoạch, tập thể hiện hoàn chỉnh một đồ án quy hoạch chi tiết. | | | - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 56 | Thiết kế kiến trúc 5 | Phát triển phương pháp luận thiết kế kiến trúc, bước đầu biết phân tích đánh giá các mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường xung quanh (điều kiện tự nhiên, xã hội, yếu tố quy hoạch,..) để xác định nhiệm vụ thiết kế. Nắm được trình tự thực hiện một dự án nhà ở từ tổng thể đến chi tiết, đảm bảo sự thống nhất giữa các giải pháp kiến trúc và quy hoạch tổng thể. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 57 | Thiết kế nhanh | Kích thích sự nhạy bén và phát huy tư duy sáng tạo của sinh viên trong việc đề xuất và phác thảo ý tưởng kiến trúc - thông qua đó cũng rèn luyện kỹ năng biểu đạt tư duy một cách chính xác và hiệu quả. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 58 | Lý thuyết kiến trúc công trình công nghiệp | Qua môn học này, sinh viên nắm được kiến thức lý thuyết về các loại hình CTCN cơ bản, biết vận dụng vào nghiên cứu / phân tích và thực hành đồ án. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 59 | Thiết kế kiến trúc 6 | Vận dụng phương pháp luận thiết kế, tiếp cận tổng hợp công nghệ và kiến trúc; khai thác đặc trưng của dây chuyền công nghệ, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo thích ứng với các giải pháp công nghệ mới. Tiếp tục lĩnh hội vấn đề ngôn ngữ kiến trúc: thẩm mỹ công nghiệp và đặc trưng kiến trúc của công trình SX | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | công nghiệp | | | |
| 60 | Thiết kế kiến trúc 7 | Giúp sinh viên lĩnh hội và vận dụng phương pháp luận thiết kế kiến trúc (Nhận thức ® Ý tưởng sáng tạo ® Giải pháp). Tiếp cận vấn đề hình tượng kiến trúc; phối hợp việc xây dựng & phát triển ý tưởng với khai thác đặc trưng của địa điểm - qua đó nâng cao năng lực tư duy sáng tạo. | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 4 HP) | | | 2 | 7 | |
| 61 | 1. Lý thuyết kiến trúc cảnh quan | <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất. - Mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế. - Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 62 | 2. Lý thuyết thiết kế đô thị | <p>Sinh viên nắm và phân biệt được vai trò của Thiết kế đô thị trong các công tác lập Quy hoạch; Thiết kế Kiến trúc công trình.</p> <p>Sinh viên nắm và hiểu các trình tự, các nội dung và đối tượng cần nghiên cứu Thiết kế đô thị. Vận dụng được các kiến thức về Thiết kế đô thị trong các đồ án Quy hoạch.</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| 63 | 3. Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý | <p>Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị . Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên.</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | 4. Thiết kế đồ đạc nội thất | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được kiến thức và kỹ năng vững chắc về thiết kế đồ đạc nội thất. - Có kỹ năng thể hiện tốt 1 hồ sơ thiết kế đồ đạc nội thất - Có khả năng sáng tác đồ đạc nội thất có tính đồng bộ, theo một phong cách rõ ràng, phù hợp với một không gian nội thất nhất định; hoặc ở dạng concept (ý tưởng). | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác: p (thiết kế một loại đồ đạc đã học) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 65 | Lập quy hoạch 3 - Thiết kế đô thị | <p>Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, thực hiện loại hình đồ án Thiết kế đô thị. Sinh viên làm quen với quy trình thực hiện một dự án cụ thể từ đánh giá hiện trạng, phân tích và tìm ra mục đích, mục tiêu của đồ án rồi từ đó cụ thể hóa ra phương án. Sinh viên ngoài những kiến thức cơ bản áp dụng trong đồ án, học phần còn giúp sinh viên hiểu được mối quan</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | hệ giữa hoạt động của con người với môi trường, không gian đô thị, những yếu tố văn hóa và bước đầu có những hiểu biết về thể chế chính sách ảnh hưởng như thế nào trong quá trình thiết kế. | | | |
| 66 | Thiết kế kiến trúc 8 | Thực hành phương pháp luận thiết kế kiến trúc (Phân tích ® Nhận thức ® Ý tưởng sáng tạo ® Giải pháp), phương pháp tiếp cận hệ thống và tư duy sáng tạo trong những trường hợp có đối tượng nghiên cứu và / hoặc có hoàn cảnh xây dựng không điển hình / không bình thường. Tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với một số dạng công trình theo đặc thù chuyên môn của các Bộ môn & Xưởng, kết hợp rèn luyện một số kỹ năng hỗ trợ cho quá trình thiết kế (VD: làm việc theo nhóm, vẽ ghi / khảo sát, phân tích & đánh giá, thuyết trình,..). | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 67 | Lý thuyết thiết kế nội thất | Nắm vững được các kiến thức mang tính lý luận từ tổng quan đến cụ thể, giúp hình thành tư duy nghề nghiệp nhằm thiết lập ý tưởng cũng như nhận xét, phê bình 1 không gian nội ngoại thất cụ thể. Nắm vững các kiến thức mang tính thực tiễn về các yếu tố cơ sở, thành phần cơ bản cũng như nguyên tắc xử lý các không gian nội ngoại thất để vận dụng nhuần nhuyễn trong quá trình thực hiện đồ án. Nắm được nguyên tắc xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, chất liệu nội thất cũng như xử lý các ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Nắm được yêu cầu một hồ sơ thiết kế nội ngoại thất và 1 phần khái niệm về quá trình thi công. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Phân tích công trình thực tế và thuyết trình • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--------------------------------------|---|--|------------|------------------|---|
| 68 | Thiết kế nội thất | Củng cố nhận thức về phương pháp và quy trình thiết kế, các yêu cầu và thành phần của hồ sơ thiết kế nội thất; tạo sự kết nối liên tục và đồng bộ giữa thiết kế kiến trúc và nội thất. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 69 | Thiết kế kiến trúc 9 | Giúp sinh viên lĩnh hội và vận dụng phương pháp luận thiết kế kiến trúc (Nhận thức ® Ý tưởng sáng tạo ® Giải pháp). Nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên thông qua vấn đề Ngôn ngữ hình thức và Tạo hình kiến trúc - từ xây dựng ý tưởng phù hợp với ngữ cảnh đến giải pháp hình khối - không gian & kết cấu đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, bền vững và biểu cảm thẩm mỹ | 4 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 70 | Thiết kế kiến trúc 10 | Tổng duyệt các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành của sinh viên để chuẩn bị cho giai đoạn cuối làm Đồ án tốt nghiệp. Củng cố phương pháp tiếp cận tổng hợp và nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên, hoàn thiện nhận thức về phương pháp luận thiết kế kiến trúc. | 6 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| Chuyên đề (chọn 2 trong 4 HP) | | | 2 | 9 | |
| 71 | <i>1. Các loại hình kiến trúc đặc thù</i> | Qua môn học này, sinh viên hình thành nhận thức thực tiễn về các xu hướng kiến trúc đương đại; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm để vận dụng vào việc thực hành thiết kế kiến trúc. | 1* | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 72 | <i>2. Công nghệ, kết cấu mới</i> | Qua chuyên đề này, sinh viên được cập nhật kiến thức về Công nghệ và Kết cấu mới làm công cụ để nghiên cứu / phân tích và đánh giá / lựa chọn các giải pháp thiết kế sáng tạo, hỗ trợ cho việc xây dựng ý tưởng tạo hình | 1* | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | và triển khai các phương án kiến trúc. | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 73 | 3. <i>Phê bình và sáng tác kiến trúc</i> | Hình thành ý thức chủ động về lý luận & phê bình - như một công cụ để xây dựng môi trường kiến trúc nhân văn và bền vững; rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn để định hướng thực hành nghề nghiệp. | 1* | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 74 | 4. <i>Thiết kế tiếp cận</i> | Qua môn học này, sinh viên hình thành ý thức chủ động và thường trực về vấn đề đảm bảo tiếp cận - như một công cụ để xây dựng môi trường nhân văn và thiết kế các công trình dân dụng; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn để vận dụng vào việc thực hành thiết kế kiến trúc. | 1* | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 75 | Thực tập tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể áp dụng cho đề tài Đồ án tốt nghiệp. - Sinh viên có phương pháp tiếp cận khoa học trước khi thiết kế. | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 76 | Đồ án tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể tham gia ngay vào công việc thiết kế tại các công ty thiết kế chuyên nghiệp. - Tổng hợp những kiến thức đã được trang bị. - Trang bị cho sinh viên khả năng kết hợp giữa lý luận và thực tiễn - Trang bị cho sinh viên khả năng tự xây dựng kế hoạch làm việc. | 12 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá: + Hình thức khác: Bảo vệ trước các tiểu ban • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 01/10 (điểm trung bình của 2 lần kiểm tra tiến độ) - Điểm thi kết thúc học phần: 09/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|--|--|------------|------------------|---|
| | | - Sinh viên có thể xây dựng “Bộ hồ sơ quy chuẩn” cho doanh nghiệp. | | | (điểm trung bình của các thành viên tiểu ban) |
| II | Ngành Kiến trúc cảnh quan. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 5 | Toán | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 6 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 7 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 9 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 11 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 12 | Những NLCB của Chủ nghĩa | Biểu 18C1 | 3 | 5 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | Mác - Lênin P2 | | | | |
| 13 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 14 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 7 | Biểu 18C1 |
| 15 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 7 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 7 | Biểu 18C1 |
| 17 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v. - Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá - Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng</p> | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người. | | | |
| 18 | Xã hội học | <p>Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện:</p> <p>Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị.</p> <p>Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội.</p> <p>Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị.</p> <p>Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị.</p> <p>Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 19 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 9 | Biểu 18C1 |
| 20 | Mĩ học | <p>a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ</p> <p>b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng đắn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích</p> | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|---|
| | | cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 21 | Mĩ thuật P1 | Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, mực nho diễn tả hình khối, không gian bằng tổ chức nét và mảng. Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình: Cấu trúc, không gian, biểu cảm. Làm chủ sắc độ, có cách nhìn bao quát: Tổng thể- chi tiết, chính- phụ... Nâng cao năng lực quan sát, tổng hợp, phân tích và cảm thụ thẩm mỹ | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Cơ sở kiến trúc | Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kiến trúc làm nền tảng để thực hiện các học phần đồ án (Thiết kế kiến trúc 1-10) và tiếp thu các kiến thức lý thuyết chuyên ngành. Bồi dưỡng khả năng tư duy không gian và tạo hình kiến trúc thông qua hệ thống bài tập thực hành | 3 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Mĩ thuật P2 | Giúp sinh viên nhận thức đúng về màu cơ bản: Khái | 2 | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | niệm, đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc... là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc một cách chủ động. Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học màu sắc là điều kiện tiên quyết tạo ra sự đa dạng của màu sắc. Biết cách liên hệ, ứng dụng các bài tập màu sắc vào thực tiễn và sáng tác chuyên ngành. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Phương pháp thể hiện kiến trúc | Lĩnh hội thành thục các kỹ thuật thể hiện làm công cụ để thực hiện các đồ án kiến trúc và truyền đạt tư duy sáng tạo một cách hiệu quả. | 3 | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: + Điểm trung bình các bài tập: 7/10. |
| 26 | Lý thuyết thiết kế kiến trúc | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 2 | • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 27 | Lịch sử kiến trúc | Hệ thống hóa kiến thức, hình thành quan điểm nhận định mang tính tổng kết và kế thừa bài học từ lịch sử phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập các học phần liên quan đến kiến trúc - quy hoạch | 2 | 2 | • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Phương pháp thiết kế kiến trúc | Trang bị các yêu cầu cơ bản trong thiết kế kiến trúc. Nắm bắt và thực hành tốt các bước thiết kế từ lúc nhận đề tài, xây dựng nhiệm vụ thiết kế, phân tích khu đất, xây dựng và phát triển ý tưởng kiến trúc. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học được một cách hiệu quả trong quá trình thực hiện đồ án môn học. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Vật lý kiến trúc | Kiến thức: - Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo. - Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình. - Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo. Kỹ năng: - Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng. - Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải | 2 | 3 | • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | <p>pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình.</p> <p>- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu.</p> | | | |
| 30 | Lịch sử phát triển đô thị | <p>* Kiến thức: Quá trình hình thành và phát triển của đô thị trên Thế giới và Việt Nam. Những lý luận và các quan điểm thiết kế quy hoạch xây dựng, các hình thức bố cục không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng hay toàn đô thị qua các thời kỳ lịch sử.</p> <p>* Kỹ năng: Hiểu và nắm được tiến trình lịch sử phát triển đô thị trên thế giới và Việt Nam, các lý luận và quan điểm thiết kế Quy hoạch xây dựng. Có khả năng vận dụng những kiến thức học được trong việc nghiên cứu định hướng phát triển của các đồ án Quy hoạch, cũng như các đồ án tôn tạo và phục hồi các di sản của đô thị cũ</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác: (Vấn đáp) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 3 | |
| 31 | 1. Mĩ thuật 3 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. | 2* | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc, tỷ lệ người. - Có khả năng thể hiện hình vẽ con người sinh động, đúng tỷ lệ, hình khối, màu sắc gắn với môi trường, không gian kiến trúc. - Rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. - Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 32 | 2. Trang trí công trình | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực cảm thụ thẩm mỹ để nhận định về không gian và đưa ra giải pháp trang trí hiệu quả. Ứng dụng vào những vấn đề thiết kế cụ thể như nội / ngoại thất, sân vườn,.. - Biết vận dụng những yếu tố cơ bản (màu sắc hài hòa, tương quan tỉ lệ, phong cách, chất liệu,..) trong một tổng thể công trình. | 2* | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 3 | |
| 33 | 1. Điêu khắc | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Điêu khắc. Biết cách xây dựng hình khối trong không gian với các thể loại của Điêu khắc và cảm nhận được cái đẹp của nó | 2* | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | 2. Nghệ thuật ảnh | Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến | 2* | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | trúc. Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | Kĩ thuật hạ tầng đô thị | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học cũng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về bề mặt địa hình thiết kế, lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt và thiết kế các công trình hạ tầng kĩ thuật khác trong đô thị như giao thông đô thị, cấp, thoát nước đô thị ... Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến công trình hạ tầng kĩ thuật. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế và công năng sử dụng của các công trình hạ tầng kĩ thuật. | 4 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 36 | Nghệ thuật chiếu sáng đô thị | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo, khả năng và đặc trưng biểu cảm của các loại nguồn sáng cũng như các loại nguồn sáng cũng như đại lượng đo lường của ánh sáng, thụ cảm thị giác và chiếu sáng nghệ thuật. Các nội dung, phương pháp luận nghiên cứu và các kỹ năng cơ bản lựa chọn thiết kế chiếu sáng nghệ thuật đô thị được chú trọng phân tích kỹ lưỡng, từ đó giúp sinh viên vận dụng vào trong các giải pháp thiết kế kiến trúc, quy hoạch đô thị. Kết quả là sinh viên có thể tự nghiên cứu, đưa ra được các đề xuất lựa chọn giải pháp thiết kế chiếu sáng nghệ | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | thuật đô thị, áp dụng cụ thể trong thiết kế, quy hoạch trong từng khu chức năng đô thị | | | |
| 37 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 38 | Phương pháp thể hiện kiến trúc cảnh quan | Cung cấp kiến thức và kỹ năng về thể hiện bằng mô hình từ quá trình tìm ý đến hoàn thiện ý tưởng thiết kế kiến trúc cảnh quan để phục vụ trực tiếp cho đồ án cảnh quan đang thực hiện cùng học kỳ và những đồ án cảnh quan tiếp sau đó. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 39 | Địa lý kinh tế và phân tích lãnh thổ | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: <ul style="list-style-type: none"> - Địa lý kinh tế, địa lý tự nhiên và các phương hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quy hoạch vùng - Các nguyên tắc phân tích lãnh thổ và quy hoạch sử dụng đất của Việt Nam đến năm 2020 | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-----------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 40 | Địa lý dân cư | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành nghiên cứu sâu những khía cạnh của phân bố và tổ chức dân cư phục vụ cho việc nghiên cứu lý thuyết về Quy hoạch Vùng và làm các đồ án chuyên ngành. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 41 | Lịch sử cảnh quan | Trang bị kiến thức cơ bản về sự hình thành của kiến trúc cảnh quan và quá trình phát triển của lĩnh vực này từ khi ra đời cho đến nay | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | Bảo tồn di sản đô thị | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến: <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm về di sản nói chung, di sản không gian kiến trúc đô thị và giá trị của nó. - Các khái niệm về bảo tồn, ý nghĩa và các nguyên tắc cơ bản. - Cơ sở lý luận của bảo tồn - Phương pháp luận bảo tồn di sản đô thị. - Khái quát nội dung và các giải pháp bảo tồn các di sản. - Thực tế việc bảo tồn di sản đô thị ở Việt Nam | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| 43 | 1. Kinh tế đô thị | <p>- Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và những kiến thức tổng hợp liên quan đến kinh tế học, kinh tế đô thị, lao động đô thị, tăng trưởng kinh tế, cung cầu đô thị, v.v. Sinh viên có một số kiến thức cơ bản thực tiễn thông qua việc tìm hiểu, phân tích và thảo luận những vấn đề thực tiễn phát sinh có liên quan đến kinh tế đô thị của Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về các nhân tố kinh tế tác động đối với sự tăng trưởng đô thị, kinh tế đô thị, kinh tế môi trường đô thị; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến vấn đề kinh tế đô thị</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 44 | 2. Kinh tế xây dựng | <p>- Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đầu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng.</p> <p>- Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | Học phần tự chọn 4 (chọn 1 trong 3 HP) | | 2 | 8 | |
| 45 | <i>1. Kiến trúc xanh</i> | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiến trúc xanh, sự cần thiết của kiến trúc xanh trong phát triển đô thị Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kiến trúc xanh trong tạo lập môi trường sống; gắn kết các lý thuyết nghiên cứu trong các đề án môn học và công tác thực tiễn. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 46 | <i>2. Kiến trúc nhiệt đới</i> | - Cung cấp các thông tin, tài liệu, những kiến thức cơ bản làm cơ sở cho việc ứng dụng vào quy hoạch và kiến trúc trong môi trường khí hậu nhiệt đới ẩm. - Thông qua bài giảng sinh viên được trang bị những kiến thức về kiến trúc nhiệt đới ẩm Việt Nam để phục vụ công tác nghiên cứu và tư vấn thiết kế quy hoạch kiến trúc trong sự nghiệp phát triển bền vững. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 47 | <i>3. Kiến trúc sinh thái</i> | - Trang bị những kiến thức cơ bản về kiến trúc sinh thái, các cơ sở khoa học lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, trong quá trình học tập tiếp theo cũng như thực tiễn. - Nhận thức được tầm quan trọng của Kiến trúc sinh thái trong phát triển, cũng như trong công tác thiết kế Quy hoạch - Kiến trúc. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 48 | Thiết kế kiến trúc 1 | Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của hình khối và tỷ lệ. Làm quen với phương pháp thiết kế kiến trúc và quy trình thực hiện gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 49 | Cơ sở thiết kế quy hoạch xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được khái niệm về quy hoạch xây dựng - Giúp sinh viên nắm được Mục tiêu, Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng - Giúp sinh viên nắm được các loại đồ án và các bản vẽ trong quy hoạch xây dựng. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 50 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể | 3 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | |
| 51 | Thiết kế kiến trúc 2 | <p>Làm quen và tiếp cận với phương pháp luận thiết kế kiến trúc, bước đầu biết phân tích đánh giá các mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường xung quanh (điều kiện tự nhiên, xã hội, yếu tố quy hoạch,..) để xác định nhiệm vụ thiết kế.</p> <p>Nắm được trình tự thực hiện một đồ án kiến trúc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ tổng thể đến chi tiết. Thực hiện quy trình thiết kế gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của hình khối và tỷ lệ.</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 52 | Quy hoạch môi trường đô thị và nông thôn | <p>- Kiến thức: Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường, các phương pháp đánh giá quy hoạch môi trường, nội dung quy hoạch môi trường; Những yêu cầu và nguyên tắc của lồng ghép đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình nghiên cứu quy hoạch xây dựng và việc đánh giá các ảnh hưởng môi trường để lựa chọn những phương án quy hoạch môi trường thích hợp.</p> <p>- Kỹ năng: Sinh viên có khả năng đánh giá và hiểu biết quy trình triển khai quy hoạch môi trường gắn với quy hoạch xây dựng và kiến trúc cảnh quan theo mục tiêu phát triển bền vững. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | vận dụng linh hoạt những kiến thức trong thực tiễn. Các hoạt động học tập trên lớp góp phần nâng cao một số kỹ năng của sinh viên trong học tập và nghiên cứu như: sưu tầm tài liệu, thu thập tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá, kỹ năng thuyết trình... | | | |
| 53 | Thực vật đô thị | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thực vật, thực vật đô thị, cây xanh đô thị, hệ thống cây xanh đô thị, nội dung, phương pháp luận nghiên cứu và các kỹ năng cơ bản lựa chọn chủng loại cây xanh đô thị, từ đó vận dụng vào trong các giải pháp quy hoạch hệ thống cây xanh đô thị. Kết quả là sinh viên có thể tự nghiên cứu, đưa ra được các đề xuất lựa chọn chủng loại cây xanh đô thị, áp dụng QH hệ thống cây xanh trong từng khu chức năng đô thị | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 54 | Lý thuyết quy hoạch xây dựng nông thôn | Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Quy hoạch Xây dựng Nông thôn gồm: - Các khái niệm về Nông thôn và Quy hoạch Nông thôn - Thực tế phát triển Nông thôn một số vùng miền trong và ngoài nước - Lịch sử phát triển các khu vực Nông thôn Việt Nam - Văn bản pháp luật liên quan - Cơ sở lý luận của Quy hoạch nông thôn - Phương pháp luận Quy hoạch Xây dựng nông thôn. - Khái quát nội dung và các giải pháp QH điểm dân cư các vùng miền. - Thực tế Quy hoạch Xây dựng điểm dân cư Nông thôn Việt Nam | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| 55 | Lập quy hoạch 2 - Quy hoạch đơn vị ở cơ sở | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập quy hoạch chi tiết đơn vị ở. - Giúp sinh viên nắm được cấu trúc và chỉ tiêu cơ bản của một đơn vị ở. - Giúp sinh viên rèn luyện phương pháp thể hiện đồ án quy hoạch chi tiết. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 56 | Lập quy hoạch 6 - Quy hoạch chung đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên làm quen với công tác lập quy hoạch chung một đô thị quy mô trung bình và nhỏ (đô thị loại III, IV, V), qua đó sinh viên nắm được: + Nội dung của đồ án quy hoạch chung đô thị; + Quy trình lập đồ án quy hoạch chung đô thị; + Phương pháp lập đồ án quy hoạch chung đô thị; + Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chung đô thị. - Giúp sinh viên trau dồi khả năng tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng thể hiện sơ đồ, bản đồ và viết thuyết minh, thuyết trình. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 3/10 + Kiểm tra tiến độ lần 1: 3/10 + Kiểm tra tiến độ lần 2: 4/10 - Điểm kết thúc học phần: 7/10. |
| 57 | Vật liệu kiến trúc và thiết kế đô thị | <p>Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về vật liệu xây dựng trong việc xây dựng công trình KT bao gồm vật liệu tạo lập kết cấu và vật liệu hoàn thiện. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp kiến thức về vật liệu hoàn thiện trong việc kiến tạo những không gian đô thị.</p> <p>Sinh viên còn có những nắm bắt về các loại vật liệu sử dụng đặc thù cho Thiết kế đô thị. Sinh viên có thể hiểu những quy tắc về việc sử dụng vật liệu đó áp dụng vào cụ thể trong từng dự án của công tác Thiết kế đô thị.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 58 | Kĩ thuật thi công | Sinh viên đạt được sau khi học lý thuyết: | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | cảnh quan | <ul style="list-style-type: none"> - Cần nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của Kỹ thuật thi công kiến trúc cảnh quan. - Cung cấp các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của cấu tạo kiến trúc từng bộ phận công trình kiến trúc và các đối tượng kiến trúc cảnh quan. Bao gồm: cấu tạo bộ khung chịu lực, lớp vỏ bao che, các chi tiết kiến trúc và các yếu tố kiến trúc cảnh quan ngoài công trình như hè, đài phun nước, bờ hồ, các bệ, bồn trồng cây... với các liên kết, mối nối hợp lý nhất. <p>Kiến thức sinh viên đạt được sau khi học thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được quy cách thể hiện một số chi tiết Kỹ thuật thi công kiến trúc cảnh quan điển hình thường gặp. - Giúp sinh viên thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc cảnh quan từ thiết kế sơ bộ đến chi tiết cấu tạo kiến trúc, liên kết mối nối... (Tỉ lệ 1/200 → 1/100 → 1/50 → 1/20 → 1/5...) | | | luận <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 59 | Sinh thái cảnh quan | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về sinh thái học, những nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề biến đổi cảnh quan, những nhân tố tạo nên sự khác biệt cảnh quan giữa các vùng miền để từ đó đưa ra những phương án thiết kế cảnh quan hợp lý nhất. - Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đề án chuyên ngành tiếp theo. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | <p>linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng của sinh viên trong học tập và nghiên cứu như sưu tầm tài liệu, tổng hợp tài liệu số liệu thu thập, làm việc nhóm và thuyết trình báo cáo.</p> | | | |
| 60 | Lý thuyết kiến trúc cảnh quan | <p>- Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất.</p> <p>- Mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế.</p> <p>- Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị.</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 61 | Thiết kế cảnh quan 1 - TKCQ Vườn hoa, công viên | <p>Đồ án cảnh quan đầu tiên với mục tiêu cung cấp kiến thức để thiết kế cảnh quan vườn hoa, công viên: Xác định tính chất, chức năng của vườn hoa, công viên. Đánh giá hiện trạng cảnh quan của khu vực làm đồ án. Tổ chức công năng và không gian cảnh quan. Sử dụng các thành phần tạo không gian để ngăn chia và tạo dựng không gian phù hợp với công năng; trang trí không gian. Bố cục kiến trúc công trình trong vườn hoa, công viên hòa nhập với cảnh quan chung</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 62 | Lý thuyết thiết kế đô thị | <p>Sinh viên nắm và phân biệt được vai trò của Thiết kế đô thị trong các công tác lập Quy hoạch; Thiết kế Kiến trúc công trình.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | Sinh viên nắm và hiểu các trình tự, các nội dung và đối tượng cần nghiên cứu Thiết kế đô thị. Vận dụng được các kiến thức về Thiết kế đô thị trong các đồ án Quy hoạch | | | - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 63 | Thiết kế cảnh quan 2 - TKCQ Khu chuyên dụng | Đồ án cảnh quan khu chuyên dụng có nhiệm vụ thiết kế cảnh quan các không gian chuyên dụng đặc biệt trong đô thị. Đánh giá hiện trạng cảnh quan của khu vực làm đồ án, phân tích thuận lợi và khó khăn trong sự phát triển của cảnh quan. Đề xuất các thành phần và thiết kế cảnh quan trong không gian công cộng trong đó có nghiên cứu thiết kế cả sinh thái mặt đất | 4 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | Thiết kế cảnh quan 3 - TKCQ Khu vực di sản | Đồ án TKCQ 3 nhằm mục đích giúp sinh viên: - Cung cấp kiến thức và phương pháp làm việc để nghiên cứu, phân tích và xây dựng phương án ứng xử với di sản trong bối cảnh đô thị. - Xác định vai trò, giá trị của di sản, mối quan hệ giữa di sản với cảnh quan khu vực. - Đánh giá hiện trạng cảnh quan của khu vực di sản. - Tổ chức công năng và không gian cảnh quan. - Sử dụng các yếu tố cảnh quan tạo dựng không gian phù hợp với công năng | 4 | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 65 | Thiết kế cảnh quan 4 - TKCQ Nông thôn | - Cung cấp kiến thức và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, phân tích và xây dựng phương án ứng xử với cảnh quan nông thôn trong bối cảnh cảnh quan đương đại. - Xác định vai trò, giá trị của cảnh quan nông thôn, mối quan hệ giữa cảnh quan nông với cảnh quan khu vực lân cận. | 4 | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng, tìm kiếm và có ý thức tôn trọng, bảo tồn bản sắc cảnh quan nông thôn theo vùng miền, theo cơ cấu tổ chức làng bản, theo tập quán sinh hoạt. - Tổ chức công năng và không gian cảnh quan. - Sử dụng các yếu tố cảnh quan tạo dựng không gian phù hợp với chức năng sử dụng. | | | |
| 66 | Thiết kế cảnh quan 5 - Thiết kế cảnh quan đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, phân tích và xây dựng phương án ứng xử với cảnh quan đô thị đương đại trong bối cảnh chung của cảnh quan đương đại. - Xác định vai trò, giá trị của cảnh quan đô thị đương đại, mối quan hệ giữa cảnh quan đô thị đương đại với cảnh quan khu vực lân cận. - Đánh giá hiện trạng, tìm kiếm và có ý thức tôn trọng, bảo tồn bản sắc cảnh quan cảnh quan đô thị đương đại theo vùng miền, theo cơ cấu tổ chức xã hội, theo đặc trưng văn hóa đô thị vùng miền. - Tổ chức công năng và không gian cảnh quan. - Sử dụng các yếu tố cảnh quan tạo dựng không gian phù hợp với chức năng sử dụng. | 4 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 67 | Bài tập thiết kế cảnh quan trên thực địa | Cung cấp cho sinh viên phương pháp thu thập dữ liệu thực địa, phát hiện vấn đề nghiên cứu và xây dựng nhiệm vụ thiết kế trong khoảng thời gian ngắn | 3 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 68 | Chuyên đề tốt | - củng cố kiến thức về Quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | nghiệp | và quản lý quy hoạch. - Bổ trợ các kỹ năng và kiến thức đòi hỏi trong thực tiễn. | | | thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (thực hiện bài tập, thảo luận): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 69 | Thực tập tốt nghiệp | - củng cố, phát triển những kiến thức đã học ở nhà trường. - Tiếp cận trực tiếp với quy trình lập và thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng trên thực tế; kiểm nghiệm và tìm hiểu mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tế. - Rèn luyện các kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa để phục vụ cho nghề nghiệp. - Rèn luyện tính kỷ luật và tác phong làm việc cũng như thiết lập khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. - Giúp sinh viên định hướng và lựa chọn đề tài làm đồ án tốt nghiệp | 2 | 10 | • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 7/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 7/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 3/10 |
| 70 | Đồ án tốt nghiệp | - Củng cố, vận dụng kiến thức chuyên môn đã được học để phục vụ cho thiết kế công trình kiến trúc cảnh quan. - Sinh viên có khả năng chủ động thực hiện công việc mô phỏng công việc của Kiến trúc sư cảnh quan tương lai. - Sinh viên nắm và hiểu trình tự, nội dung, đối tượng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và giải quyết vấn đề bằng các giải pháp thiết kế công trình kiến trúc | 12 | 10 | • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình 3/10, bao gồm: - Điểm đánh giá tại hội đồng bảo vệ ĐATN: trọng số (ĐBV) 6/10 - Tổng hợp điểm đồ án tốt nghiệp: (ĐATN) = (ĐQT) x 30% + (ĐBV) x 70%. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|---|---|------------|------------------|---|
| | | cảnh quan. | | | |
| III | Ngành Quy hoạch vùng và đô thị. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Toán | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Mĩ thuật | <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, diễn tả hình khối, không gian bằng chấm và nét. - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. - Có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 9 | Kĩ năng viết và | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | thuyết trình | | | | |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 15 | Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý | <p>Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị . Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận: • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10\ |
| 16 | Vẽ phong cảnh | <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng tình cảm, thái độ tôn trọng thiên nhiên. - Hoàn thiện kỹ năng xử lý chất liệu đáp ứng đòi hỏi của | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|--|
| | | các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. - Nắm bắt phương pháp diễn tả không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều. - Góp phần rèn luyện cảm nhận thẩm mỹ và tư duy sáng tạo cho sinh viên. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 17 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 4 | Biểu 18C1 |
| 18 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <p>- Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v.</p> <p>- Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá</p> <p>- Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam.</p> <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 19 | Xã hội học | Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | <p>cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 20 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 8 | Biểu 18C1 |
| 21 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 8 | Biểu 18C1 |
| 22 | Cơ sở thiết kế quy hoạch xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được khái niệm về quy hoạch xây dựng - Giúp sinh viên nắm được Mục tiêu, Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng - Giúp sinh viên nắm được các loại đồ án và các bản vẽ trong quy hoạch xây dựng. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 23 | Phương pháp thể hiện kiến trúc và quy hoạch | <p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về phương pháp, quy cách thể hiện các bản vẽ Kiến trúc, Quy hoạch.. Các nội dung cần thể hiện trong hồ sơ thiết kế kiến trúc và quy hoạch. - Rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp thể hiện | 3 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | Kiến trúc & Quy hoạch thông qua các bài tập thực hành. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 24 | Lý thuyết thiết kế kiến trúc | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Kết cấu công trình | Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về cơ học. Nhận dạng được các hệ chịu lực và vật liệu sử dụng trong các kết cấu công trình, hình dung được ứng xử của các hệ kết cấu. Nắm được khái quát lý thuyết thiết kế kết cấu công trình. | 3 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi : Bài thi viết cuối học phần |
| 26 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 27 | Tham quan 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế về mối quan hệ giữa công trình và quy hoạch để áp dụng cho Các môn học của mình. - củng cố kiến thức đã được học ở Các môn Nguyên lý | 0.5 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | | thiết kế kiến trúc, Nguyên lý thiết kế quy hoạch. - chuẩn bị Các kiến thức thực tiễn cho Các đồ án K3, K4, Q1, Q2. - Rèn luyện tính kỷ luật trong sinh hoạt tập thể. | | | trình tham : 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 28 | Vẽ ghi | Nắm vững phương pháp đo vẽ và thành thạo kỹ năng thực hành để vận dụng có hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khảo sát, bảo tồn di sản, thiết kế cải tạo, cũng như trong hành nghề kiến trúc nói chung. | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 29 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 30 | Vật lý kiến trúc | Kiến thức: - Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo. - Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình.</p> <p>- Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>- Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng.</p> <p>- Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình.</p> <p>- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu.</p> | | | |
| 31 | Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về thiết kế mặt phẳng và lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt. Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế mặt phẳng để xây dựng công trình, xây dựng đô thị, lựa chọn giải pháp</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | thiết kế cho từng loại điều kiện địa hình khác nhau. | | | |
| 32 | Quy hoạch giao thông đô thị | <p>Mục tiêu kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học có tính chất nguyên lý quy hoạch giao thông đô thị. Những kiến thức cơ bản có thể áp dụng trong công tác quy hoạch, thiết kế các công trình giao thông đô thị. Nắm được các nội dung kiến thức cơ bản để tiến hành quy hoạch giao thông đô thị từ quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát, đánh giá các đồ án quy hoạch...</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 33 | Vật liệu kiến trúc và thiết kế đô thị | <p>Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về vật liệu xây dựng trong việc xây dựng công trình kiến trúc bao gồm vật liệu tạo lập kết cấu và vật liệu hoàn thiện. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp kiến thức về vật liệu hoàn thiện trong việc kiến tạo những không gian đô thị.</p> <p>Sinh viên còn có những nắm bắt về các loại vật liệu sử dụng đặc thù cho Thiết kế đô thị. Sinh viên có thể hiểu những quy tắc về việc sử dụng vật liệu đó áp dụng vào cụ thể trong từng dự án của công tác Thiết kế đô thị.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 34 | Phương pháp lập quy hoạch | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được phương pháp lập quy hoạch xây dựng - áp dụng vào lập Các loại đồ án quy hoạch xây dựng. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 35 | Tin học ứng dụng | <p>Sau khi học, sinh viên cần đạt được những mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 36 | Tham quan 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế về mối quan hệ giữa công trình và quy hoạch để áp dụng cho các môn học của mình. - củng cố kiến thức đã được học và chuẩn bị làm đồ án về quy hoạch khu đô thị có chức năng đặc thù, quy hoạch chung. - Chuẩn bị các kiến thức thực tiễn về quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan đơn vị ở, khu ở, những khu chức năng chuyên dụng như khu di tích, trung tâm đô thị. - Rèn luyện tính kỷ luật trong sinh hoạt tập thể. | 0.5 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình tham : 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 37 | Quy hoạch cấp thoát nước | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | thống cấp nước đô thị, phương pháp thiết kế và tính toán mạng lưới cấp nước đô thị; Nắm vững những tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch hệ thống cấp nước đô thị Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng thể hiện bản vẽ, phân tích, lựa chọn các phương án quy hoạch mạng lưới, sử dụng phần mềm để điều chỉnh các thông số thủy lực của mạng lưới cấp nước. | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 38 | Quy hoạch điện và thông tin | Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về lưới điện và hệ thống thông tin liên lạc cho sinh viên các ngành Đô thị và Quy hoạch. Với những kiến thức từ môn giúp sinh viên sau khi ra trường sẽ thực hiện tốt hơn các đồ án thiết kế quy hoạch đô thị hay các đồ án về hạ tầng. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán phụ tải cầu sử dụng, lựa chọn các thiết bị chính cho hệ thống cung cấp điện và hệ thống thông tin liên lạc trong đồ án quy hoạch đô thị hay các khu dân cư | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 39 | Lịch sử phát triển đô thị | * Kiến thức: Quá trình hình thành và phát triển của đô thị trên Thế giới và Việt Nam. Những lý luận và các quan điểm thiết kế quy hoạch xây dựng, các hình thức bố cục không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng hay toàn đô thị qua các thời kỳ lịch sử. * Kỹ năng: Hiểu và nắm được tiến trình lịch sử phát triển đô thị trên | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác: (Vấn đáp) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | thế giới và Việt Nam, các lý luận và quan điểm thiết kế Quy hoạch xây dựng. Có khả năng vận dụng những kiến thức học được trong việc nghiên cứu định hướng phát triển của các đồ án Quy hoạch, cũng như các đồ án tôn tạo và phục hồi các di sản của đô thị cũ. | | | |
| 40 | | | | | |
| | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 6 | |
| 40 | <i>1. Quy hoạch không gian ngầm đô thị</i> | - Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Quy hoạch công trình ngầm đô thị, nội dung, phương pháp Quy hoạch quy hoạch công trình ngầm đô thị. Các kỹ năng cơ bản nghiên cứu quy hoạch công trình ngầm đô thị. - Kết quả là sinh viên nắm được vai trò và chức năng của hệ thống công trình ngầm đô thị, có phương pháp nghiên cứu quy hoạch hệ thống công trình ngầm trong đô thị. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần + Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 41 | <i>2. Quy hoạch bảo tồn di sản đô thị</i> | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến: - Các khái niệm về bảo tồn, Cơ sở lý luận của bảo tồn - Phương pháp luận bảo tồn di sản đô thị. - Khái quát nội dung và các giải pháp bảo tồn các di sản. - Thực tế việc bảo tồn di sản đô thị ở Việt Nam - Di sản không gian kiến trúc đô thị, Công tác bảo tồn di sản không gian kiến trúc đô thị, Bảo tồn di sản với phát triển du lịch và phát triển đô thị | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| | Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 HP) | | 2 | 7 | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| 42 | <i>1. Quy hoạch phát triển đô thị bền vững</i> | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững, ý nghĩa của nó đối với quy hoạch đô thị & nông thôn. - Các nội dung phát triển bền vững & thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch xây dựng. - Những yêu cầu & nguyên tắc cơ bản về phát triển bền vững & thích ứng với biến đổi khí hậu trong việc lập quy hoạch đô thị. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các vấn đề phát triển bền vững & thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch phát triển đô thị. - Các tiêu chí, nội dung về phát triển bền vững trong quy hoạch xây dựng đô thị. - Ứng dụng phát triển bền vững & thích ứng với biến đổi khí hậu trong việc lập quy hoạch xây dựng. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần + Tự luận • Điểm kết thúc học phần <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 43 | <i>2. Quy hoạch đô thị xanh</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị xanh, các khái niệm về quy hoạch đô thị xanh, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các nguyên tắc và các bước trong quy hoạch đô thị xanh và liên kết với quy hoạch vùng đô thị; nhằm nâng cao kiến thức về quy hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. - Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học đồng thời thay đổi hành vi nhận thức, giáo dục cộng đồng bảo vệ hệ sinh thái và không gian xanh đô thị hướng tới phát triển bền vững cộng đồng. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Học phần đưa ra những nguyên tắc cơ bản thiết kế QH một đô thị xanh bền vững. - Học phần giúp sinh viên thảo luận và đưa ra được những ý tưởng áo bạo và phù hợp với thực tế. | | | |
| 44 | 3. Quy hoạch đô thị sinh thái | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đô thị sinh thái, về Các tiêu chí và Hình thái. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò và vị trí của quy hoạch đô thị sinh thái trong phát triển kinh tế - xã hội, cũng như trong công tác quy hoạch XD đô thị. - Trang bị, Cung cấp Các Kỹ năng cần thiết để ứng dụng vào trong Các đề án môn học, Các công việc thực tiễn đòi hỏi Các yêu cầu về phát triển bền vững, và xây dựng đô thị sinh thái. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 45 | Địa lý kinh tế và phân tích lãnh thổ | <ul style="list-style-type: none"> Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: <ul style="list-style-type: none"> - Địa lý kinh tế, địa lý tự nhiên và các phương hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quy hoạch vùng - Các nguyên tắc phân tích lãnh thổ và QH sử dụng đất của Việt Nam đến năm 2020 | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 46 | Tham quan 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế về mối quan hệ giữa công trình và quy hoạch để áp dụng cho các môn học của mình. - Giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của quy hoạch xây dựng trong quá khứ, hiện tại và hiểu thêm tầm quan trọng của công tác QH trong tiến trình phát | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình tham : 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>triển kinh tế của đất nước hướng tới hiện đại hoá và phát triển bền vững.</p> <p>- Củng cố kiến thức đã được học và làm các đề án về quy hoạch chung, quy hoạch bảo tồn và quy hoạch các đô thị có chức năng đặc biệt.</p> <p>- Rèn luyện tính kỷ luật trong sinh hoạt tập thể.</p> | | | |
| 47 | Kinh tế đô thị | <p>- Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và những kiến thức tổng hợp liên quan đến kinh tế học, kinh tế đô thị, lao động đô thị, tăng trưởng kinh tế, cung cầu đô thị, v.v. Sinh viên có một số kiến thức cơ bản thực tiễn thông qua việc tìm hiểu, phân tích và thảo luận những vấn đề thực tiễn phát sinh có liên quan đến kinh tế đô thị của Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về các nhân tố kinh tế tác động đối với sự tăng trưởng đô thị, kinh tế đô thị, kinh tế môi trường đô thị; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến vấn đề kinh tế đô thị</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Sinh thái và quy hoạch môi trường | <p>Kiến thức:</p> <p>- Kiến thức cơ bản về sinh thái học, môi trường</p> <p>- Nội dung và một số vấn đề trong quy hoạch môi trường.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>- Kiến thức về cách tiếp cận, phương pháp và công cụ để giải quyết những vấn đề môi trường đặt ra trong công tác quy hoạch xây dựng.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>- Sinh viên nhận biết, đánh giá được các vấn đề môi trường sinh thái.</p> <p>- Sinh viên có khả năng đánh giá và hiểu biết quy trình triển khai quy hoạch môi trường gắn với quy hoạch xây dựng.</p> <p>- Sinh viên có khả năng tham gia thực hiện đánh giá môi trường chiến lược cho đồ án quy hoạch xây dựng, khả năng đề xuất các giải pháp bảo vệ, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong tương lai khi thực hiện quy hoạch.</p> <p>- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng của sinh viên trong học tập và nghiên cứu như sưu tầm tài liệu, tổng hợp tài liệu số liệu thu thập, làm việc nhóm và thuyết trình báo cáo.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần: 1/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10.</p> |
| 49 | Địa lý dân cư | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành nghiên cứu sâu những khía cạnh của phân bố và tổ chức dân cư phục vụ cho việc nghiên cứu lý thuyết về Quy hoạch Vùng và làm các đồ án chuyên ngành | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần + Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------|--|------------|------------------|---|
| 50 | Đất đai và bất động sản | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức, kỹ năng về phân tích về quy trình phát triển bất động sản, quá trình hình thành thị trường bất động sản để có thể áp dụng vào công tác quy hoạch, lập dự án phát triển đô thị, tái phát triển đô thị;</p> <p>+ Cung cấp các kiến thức mới về các phương pháp phát triển thị trường bất động sản (có so sánh với các nước khác trên thế giới);</p> <p>+ Cung cấp các công cụ quy hoạch có thể áp dụng để phát triển các dự án BĐS</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và các văn bản pháp quy, quy định của luật pháp liên quan đến thị trường bất động sản, phát triển thị trường bất động sản</p> <p>- Kỹ năng: Sinh viên có khả năng hiểu và phân tích được thị trường đất đai và bất động sản, vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để áp dụng và tham gia vào công tác quản lý nhà nước liên quan đến đất đai và bất động sản ở địa phương.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 51 | Pháp luật xây dựng | <p>Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng pháp luật xây dựng trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị.</p> | 1 | 9 | <p>Hình thức đánh giá học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 52 | Quản lý đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực chuyên môn về quản lý đô thị từ công tác thiết kế và xét duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, chuẩn bị đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đến công tác kiểm soát phát triển đô thị và tổ chức bộ máy quản lý đô thị. - Kỹ năng: Kết thúc môn học sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý đô thị, áp dụng được vào trong các đồ án và môn học tiếp theo; cũng như áp dụng vào công tác quy hoạch xây dựng sau khi tốt nghiệp. | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 53 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể | 3 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | |
| 54 | Thiết kế kiến trúc 1 | Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của hình khối và tỷ lệ. Làm quen với phương pháp thiết kế kiến trúc và quy trình thực hiện gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 55 | Thiết kế kiến trúc 2 | Làm quen và tiếp cận với phương pháp luận thiết kế kiến trúc, bước đầu biết phân tích đánh giá các mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường xung quanh (điều kiện tự nhiên, xã hội, yếu tố quy hoạch,..) để xác định nhiệm vụ thiết kế. Nắm được trình tự thực hiện một đồ án kiến trúc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ tổng thể đến chi tiết. Thực hiện quy trình thiết kế gồm các bước: Nghiên cứu địa điểm - Xây dựng ý tưởng - Triển khai giải pháp. Cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa tổ chức không gian và tạo hình kiến trúc, bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua sự cảm nhận cái đẹp của hình khối và tỷ lệ. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 56 | Thiết kế nhanh T1 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có ý thức trong thiết kế ý tưởng kiến trúc cảnh quan quy mô nhỏ - Nâng cao khả năng tư duy, nhạy cảm trong sáng tác và thể hiện phương án. | 0.5 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm thi kết thúc học phần: 10/10. |
| 57 | Lý thuyết kiến trúc cảnh quan | - Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất.</p> <p>- Môi quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế.</p> <p>- Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Thiết kế kiến trúc 5 | <p>Phát triển phương pháp luận thiết kế kiến trúc, bước đầu biết phân tích đánh giá các mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường xung quanh (điều kiện tự nhiên, xã hội, yếu tố quy hoạch,..) để xác định nhiệm vụ thiết kế. Nắm được trình tự thực hiện một dự án nhà ở từ tổng thể đến chi tiết, đảm bảo sự thống nhất giữa các giải pháp kiến trúc và quy hoạch tổng thể.</p> | 3 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 59 | Lý thuyết thiết kế đô thị | <p>Sinh viên nắm và phân biệt được vai trò của Thiết kế đô thị trong các công tác lập Quy hoạch; Thiết kế Kiến trúc công trình.</p> <p>Sinh viên nắm và hiểu các trình tự, các nội dung và đối tượng cần nghiên cứu Thiết kế đô thị. Vận dụng được các kiến thức về Thiết kế đô thị trong các đề án Quy hoạch.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 60 | Thiết kế nhanh T2 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kỹ năng về thiết kế quy hoạch và thiết kế công trình. - Hỗ trợ phương pháp thể hiện và tư duy sáng tác. | 0.5 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 61 | Lập quy hoạch 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập đồ án | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | - Quy hoạch nhóm nhà ở | <p>quy hoạch chi tiết.</p> <p>- Giúp sinh viên ứng dụng lý thuyết và phương pháp thể hiện kiến trúc và quy hoạch, tập thể hiện hoàn chỉnh một đồ án quy hoạch chi tiết.</p> | | | <p>- Điểm quá trình: 3/10</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.</p> |
| 62 | Lập quy hoạch 2 - Quy hoạch đơn vị ở cơ sở | <p>- Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập quy hoạch chi tiết đơn vị ở.</p> <p>- Giúp sinh viên nắm được cấu trúc và chỉ tiêu cơ bản của một đơn vị ở.</p> <p>- Giúp sinh viên rèn luyện phương pháp thể hiện đồ án quy hoạch chi tiết.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình: 3/10</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.</p> |
| 63 | Lý thuyết quy hoạch xây dựng nông thôn | <p>Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Quy hoạch Xây dựng Nông thôn gồm:</p> <p>- Các khái niệm về Nông thôn và Quy hoạch Nông thôn</p> <p>- Thực tế phát triển Nông thôn một số vùng miền trong và ngoài nước</p> <p>- Lịch sử phát triển các khu vực Nông thôn Việt Nam</p> <p>- Văn bản pháp luật liên quan</p> <p>- Cơ sở lý luận của Quy hoạch nông thôn</p> <p>- Phương pháp luận Quy hoạch Xây dựng nông thôn.</p> <p>- Khái quát nội dung và các giải pháp QH điểm dân cư các vùng miền.</p> <p>- Thực tế Quy hoạch Xây dựng điểm dân cư Nông thôn Việt Nam</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10</p> <p>(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 5/10</p> |
| 64 | Thiết kế nhanh T3 | - Thiết kế nhanh quy hoạch là đồ án giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu, quyết định và thể hiện | 0.5 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 <p>- Điểm quá trình : 03/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>nhấn mạnh các ý tưởng thiết kế của một đồ án quy hoạch. Thông qua đồ án giúp cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức lý thuyết quy hoạch xây dựng đô thị đã được học áp dụng vào thực tế, cụ thể hoá thiết kế ý tưởng cùng với các khái niệm, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. - Có các cơ sở lập luận khoa học, thực tiễn nhanh chóng đề xuất ra một phương án quy hoạch tối ưu dựa trên kết quả phân tích về sử dụng đất, ý tưởng về nghệ thuật bố cục không gian và hiệu quả kinh tế xây dựng. - Tạo lập mối quan hệ gắn bó thống nhất giữa các công trình với cảnh quan thiên nhiên trong tổng thể quy hoạch. - Phát huy các ý tưởng quy hoạch táo bạo mang tính nhân văn cao. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 65 | Lập quy hoạch 3 - Thiết kế đô thị | <p>Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, thực hiện loại hình đồ án Thiết kế đô thị. Sinh viên làm quen với quy trình thực hiện một dự án cụ thể từ đánh giá hiện trạng, phân tích và tìm ra mục đích, mục tiêu của đồ án rồi từ đó cụ thể hóa ra phương án. Sinh viên ngoài những kiến thức cơ bản áp dụng trong đồ án, học phần còn giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa hoạt động của con người với môi trường, không gian đô thị, những yếu tố văn hóa và bước đầu có những hiểu biết về thể chế chính sách ảnh hưởng như thế nào trong quá trình thiết kế.</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 66 | Lập quy hoạch 4 - QHXD Điểm | - Giúp sinh viên làm quen với nội dung và phương pháp thiết kế quy hoạch xây dựng một điểm dân cư | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | dân cư nông thôn | <p>nông thôn, thiết kế chi tiết khu trung tâm nông thôn.</p> <p>- Thông qua đề án này, sinh viên nắm được:</p> <p>+ Sự cần thiết & tầm quan trọng phải QHXD, cải tạo điểm dân cư nông thôn</p> <p>+ Mối liên quan giữa đô thị và nông thôn</p> <p>+ Nội dung và quy trình của đề án quy hoạch XD điểm dân cư nông thôn</p> <p>+ Công việc chuyên ngành từ lý thuyết đến thực tế và ngược lại</p> <p>+ Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng.</p> <p>- Giúp sinh viên có được các kỹ năng tổng hợp từ việc thống kê, phân tích số liệu, lý luận dẫn đến ý tưởng thiết kế và thuyết minh bảo vệ được ý tưởng và các lý luận của sinh viên.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...)</p> <p>- Điểm đề án: 7/10.</p> |
| 67 | Lập quy hoạch 6 - Quy hoạch chung đô thị | <p>- Giúp sinh viên làm quen với công tác lập quy hoạch chung một đô thị quy mô trung bình và nhỏ (đô thị loại III, IV, V), qua đó sinh viên nắm được:</p> <p>+ Nội dung của đề án quy hoạch chung đô thị;</p> <p>+ Quy trình lập đề án quy hoạch chung đô thị;</p> <p>+ Phương pháp lập đề án quy hoạch chung đô thị;</p> <p>+ Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch chung đô thị.</p> <p>- Giúp sinh viên trau dồi khả năng tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng thể hiện sơ đồ, bản đồ và viết thuyết minh, thuyết trình.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình: 3/10</p> <p>+ Điểm chuyên cần: 3/10</p> <p>+ Kiểm tra tiến độ lần 1: 3/10</p> <p>+ Kiểm tra tiến độ lần 2: 4/10</p> <p>- Điểm kết thúc học phần: 7/10.</p> |
| 68 | Lập quy hoạch 5 - Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt | <p>- Giúp sinh viên làm quen với nội dung và phương pháp thiết kế quy hoạch xây dựng một khu chức năng đặc biệt như: Khu trung tâm chuyên ngành, Khu công nghệ cao, Khu công viên rừng, Khu du lịch sinh thái,</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình: 5/10</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | (chọn 1 trong 5 HP) | Khu di tích lịch sử văn hoá, Khu kinh tế tập trung, Khu phi thuế quan v.v... - Thông qua đề án này, sinh viên nắm được: + Nội dung của đề án quy hoạch khu chức năng đặc biệt. + Quy trình thiết kế đề án quy hoạch khu chức năng đặc biệt. + Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch khu chức năng đặc biệt. | | | trình học tập: 2/10 (Tiến độ đợt 1) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| | 1. Quy hoạch khu du lịch | | 3* | 7 | 0 |
| | 2. Quy hoạch khu công nghiệp | | 3* | 7 | 0 |
| | 3. Quy hoạch khu công nghệ cao | | 3* | 7 | 0 |
| | 4. Quy hoạch khu đại học | | 3* | 7 | 0 |
| | 5. Quy hoạch khu văn hoá | | 3* | 7 | 0 |
| 69 | Lý thuyết quy hoạch xây dựng vùng | Trang bị cho Sinh viên các kiến thức cơ bản về Quy hoạch xây dựng vùng, nội dung, phương pháp luận nghiên cứu và lập đề án Quy hoạch xây dựng vùng. Các kỹ năng cơ bản về phương pháp tiến hành lập đề án Quy hoạch xây dựng vùng. Kết quả là sinh viên có thể nghiên cứu tổ chức quy hoạch hệ thống dân cư, sản xuất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật & môi trường trong một vùng theo không gian hành chính hoặc theo các chức năng riêng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 70 | Thiết kế nhanh T4 | Thiết kế nhanh quy hoạch là đề án giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp nghiên cứu, thiết kế và thể hiện nhanh chóng các ý tưởng thiết kế của một đề án quy hoạch. Thông qua đề án thiết kế nhanh giúp cho sinh | 0.5 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | viên: - Vận dụng kiến thức lý thuyết cơ bản về quy hoạch xây dựng đô thị, về công viên cây xanh, về thiết kế đô thị đã được học áp dụng vào thực tế. - Giúp sinh viên có phương pháp thiết kế nhanh và tư duy sáng tạo. Có các cơ sở lập luận khoa học, thực tiễn nhanh chóng đề xuất ra một phương án quy hoạch tối ưu dựa trên kết quả phân tích về cơ cấu quy hoạch, ý tưởng về nghệ thuật bố cục không gian và hiệu quả kinh tế xây dựng. - Củng cố kỹ năng vẽ tay và thể hiện nhanh ý tưởng quy hoạch. | | | |
| 71 | Lập quy hoạch 7 - Quy hoạch xây dựng vùng | Thông qua hình thức làm việc theo nhóm (5 sinh viên) giúp sinh viên áp dụng những lý thuyết của môn học Quy hoạch Vùng vào đồ án thực tiễn. Cung cấp cho sinh viên hiểu nội dung của đồ án quy hoạch vùng, trình tự, phương pháp luận nghiên cứu và thể hiện của một đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng. | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Tiến độ đợt 1) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 72 | Lập quy hoạch 8 - Đồ án tổng hợp (chọn 1 trong 6 HP) | Đây là đồ án cuối cùng trong hệ thống các đồ án môn học của sinh viên quy hoạch. Sinh viên được lựa chọn các đề tài về các chuyên ngành khác nhau như: Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch các khu chức năng ngoài đô thị và Quy hoạch xây dựng nông thôn. Nội dung đồ án bao gồm quy hoạch không gian và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, các nhóm sinh viên tiến hành một quá trình nghiên cứu tổng hợp, từ khảo sát đánh giá hiện trạng, lập nhiệm vụ quy hoạch đến thể | 4 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|---|
| | | hiện, thuyết trình và bảo vệ đồ án quy hoạch. | | | |
| | | 1. Quy hoạch xây dựng vùng | 4* | 9 | |
| | | 2. Quy hoạch đô thị | 4* | 9 | |
| | | 3. Quy hoạch khu chức năng đặc biệt | 4* | 9 | |
| | | 4. Quy hoạch điểm dân cư nông thôn | 4* | 9 | |
| | | 5. Quy hoạch phân khu đô thị | 4* | 9 | |
| | | 6. Quy hoạch chi tiết đô thị | 4* | 9 | |
| 73 | Thực tập tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố, phát triển những kiến thức đã học ở nhà trường. - Tiếp cận trực tiếp với quy trình lập và thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng trên thực tế; kiểm nghiệm và tìm hiểu mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tế. - Rèn luyện các kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa để phục vụ cho nghề nghiệp. - Rèn luyện tính kỷ luật và tác phong làm việc cũng như thiết lập khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. - Giúp sinh viên định hướng và lựa chọn đề tài làm ĐATN | 3 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 7/10 Điểm chuyên cần (trọng số): 7/10 Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 3/10 |
| 74 | Chuyên đề tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về Quy hoạch, kiến trúc và quản lý quy hoạch. - Bổ trợ các kỹ năng và kiến thức đòi hỏi trong thực tiễn. | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (thực hiện bài tập, thảo luận): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 75 | Đồ án tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổng hợp các kiến thức và kỹ năng của sinh viên. - Là cơ sở để xếp, phân loại và xét đề nghị công nhận | 12 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10, trong đó: - Điểm quá trình: 3/10, bao gồm : |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|--|---|------------|------------------|---|
| | | tốt nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Quy hoạch Vùng và Đô thị. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| IV | Ngành Thiết kế đồ họa. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Màu sắc cơ bản | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có nhận thức đúng về màu cơ bản: đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc... Là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc phong phú và chủ động. - Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học về màu sắc là điều kiện tiên quyết để tạo ra các tương quan hòa sắc một cách chủ động. - Các bài tập về màu sắc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bố cục, sắp xếp các tương quan để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ. - Biết cách ứng dụng trong thực tế đời sống, chuyên ngành. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 5 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 6 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 7 | Ngoại ngữ P2 | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | (Tiếng Anh) | | | | |
| 8 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 11 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 12 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 13 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 5 | Biểu 18C1 |
| 14 | Mĩ học | <p>a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ</p> <p>b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng đắn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người | | | |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 16 | Xã hội học | <p>Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 17 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 7 | Biểu 18C1 |
| 18 | Tâm lý học | a. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tâm lý người, giúp sinh viên hiểu được: cơ sở, các quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý người. Trên cơ sở đó có hướng vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống và công tác của bản thân sau này. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: - Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 - Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>b. Kỹ năng: Biết quan sát để nắm bắt tâm lý người khác để hiểu và xác lập quan hệ đúng mức. Biết phân tích các tình huống nảy sinh trong quan hệ qua lại giữa con người với con người và biết xử lý tốt các tình huống đó.</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | | | <p>trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 19 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v. - Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá - Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 20 | Luật bản quyền | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật | 1 | 8 | Hình thức đánh giá học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|--|
| | | sở hữu trí tuệ và Luật Xuất bản phục vụ việc thiết kế đồ họa và bảo vệ quyền lợi trong việc sở hữu bản quyền, đồng thời tránh các vi phạm của bản thân và người khác trong việc sở hữu bản quyền. | | | + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 21 | Hình họa 1 | Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, diễn tả hình khối, không gian bằng chấm và nét. Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Giúp SV có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 1 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Hình họa 2 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu mực nho trong thể hiện hình khối bằng nét và mảng. Nắm vững tương quan đậm nhạt và khả năng biểu đạt của sáng tối. Môn học tạo liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và cơ sở ngành. Tạo nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo | 2 | 1 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------|--|------------|------------------|---|
| 23 | Nhân trắc học | Sinh viên nắm vững kiến thức, hiểu biết về nhân trắc học. Qua số đo, qua hệ xương, cơ, các bộ phận và tỷ lệ cơ thể con người, nhằm mục đích ứng dụng trong thiết kế Design mỹ thuật công nghiệp. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Hình họa 3 P1 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ, sử dụng thành thạo chất liệu màu nước trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm...</p> <p>Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Hình họa 3 P2 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ.</p> <p>Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ; giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 26 | Cơ sở tạo hình | Hình thành tư duy sáng tạo làm nền tảng cho các môn chuyên ngành. | 3 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|---|------------|------------------|---|
| | | | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 27 | Vẽ phối cảnh | + Về kiến thức : Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. | 2 | 2 | • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 28 | Hình họa 4 P1 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, và rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Môn học giúp SV sử dụng thành thạo chất liệu Than trong việc thể hiện hình khối cơ thể người trong không gian, nắm vững tương quan hệ đậm nhạt, khả năng biểu đạt của sáng tối. Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Hình họa 4 P2 | - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo chất liệu Sơn dầu trong việc thể hiện hình khối cơ thể người trong không gian. - Khả năng diễn đạt không gian, ánh sáng, chất cảm... của màu sắc | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. - Có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | | | |
| 30 | Trang trí cơ bản 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 31 | Trang trí cơ bản 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 32 | Hình họa 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kiến thức khối, cấu trúc, tỷ lệ...khi đối tượng bị che phủ bởi trang phục. - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo màu nước trong thể hiện hình khối, không gian. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến, giúp sinh viên áp dụng nhanh vào thực tế công việc. - Có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|---|------------|------------------|--|
| 33 | Vẽ ngoài trời | <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng tình cảm, thái độ tôn trọng thiên nhiên. - Hoàn thiện kỹ năng xử lý chất liệu đáp ứng đòi hỏi của các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. - Nắm bắt phương pháp diễn tả không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều. - Góp phần rèn luyện cảm nhận thẩm mỹ và tư duy sáng tạo cho sinh viên. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 34 | Trang trí chuyên ngành 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổ chức, chất lượng Hình bằng chấm, nét, mảng để có thể sử dụng trong sáng tác logo, icon và Các loại Hình khác trong thiết kế đồ họa. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 35 | Trang trí chuyên ngành 2 | <ul style="list-style-type: none"> - sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của cấu trúc, tính chất thị giác của một bộ chữ và số. - sử dụng Typography trong thiết kế đồ họa. - có khả năng lựa chọn hoặc sáng tạo ra một bộ chữ mới phù hợp với tính chất của thiết kế. - có khả năng đưa bộ chữ thiết kế vào phần mềm chuyên dụng. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 36 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyên đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|----------------|---|------------|------------------|---|
| | | tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | | | |
| 37 | Kỹ thuật in ấn | Nhận thức được vai trò của in ấn trong sáng tạo nghệ thuật. Thực hành các kỹ năng in ấn cơ bản, đạt kết quả tốt đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 HP) | | | 2 | 5 | |
| 38 | 1. Điêu khắc | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Điêu khắc. Biết cách xây dựng hình khối trong không gian với các thể loại của Điêu khắc và cảm nhận được cái đẹp của nó | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 39 | 2. Sơn dầu | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... - Mở rộng quan niệm về bố cục, không gian, quan niệm về “ cái đẹp”. - Củng cố và nâng cao quan niệm thẩm mỹ. | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 40 | 3. Vẽ kỹ thuật | + Về kiến thức : Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần : Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. Nắm vững các tiêu chuẩn cơ bản của bản vẽ kỹ thuật. | | | - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 41 | <i>1. Tạo dáng công nghiệp</i> | Kiến thức: Cung cấp cho người học kiến thức về nguyên lý của nét và mảng trong bố cục hình khối Kỹ năng: giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc hình khối làm tiền đề cho tạo dáng sản phẩm công nghiệp | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | <i>2. Nghệ thuật sắp đặt</i> | - Giúp cho sinh viên có cơ sở ban đầu về kết hợp những loại hình nghệ thuật với nhau. - Phát triển kiến thức và kỹ năng của sinh viên trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt và thực hành nghệ thuật sắp đặt đương đại. - Khả năng quan sát nghiên cứu sâu làm cho cá tính sáng tạo được phát triển . Sinh viên sẽ sử dụng vững kiến thức trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt bao gồm cả không gian, ý tưởng, can thiệp bối cảnh. - Sinh viên sẽ phát triển kỹ năng để đáp ứng thiết lập dự án, thực hiện nghiên cứu cá nhân và trình bày một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt cá nhân. - Sử dụng thành thạo các chất liệu mới và với lợi thế từ kiến thức sau khi học xong môn học này sinh viên sẽ ứng dụng vào trong các công trình Kiến trúc của mình, | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|----------------------|--|------------|------------------|---|
| | | sao cho hài hòa và tăng thêm vẻ đẹp cho công trình mà mình thiết kế. | | | |
| 43 | Thực tập công nhân | Sinh viên có thể áp dụng cho bài học và công việc trong thực tế. - Sinh viên có thể tham gia vào một quy trình sản xuất sau thiết kế. | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |
| 44 | 1. Lịch sử kiến trúc | Hệ thống hóa kiến thức, hình thành quan điểm nhận định mang tính tổng kết và kế thừa bài học từ lịch sử phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập các học phần liên quan đến kiến trúc - quy hoạch. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 45 | 2. Lịch sử nội thất | Sinh viên cần nắm được các nội dung sau: - Nắm được phương pháp tiếp cận lịch sử để phục vụ cho nghề nghiệp. - Lịch sử hình thành và phát triển nội thất. - Các bài học lịch sử - Tạo dựng một môi trường tốt hơn hiệu quả hơn cho con người. - Xu hướng nội thất ‘ẩn’ sau các giai đoạn lịch sử. Áp dụng vào các hoạt động nghề nghiệp gắn với thiết kế nội thất cụ thể. - Khả năng dự báo các xu hướng phát triển. Áp dụng | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác: (Khảo cứu và thuyết trình) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | | vào các hoạt động nghề nghiệp gắn với quản lý. | | | |
| 46 | Tham quan | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học giữa lý thuyết và thực tế các công trình được đi tham quan. - Tìm hiểu thực tế để vẽ ghi và ký hoạ lại các công trình đã tham quan. - Làm quen với các công trình trên thực tế. - Thu thập tài liệu, cho các đồ án trên. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Lịch sử nghệ thuật | <ul style="list-style-type: none"> - kiến thức: Giúp sinh viên nắm được tiến trình của nền Nghệ thuật Thế giới và Việt Nam từ Nguyên thủy cho đến thời hiện đại, qua đó sinh viên nắm được đặc Điểm, thành tựu cũng như bản chất của Các trường phái Các trào lưu và Các nền Nghệ thuật. - Kỹ năng: qua việc tìm hiểu về đặc Điểm, phong cách và bản chất của Các trường phái, Các trào lưu, Các nền Mỹ thuật Giúp sinh viên nhận thấy Mỹ thuật nói riêng hay Nghệ thuật nói chung là những Hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, nó phản ánh trực tiếp xã hội đã sinh ra nó. Điều đó Giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong nghề nghiệp của mình. - thái độ: có ý thức Tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự Hình thành và phát triển tâm lý con người. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Nghệ thuật chữ | Hình thành nhận thức thẩm mỹ về chữ và nghệ thuật viết chữ như một hệ thống thông tin thị giác - một trong những lĩnh vực cơ bản của thiết kế đồ họa. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 49 | Nghệ thuật ảnh | - Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. - Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến trúc. - Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. - Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Lý thuyết đồ họa | - Trang bị cho sinh viên những tổng quan nhất về thiết kế đồ họa - Có khái niệm về vai trò của đồ họa trong đời sống - Hiểu mối quan hệ của thiết kế đồ họa với các chuyên ngành liên quan. | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm Sinh viên cần tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp. • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 51 | Đồ họa tranh khắc | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đồ họa tranh khắc - Sử dụng tranh khắc như một thành phần trong thiết kế. - Có khả năng sáng tạo ra một chuỗi hình ảnh thống nhất dùng trong thiết kế đồ họa. - Có khả năng kết hợp nhiều loại hình kỹ thuật đồ họa với nhau. | 3 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 52 | Đồ họa Chính trị xã hội | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đồ họa chính trị - xã hội | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|--|
| | | - Sử dụng các kỹ thuật và loại hình khác trong sáng tác tranh đồ họa chính trị- xã hội. - Có khả năng sáng tạo ra chuỗi các loại tranh tuyên truyền làm tiền đề cho sáng tạo các loại poster khác. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 53 | Thiết kế đồ họa 1 | - Sinh viên có thể tiếp cận với những thiết kế đơn giản tạo tiền đề cho những thiết kế phức tạp. - Tạo cho sinh viên tiếp cận dần với những sản phẩm thiết kế mang tính đồng bộ. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 54 | Thiết kế đồ họa 2 | - Sinh viên có đủ kiến thức thiết kế để tham gia các công việc trong lĩnh vực xuất bản - Nắm vững các công nghệ in, đóng, xén hiện đại phục vụ cho công việc thiết kế trong lĩnh vực xuất bản. - Tiếp cận công nghệ thiết kế trên máy vi tính bằng các phần mềm chuyên dụng - Tạo tiền đề cơ sở cho các thiết kế nâng cao Tiếp theo. | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 55 | Thiết kế đồ họa 3 | - Sinh viên có đủ kiến thức thiết kế để tham gia các công việc thiết kế các sản phẩm Tem, Lịch - Sinh viên có đủ kiến thức thiết kế để tham gia các công việc thiết kế cho các Sự kiện văn hóa. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 56 | Thiết kế đồ họa 4 | - Sinh viên có đủ kiến thức thiết kế để tham gia các công việc thiết kế bộ nhận diện thương hiệu cơ bản tạo tiền đề thiết kế được những Bộ nhận diện thương hiệu có tính phức tạp, chuyên sâu hơn. - Hiểu và tham gia cùng với các bộ phận khác trong việc xây dựng hình ảnh nhận diện của một thương hiệu. - Xác định được vai trò của Thiết kế Đồ họa trong việc xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 57 | Chất liệu | Giúp cho sinh viên chủ động trong sáng tác nghệ thuật | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|---|
| | | bằng các chất liệu để thiết kế các sản phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng. - Rèn luyện kỹ năng, tư duy tạo hình. - Phát huy trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo thẩm mỹ. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Thiết kế đồ họa 5 | - Sinh viên có đủ kiến thức thiết kế để tham gia các công việc thiết kế bộ nhận diện thương hiệu bắt đầu thực hiện các thiết kế có tính phức tạp, đòi hỏi sự đồng bộ cao. - Sinh viên có khả năng phối hợp với các bộ phận khác trong việc xây dựng hình ảnh nhận diện của một thương hiệu. - Xây dựng được hình ảnh chính cho doanh nghiệp và sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 59 | Thiết kế đồ họa 6 | - Sinh viên có đủ kiến thức để thiết kế các sản phẩm bao bì theo nhóm sản phẩm. - Sinh viên có khả năng lựa chọn các chất liệu bao bì phù hợp.. - Các thiết kế đủ tiêu chuẩn kỹ thuật đưa vào sản xuất. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 60 | Thiết kế đồ họa 7 | - Trang bị kiến thức thiết kế đồng bộ từ các bao bì nhỏ đến bao bì lớn. - Sinh viên có sự hiểu biết về yêu cầu của sản phẩm với chất liệu của bao bì. - Sinh viên kết hợp được các chất liệu có hiệu quả và thẩm mỹ trong thiết kế bao bì. - Trang bị các kiến thức thiết kế các giá trưng bày cho sản phẩm để sinh viên có thể ứng dụng vào Thiết kế đồ họa 9. | 3 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|--|
| 61 | Thiết kế đồ họa 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể tham gia vào một chiến dịch quảng cáo. - Sinh viên có sự hiểu biết về vai trò của TK đồ họa trong một chiến dịch quảng cáo. - Sinh viên phát triển ý tưởng của mình theo một chuỗi sản phẩm quảng cáo. - Sinh viên có khả năng kết hợp với các bộ phận khác trong doanh nghiệp quảng cáo. - Sinh viên có kiến thức cơ sở để thực hiện Thiết kế Đồ họa 9: thiết kế đồ họa cho triển lãm, showroom, sự kiện, triển lãm và Đồ họa quảng cáo Multimedia (đa phương tiện) | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 62 | Thiết kế đồ họa 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể tham gia vào thiết kế quảng cáo cho sự kiện triển lãm, showroom trưng bày sản phẩm. - Sinh viên có sự hiểu biết về vai trò của thiết kế đồ họa và sự kết hợp với thiết kế nội thất. - Sinh viên phát triển ý tưởng của mình theo chủ đề sản phẩm quảng cáo. - Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm. - Sử dụng các thiết kế đồ họa quảng cáo để tạo dấu ấn riêng phát triển thành chuỗi cửa hàng giới thiệu sản phẩm. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 63 | Đồ họa quảng cáo | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể phát triển ý tưởng thiết kế trên các phương tiện kỹ thuật hiện đại. - Sinh viên có khả năng xây dựng giao diện một trang web có thể hoạt động, một TVC hoàn chỉnh có thể phát sóng. - Sinh viên có thể thiết kế nhân vật trong quảng cáo, | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | trong thiết kế game. - Cập nhật được các loại hình mới phát triển - Nắm được những kỹ thuật cơ bản của các phần mềm thực hiện thiết kế quảng cáo đa phương tiện. | | | |
| | Chuyên đề (chọn 2 trong 3 HP) | | 2 | 8 | |
| 64 | <i>1. Xu hướng thiết kế đồ họa đương đại</i> | - Trang bị cho sinh viên những tổng quan các xu hướng về thiết kế đồ họa đương đại để có thể nắm cập nhật các xu hướng thiết kế trong thực tế. - Có khái niệm về các xu hướng của các ngành thiết kế liên quan. - Hiểu mối quan hệ của thiết kế đồ họa với các chuyên ngành liên quan. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm Sinh viên cần tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp. • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 65 | <i>2. Công nghệ và chất liệu mới trong thiết kế đồ họa</i> | - Làm rõ vai trò ảnh hưởng của công nghệ và chất liệu trong thiết kế đồ họa. - Giúp cho sinh viên có kiến thức về công nghệ và chất liệu được sử dụng trong thiết kế đồ họa để có khả năng ứng dụng hiệu quả nhất trong các thiết kế của mình cũng như phát triển các ý tưởng sáng tạo. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm Sinh viên cần tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp. • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 66 | <i>3. Marketing và thiết kế đồ họa</i> | - Sinh viên có kiến thức về marketing cơ bản - Có khả năng kết hợp với bộ phận marketing trong hoạt động nhóm xây dựng thiết kế đồ họa - Hiểu vai trò sự phân chia công việc của từng nhóm hoặc cá nhân thiết kế đồ họa và marketing | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm Sinh viên cần tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp. • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 67 | Đồ án tổng hợp | - Tổng hợp những kiến thức chuyên sâu đã học. | 6 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm cho sinh viên có sự lựa chọn bộc lộ những sở trường chuyên sâu giúp cho việc lựa chọn loại hình thiết kế tốt nghiệp phù hợp nhất. - Sinh viên có thể xây dựng “Bộ hồ sơ quy chuẩn” cho doanh nghiệp. | | | <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức khác: Bảo vệ trước các tiểu ban + Sinh viên nộp đầy đủ : <ul style="list-style-type: none"> - Logo khối với đầy đủ các quy chuẩn khi sử dụng. - File thiết kế được ghi ra đĩa CD-DVD với các định dạng file .AI, .PDF (theo file in pano),. - Bản thuyết minh đóng quyển nhằm quy chuẩn các thiết kế (> 24 trang có đủ các kích thước quy chuẩn và hướng dẫn sử dụng thiết kế). - Chấm bài trên hệ thống 04 pano và thành phẩm Sinh viên trình bày và bảo vệ ý tưởng của mình Sinh viên cần tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp. • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 68 | Thực tập tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể áp dụng cho đề tài Đồ án tốt nghiệp. - Sinh viên có phương pháp tiếp cận khoa học trước khi thiết kế. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần:07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----------|--|--|------------|------------------|--|
| 69 | Đồ án tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể tham gia ngay vào công việc thiết kế tại các công ty thiết kế chuyên nghiệp. - Tổng hợp những kiến thức đã được trang bị. - Trang bị cho sinh viên khả năng kết hợp giữa lý luận và thực tiễn - Trang bị cho sinh viên khả năng tự xây dựng kế hoạch làm việc. - Sinh viên có thể xây dựng “Bộ hồ sơ quy chuẩn” cho doanh nghiệp. | 12 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá: + Hình thức khác: Bảo vệ trước các tiểu ban • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 01/10 (điểm trung bình của 2 lần kiểm tra tiến độ) - Điểm thi kết thúc học phần: 09/10 (điểm trung bình của các thành viên tiểu ban) |
| V | Ngành Thiết kế thời trang. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 5 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 6 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 7 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| 9 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 12 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 5 | Biểu 18C1 |
| 13 | Tâm lý học | <p>a. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tâm lý người, giúp sinh viên hiểu được: cơ sở, các quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý người. Trên cơ sở đó có hướng vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống và công tác của bản thân sau này.</p> <p>b. Kỹ năng: Biết quan sát để nắm bắt tâm lý người khác để hiểu và xác lập quan hệ đúng mức. Biết phân tích các tình huống nảy sinh trong quan hệ qua lại giữa con người với con người và biết xử lý tốt các tình huống đó.</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: - Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 - Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 14 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 15 | Xã hội học | Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lỗi tiếp | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 16 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 7 | Biểu 18C1 |
| 17 | Mĩ học | <p>a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ</p> <p>b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng đắn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|---|
| | | quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người | | | |
| 18 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v. - Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá - Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 19 | Màu sắc cơ bản | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có nhận thức đúng về màu cơ bản: đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc... Là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc phong phú và chủ động. - Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học về màu sắc là điều kiện tiên quyết để tạo ra các tương quan hòa sắc một cách chủ | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bài tập về màu sắc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bố cục, sắp xếp các tương quan để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ. - Biết cách ứng dụng trong thực tế đời sống, chuyên ngành. | | | |
| 20 | Hình họa 1 | <p>Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, diễn tả hình khối, không gian bằng chấm và nét.</p> <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ.</p> <p>Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Giúp SV có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 21 | Hình họa 2 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu mực nho trong thể hiện hình khối bằng nét và mảng. Nắm vững tương quan đậm nhạt và khả năng biểu đạt của sáng tối.</p> <p>Môn học tạo liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và cơ sở ngành. Tạo nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo</p> | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Nhân trắc học may mặc | <p>Sinh viên nắm vững kiến thức, hiểu biết về nhân trắc học. Qua số đo, qua hệ xương, cơ, các bộ phận và tỷ lệ cơ thể con người, nhằm mục đích ứng dụng trong thiết kế Design mỹ thuật công nghiệp.</p> | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | | | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Hình họa 3 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ, sử dụng thành thạo chất liệu màu nước trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Nguyên lý thị giác | Hình thành tư duy sáng tạo làm nền tảng cho các môn chuyên ngành | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Vẽ kỹ thuật | <ul style="list-style-type: none"> + Về kiến thức : Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. Nắm vững các tiêu chuẩn cơ bản của bản vẽ kỹ thuật. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần : + Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 26 | Lịch sử nghệ thuật | - kiến thức: Giúp sinh viên nắm được tiến trình của nền Nghệ thuật Thế giới và Việt Nam từ Nguyên thủy cho đến thời hiện đại, qua đó sinh viên nắm được đặc Điểm, | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>thành tựu cũng như bản chất của Các trường phái Các trào lưu và Các nền Nghệ thuật.</p> <p>- Kỹ năng: qua việc tìm hiểu về đặc Điểm, phong cách và bản chất của Các trường phái, Các trào lưu, Các nền Mỹ thuật Giúp sinh viên nhận thấy Mỹ thuật nói riêng hay Nghệ thuật nói chung là những Hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, nó phản ánh trực tiếp xã hội đã sinh ra nó. Điều đó Giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong nghề nghiệp của mình.</p> <p>- thái độ: có ý thức Tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự Hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | | | <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 27 | Thiết bị may công nghiệp | <p>- Kiến thức: Hiểu được những kiến thức tổng quát về phân loại thiết bị ngành may - và kiến thức cơ bản về thiết bị ở xưởng may giúp học sinh hiểu được cấu tạo nguyên lý làm việc của các loại máy trên, biết sử dụng bảo dưỡng thông dụng, biết sửa chữa một số hỏng hóc trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Kỹ năng: Tìm hiểu được nguyên lý hoạt động của các loại máy khác trong xưởng may để khai thác máy một cách hiệu quả và xử lý hư hỏng một cách khoa học.</p> <p>- Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.</p> | 2 | 2 | <p>• Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 28 | Hình họa 4 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ.</p> <p>Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả</p> | 2 | 3 | <p>• Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|---|
| | | hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ; giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Trang trí cơ bản 1 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 30 | Lịch sử thời trang | Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về lịch sử trang phục, vận dụng các yếu tố mỹ thuật, các nguyên tắc tạo hình trong trang phục nhằm nâng cao trình độ nhận thức thẩm mỹ, phân tích được các phong cách thời trang, đánh giá được vẻ đẹp của trang phục | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 31 | Trang trí cơ bản 2 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 32 | Hình họa 5 | - Rèn luyện kiến thức khối, cấu trúc, tỷ lệ... khi đối tượng bị che phủ bởi trang phục. - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo màu nước trong thể hiện hình khối, không gian. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến, giúp sinh viên áp dụng nhanh vào thực tế công việc. - Có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 33 | Vẽ ngoài trời | - Bồi dưỡng tình cảm, thái độ tôn trọng thiên nhiên. - Hoàn thiện kỹ năng xử lý chất liệu đáp ứng đòi hỏi của các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. - Nắm bắt phương pháp diễn tả không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều. - Góp phần rèn luyện cảm nhận thẩm mỹ và tư duy sáng tạo cho sinh viên. | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 34 | Điêu khắc cơ bản | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Điêu khắc. Biết cách xây dựng hình khối trong không gian với các thể loại của Điêu khắc và cảm nhận được cái đẹp của nó | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | Công nghệ diễn họa thời trang | Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế để hỗ trợ vẽ sáng tạo các sản phẩm thời trang, sản phẩm đồ họa thời trang hỗ trợ trong quá trình thiết kế và giới thiệu sản phẩm. Qua đó giúp sinh viên có được kỹ năng thuần thục trong việc ứng dụng các phần mềm vào chuyên ngành thiết kế thời trang. | 2 | 4 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 37 | 1. Nghệ thuật ảnh | <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. - Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến trúc. - Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. - Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 39 | Tham quan | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã được học về vẽ mỹ thuật vào thực tế - Kỹ năng: Áp dụng có hiệu quả và nâng cao kỹ năng bắt dáng, phác họa hình cơ thể người trong thực tế lao động, sản xuất tại địa điểm thực tập. - Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 40 | Vật liệu may | Học phần trang bị cho sinh viên: những kiến thức cơ bản về xơ sợi dệt, các tính chất cơ bản của nguyên liệu dệt (xơ, sợi, và chế phẩm dệt), đặc trưng cấu tạo vải, vật liệu lông da và xử lý hóa học vải. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại vật liệu may để chọn lựa và sử dụng nguyên vật liệu may, từ đó tạo cơ sở trong việc lựa chọn vật liệu sao cho phù hợp và đảm bảo tính sử dụng cao | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 41 | Thiết kế kỹ thuật trang phục 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân trắc học, đặc điểm hình thái cơ thể người, hệ thống cỡ số trang phục đang được sử dụng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới. Các phương pháp thiết kế các bộ | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | phận của quần áo và thiết kế hoàn chỉnh các trang phục cơ bản trên cơ sở của lượng cử động tự do phù hợp với các loại sản phẩm. | | | tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | Công nghệ may trang phục 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật may, khả năng nhận biết đúng ý nghĩa tác dụng của kỹ thuật may cơ bản trong quá trình gia công may lắp quần áo, kỹ thuật thực hiện các thao tác cơ bản nghề may, hiểu rõ yêu cầu kỹ thuật may sản phẩm. - Kỹ năng: Biết phân tích đặc điểm hình dáng cấu tạo bộ phận chủ yếu của quần áo, lập được trình tự may hợp lý của các bộ phận quần áo sơ mi cơ bản kết hợp với hình cắt phối cảnh, từ đó biết vận dụng để thực hành may đạt yêu cầu kỹ thuật qui định. - Thái độ: Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 43 | Nguyên lý thiết kế thời trang | Trang bị cho học viên: kiến thức về phương pháp nhận định xu hướng một từ thực tế xã hội qua đó giúp người học định hình được phong cách của các mẫu thiết kế, thích ứng một cách nhanh nhất với thực tế. Trang bị phương pháp lựa chọn, nghiên cứu đối tượng theo chủ đề, từ đó sáng tạo biểu tượng thời trang làm cơ sở cho phác hoạ mẫu thời trang. Trang bị kiến thức về các nguyên tắc sáng tác mẫu sản phẩm thời trang. | 3 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 44 | Thiết kế kỹ thuật trang phục 2 | Trang bị cho sinh viên các phương pháp thiết kế hoàn chỉnh các trang phục áo Jacket và áo veston nam cơ bản trên cơ sở của lượng cử động tự do phù hợp với các loại sản phẩm | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | | | | * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 45 | Công nghệ may trang phục 2 | Học xong học phần sinh viên có khả năng : - Phân tích được cấu tạo của các kiểu thuộc bộ phận chủ yếu của áo khoác ngoài - Nắm được yêu cầu kỹ thuật may các bộ phận chủ yếu trong áo khoác ngoài - Trình bày kỹ thuật may bằng hình cắt phối cảnh | 2 | 4 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 46 | Sáng tác mẫu thời trang 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc trang phục trẻ em, các bước của quy trình sáng tác một mẫu sản phẩm mới, các phương tiện, kỹ thuật vận dụng vào nghiên cứu nguồn tư liệu sáng tác trang phục phù hợp với lứa tuổi tuổi | 2 | 4 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Đồ họa thời trang 1 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Thiết kế kỹ thuật trang phục 3 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật thiết kế các loại mẫu cắt trong may công nghiệp và rèn luyện cho sinh viên đức tính cần cù , thận trọng khi thiết kế mẫu. Sinh viên nắm được nguyên tắc thiết kế mẫu thời trang từ mẫu cơ bản và cũng là bước ban đầu để sinh viên làm quen với các công đoạn thiết kế kỹ thuật trong quá trình ra mẫu rập, mẫu đối | 2 | 5 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 49 | Công nghệ may trang phục 3 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức để phân tích cấu tạo và phương pháp may sản phẩm thông qua đặc | 2 | 5 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | điểm hình dáng. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp có thể xây dựng được phiếu công nghệ may lắp các loại sản phẩm và vận dụng để may các sản phẩm đó đạt yêu cầu kỹ thuật. | | | * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Sáng tác mẫu thời trang 2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc trang phục dạo phố, các bước của quy trình sáng tác một mẫu sản phẩm mới, tự nghiên cứu nhu cầu thực tế đến lựa chọn ý tưởng sáng tác, nhằm đưa ra được các mẫu phác họa tp dạo phố phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng | 2 | 5 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 51 | Thiết kế mẫu trên mannequin | Trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thiết kế bộ mẫu cắt trang phục nữ cơ bản bằng phương pháp mô hình ghim và các nguyên tắc, kỹ thuật thiết kế các bộ phận chủ yếu của sản phẩm thời trang không dựa theo công thức thiết kế. Kết thúc học phần sinh viên có thể thực hiện trên vật liệu thật các sản phẩm thời trang có tính phức tạp. | 3 | 5 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 53 | Kỹ thuật tạo hiệu ứng bề mặt vải | Trang bị cho sinh viên: kiến thức về các phương pháp tạo hiệu ứng bề mặt vải bằng kỹ thuật: in, nhuộm, mài, khâu tay... được ứng dụng trong quá trình tạo mẫu sản phẩm thời trang. | 2 | 6 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 54 | Sáng tác mẫu thời trang 3 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc trang phục công sở, các phương tiện, kỹ thuật vận dụng vào sáng tác mẫu và phương pháp nghiên cứu đối tượng, đặc thù nghề nghiệp của các vị trí công việc hoặc doanh nghiệp. Vận dụng nghiên cứu xu hướng một vào | 3 | 6 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--|--|------------|------------------|--|
| | | việc hình thành giá trị thời trang của trang phục | | | * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 55 | Kinh doanh thời trang | Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững các nội dung kiến thức sau: - Nhận định và nắm bắt được xu hướng mốt theo nhu cầu thị trường - Nhận biết được cơ hội kinh doanh để lên kế hoạch nắm bắt, triển khai - Làm việc theo nhóm | 2 | 6 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 56 | Thiết kế phụ trang | Trang bị cho sinh viên: kiến thức về kỹ thuật và phương pháp sáng tác mẫu phụ trang có tính đồng bộ với các sản phẩm thời trang | 2 | 6 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 57 | Tin học ứng dụng thời trang | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp quản lý và thiết kế hoàn chỉnh bộ mẫu trên máy vi tính. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp có thể xây dựng được hồ sơ mẫu của các loại sản phẩm. | 2 | 7 | - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |
| 58 | 1. Kỹ thuật hoá trang và đạo diễn sân khấu | - Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng trang điểm khuôn mặt và thực hiện một số kiểu tóc cho bản thân, người mẫu theo chủ đề. Biết cách lên ý tưởng, xây dựng và đạo diễn một chương trình diễn thời trang. | 2* | 7 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 59 | 2. Ứng dụng kỹ | Trang bị cho HSSV kiến thức về kỹ thuật thủ công ứng | 2* | 7 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | <i>thuật thủ công truyền thống</i> | dụng trong thiết kế thời trang | | | 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 60 | Sáng tác mẫu thời trang 4 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc trang phục, các bước của quy trình sáng tác một mẫu sản phẩm mới, các phương tiện, kỹ thuật vận dụng vào sáng tác mẫu và phương pháp nghiên cứu nguồn tư liệu sáng tác, nghiên cứu phong cách của một thương hiệu thời trang và vận dụng vào việc sáng tác mẫu mới mang tính ấn tượng. | 3 | 7 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 65 | Thực tập tốt nghiệp | Sinh viên hoàn thành môn học thực tập tốt nghiệp nắm bắt được các công đoạn nghiên cứu, sáng tác và chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật của một sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất. | 2 | 8 | - Hình thức đánh giá học phần: Sinh viên làm và nộp báo cáo thực tập - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 3/10 (đánh giá của doanh nghiệp) * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 66 | Đồ án tốt nghiệp | Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và thực hiện các sản phẩm thời trang thông qua quá trình nghiên cứu nhu cầu và đối tượng Áp dụng đúng và linh hoạt các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong suốt quá trình học Hoàn thiện mẫu phác thảo, thực hiện sản phẩm trên vật liệu thật và tổ chức trình diễn báo cáo | 12 | 9 | Hình thức đánh giá học phần: Sinh viên hoàn thiện bài tốt nghiệp bằng mẫu sản phẩm thật trình diễn báo cáo trước hội đồng theo lịch chấm tốt nghiệp của nhà trường. Viết luận văn báo cáo tốt nghiệp - Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|--|------------------|------------|------------------|---|
| | | | | | * Điểm quá trình luận văn: 3/10 * Điểm trình diễn báo cáo 7/10 |
| VI | Ngành Thiết kế nội thất. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Màu sắc cơ bản | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 6 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 7 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 8 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 11 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 12 | Giáo dục thể | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | chất P2 (bóng chuyền) | | | | |
| 13 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 5 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tâm lý học | <p>a. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tâm lý người, giúp sinh viên hiểu được: cơ sở, các quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý người. Trên cơ sở đó có hướng vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống và công tác của bản thân sau này.</p> <p>b. Kỹ năng: Biết quan sát để nắm bắt tâm lý người khác để hiểu và xác lập quan hệ đúng mức. Biết phân tích các tình huống nảy sinh trong quan hệ qua lại giữa con người với con người và biết xử lý tốt các tình huống đó.</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 - Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 15 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 16 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 17 | Xã hội học | Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | | | <p>0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 7 | Biểu 18C1 |
| 19 | Mĩ học | <p>a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng đắn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 20 | Văn hóa Việt | a. Kiến thức | 3 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|---|
| | Nam | <p>- Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v.</p> <p>- Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá</p> <p>- Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam.</p> <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | | | <p>- Điểm quá trình : 03/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 07/10</p> |
| 21 | Hình họa 1 | <p>Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, diễn tả hình khối, không gian bằng chấm và nét.</p> <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ.</p> <p>Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Giúp SV có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Hình họa 2 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>hình. Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu mực nho trong thể hiện hình khối bằng nét và mảng. Nắm vững tương quan đậm nhạt và khả năng biểu đạt của sáng tối.</p> <p>Môn học tạo liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và cơ sở ngành. Tạo nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Nhân trắc học | Sinh viên nắm vững kiến thức, hiểu biết về nhân trắc học. Qua số đo, qua hệ xương, cơ, các bộ phận và tỷ lệ cơ thể con người, nhằm mục đích ứng dụng trong thiết kế Design mỹ thuật công nghiệp. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Hình họa 3 P1 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ, sử dụng thành thạo chất liệu màu nước trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm...</p> <p>Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Vẽ phối cảnh | <p>+ Về kiến thức :</p> <p>Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------|---|------------|------------------|---|
| | | + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. | | | - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 26 | Vẽ kỹ thuật | + Về kiến thức : Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. Nắm vững các tiêu chuẩn cơ bản của bản vẽ kỹ thuật. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần : + Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 27 | Cơ sở tạo hình | Hình thành tư duy sáng tạo làm nền tảng cho các môn chuyên ngành. | 3 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Hình họa 4 P1 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, và rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Môn học giúp SV sử dụng thành thạo chất liệu Than trong việc thể hiện hình khối cơ thể người trong không gian, nắm vững tương quan hệ đậm nhạt, khả năng biểu đạt của sáng tối. Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Điều khắc | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Điều | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|---|
| | | khắc. Biết cách xây dựng hình khối trong không gian với các thể loại của Điêu khắc và cảm nhận được cái đẹp của nó | | | + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 30 | Trang trí cơ bản 1 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 31 | Trang trí cơ bản 2 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 32 | Tin học ứng dụng | - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | | | |
| 33 | Hình họa 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kiến thức khối, cấu trúc, tỷ lệ...khi đối tượng bị che phủ bởi trang phục. - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo màu nước trong thể hiện hình khối, không gian. - Môn học tạo được sự liên hệ kiến, giúp sinh viên áp dụng nhanh vào thực tế công việc. - Có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Trang trí chuyên ngành 1 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổ chức, chất lượng Hình bằng chấm, nét, mảng để có thể sử dụng trong sáng tác logo, icon và Các loại Hình khác trong thiết kế đồ họa. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 35 | Trang trí chuyên ngành 2 | <ul style="list-style-type: none"> - sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của cấu trúc, tính chất thị giác của một bộ chữ và số. - sử dụng Typography trong thiết kế đồ họa. - có khả năng lựa chọn hoặc sáng tạo ra một bộ chữ mới phù hợp với tính chất của thiết kế. - có khả năng đưa bộ chữ thiết kế vào phần mềm chuyên dụng. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 5 | |
| 36 | 1. Nghệ thuật | - Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận | 2* | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | <i>ảnh</i> | dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. - Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến trúc. - Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. - Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 37 | 2. Sơn dầu | - Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. - Rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. - Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... - Mở rộng quan niệm về bố cục, không gian, quan niệm về “ cái đẹp”. - Củng cố và nâng cao quan niệm thẩm mỹ. | 2* | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 38 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 39 | Thực tập công nhân | - Sinh viên có thể áp dụng cho bài học và công việc trong thực tế. | 1 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | - Sinh viên có thể tham gia vào một quy trình sản xuất sau thiết kế. | | | - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 40 | Vẽ ghi | Nắm vững phương pháp đo vẽ và thành thạo kỹ năng thực hành để vận dụng có hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khảo sát, bảo tồn di sản, thiết kế cải tạo, cũng như trong hành nghề kiến trúc nói chung. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 41 | <i>1. Tạo dáng công nghiệp</i> | Kiến thức: Cung cấp cho người học kiến thức về nguyên lý của nét và mảng trong bố cục hình khối Kỹ năng: giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc hình khối làm tiền đề cho tạo dáng sản phẩm công nghiệp | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | <i>2. Nghệ thuật sắp đặt</i> | - Giúp cho sinh viên có cơ sở ban đầu về kết hợp những loại hình nghệ thuật với nhau. - Phát triển kiến thức và kỹ năng của sinh viên trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt và thực hành nghệ thuật sắp đặt đương đại. - Khả năng quan sát nghiên cứu sâu làm cho cá tính sáng tạo được phát triển . Sinh viên sẽ sử dụng vững kiến thức trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt bao gồm cả không gian, ý tưởng, can thiệp bối cảnh. - Sinh viên sẽ phát triển kỹ năng để đáp ứng thiết lập dự | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|--|------------|------------------|--|
| | | án, thực hiện nghiên cứu cá nhân và trình bày một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt cá nhân. - Sử dụng thành thạo các chất liệu mới và với lợi thế từ kiến thức sau khi học song môn học này sinh viên sẽ ứng dụng vào trong các công trình Kiến trúc của mình, sao cho hài hòa và tăng thêm vẻ đẹp cho công trình mà mình thiết kế. | | | |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 3 HP) | | | 2 | 7 | |
| 43 | <i>1. Lý thuyết kiến trúc cảnh quan</i> | - Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất. - Mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế. - Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 44 | <i>2. Bảo tồn di sản kiến trúc</i> | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về di sản kiến trúc và đô thị, mục đích, nội dung và phương pháp của công tác bảo tồn trùng tu. Hướng dẫn cho sinh viên hiểu cách thức thực hiện, nhấn mạnh và làm rõ vai trò các công việc của kiến trúc sư trong công tác bảo tồn trùng tu di tích hay địa điểm di sản | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 45 | <i>3. Thi công nội</i> | Sinh viên được thực hành về cách xử lý, trình bày | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | <i>thất</i> | <p>trang trí không gian nội thất công trình. Ý tưởng thiết kế phần lớn vẫn theo các bài tập hoặc đồ án của sinh viên đã từng làm trước đây nhưng sẽ đi sâu hơn về phần cấu tạo của các thành phần kiến trúc, của đồ đạc...Khuyến khích các sinh viên biết cách phân tích hiện trạng công trình có sẵn để lựa chọn phong cách thiết kế; bố trí không gian; xác định điểm nhấn; xử lý thiết kế các thành phần nội thất; sử dụng và sáng tạo vật liệu.</p> <p>Sinh viên được trang bị thêm một số kiến thức cơ bản về giá cả của các loại vật liệu, đơn giá nhân công của các hạng mục nội thất. Ngoài ra sinh viên còn được giới thiệu về các loại sản phẩm nội thất của các hãng, các thành phần trang thiết bị công trình.</p> <p>Sinh viên nắm vững các kỹ năng thực tiễn để xử lý các thành phần cơ bản của không gian nội thất và phương pháp tập hợp tài liệu, mẫu vật thực tế nhằm tham khảo và áp dụng cho công trình</p> | | | <p>thức khác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 46 | Tham quan | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học giữa lý thuyết và thực tế các công trình được đi tham quan. - Tìm hiểu thực tế để vẽ ghi và ký họa lại các công trình đã tham quan. - Làm quen với các công trình trên thực tế. - Thu thập tài liệu, cho các đồ án trên. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Lịch sử nghệ thuật | - kiến thức: Giúp sinh viên nắm được tiến trình của nền Nghệ thuật Thế giới và Việt Nam từ Nguyên thủy cho | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trắc nghiệm |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>đến thời hiện đại, qua đó sinh viên nắm được đặc Điểm, thành tựu cũng như bản chất của Các trường phái Các trào lưu và Các nền Nghệ thuật.</p> <p>- Kỹ năng: qua việc tìm hiểu về đặc Điểm, phong cách và bản chất của Các trường phái, Các trào lưu, Các nền Mỹ thuật Giúp sinh viên nhận thấy Mỹ thuật nói riêng hay Nghệ thuật nói chung là những Hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, nó phản ánh trực tiếp xã hội đã sinh ra nó. Điều đó Giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong nghề nghiệp của mình.</p> <p>- thái độ: có ý thức Tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự Hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Lịch sử kiến trúc | <p>Hệ thống hóa kiến thức, hình thành quan điểm nhận định mang tính tổng kết và kế thừa bài học từ lịch sử phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập các học phần liên quan đến kiến trúc - quy hoạch</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 49 | Lịch sử nội thất | <p>Sinh viên cần nắm được các nội dung sau:</p> <p>- Nắm được phương pháp tiếp cận lịch sử để phục vụ cho nghề nghiệp.</p> <p>- Lịch sử hình thành và phát triển nội thất.</p> <p>- Các bài học lịch sử</p> <p>- Tạo dựng một môi trường tốt hơn hiệu quả hơn cho</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác: (Khảo cứu và thuyết trình) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>con người.</p> <p>- Xu hướng nội thất ‘ẩn’ sau các giai đoạn lịch sử. Áp dụng vào các hoạt động nghề nghiệp gắn với thiết kế nội thất cụ thể.</p> <p>- Khả năng dự báo các xu hướng phát triển. Áp dụng vào các hoạt động nghề nghiệp gắn với quản lý.</p> | | | <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 50 | Kiến trúc công trình | <p>Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành</p> | 2 | 4 | <p>- Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 51 | Lý thuyết nội thất | <p>Nắm vững được các kiến thức mang tính lý luận từ tổng quan đến cụ thể, giúp hình thành tư duy nghề nghiệp nhằm thiết lập ý tưởng cũng như nhận xét, phê bình 1 không gian nội ngoại thất cụ thể.</p> <p>Nắm vững các kiến thức mang tính thực tiễn về các yếu tố cơ sở, thành phần cơ bản cũng như nguyên tắc xử lý các không gian nội ngoại thất để vận dụng nhuần nhuyễn trong quá trình thực hiện đồ án. Nắm được nguyên tắc xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, chất liệu nội thất cũng như xử lý các ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất.</p> <p>Nắm được yêu cầu một hồ sơ thiết kế nội ngoại thất và 1 phần khái niệm về quá trình thi công</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác: (Phân tích công trình thực tế và thuyết trình) • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 52 | Thiết kế kiến trúc | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế một không gian kiến trúc nhỏ, qua đó sinh viên sẽ có một</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>kiến thức tổng quát để thiết kế một công trình kiến trúc nói chung vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ. Bồi dưỡng khả năng cảm nhận cái đẹp của tỷ lệ và hình khối - bước đầu hình thành thẩm mỹ kiến trúc.</p> <p>Vận dụng những kiến thức cơ sở đã học để diễn đạt ý tưởng sáng tác, thể hiện các bản vẽ kiến trúc môn học. Thông qua môn Thiết kế kiến trúc, sinh viên làm quen với phương pháp thiết kế nói chung, từ: Nhận thức - Ý tưởng - Sáng tác - Thể hiện.</p> | | | <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 53 | Thiết kế nội thất 1 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một căn hộ chung cư, qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất một không gian nhà ở nói chung vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất căn hộ chung cư</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 54 | Cấu tạo nội thất | <p>Sinh viên cần nắm được các dạng cấu tạo của từng bộ phận cấu thành nội thất. Nắm được nguyên tắc thiết kế và bước đầu thiết kế được các bộ phận cấu tạo nội thất cơ bản trong một không gian nội thất</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác: (Nghiên cứu cấu tạo một thành phần nội thất thực tế và thuyết trình) • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 55 | Phương pháp thiết kế nội thất | <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất.</p> <p>Vận dụng nhuần nhuyễn những nguyên lý về xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, chất liệu nội thất và những nguyên lý về xử lý các ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất.</p> <p>Có kiến thức về hồ sơ thiết kế nội thất</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác: (Phân tích ý đồ một hồ sơ thiết kế NT và thuyết trình) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 56 | Thiết kế nội thất 2 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một căn nhà lô phố, qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất một không gian nhà ở nói chung vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất.</p> <p>Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất nhà lô phố</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| 57 | Thiết kế nội thất 3 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một Biệt thự, qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất một không gian nhà ở nói chung vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ. Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất một căn biệt thự</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Chất liệu nội ngoại thất | <p>Sinh viên được trang bị kiến thức trong ý đồ sáng tác chất liệu cho công trình kiến trúc nội ngoại thất mà không phá vỡ cảnh quan môi trường xung quanh và môi trường thiên nhiên chung. Qua đó hiểu được tầm quan trọng của việc thiết kế chất liệu cho công trình kiến trúc. Sau khi tiếp cận với môn học chất liệu sinh viên sẽ: Nắm vững các mối liên hệ giữa vật liệu và chất liệu đi từ sự đơn giản tới phức tạp theo nội dung, chức năng của từng thể loại công trình. Có khả năng tự tin, phân tích và đánh giá khi áp dụng vật liệu, chất liệu vào trong đồ án cũng như công trình thực tế, cũng như làm quen với kỹ năng thuyết trình và bảo vệ qua từng phần bài tập thiết kế chất liệu</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 59 | Trang thiết bị kỹ thuật nội ngoại | <p>Sinh viên biết cách bố trí hợp lý các hệ thống TTBC trong Nội thất theo trình tự nghiên cứu lắp đặt, không</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | thất | gây chông chéo và ảnh hưởng tới ý đồ thiết kế | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 60 | Thiết kế nội thất 4 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một không gian dịch vụ nhỏ, qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất một không gian dịch vụ công cộng nói chung vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất.</p> <p>Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất không gian công cộng quy mô nhỏ.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 61 | Thiết kế nội thất 5 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một không gian triển lãm, qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất một không gian công cộng tương tự vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|---|
| | | sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất không gian triển lãm | | | |
| 62 | Thiết kế đồ đạc | Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: - Có được kiến thức và kỹ năng vững chắc về thiết kế đồ đạc nội thất. - Có kỹ năng thể hiện tốt 1 hồ sơ thiết kế đồ đạc nội thất - Có khả năng sáng tác đồ đạc nội thất có tính đồng bộ, theo một phong cách rõ ràng, phù hợp với một không gian nội thất nhất định; hoặc ở dạng concept (ý tưởng) | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 63 | Thiết kế nội thất 6 | Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế nội thất một khách sạn (hoặc văn phòng), qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế nội thất những không gian công cộng tương tự vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ. Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế nội thất khách sạn (hoặc văn phòng). | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------|---|------------|------------------|--|
| 64 | Thiết kế nội thất 7 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế cải tạo nội thất một không gian (nhà ở hoặc công cộng), qua đó sinh viên sẽ có một kiến thức tổng quát để thiết kế cải tạo nội thất những không gian tương tự vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ. Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong nội thất và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất. Có kiến thức tổng hợp về hồ sơ thiết kế cải tạo nội thất một không gian sẵn có</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 65 | Thiết kế sân vườn | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được thực hành về cách xử lý, tạo hình trang trí không gian ngoại thất công trình. Đặc biệt biết cách phân tích hiện trạng công trình có sẵn để lựa chọn phong cách thiết kế; bố trí không gian; xác định điểm nhấn; xử lý thiết kế các thành phần ngoại thất; sử dụng và sáng tạo vật liệu. - Sinh viên được trang bị kiến thức để thiết lập ý đồ ngoại thất phối hợp với nội thất nhằm thể hiện rõ hơn tư tưởng và ý đồ sáng tạo từ ban đầu của KTS trong thiết kế công trình. Đồng thời hiểu được tầm quan trọng, mối liên hệ giữa không gian kiến trúc với nội ngoại thất; mối liên hệ mật thiết giữa không gian nội thất và sân vườn. - Có kinh nghiệm để ứng dụng cho các không gian tương tự và tự tin hành nghề trong tương lai | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | Chuyên đề (chọn 2 trong 3 HP) | | 2 | 8 | |
| 66 | <i>1. Xu hướng thiết kế nội thất đương đại</i> | Sinh viên cần nắm được các nội dung sau: - Xu hướng thiết kế nội thất chung. - Các xu hướng nội thất đương đại. - Đặc điểm - Giới thiệu các không gian nội thất tham khảo. - Khai thác các giá trị truyền thống của các xu hướng thiết kế đương đại. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 67 | <i>2. Nội thất các công trình bảo tồn và cải tạo</i> | Giúp sinh viên định hướng nghiên cứu đồ án tổng hợp và đồ án tốt nghiệp | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 68 | <i>3. Công nghệ, vật liệu mới trong nội thất</i> | Cung cấp cho sinh viên các công nghệ từ thiết kế tới thi công nội thất. Hệ thống hóa các chủng loại vật liệu trong nội thất (đặc biệt là các vật liệu mới – vật liệu phi truyền thống). Tạo tính chủ động trong việc cập nhật kịp thời các công nghệ, chủng loại vật liệu mới phục vụ cho sáng tác và thi công nội thất. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 69 | Đồ án tổng hợp | Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học và kinh nghiệm của các đồ án trước lựa chọn vào đề tài phong phú hơn, có nhiều không gian và không gian đa năng | 6 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>Sinh viên nắm được trình tự nghiên cứu thiết kế một đồ án nội thất với mức độ cao, thực tập quy trình và khối lượng một bộ hồ sơ thiết kế nội thất dạng thiết kế thi công</p> <p>Sinh viên biết được mối liên hệ giữa phần kiến trúc với nội thất một công trình công cộng, phối hợp giữa giải pháp trang trí với hệ thống kỹ thuật công trình.</p> <p>Có liên hệ chặt chẽ với không gian sân vườn bên ngoài</p> <p>Sinh viên tự lựa chọn thể loại công trình có tính đa năng, nhiều không gian như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, bệnh viện, trung tâm hội nghị, nhà văn hoá..... để nghiên cứu nội và ngoại thất</p> <p>Dựa vào hồ sơ kiến trúc công trình đã chọn, sinh viên nghiên cứu và đề xuất ý tưởng thiết kế sơ bộ toàn bộ công trình. Trên cơ sở đó nghiên cứu thiết kế thi công chi tiết một vài không gian nội thất chính như sảnh chính; khán phòng; không gian giải trí; sảnh khánh tiết, không gian trưng bày ...</p> <p>Thiết kế cả đồ đạc và không gian sân vườn đi kèm</p> <p>Thuyết minh đồ án</p> <p>Làm tiền đề cho đồ án tốt nghiệp</p> <p>Bảo vệ trước hội đồng bộ môn</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 6 /10 |
| 70 | Thực tập tốt nghiệp | <p>Củng cố và vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học vào nhiệm vụ cụ thể đối với công việc thực tế được giao trong thời gian thực tập.</p> <p>Tìm hiểu thực tế và tham gia thiết kế - khai triển lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và bản vẽ chi tiết thi công nội thất thuộc chuyên ngành.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--|---|---|------------|------------------|---|
| | | Làm quen với công tác quản lý chuyên môn, biết làm việc phối hợp trong nhóm công tác với nhau và nâng cao hiểu biết các vấn đề kỹ thuật của chuyên ngành qua công việc thực tế sản xuất. Trong thời gian thực tập tốt nghiệp, ngoài nhiệm vụ thực tập được giao sinh viên phải tiến hành sưu tầm tài liệu, chuyên đề theo hướng xác định đề tài tốt nghiệp, kết thúc đợt thực tập sinh viên phải có đề tài tốt nghiệp để đăng ký với Xưởng | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 71 | Đồ án tốt nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, chuyên sâu, thực tế, tính thích dụng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội khi ra trường | 12 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 4/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 6 /10 |
| VII Ngành Điều khắc. Khóa 2020-2021 | | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 4 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 5 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 6 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| 7 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 8 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 9 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 10 | Kĩ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 12 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 5 | Biểu 18C1 |
| 13 | Tâm lý học | <p>a. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tâm lý người, giúp sinh viên hiểu được: cơ sở, các quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý người. Trên cơ sở đó có hướng vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống và công tác của bản thân sau này.</p> <p>b. Kỹ năng: Biết quan sát để nắm bắt tâm lý người khác để hiểu và xác lập quan hệ đúng mức. Biết phân tích các tình huống nảy sinh trong quan hệ qua lại giữa con người với con người và biết xử lý tốt các tình huống đó.</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 - Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| 14 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 6 | Biểu 18C1 |
| 16 | Xã hội học | <p>Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 17 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 7 | Biểu 18C1 |
| 18 | Mĩ học | <p>a. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm mỹ học cơ bản trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm mác-xít về bản chất, những vấn đề có tính quy luật trong đời sống văn hóa thẩm mỹ b. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên sự nhận thức đúng đắn về cái đẹp trong đời sống của con người và xã hội.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>Trên cơ sở đó, bồi dưỡng cho sinh viên về tư tưởng, tình cảm, thị hiếu, lối sống, giúp sinh viên có được định hướng giá trị thẩm mỹ tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh tích cực, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong đời sống</p> <p>c. Thái độ: Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người</p> | | | <p>trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 19 | Văn hóa Việt Nam | <p>a. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV cách nhìn nhận có tính hệ thống và tổng hợp để tiếp cận cơ sở lý luận của văn hoá học: khái niệm, chức năng, cấu trúc v.v. - Giúp SV biết cách nhìn nhận và đánh giá một hiện tượng văn hoá - Giúp SV nắm được những nét đặc trưng của văn hoá nền Văn hoá Việt Nam, để từ đó hiểu được và nắm bắt được bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. <p>b. Kỹ năng</p> <p>Sau khi hiểu được văn hoá là gì cũng như những đặc trưng, bản sắc của Văn hoá Việt Nam, giúp SV có một cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hoá, và định hướng phát huy trong bối cảnh toàn cầu hoá. Văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>c. Thái độ</p> <p>Có ý thức tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý con người.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------|---|------------|------------------|---|
| 20 | Hình họa 1 | Rèn luyện kỹ năng sử dụng bút sắt, diễn tả hình khối, không gian bằng chấm và nét. Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Giúp SV có nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 21 | Màu sắc cơ bản | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có nhận thức đúng về màu cơ bản: đặc trưng, đặc tính, các hiệu ứng của màu sắc, hòa sắc... Là tiền đề tạo ra tương quan hòa sắc phong phú và chủ động. - Rèn luyện kỹ năng pha màu một cách có ý thức trên cơ sở nắm vững khoa học về màu sắc là điều kiện tiên quyết để tạo ra các tương quan hòa sắc một cách chủ động. - Các bài tập về màu sắc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bố cục, sắp xếp các tương quan để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ. - Biết cách ứng dụng trong thực tế đời sống, chuyên ngành. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Hình họa 2 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình. Rèn luyện cảm thụ và phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu mực nho trong thể hiện hình khối bằng nét và mảng. Nắm vững tương quan đậm nhạt và khả năng biểu đạt của sáng tối. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|--|------------|------------------|---|
| | | Môn học tạo liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và cơ sở ngành. Tạo nền tảng thẩm mỹ vững chắc giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo | | | |
| 23 | Nhân trắc học | Sinh viên nắm vững kiến thức, hiểu biết về nhân trắc học. Qua số đo, qua hệ xương, cơ, các bộ phận và tỷ lệ cơ thể con người, nhằm mục đích ứng dụng trong thiết kế Design mỹ thuật công nghiệp. | 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Hình họa 3 P1 | <p>Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ, sử dụng thành thạo chất liệu màu nước trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm...</p> <p>Môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành.</p> <p>Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 25 | Vẽ phối cảnh | <p>+ Về kiến thức :</p> <p>Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo.</p> <p>+ Về kỹ năng :</p> <p>Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật.</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 26 | Vẽ kỹ thuật | <p>+ Về kiến thức :</p> <p>Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả</p> | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần : + Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | | năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo. + Về kỹ năng : Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật. Nắm vững các tiêu chuẩn cơ bản của bản vẽ kỹ thuật. | | | - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 27 | Nguyên lý thị giác | Hình thành tư duy sáng tạo làm nền tảng cho các môn chuyên ngành | 2 | 2 | Điểm kết thúc học phần: thang điểm 10 * Điểm quá trình: 3/10 gồm: - điểm chuyên cần: 1/10 / điểm bài tập kiểm tra: 2/10 * Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Lịch sử nghệ thuật | - kiến thức: Giúp sinh viên nắm được tiến trình của nền Nghệ thuật Thế giới và Việt Nam từ Nguyên thủy cho đến thời hiện đại, qua đó sinh viên nắm được đặc Điểm, thành tựu cũng như bản chất của Các trường phái Các trào lưu và Các nền Nghệ thuật. - Kỹ năng: qua việc tìm hiểu về đặc Điểm, phong cách và bản chất của Các trường phái, Các trào lưu, Các nền Mỹ thuật Giúp sinh viên nhận thấy Mỹ thuật nói riêng hay Nghệ thuật nói chung là những Hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, nó phản ánh trực tiếp xã hội đã sinh ra nó. Điều đó Giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong nghề nghiệp của mình. - thái độ: có ý thức Tự hoàn thiện bản thân, có thái độ tôn trọng người khác, tôn trọng những yếu tố khách quan chi phối sự Hình thành và phát triển tâm lý con người. | 2 | 2 | • Hình thức đánh giá học phần: + Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Lịch sử kiến trúc | Hệ thống hóa kiến thức, hình thành quan điểm nhận | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | định mang tính tổng kết và kế thừa bài học từ lịch sử phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập các học phần liên quan đến kiến trúc - quy hoạch. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 30 | Lịch sử điêu khắc hiện đại | Kiến thức: Nhận thức được tầm quan trọng của điêu khắc trong bối cảnh xã hội và đô thị hiện đại, sự thay đổi vai trò của điêu khắc trong việc tạo dựng chất cảm nghệ thuật trong xã hội hiện nay, vì sự phát triển thẩm mỹ của con người. Kỹ năng: Có khả năng nhận diện và dự báo sự phát triển của điêu khắc trong đô thị và xã hội hiện nay để vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 31 | Hình họa 3 P2 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ; giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 33 | Trang trí cơ bản 1 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | sáng tác chuyên ngành. | | | |
| 34 | Trang trí cơ bản 2 | - Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, chuyển hóa hình ảnh thị giác sang hình có cấu tạo thẩm mỹ. - Rèn luyện kỹ năng thao tác và tư duy tạo hình.. - Phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo. - Biết cách ứng dụng trong thực tế công việc, trong sáng tác chuyên ngành. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 35 | Hình họa 4 | Giúp cho sinh viên nắm chắc nguyên lý cơ bản về tạo hình, rèn luyện cảm thụ, phương pháp, kỹ năng biểu cảm, biểu đạt thẩm mỹ. Sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu trong việc diễn tả hình thể, không gian, biểu chất, biểu cảm... môn học tạo được sự liên hệ kiến thức với hệ thống các môn học Đại cương và Cơ sở ngành. Phát triển kỹ năng vẽ tay, trí tuệ thẩm mỹ; giúp sinh viên tự tin học tập, sáng tạo trong chuyên ngành. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 36 | Lý thuyết thiết kế kiến trúc | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 37 | Nghệ thuật chiếu sáng đô thị | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo, khả năng và đặc trưng biểu cảm của các loại nguồn sáng cũng như các loại nguồn sáng cũng như đại lượng đo lường của ánh sáng, | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>thụ cảm thị giác và chiếu sáng nghệ thuật. Các nội dung, phương pháp luận nghiên cứu và các kỹ năng cơ bản lựa chọn thiết kế chiếu sáng nghệ thuật đô thị được chú trọng phân tích kỹ lưỡng, từ đó giúp sinh viên vận dụng vào trong các giải pháp thiết kế kiến trúc, quy hoạch đô thị.</p> <p>Kết quả là sinh viên có thể tự nghiên cứu, đưa ra được các đề xuất lựa chọn giải pháp thiết kế chiếu sáng nghệ thuật đô thị, áp dụng cụ thể trong thiết kế, quy hoạch trong từng khu chức năng đô thị.</p> | | | <p>trình thực tập: 3/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 5/10</p> |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |
| 39 | <i>2. Nghệ thuật sắp đặt</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cho sinh viên có cơ sở ban đầu về kết hợp những loại hình nghệ thuật với nhau. - Phát triển kiến thức và kỹ năng của sinh viên trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt và thực hành nghệ thuật sắp đặt đương đại. - Khả năng quan sát nghiên cứu sâu làm cho cá tính sáng tạo được phát triển . <p>Sinh viên sẽ sử dụng vững kiến thức trong các nguyên tắc của nghệ thuật sắp đặt bao gồm cả không gian, ý tưởng, can thiệp bối cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên sẽ phát triển kỹ năng để đáp ứng thiết lập dự án, thực hiện nghiên cứu cá nhân và trình bày một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt cá nhân. - Sử dụng thành thạo các chất liệu mới và với lợi thế từ kiến thức sau khi học xong môn học này sinh viên sẽ ứng dụng vào trong các công trình Kiến trúc của mình, sao cho hài hòa và tăng thêm vẻ đẹp cho công trình mà | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|--|------------|------------------|---|
| | | mình thiết kế. | | | |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 40 | <i>1. Tạo dáng công nghiệp</i> | Kiến thức: Cung cấp cho người học kiến thức về nguyên lý của nét và mảng trong bố cục hình khối Kỹ năng: giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc hình khối làm tiền đề cho tạo dáng sản phẩm công nghiệp | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 41 | <i>2. Nghệ thuật ảnh</i> | Nắm vững nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật nhiếp ảnh, vận dụng những kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế công việc, học tập. Hiểu được mối quan hệ giữa nhiếp ảnh với Mỹ thuật, Kiến trúc. Nhận thức rõ vai trò của nhiếp ảnh trong sáng tạo nghệ thuật. Thực hành thành thạo, đạt kết quả tốt theo đúng mục đích, yêu cầu của môn học. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 42 | Vẽ ghi | Nắm vững phương pháp đo vẽ và thành thạo kỹ năng thực hành để vận dụng có hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khảo sát, bảo tồn di sản, thiết kế cải tạo, cũng như trong hành nghề kiến trúc nói chung. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 3 HP) | | | 2 | 7 | |
| 43 | <i>1. Lý thuyết kiến trúc cảnh quan</i> | - Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất. - Mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Điểm bài tập lớn: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế. - Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | |
| 44 | 2. Bảo tồn di sản kiến trúc | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về di sản kiến trúc và đô thị, mục đích, nội dung và phương pháp của công tác bảo tồn trùng tu. Hướng dẫn cho sinh viên hiểu cách thức thực hiện, nhấn mạnh và làm rõ vai trò các công việc của kiến trúc sư trong công tác bảo tồn trùng tu di tích hay địa điểm di sản | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 45 | 3. Thi công nội thất | <p>Sinh viên được thực hành về cách xử lý, trình bày trang trí không gian nội thất công trình. Ý tưởng thiết kế phần lớn vẫn theo các bài tập hoặc đề án của sinh viên đã từng làm trước đây nhưng sẽ đi sâu hơn về phần cấu tạo của các thành phần kiến trúc, của đồ đạc...Khuyến khích các sinh viên biết cách phân tích hiện trạng công trình có sẵn để lựa chọn phong cách thiết kế; bố trí không gian; xác định điểm nhấn; xử lý thiết kế các thành phần nội thất; sử dụng và sáng tạo vật liệu.</p> <p>Sinh viên được trang bị thêm một số kiến thức cơ bản về giá cả của các loại vật liệu, đơn giá nhân công của các hạng mục nội thất. Ngoài ra sinh viên còn được giới thiệu về các loại sản phẩm nội thất của các hãng, các thành phần trang thiết bị công trình.</p> <p>Sinh viên nắm vững các kỹ năng thực tiễn để xử lý các thành phần cơ bản của không gian nội thất và phương</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | pháp tập hợp tài liệu, mẫu vật thực tế nhằm tham khảo và áp dụng cho công trình | | | |
| 46 | Tham quan | <p>Kiến thức: Vận dụng những kiến thức đã học giữa lý thuyết và thực tế các công trình được đi tham quan. Tìm hiểu thực tế để vẽ ghi và ký hoạ lại các công trình đã tham quan. Làm quen với các công trình trên thực tế. Thu thập tài liệu, cho các đồ án trên.</p> <p>Kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích công trình thực tế, khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích công trình. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ đo đạc và thu thập tài liệu thực tế .</p> | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Điêu khắc nghiên cứu - sáng tác 1 | <p>Kiến thức: Cung cấp cho người học cách thức đơn giản để quy các sự vật thành hình khối tối giản. Cung cấp cho học viên kiến thức về nguyên lý của nét và mảng trong bố cục hình khối của các khối tối giản.</p> <p>Kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc hình khối. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra hình khối.</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 49 | Điêu khắc nghiên cứu - sáng tác 2 | <p>Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và sự đơn giản các chi tiết trên một khuôn mặt. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên lí</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>mảng và cách tổ chức mảng để tạo ra những hình khối phức tạp.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc mảng phẳng để tạo ra hình khối, làm tiền đề cho các phác thảo điêu khắc sau này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên cách cô đọng và đơn giản hình mà vẫn giữ được tinh thần của mẫu.</p> <p>Rèn cho sinh viên biết cách chia tỉ lệ trên khuôn mặt.</p> <p>Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra tượng phát mảng</p> | | | <p>trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 50 | Kỹ thuật điêu khắc | <p>Kiến thức:</p> <p>Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của kỹ thuật điêu khắc. Cung cấp cho học viên kiến thức về nguyên lý của vật liệu, kỹ thuật nhằm giúp cho sinh viên chủ động trong việc triển khai hiện thực hoá ý đồ sáng tác.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng triển khai và thi công các ý đồ sáng tác. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra tác phẩm, bao gồm các kỹ thuật trên các chất liệu cơ bản : thạch cao, silicon, composite như đồ khuôn, đồ sản phẩm. và các chất liệu nâng cao như sắt, kim hoạt, gỗ như kỹ thuật hàn, gò ,cắt kim loại, kỹ thuật đục gỗ, kỹ thuật làm tượng gốm – đất nung</p> | 3 | 5 | <p>Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 51 | Phương pháp sáng tác điêu | <p>Kiến thức:</p> <p>Cung cấp cho người học nhận thức và tư duy sáng tạo.</p> | 2 | 5 | <p>• Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình:</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | khắc | <p>Cung cấp cho học viên kiến thức về nguyên lý và cách lập hồ sơ thiết kế điều khắc thực tế.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng nhìn nhận tổng quan và tư duy tổng thể về nghề nghiệp. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra hồ sơ thiết kế điều khắc.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 52 | Điều khắc nghiên cứu - sáng tác 3 | <p>Kiến thức:</p> <p>Củng cố thêm cho sinh viên kiến thức và tỉ lệ chi tiết trên một khuôn mặt.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nguyên lí mảng và cách tổ chức mảng để toạ ra hình khối phức tạp, phẳng và cong, các đường hướng để tạo ra chi tiết trên tác phẩm nhằm toát lên tinh thần và đặc điểm của mẫu.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp cho sinh viên có kĩ năng thành thạo trong việc chia tỉ lệ khuôn mặt, biết cách nhận ra các đặc điểm của mẫu và biết cách tổ chức để hình thành một tác phẩm nhỏ làm tiền đề cho các tác phẩm điều khắc phức tạp sau bài này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên kiến thức về nhân trắc học – giải phẫu tạo hình.</p> <p>Rèn cho sinh viên biết cách chi tỉ lệ để tạo thành diện mạo của tác phẩm</p> <p>Rèn cho sinh viên biết cách kết hợp các công cụ để tạo chất da thịt và chất sừng bóng của tóc.</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lí</p> | 2 | 5 | <p>• Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>cấu trúc mảng phẳng để tạo ra hình khối, làm tiền đề cho các phác thảo điêu khắc sau này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên cách nhìn hình mà vẫn giữ được tinh thần của mẫu.</p> <p>Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra tượng chân dung hoàn chỉnh.</p> | | | |
| 53 | Điêu khắc ứng dụng 1 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo phù điều cho nội thất hoặc ngoại thất của một công trình kiến trúc bất kỳ vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác phù điều và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến công trình điêu khắc bất kỳ để hoàn thành đồ án thiết kế phù điều.</p> <p>Nắm được mối liên hệ giữa tranh phù điều và không gian đặt để - từ đơn giản tới phức tạp, theo nội dung ,chức năng của từng thể loại công trình.</p> <p>Có khả năng nắm bắt, chủ động sử dụng để áp dụng vật liệu, chất liệu vào đồ án cũng như công trình thực tế.</p> | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 54 | Điêu khắc nghiên cứu - sáng tác 4 | <p>Kiến thức:</p> <p>Củng cố thêm cho sinh viên kiến thức và tỉ lệ chi tiết các khối cơ trên cơ thể người.</p> <p>Là cơ hội để cho sinh viên ôn lại và nghi nhớ những bó cơ, xương trên toàn thân người.</p> | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nguyên lí mảng cơ và cách tổ chức mảng để tạo ra bó cơ phức tạp, phẳng và cong, các đường hướng để tạo ra chi tiết trên tác phẩm nhằm toát lên tinh thần và đặc điểm của mẫu – mẫu cơ bắp trên cơ thể người.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp cho sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc chia tỉ lệ khuôn mặt, biết cách nhận ra các đặc điểm của mẫu và biết cách tổ chức để hình thành một tác phẩm nhỏ làm tiền đề cho các tác phẩm điêu khắc phức tạp sau bài này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên kiến thức về nhân trắc học – giải phẫu tạo hình.</p> <p>Rèn cho sinh viên biết cách chia tỉ lệ để tạo thành diện mạo của tác phẩm</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lí cấu trúc mảng phẳng để tạo ra hình khối, làm tiền đề cho các phác thảo điêu khắc sau này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên cách nhìn hình tổng thể trên một bài tập có nhiều chi tiết, đòi hỏi tính tỉ mỉ và cẩn thận</p> <p>Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra tượng lột da toàn thân hoàn chỉnh.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 55 | Chất liệu điêu khắc | <p>Nắm được mối liên hệ giữa vật liệu và chất liệu - từ đơn giản tới phức tạp, theo nội dung ,chức năng của từng thể loại công trình.</p> <p>Có khả năng nắm bắt, chủ động sử dụng để áp dụng vật liệu, chất liệu vào đồ án cũng như công trình thực tế.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 56 | Thực tập công nhân | <p>Kiến thức: Vận dụng những kiến thức đã học giữa lý thuyết và trên thực tế . Tìm hiểu thực tế để đo đạc khảo sát hiện trạng kiến trúc phục vụ cho thiết kế nội thất. Làm quen với các công trường thi công điều khắc. Kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc thi công điều khắc. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ trong thi công điều khắc.</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 57 | Điều khắc ứng dụng 2 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo các tác phẩm điều khắc trang trí cho không gian nội thất của một công trình kiến trúc bất kỳ vừa đảm bảo công năng cũng như thẩm mỹ. Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác điều khắc trong và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng kỹ thuật đến công trình kiến trúc bất kỳ để hoàn thành đồ án thiết kế điều khắc bên trong các công trình kiến trúc</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Điều khắc nghiên cứu sáng tác 5 | <p>Kiến thức: củng cố thêm cho sinh viên kiến thức và tỉ lệ chi tiết các khối cơ trên cơ thể người. Làm xong bài này sinh viên sẽ nắm vững tất cả các vấn</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>đề về tượng người toan thân, các môn lý thuyết và quan trọng hơn sinh viên sẽ biết cách tự tổ chức để xây dựng một tác phẩm tỉ lệ 1:1 kích thước bằng thật.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp cho sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc dựng cốt, đo phóng tỉ lệ, củng cố kiến thức những môn lý thuyết chuyên ngành và quan trọng là tạo cho sinh viên cái nhìn tổng quan khi làm những bức tượng lớn. Sau này sinh viên sẽ hình dung được tỉ lệ nếu ghép những tượng riêng thành những nhóm tượng, trong khuôn viên hat không gian mở.</p> <p>Củng cố cho sinh viên kiến thức về nhân trắc học – giải phẫu tạo hình.</p> <p>Phải rèn cho sinh viên biết cách chia tỉ lệ để tạo thành diện mạo của tác phẩm</p> <p>Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý cấu trúc mảng phẳng để tạo ra hình khối, làm tiền đề cho các phác thảo điêu khắc sau này.</p> <p>Củng cố cho sinh viên cách nhìn hình tổng thể trên một bài tập có nhiều chi tiết, đòi hỏi tính tỉ mỉ và cẩn thận</p> <p>Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ để tạo ra tượng toan thân hoàn chỉnh.</p> | | | <p>trình học tập:</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 59 | Điêu khắc ứng dụng 3 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo các tác phẩm điêu khắc cho không gian công viên hoặc sân vườn của một công trình kiến trúc hay đô thị bất kỳ vừa đảm bảo công năng, mục đích văn hoá cũng</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác điêu khắc trong và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng thẩm mỹ nội dung, hình thức của ngôn ngữ điêu khắc đến không gian công viên – sân vườn để hoàn thành đồ án.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 60 | Điêu khắc ứng dụng 4 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo các tác phẩm điêu khắc cho không gian đường phố hoặc không gian công cộng của các đô thị vừa đảm bảo công năng, mục đích văn hoá cũng như thẩm mỹ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác điêu khắc trong và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý ảnh hưởng thẩm mỹ nội dung, hình thức của ngôn ngữ điêu khắc và tính tác động trực tiếp đến không gian đường phố trực tiếp để hoàn thành đồ án.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 61 | Điêu khắc ứng dụng 5 | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ:</p> <p>Nắm vững được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo các tác phẩm điêu khắc gắn với các công trình kiến trúc.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác điêu khắc trong và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | cách xử lý ảnh hưởng thẩm mỹ nội dung , hình thức của ngôn ngữ điêu khắc và tính đặc thù của đối tượng sử dụng công trình kiến trúc ấy, hay tính đặc biệt về ngôn ngữ thiết kế của kiến trúc sư, hay tính đặc biệt ấn tượng của vật liệu tạo nên công trình ấy để hoàn thành đồ án. | | | |
| 62 | Điêu khắc ứng dụng 6 | Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ: Nắm được phương pháp và trình tự thiết kế sáng tạo các tác phẩm điêu khắc không gian lớn, bởi quảng trường là trái tim, trung tâm của các đô thị, thành phố. Vận dụng linh hoạt các bước trong khi bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng như: xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, ánh sáng, chất liệu... trong sáng tác điêu khắc và tìm hiểu thông qua lấy tài liệu thực tế để đưa ra các cách xử lý, ảnh hưởng thẩm mỹ nội dung , hình thức của ngôn ngữ điêu khắc và tính đặc thù của đối tượng sử dụng là con người và bối cảnh kiến trúc xung quanh, hay tính đặc biệt về ngôn ngữ thiết kế của kiến trúc sư, hay tính đặc biệt ấn tượng của vật liệu tạo nên công trình ấy để hoàn thành đồ án. | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| | Chuyên đề (chọn 1 trong 2 HP) | | 1 | 8 | |
| 63 | <i>1. Xu hướng thiết kế điêu khắc đương đại</i> | Kiến thức: Cung cấp cho người học nhận thức và tư duy sáng tạo. Cung cấp cho học viên kiến thức về các xu hướng và cách thức một xu hướng hình thành và phát triển. Cung cấp cho học viên kiến thức chung và hệ thống hoá các xu hướng phát triển đã và đang có ở Việt Nam và trên Thế giới. Kỹ năng: | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|--|
| | | Giúp sinh viên có kỹ năng nhìn nhận tổng quan và tư duy tổng thể về nghề nghiệp. Giúp cho sinh viên tính chủ động trong công việc sáng tác và cách sử dụng tốt ngôn ngữ của các xu hướng điều khắc để vận dụng vào công việc. | | | |
| 65 | Đồ án tổng hợp | Tổng duyệt các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành của sinh viên để chuẩn bị cho giai đoạn cuối làm Đồ án tốt nghiệp. Củng cố phương pháp tiếp cận tổng hợp và nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên, hoàn thiện nhận thức về phương pháp luận thiết kế kiến trúc. | 6 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp | <p>Kiến thức:</p> <p>Củng cố và vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học vào nhiệm vụ cụ thể đối với công việc thực tế được giao trong thời gian thực tập.</p> <p>Tìm hiểu thực tế và tham gia thiết kế - khai triển lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thực hành công trình tại công trường thuộc chuyên ngành.</p> <p>Làm quen với công tác quản lý chuyên môn, biết làm việc phối hợp trong nhóm công tác với nhau và nâng cao hiểu biết các vấn đề kỹ, tay nghề thuật của chuyên ngành qua công việc thực tế sản xuất.</p> <p>Trong thời gian thực tập tốt nghiệp, ngoài nhiệm vụ thực tập được giao sinh viên phải tiến hành sưu tầm tài liệu, chuyên đề theo hướng xác định đề tài tốt nghiệp, kết thúc đợt thực tập sinh viên phải có đề tài tốt nghiệp để đăng ký với Xưởng.</p> <p>Kỹ năng:</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------|---|--|------------|------------------|--|
| | | Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc xử lý và làm quen với việc làm bài tốt nghiệp. Rèn cho sinh viên tính kiên trì trong công việc và cách sử dụng các công cụ làm bài tốt nghiệp. | | | |
| 67 | Đồ án tốt nghiệp | Đánh giá tổng hợp trình độ nhận thức và kỹ năng chuyên môn của sinh viên, làm cơ sở để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Nghệ Thuật | 12 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| VIII | Kỹ thuật công trình xây dựng (chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp). Khóa 2015 - 2019 | | | | |
| 1 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Hoá học đại | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--------------------------------|
| | cương | | | | |
| 9 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 20 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 21 | Kiến trúc công | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ | 2 | 2 | - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | trình | bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | | | + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Đồ án kiến trúc | Giúp cho sinh viên nắm được mối quan hệ giữa các hình chiếu (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt) trong hồ sơ thiết kế, quan hệ giữa không gian và hình khối kiến trúc trong thực tế. Thông qua đồ án, sinh viên nắm được cách thức thể hiện một hồ sơ thiết kế kiến trúc và biết cách khai thác thông tin từ đó để phục vụ công tác chuyên môn. | 1 | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 3 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 24 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 25 | Kĩ thuật điện | <p>Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạch điện đô thị” và “Thiết bị điện”.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện.</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 26 | Trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|--|
| | | tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình. | | | |
| 27 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức:Giúp sinh viên tiếp cận, nắm vững về cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của dụng cụ trắc địa. Nắm vững về các chỉ tiêu kỹ thuật, các hạn sai cho phép của từng giai đoạn cụ thể trong thiết kế và thi công công trình ngầm. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng được các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công công trình ngầm</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng:</p> <p>Biết sử dụng các loại dụng cụ, máy trắc địa để đo đạc các yếu tố cơ bản góc, cạnh, độ cao. Sử dụng máy bố trí và kiểm tra công tác chuyển các yếu tố cơ bản ra thực địa. Sử dụng máy trắc địa bố trí công trình và đo kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình; Biết cách thức và qui trình đo đạc ngoại nghiệpRèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm trong điều kiện ngoài trời..</p> <p>Nắm được công nghệ định hướng dưới lòng đất và dẫn hướng cho việc đào xuyên hầm đối hướng.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần công trình ngầm</p> | 1 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thực hành trên máy. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 28 | Vật lý kiến trúc | <p>Kiến thức:</p> <p>- Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình. - Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng. - Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình. - Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn. - Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu. | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 29 | Vật liệu xây | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|--|
| | dụng P1 | bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | | | luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 30 | Thủy lực P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. - Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước. - Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy. - Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục cho mục tiêu thi công công trình xây dựng. - Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>- Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế;</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo.</p> <p>- Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo;</p> <p>- Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp</p> | | | |
| 31 | Cơ học cơ sở P2 | <p>Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về:</p> <p>- Các đặc trưng chuyển động của vật thể: dịch chuyển, quỹ đạo, vận tốc dài và vận tốc góc, gia tốc dài và gia tốc góc.</p> <p>- Phương pháp xác định vận tốc (góc), gia tốc (góc), tính chất chuyển động (đều, nhanh dần, chậm dần) của các chất điểm và vật rắn chuyển động.</p> <p>- Mối liên hệ giữa các đại lượng đặc trưng cho chuyển động (thời gian, dịch chuyển, vận tốc, gia tốc) với các đại lượng đặc trưng cho tác dụng (lực, ngẫu lực).</p> <p>- Một số phương pháp giải các bài toán động lực học bằng các định lý tổng quát: Bài toán thuận (cho trước chuyển động, tìm lực đã gây nên chuyển động ấy) và bài toán ngược (cho trước lực tác dụng và các điều kiện ban đầu, tìm chuyển động của chất điểm hoặc vật rắn).</p> <p>- Phương pháp giải bài toán động lực học bằng các nguyên lý cơ học: nguyên lý Đ'alembert, nguyên lý di</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|--|
| | | chuyên khả dĩ. - Bước đầu dự đoán các ứng xử động lực học của cơ hệ và kết cấu ví dụ như các ảnh hưởng tiêu cực của lực quán tính lên sự ổn định của vật thể và kết cấu | | | |
| 32 | Địa chất công trình | Môn học trang bị cho sinh viên ngành Xây dựng dân dụng công nghiệp và Xây dựng công trình ngầm đô thị những kiến thức cơ bản về các hiện tượng địa chất tự nhiên, các điều kiện địa chất công trình của một khu vực xây dựng, từ đó giúp sinh viên hình thành các kỹ năng đánh giá điều kiện địa chất công trình thông qua các tài liệu địa chất. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức về địa chất trong việc lập nhiệm vụ khảo sát, sử dụng kết quả khảo sát địa kỹ thuật để thiết kế cũng như dự báo các vấn đề địa chất có thể xảy ra khi thi công nền móng các công trình xây dựng và công trình ngầm | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 33 | Sức bền vật liệu P2 | Sau khi hoàn thành học phần sinh hiểu và nắm vững cách tính nội lực, chuyển vị, ứng suất cho thanh chịu tác dụng phức tạp (chịu lực phức tạp, chịu tải trọng động ...). Từ đó vận dụng để giải quyết các bài toán bền, cứng và ổn định của thanh | 3 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Cơ học kết cấu | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | P1 | tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | | | luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | Thực hành địa kỹ thuật | củng cố phần lý thuyết của môn học địa chất công trình, làm cơ sở để tiếp thu các môn học cơ học đất và nền móng. Sinh viên sau học xong sẽ nhận biết đầy đủ chính xác độ tin cậy của các số liệu đất nền trong việc tính toán thiết kế nền móng. | 1 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 36 | Vật liệu xây dựng P2 + Thí No VLXD | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | Vì có thể nói: “Vật liệu là điều kiện cần và công nghệ là điều kiện đủ để chế tạo nên công trình”. | | | |
| 37 | Cơ học kết cấu P2 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng siêu tĩnh và hệ thanh không gian, cũng như nắm được khái niệm và cách tính với hệ tĩnh định chịu tải trọng di động. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 38 | Cơ học môi trường liên tục | Sinh viên có những kiến thức cơ bản về trạng thái ứng suất biến dạng và định luật Húc. Sinh viên nắm được các phương trình cân bằng tĩnh học, hình học, vật lý và đường lối giải các bài toán trạng thái ứng suất, biến dạng phẳng. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 39 | Cơ học đất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chắn đồng thời giúp sinh viên vận dụng thành thạo các kiến thức đó vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đất trong khi thiết kế và thi công các công trình xây dựng | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận +Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1.0/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2.0/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập, ..) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 40 | Cấp thoát nước | - Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành cấp thoát nước mà là một kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng công trình cần nắm bắt được để phục vụ công tác thiết kế, xây lắp, giám sát, quản lý, vận hành và sửa chữa công trình | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 41 | Máy xây dựng | Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy thiết bị xây dựng. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy xây dựng phù hợp với yêu cầu công tác thi công | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0,5/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 42 | Các phương pháp số | Sinh viên có kiến thức và kỹ năng xây dựng và giải các bài toán kết cấu công trình bằng phương pháp số cũng như hiểu rõ bản chất của các phân toán kết cấu công trình | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | | | | trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 43 | Thực tập công nhân | Giúp sinh viên các kiến thức cơ bản và làm quen với 4 nghề đặc trưng của ngành xây dựng: nề, mộc, sắt, bê tông. Từ đó sinh viên tiếp cận các kiến thức học phần chuyên ngành thuận lợi hơn, cũng như phục vụ công tác chuyên môn sau khi ra Trường | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 44 | Pháp luật xây dựng | Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng pháp luật xây dựng trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị. | 1 | 6 | Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Học phần trang bị cho sinh viên lí thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện BTCT như: dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012 | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết cuối học phần |
| 46 | ĐA Kết cấu bê | Sinh viên biết vận dụng lí thuyết cơ bản để thiết kế thực | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | tông cốt thép P1 | <p>hành kết cấu bê tông cốt thép, theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT, TCVN 5574:2012. Cụ thể, sinh viên sẽ nắm được phương pháp thiết kế bản và dầm liên tục. (Hiểu được sơ đồ kết cấu của sàn; xác định sơ đồ tính, xác định sơ bộ kích thước tiết diện, xác định nội lực, tính toán cốt thép, cấu tạo cốt thép cho bản và dầm liên tục)</p> <p>Sinh viên sẽ được trang bị và làm giàu các kỹ năng: Quyết định, tính toán, viết thuyết minh, thể hiện bản vẽ, bảo vệ và đánh giá phương án thiết kế</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Ổn định và động lực học công trình | <p>Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính được tải trọng tới hạn với bài toán có một, nhiều hay vô hạn bậc tự do; cũng như tính được tần số dao động riêng với bài toán có một, nhiều hay vô hạn bậc tự do. Tính được nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng chịu tải trọng động</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần : 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Nền và móng | <p>Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và các phương pháp tính toán Nền và móng. Sinh viên được tiếp cận các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Kết thúc học phần, trong những điều kiện cụ thể, sinh viên biết lựa chọn giải pháp nền móng hợp lý và thiết kế được các loại nền, móng thông dụng đảm bảo an toàn và kinh tế</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận +Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | (Kiểm tra giữa kỳ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 49 | Đồ án nền và móng | Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và các phương pháp tính toán thiết kế nền và móng, giúp cho người học vận dụng lý thuyết tính trong việc thiết kế nền, móng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và công trình ngầm | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Kết cấu thép P1 | Trang bị cho người học kiến thức về vật liệu và các tính năng cơ học của thép xây dựng; cấu tạo và tính toán các loại liên kết dầm trong kết cấu thép; cấu tạo và tính toán các cấu kiện cơ bản dầm trong kết cấu thép như sàn, dầm, giàn, cột. | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 51 | Đồ án Kết cấu thép P1 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về kết cấu thép trong thực hành thiết kế kết cấu và công trình thực tế. | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 52 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng và truyền đạt cho sinh viên nghiên cứu, sử dụng được một số chương trình tin học ứng dụng, phục vụ hiệu quả cho chuyên ngành xây dựng - Sinh viên cần đạt các mục tiêu sau: Thành thạo sử dụng bảng tính điện tử Excel trong chuyên ngành xây dựng về tính toán một số bài toán cơ bản, tính toán cấu kiện, tổ hợp, bóc khối lượng ... Thành thạo sử dụng phần mềm hỗ trợ phân tích kết cấu | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá học phần: Thi trực tiếp trên máy tính tại phòng máy tính. - Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 Điểm chuyên cần: 1.5/10. Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0.5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>công trình SAP2000 với một số dạng công trình và bài toán phân tích cơ bản</p> <p>Bước đầu tạo khả năng ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 53 | Kĩ thuật thi công P1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp phần công tác đất và công tác bê tông, bê tông cốt thép toàn khối công trình | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 54 | Đồ án kĩ thuật thi công 1 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về tính toán thiết kế biện pháp thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 55 | An toàn và môi trường lao động | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 56 | Kết cấu bê tông cốt thép P2 | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức cơ bản để người học có khả năng triển khai các bước thiết kế kết cấu công trình BTCT nói chung. - Người học có kỹ năng phân tích, lựa chọn hệ kết cấu, quan niệm tính toán, phù hợp với từng loại công trình BTCT, có khả năng phối hợp với người thiết kế kiến trúc để đưa ra phương án thiết kế hợp lý, có tính khả thi. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần :/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 <p>Thi kết thúc học phần theo hình thức thi viết tự luận.</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| 57 | Đồ án kết cấu bê tông cốt thép P2 | Hướng dẫn người học thực hành triển khai các bước thiết kế kết cấu một công trình BTCT cụ thể. Người học có kỹ năng phân tích, lựa chọn hệ kết cấu, quan niệm tính toán phù hợp với đặc điểm hệ kết cấu, có kỹ năng tính toán thực hành từng bước thiết kế cho công trình thực, có khả năng đánh giá sự hợp lý kết quả thiết kế cuối cùng | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Kinh tế xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đầu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 59 | Kết cấu thép P2 | Giúp người học nắm được đặc điểm cấu tạo và tính toán các hệ kết cấu thép chịu lực trong nhà công nghiệp và nhà nhịp lớn. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|--|------------|------------------|---|
| 60 | Đồ án kết cấu thép P2 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về kết cấu thép trong thực hành thiết kế kết cấu và công trình thực tế. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 61 | Nghiên cứu thực nghiệm công trình | <p>Kết thúc học phần sinh viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm cơ bản các dụng cụ thí nghiệm và phương pháp đo; - Nắm cơ bản các phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng vật liệu trong phòng thí nghiệm và hiện trường. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về Kiểm định chất lượng công trình, liên quan trực tiếp đến công tác của một kỹ sư xây dựng khi ra trường. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp thí nghiệm công trình chịu tải trọng tĩnh (thử tải). | 2 | 7 | <p>Hình thức đánh giá học phần: Tự luận</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 10 <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 3/10 + Điểm kiểm tra báo cáo kết quả thực hành: 7/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 10 (trọng số 0,7) |
| 62 | Kỹ thuật thi công P2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp phần thi công lắp ghép và các công tác hoàn thiện công trình | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 63 | Đồ án kỹ thuật thi công 2 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về tính toán thiết kế biện pháp thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 1 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 2 trong 4 HP) | | | 2 | 8 | |
| 64 | 1. Thiết kế CT BTCT chịu tải trọng động đất | Sinh viên cần hiểu biết và làm được những công việc chính sau: Xác định được lực cắt đáy và phân phối lực cắt đáy cho | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>các tầng</p> <p>Tổ hợp các dạng dao động</p> <p>Tổ hợp nội lực khi có động đất</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế kết cấu chịu động đất</p> | | | <p>số):...../10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10</p> <p>(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận)</p> <p>Điểm quá trình: Bài tập chương 2 + Điểm danh</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần : Thi viết kết thúc học phần.</p> |
| 65 | 2. Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT | <p>Trang bị cho người học các lý luận và phương pháp cơ bản trong việc gia cố và sửa chữa kết cấu bê tông cốt thép. Sinh viên đánh giá đúng thực trạng và mức độ hư hỏng kết cấu, từ đó chọn và thiết kế giải pháp sửa chữa, gia cố hợp lí.</p> | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần :...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) SV làm các bài tập và thu hoạch chương để lấy điểm quá trình - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết cuối học phần |
| 66 | 3. Kết cấu chuyên dụng BTCT | <p>Với mỗi kết cấu chuyên dụng, sinh viên cần hiểu và biết những vấn đề chính sau:</p> <p>Sơ đồ tính</p> <p>Xác định tải trọng lên kết cấu</p> <p>Xác định nội lực</p> <p>Cấu tạo cốt thép cho các loại kết cấu chuyên dụng</p> | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | | | | SV nộp các bài tập chương 1, 2, 3 để lấy điểm quá trình - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết 2 tiếng cuối học phần |
| 67 | 4. Kết cấu gạch đá | Sinh viên hiểu rõ đặc trưng của khối xây và lý thuyết tính toán khối xây, từ đó vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra được cấu kiện và các bộ phận của nhà gạch bằng khối xây gạch đá có và không có cốt thép. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần :.../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) Điểm quá trình : SV làm bài kiểm tra + kết quả điểm danh - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi: Bài thi viết 60 phút cuối học phần |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 2 trong 5 HP) | | | 2 | 8 | |
| 68 | 1. Kết cấu thép nhà cao tầng | Giúp người học nắm được đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán thiết kế một số loại công trình hay kết cấu thép đặc biệt. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 69 | 2. Kết cấu thép bản | Giúp người học nắm được đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán thiết kế một số loại công trình hay kết cấu thép đặc biệt. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 70 | 3. Kết cấu thép trụ thép | Giúp người học nắm được đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán thiết kế một số loại công trình hay kết cấu thép đặc biệt | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 71 | 4. Kết cấu thép ứng suất trước | Giúp người học nắm được đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán thiết kế một số loại công trình hay kết cấu thép đặc biệt | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 72 | 5. Kết cấu gỗ | Giúp người học nắm được khái niệm về vật liệu và các tính chất cơ lý của gỗ dùng trong xây dựng; cấu tạo và tính toán cấu kiện gỗ tiết diện nguyên và các loại liên kết phổ biến dùng trong kết cấu gỗ. Từ đó có thể vận dụng trong thiết kế kết cấu công trình gỗ hoặc khi thiết kế hệ ván khuôn giàn giáo bằng gỗ trong thi công công trình. | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 73 | Tổ chức và quản lý thi công | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 74 | Đồ án tổ chức và quản lý thi công | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về lập tiến độ thi công và mặt bằng thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 2 trong 3 HP) | | | 2 | 8 | |
| 75 | 1. Thi công công trình ngầm | Cung cấp cho sinh viên ngành xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp những khái niệm cơ bản về công trình ngầm đô thị, hiểu biết các phương pháp thi công công trình ngầm đào hở và đào ngầm, vấn đề liên quan đến việc bảo vệ môi trường quá trình thi công công trình ngầm | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 00/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 76 | 2. Thi công nhà cao tầng | Học phần trang bị cho sinh viên lí thuyết cơ bản trong việc thiết kế biện pháp thi công các hạng mục tầng hầm, phần thân thô nhà cao tầng | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 77 | 3. Nền móng trong điều kiện đặc biệt | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý và các phương pháp tính toán nền và móng trong điều kiện đặc biệt | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1.0/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1.0/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, ..) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|--|---|------------|------------------|--|
| 78 | Thực tập tốt nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thực tế trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; tạo điều kiện để sinh viên bước đầu làm quen với công tác của người cán bộ kỹ thuật, cán bộ thiết kế; nắm được các yêu cầu thực tế, cụ thể của việc khảo sát, tính toán, thiết kế kết cấu công trình, thiết kế kỹ thuật và tổ chức thi công, các công tác của người cán bộ kỹ thuật và chỉ huy xây dựng tại công trường, ý thức tổ chức kỷ luật trong xây dựng, các biện pháp an toàn lao động và tổ chức thi công trực tiếp. Qua đó sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học kiểm nghiệm vào thực tế, đồng thời bổ sung kiến thức để thực hiện đồ án tốt nghiệp | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 Chuyên cần và quá trình thực tập tốt nghiệp: Viết báo cáo thực tập, nhận xét của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan thực tập hoặc tại công trường (ký và đóng dấu), GVHD nhận xét và đánh giá điểm quá trình thông qua quá trình đi thực tập và báo cáo. <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 Bảo vệ kết thúc học phần: vấn đáp trước các hội đồng chuyên môn của Khoa. |
| 79 | Đồ án tốt nghiệp | Tổng hợp, đánh giá những kiến thức của chuyên ngành mà sinh viên đã được học thông qua việc tìm hiểu giải pháp kiến trúc, thiết kế kết cấu, nền móng, biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công các công trình xây dựng thực tế có qui mô phù hợp | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần : 01 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| IX | Kỹ thuật công trình xây dựng (chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị). Khóa 2021-2022 | | | | |
| 1 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|---|-------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| 5 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 18 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 20 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 21 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 2 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Đồ án kiến trúc | Giúp cho sinh viên nắm được mối quan hệ giữa các hình chiếu (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt) trong hồ sơ thiết kế, quan hệ giữa không gian và hình khối kiến trúc trong thực tế. Thông qua đồ án, sinh viên nắm được cách thức thể hiện một hồ sơ thiết kế kiến trúc và biết cách khai thác thông tin từ đó để phục vụ công tác chuyên môn. | 1 | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 3 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | | | | 8/10 |
| 24 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 25 | Cấp điện và chiếu sáng công trình ngầm | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần sinh viên nắm được kiến thức về mạch điện, các hiện tượng vật lý xảy ra trong mạch điện, giải tích mạch điện hình sin, kiến thức về công tác thiết kế, vận hành mạng cung cấp điện và chiếu sáng trong công trình ngầm.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn các thiết bị đóng cắt bảo vệ mạch điện, lựa chọn tiết diện dây dẫn trong mạng cung cấp điện.</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 26 | Trắc địa | Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | | | |
| 27 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức:Giúp sinh viên tiếp cận, nắm vững về cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của dụng cụ trắc địa. Nắm vững về các chỉ tiêu kỹ thuật, các hạn sai cho phép của từng giai đoạn cụ thể trong thiết kế và thi công công trình ngầm. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng được các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công công trình ngầm</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng:</p> <p>Biết sử dụng các loại dụng cụ, máy trắc địa để đo đạc các yếu tố cơ bản góc, cạnh, độ cao. Sử dụng máy bố trí và kiểm tra công tác chuyên các yếu tố cơ bản ra thực địa. Sử dụng máy trắc địa bố trí công trình và đo kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình; Biết cách thức và qui trình đo đạc ngoại nghiệpRèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm trong điều kiện ngoài trời..</p> | 1 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thực hành trên máy. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>Nắm được công nghệ định hướng dưới lòng đất và dẫn hướng cho việc đào xuyên hầm đôi hướng.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần công trình ngầm</p> | | | |
| 28 | Thủy lực P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. - Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước. - Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy. - Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục vụ cho mục tiêu thi công công trình xây dựng. - Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo. - Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế; | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo. - Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo; - Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | |
| 29 | Vật liệu xây dựng P1 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 30 | Cơ học cơ sở P2 | <p>Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đặc trưng chuyển động của vật thể: dịch chuyển, quỹ đạo, vận tốc dài và vận tốc góc, gia tốc dài và gia tốc góc. - Phương pháp xác định vận tốc (góc), gia tốc (góc), tính chất chuyển động (đều, nhanh dần, chậm dần) của các chất điểm và vật rắn chuyển động. - Mối liên hệ giữa các đại lượng đặc trưng cho chuyển động (thời gian, dịch chuyển, vận tốc, gia tốc) với các đại lượng đặc trưng cho tác dụng (lực, ngẫu lực). | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>- Một số phương pháp giải các bài toán động lực học bằng các định lý tổng quát: Bài toán thuận (cho trước chuyển động, tìm lực đã gây nên chuyển động ấy) và bài toán ngược (cho trước lực tác dụng và các điều kiện ban đầu, tìm chuyển động của chất điểm hoặc vật rắn).</p> <p>- Phương pháp giải bài toán động lực học bằng các nguyên lý cơ học: nguyên lý Đ'alembert, nguyên lý di chuyển khả dĩ.</p> <p>- Bước đầu dự đoán các ứng xử động lực học của cơ hệ và kết cấu ví dụ như các ảnh hưởng tiêu cực của lực quán tính lên sự ổn định của vật thể và kết cấu</p> | | | |
| 31 | Cấp thoát nước | <p>- Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành cấp thoát nước mà là một kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng công trình cần nắm bắt được để phục vụ công tác thiết kế, xây lắp, giám sát, quản lý, vận hành và sửa chữa công trình</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 32 | Địa chất công trình | <p>Môn học trang bị cho sinh viên ngành Xây dựng dân dụng công nghiệp và Xây dựng công trình ngầm đô thị những kiến thức cơ bản về các hiện tượng địa chất tự nhiên, các điều kiện địa chất công trình của một khu vực xây dựng, từ đó giúp sinh viên hình thành các kỹ năng đánh giá điều kiện địa chất công trình thông qua các tài liệu địa chất.</p> <p>Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức về địa chất trong việc lập nhiệm vụ khảo sát, sử dụng kết quả khảo sát địa kỹ thuật để thiết kế cũng như dự báo các vấn đề địa chất có thể xảy ra khi thi</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | công nền móng các công trình xây dựng và công trình ngầm | | | |
| 33 | Sức bền vật liệu P2 | Sau khi hoàn thành học phần sinh hiểu và nắm vững cách tính nội lực, chuyển vị, ứng suất cho thanh chịu tác dụng phức tạp (chịu lực phức tạp, chịu tải trọng động ...). Từ đó vận dụng để giải quyết các bài toán bền, cứng và ổn định của thanh | 3 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Cơ học kết cấu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | Thực hành địa kỹ thuật | Củng cố phần lý thuyết của môn học địa chất công trình, làm cơ sở để tiếp thu các môn học cơ học đất và nền móng. Sinh viên sau học xong sẽ nhận biết đầy đủ chính xác độ tin cậy của các số liệu đất nền trong việc tính toán thiết kế nền móng. | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| 36 | Vật liệu xây dựng P2 + Thí No VLXD | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng. Vì có thể nói: “Vật liệu là điều kiện cần và công nghệ là điều kiện đủ để chế tạo nên công trình”. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 37 | Cơ học kết cấu P2 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng siêu tĩnh và hệ thanh không gian, cũng như nắm được khái niệm và cách tính với hệ tĩnh định chịu tải trọng di động. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 38 | Cơ học môi trường liên tục | Sinh viên có những kiến thức cơ bản về trạng thái ứng suất biến dạng và định luật Húc. Sinh viên nắm được các phương trình cân bằng tĩnh học, hình học, vật lý và đường lối giải các bài toán trạng thái ứng suất, biến dạng phẳng. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 39 | Cơ học đất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | luận cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chắn đồng thời giúp sinh viên vận dụng thành thạo các kiến thức đó vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đất trong khi thiết kế và thi công các công trình xây dựng | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1.0/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2.0/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập, ..) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 40 | Cơ học đá | Cung cấp cho sinh viên ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị những kiến thức cơ bản về đá, các kỹ năng chuyên môn trong việc xem xét tính toán các vấn đề ổn định công trình ngầm xây dựng trong môi trường đá. Sinh viên sau học xong có thể nhận biết, diễn giải các hiện tượng, quá trình mất ổn định khối đá khi tham gia thiết kế, thi công công trình ngầm và các công trình có liên quan trong đá. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 41 | Máy xây dựng công trình ngầm | Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy xây dựng và máy xây dựng công trình ngầm. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy thiết bị xây dựng phù hợp với yêu cầu công nghệ thi công xây dựng nói chung và công trình ngầm nói riêng. | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 03/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 00/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 42 | Các phương pháp số | Sinh viên có kiến thức và kỹ năng xây dựng và giải các bài toán kết cấu công trình bằng phương pháp số cũng như hiểu rõ bản chất của các phân tích kết cấu công trình | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 43 | Thực tập công nhân | Giúp sinh viên các kiến thức cơ bản và làm quen với 4 nghề đặc trưng của ngành xây dựng: nề, mộc, sắt, bê tông. Từ đó sinh viên tiếp cận các kiến thức học phần chuyên ngành thuận lợi hơn, cũng như phục vụ công tác chuyên môn sau khi ra Trường. | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 44 | Pháp luật xây dựng | Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng pháp luật xây dựng trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị. | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Học phần trang bị cho sinh viên lí thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện BTCT như: dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012 | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết cuối học phần |
| 46 | ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Sinh viên biết vận dụng lí thuyết cơ bản để thiết kế thực hành kết cấu bê tông cốt thép, theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT, TCVN 5574:2012. Cụ thể, sinh viên sẽ nắm được phương pháp thiết kế bản và dầm liên tục. (Hiểu được sơ đồ kết cấu của sàn; xác định sơ đồ tính, | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | xác định sơ bộ kích thước tiết diện, xác định nội lực, tính toán cốt thép, cấu tạo cốt thép cho bản và dầm liên tục) Sinh viên sẽ được trang bị và làm giàu các kỹ năng: Quyết định, tính toán, viết thuyết minh, thể hiện bản vẽ, bảo vệ và đánh giá phương án thiết kế | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Ôn định và động lực học công trình | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính được tải trọng tới hạn với bài toán có một, nhiều hay vô hạn bậc tự do; cũng như tính được tần số dao động riêng với bài toán có một, nhiều hay vô hạn bậc tự do. Tính được nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng chịu tải trọng động | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần : 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Nền và móng | Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và các phương pháp tính toán Nền và móng. Sinh viên được tiếp cận các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư Xây dựng. Kết thúc học phần, trong những điều kiện cụ thể, sinh viên biết lựa chọn giải pháp nền móng hợp lý và thiết kế được các loại nền, móng thông dụng đảm bảo an toàn và kinh tế | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 49 | Đồ án nền và móng | Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và các phương pháp tính toán thiết kế nền và móng, giúp cho người học vận dụng lý thuyết tính trong việc thiết kế nền, móng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và công trình ngầm | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Tin học ứng | - Định hướng và truyền đạt cho sinh viên nghiên cứu, | 3 | 6 | - Hình thức đánh giá học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | dụng | sử dụng được một số chương trình tin học ứng dụng, phục vụ hiệu quả cho chuyên ngành xây dựng công trình ngầm - Sinh viên cần đạt các mục tiêu sau: + Thành thạo sử dụng bảng tính điện tử Excel trong chuyên ngành xây dựng về tính toán một số bài toán cơ bản, tính toán cấu kiện, tổ hợp, bóc khối lượng, tính toán các chỉ tiêu cơ lý của đất.. + Thành thạo sử dụng phần mềm hỗ trợ phân tích mô phỏng Địa kỹ thuật PLAXIS với một số dạng công trình và bài toán phân tích cơ bản. + Bước đầu tạo khả năng ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành. | | | + Thi trực tiếp trên máy tính tại phòng máy tính. - Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 51 | Thiết kế công trình ngầm P1 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về cơ học đất và kết cấu công trình ngầm trong thực hành thiết kế kết cấu và công trình thực tế | 3 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 52 | Đồ án thiết kế công trình ngầm P1 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về cơ học đất và kết cấu công trình ngầm trong thực hành thiết kế kết cấu và công trình thực tế. | 1 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 53 | Thi công công | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | trình ngầm P1 | tác thi công công trình ngầm theo một số phương pháp thi công đặc biệt | | | - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 54 | Đồ án thi công công trình ngầm P1 | Nội dung học phần là thực hành thiết kế và lựa chọn giải pháp kết cấu cho quá trình chống đỡ thi công hố đào sâu theo phương pháp đào hở như tường cọc, tường cừ, tường trong đất, ...; Tính toán kiểm tra kết cấu phụ trợ như neo, chống đỡ thép hình, ...; Biện pháp hỗ trợ trong quá trình thi công như hạ mực nước ngầm, kiểm soát chuyển vị của hệ kết cấu trong quá trình đào. | 1 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần: 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 55 | Kết cấu thép P1 | Trang bị cho người học kiến thức về vật liệu và các tính năng cơ học của thép xây dựng; cấu tạo và tính toán các loại liên kết dùng trong kết cấu thép; cấu tạo và tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép như sàn, dầm, giàn, cột. | 3 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 56 | An toàn và môi trường lao động | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình | 2 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 57 | Nghiên cứu thực nghiệm công trình | Kết thúc học phần sinh viên có khả năng: - Nắm cơ bản các dụng cụ thí nghiệm và phương pháp đo; - Nắm cơ bản các phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng vật liệu trong phòng thí nghiệm và hiện trường. | 2 | 7 | Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 10 + Điểm chuyên cần: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về Kiểm định chất lượng công trình, liên quan trực tiếp đến công tác của một kỹ sư xây dựng khi ra trường. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp thí nghiệm công trình chịu tải trọng tĩnh (thử tải). | | | + Điểm kiểm tra báo cáo kết quả thực hành: 7/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 10 (trọng số 0,7) |
| 58 | Thiết kế công trình ngầm P2 | Học phần trang bị cho sinh viên lí thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện mặt cắt hầm thi công theo phương pháp đào kín. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện mặt cắt hầm hoặc công trình hầm hoặc công trình dạn tuyến như: giếng đứng, tuyến hầm đặt ngầm, tuyến tunnel ngầm qua sông hoặc qua núi đá. | 3 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần : 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 59 | Đồ án thiết kế công trình ngầm P2 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về kết cấu hầm trong thực hành thiết kế mặt cắt kết cấu hầm và công trình thực tế. | 1 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần : 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 60 | Thi công công trình ngầm P2 | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công tác thi công công trình ngầm thi công theo phương pháp đào ngầm. | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 01/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 Điểm thi kết thúc học phần: 08/10. |
| 61 | Đồ án thi công công trình ngầm P2 | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công tác thi công công trình ngầm thi công theo phương pháp đào ngầm | 1 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần :02/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 62 | Thiết kế, thi công ga và đường tàu điện ngầm | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công trình tàu điện ngầm, trong đó bao gồm cấu tạo và chức năng các hạng mục của công trình, các giải pháp quy hoạch, tính toán quy mô, công suất ga, đường chạy tàu cũng như các giải pháp tính toán kết cấu các bộ phận ga, các giải pháp thi công ga và đường chạy tàu theo phương pháp đào hở cũng như đào ngầm. | 2 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 63 | Đồ án thiết kế, thi công ga và đường tàu điện ngầm | Giúp người học hiểu biết và thực hành tính toán các thông số của ga và đường chạy tàu, nguyên tắc tính toán kết cấu và thi công ga và tuyến đường tàu điện ngầm. Biết thể hiện trên bản vẽ và thuyết minh cấu tạo, công năng ga và đường chạy tàu cũng như các yêu cầu về an toàn trong thi công và khai thác công trình. | 1 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần: 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 64 | Kinh tế xây dựng | - Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đầu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng. | 2 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 65 | Tổ chức và quản lý thi công | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. | 3 | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 66 | Đồ án tổ chức và quản lý thi công công trình ngầm | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về lập tiến độ thi công và mặt bằng thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 1 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| | Học phần tự chọn (chọn 4 trong 7 HP) | | 4 | 8 | |
| 67 | 1. Chuyên đề kết cấu bê tông cốt thép | Với mỗi kết cấu như khung, bể chứa hay tường chắn, sinh viên cần hiểu và biết những vấn đề chính sau: Sơ đồ tính Xác định tải trọng lên kết cấu Xác định nội lực và tổ hợp nội lực Cấu tạo cốt thép | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 68 | 2. Chuyên đề kết cấu thép | Giúp người học nắm được nguyên tắc cấu tạo và phương pháp tính toán thiết kế nhà cao tầng với hệ kết cấu thép chịu lực. | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 69 | 1. Thi công CTN bằng phương pháp đặc biệt | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công tác thi công công trình ngầm theo một số phương pháp thi công đặc biệt. | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 70 | 2. Bảo trì công trình ngầm | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về duy tu bảo trì công trình ngầm trong giai đoạn khai thác sử dụng công trình ngầm nhằm bảo đảm sự an toàn và tăng tuổi thọ của công trình. Học phần còn cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về các phương pháp sửa | 1* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | chữa các dạng kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 71 | 3. Phòng chống độc và cháy nổ công trình ngầm | <p>- Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản về cháy, nổ và nhiễm độc; Phòng ngừa cháy, nổ trong thiết kế, xây dựng và sử dụng công trình; Khi có cháy, nổ, nhiễm độc đảm bảo thoát người một cách nhanh chóng và an toàn; Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động chữa cháy cũng như công tác cứu nạn; Hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của các vụ cháy, nổ và nhiễm độc đến con người, đến môi trường và đến các công trình lân cận.</p> <p>- Kỹ năng: Lập biện pháp phòng, chống cháy nổ và nhiễm độc cho công trình xây dựng ngầm.</p> | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 <li style="padding-left: 20px;">(Kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 72 | 4. Nền móng trong điều kiện đặc biệt | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý và các phương pháp tính toán nền và móng trong điều kiện đặc biệt. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1.0/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1.0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 73 | 5. Thi công nhà cao tầng | Học phần trang bị cho sinh viên lí thuyết cơ bản trong việc thiết kế biện pháp thi công các hạng mục tầng hầm, phần thân thô nhà cao tầng. | 1* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 74 | Thực tập tốt nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thực tế trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; tạo điều kiện để sinh viên b–ước đầu làm quen với công tác của ngư–ời cán bộ kỹ thuật, cán bộ thiết kế; nắm đ–ược các yêu cầu thực tế, cụ thể của việc khảo sát, tính toán, thiết kế kết cấu công trình, thiết kế kỹ thuật và tổ chức thi công, các công tác của người cán bộ kỹ thuật và chỉ huy | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 <p>Chuyên cần và quá trình thực tập tốt nghiệp: Viết báo cáo thực tập, nhận xét của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan thực tập hoặc tại công trường (ký và đóng dấu), GVHD nhận xét và đánh</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----------|--|--|------------|------------------|--|
| | | xây dựng tại công trường, ý thức tổ chức kỷ luật trong xây dựng, các biện pháp an toàn lao động và tổ chức thi công trực tiếp. Qua đó sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học kiểm nghiệm vào thực tế, đồng thời bổ sung kiến thức để thực hiện đồ án tốt nghiệp. | | | giá điểm quá trình thông qua quá trình đi thực tập và báo cáo. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 Bảo vệ kết thúc học phần: vấn đáp trước các hội đồng chuyên môn của Khoa. |
| 75 | Đồ án tốt nghiệp | Tổng hợp, đánh giá những kiến thức của chuyên ngành mà sinh viên đã được học thông qua việc tìm hiểu giải pháp kiến trúc, công năng, thiết kế kết cấu, nền móng, biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công các công trình xây dựng thực tế có qui mô phù hợp. | 10 | 9 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần: 01 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| X | Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng . Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Thí nghiệm hóa học đại cương | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|---|-------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Đường lối cách mạng của Đảng | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | CSVN | | | | |
| 21 | Kĩ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 22 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 23 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 24 | Hoá vô cơ | Sau khi học, người học cần phải nắm vững những tính chất cơ bản (vật lí, hóa học) và những ứng dụng quan trọng của các nguyên tố, hợp chất vô cơ để có thể áp dụng vào thực tế và các học phần sau như: hóa phân tích, vật liệu Polyme – composit, hoá lý silicat, công nghệ hoá học, vật liệu xây dựng | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Kiểm tra giữa kì: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 25 | Hoá lý | Sau khi học xong môn học Hóa lý, sinh viên cần nắm được các quy luật chuyển hóa của các chất trong các quá trình khác nhau, tính toán được các đại lượng liên quan như công, nhiệt, nội năng, entanpi, hàm Gibbs, hàm Hemholtz, tính chất của hệ 1 cấu tử và giản đồ pha, hệ 2 cấu tử (dung dịch), các quy luật động học, các đại lượng điện hóa. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,6/10 + Điểm bài tập trong học phần: 0,8/10 + Điểm kiểm tra cuối kỳ: 0,6/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 26 | Sức bền vật liệu | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | P1 | khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trọng các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | | | - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 27 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 3 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Vật liệu xây dựng P1 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 29 | Vật liệu xây dựng P2 + Thí No VLXD | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng. Vì có thể nói: “Vật liệu là điều kiện cần và công nghệ là điều kiện đủ để chế tạo nên công trình”. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 30 | Kĩ thuật điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạng điện đô thị” và “Thiết bị điện”. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 31 | Hoá phân tích | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm và hiểu được các kiến thức cơ bản của phân tích định tính và phân tích định lượng các chất vô cơ. - Có các kỹ năng phân tích cơ bản như: phá mẫu, xử lý mẫu, nung, cân mẫu,... - Biết vận dụng các kiến thức hóa phân tích để xác định được các chất vô cơ như Ca, Mg, Cl, Fe,... trong một số vật liệu vô cơ. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ.) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 32 | Thí nghiệm hoá phân tích | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm và hiểu được các quy trình phân tích một số kim loại, oxit, phi kim thông dụng như: Ca, Mg, Fe, halogen, sunfat,... - Có các kỹ năng phân tích cơ bản như: phá mẫu, xử lý mẫu, nung, cân mẫu,... | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 33 | Cơ học kết cấu | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để | 2 | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|--|
| | P1 | tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | | | luận <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Hoá keo | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hóa học hiện đại, phát triển tư duy học tập và ứng dụng. Biết vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa học và các môn học khác vào thực tế. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 35 | Thủy khí động học | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Nắm vững và áp dụng một số quy luật và kỹ thuật cơ bản về: Các tính chất của chất lỏng; một số nguyên lý thủy tĩnh; Các dạng dòng chảy chất lỏng; thế năng của cột nước trong chất lỏng; định lý Bernouli; Các quy luật động lượng và các lực trong chất lỏng chuyển động; tương tự hình học, động học và động lực học trong dòng chảy; phân tích thứ nguyên; dòng chảy trong ống, khe hẹp; nguyên lý hoạt động và cấu tạo của một số loại bơm. - Kỹ năng: Nâng cao các kỹ năng và kiến thức về toán học, cơ học, kỹ thuật hình học, thủy lực và một số lĩnh vực liên quan trong kỹ thuật và môi trường. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 36 | Kĩ thuật nhiệt | Trang bị cho sinh viên các lý thuyết cơ bản về truyền nhiệt, nắm vững các công thức, định luật dùng để tính | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | toán quá trình truyền nhiệt | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 37 | Khoáng vật và thạch học | Cung cấp cho sinh viên ngành Vật liệu và cấu kiện xây dựng sự hiểu biết về thành phần cấu trúc quyết định đến tính chất cơ lý và hóa lý của nguồn nguyên liệu khoáng tự nhiên. Sinh viên sau khi học sẽ có kiến thức cơ bản về khoáng vật và thạch học, có khả năng nhận biết được một số loại đá cơ bản thường dùng trong sản xuất vật liệu. Có khả năng trao đổi chuyên môn về khoáng vật và thạch học trong lĩnh vực sản xuất vật liệu | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 38 | Hoá lý silicat | Sinh viên cần hiểu rõ các hiện tượng và quá trình hoá lý xảy ra trong sản xuất vật liệu silicat, phân tích và sử dụng được các giản đồ 2 và 3 cấu tử. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 39 | Vật lý kiến trúc | Kiến thức: - Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo. - Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | <p>- Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>- Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng.</p> <p>- Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình.</p> <p>- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.</p> <p>- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu.</p> | | | |
| 40 | Cơ sở cơ khí | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết máy và chi tiết máy | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 00/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 41 | Quy hoạch thực nghiệm vật liệu xây dựng | Kiến thức: Sinh viên có thể lập kế hoạch nghiên cứu thực nghiệm một cách khoa học, xử lý số liệu thực nghiệm, xây dựng các hàm hồi quy và tối ưu hóa các thông số công nghệ, phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|---|
| | | Kỹ năng: Thực hành các bài toán về quy hoạch thực nghiệm trong vật liệu xây dựng, công nghệ sản xuất. Có khả năng làm việc nhóm và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu. | | | (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 42 | Công nghệ hóa học | Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở quan trọng nhất để đi sâu vào học tập nghiên cứu các quá trình và thiết bị trong công nghệ đặc biệt là các phương pháp nghiên cứu và thiết kế các quá trình hoá lý: quá trình chuyển nhiệt, chuyển trạng thái, chuyển pha, chuyển hoá học trong công nghệ vật liệu. Kỹ năng: Giải quyết các bài toán cụ thể liên quan đến công nghệ: mô hình hóa hệ thống để xác định bản chất của hệ thống, từ đó tối ưu hóa hệ thống để tìm được điều kiện hoạt động tối ưu của hệ thống. Kỹ năng làm việc và thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập, cũng như khả năng sử dụng tin học trong giải bài toán công nghệ. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 43 | Máy nâng chuyển | Trang bị các kiến thức về quá trình nâng – vận chuyển vật, các kết cấu cơ bản của máy nâng - vận chuyển, các kiến thức cơ bản về các loại máy nâng vận chuyển trong ngành sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng. Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy thiết bị nâng chuyển nói chung và máy nâng chuyển trong các dây truyền sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng nói riêng. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy thiết bị nâng chuyển phù hợp với dây truyền thiết bị công nghệ | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0,5./10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 44 | An toàn và môi | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | trường lao động | toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình | | | luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Gia công nhiệt vật liệu xây dựng | Gia công nhiệt vật liệu xây dựng là môn học cơ sở ngành của ngành công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng, nhằm nghiên cứu quá trình gia công nhiệt, quá trình đốt cháy nhiên liệu, khí động học khói lò, tổ chức quá trình truyền nhiệt và các thiết bị trao đổi nhiệt sử dụng năng lượng nhiệt thống nhất, mà những quá trình đó phục vụ cho mục đích gia công nhiệt sản phẩm vật liệu xây dựng | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 46 | Đồ án gia công nhiệt vật liệu xây dựng | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp biết vận dụng những kiến thức cơ bản của môn học này và những kiến thức môn học khác liên quan để tính thiết kế một thiết bị nhiệt mới hoặc kiểm tra một thiết bị đã có sẵn dùng vào mục đích gia công nhiệt các sản phẩm VLXD cụ thể | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 47 | Thực tập công nhân | Giúp sinh viên các kiến thức cơ bản và làm quen với 4 nghề đặc trưng của ngành xây dựng: nề, mộc, sắt, bê tông. Từ đó sinh viên tiếp cận các kiến thức học phần chuyên ngành thuận lợi hơn, cũng như phục vụ công tác chuyên môn sau khi ra Trường | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Học phần trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện BTCT như: dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012 | 3 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | | | | Bài thi viết cuối học phần |
| 49 | ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1 | <p>Sinh viên biết vận dụng lí thuyết cơ bản để thiết kế thực hành kết cấu bê tông cốt thép, theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT, TCVN 5574:2012. Cụ thể, sinh viên sẽ nắm được phương pháp thiết kế bản và dầm liên tục. (Hiểu được sơ đồ kết cấu của sàn; xác định sơ đồ tính, xác định sơ bộ kích thước tiết diện, xác định nội lực, tính toán cốt thép, cấu tạo cốt thép cho bản và dầm liên tục)</p> <p>Sinh viên sẽ được trang bị và làm giàu các kĩ năng: Quyết định, tính toán, viết thuyết minh, thể hiện bản vẽ, bảo vệ và đánh giá phương án thiết kế</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Máy sản xuất vật liệu xây dựng | <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tính năng tác dụng, nguyên lý làm việc, cơ sở để lựa chọn máy và các thông số kỹ thuật cơ bản của từng nhóm máy và thiết bị trong các dây chuyền sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng .</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các dây chuyền thiết bị sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng cơ bản</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quy trình vận hành, nhiệm vụ chức năng của từng máy trong mỗi dây chuyền. Khi học xong môn học học sinh có thể nắm bắt một cách tổng quát về các dây chuyền SXVL và cấu kiện XD, biết phân tích ưu nhược điểm của từng công nghệ, ngoài ra còn phải biết sử lý sự cố xảy ra khi vận hành mỗi máy nói riêng và cả dây chuyền nói chung</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,5/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 51 | Đồ án máy sản | Đồ án máy sản xuất vật liệu xây dựng bổ sung kiến | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------|---|------------|------------------|--|
| | xuất vật liệu xây dựng | <p>thức cho sinh viên về máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng. Thông qua đề án này sinh viên thực hành thiết lập các sơ đồ công nghệ sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng (trạm nghiền sàng đá, trạm trộn bê tông, phân xưởng sản xuất gạch không nung, phân xưởng tạo hình bê tông, nhà máy sản xuất gạch đỏ, dây chuyền sản xuất xi măng...vv); tính chọn các thiết bị trong sơ đồ công nghệ, tính toán các thông số cơ bản của các thiết bị chính trong sơ đồ công nghệ trên cơ sở các công thức mà môn học máy sản xuất vật liệu đã cung cấp và các bảng tra cứu có liên quan. Thông qua đề án này sinh viên nghiên cứu sâu về kết cấu máy và thể hiện chúng thông qua các bản vẽ kỹ thuật.</p> <p>Mỗi nhóm sinh viên sẽ được giao thiết kế và tính toán một trong số các dây chuyền thiết bị công nghệ sản xuất vật liệu</p> <p>Mỗi nhóm (kể trên) sẽ được giao thiết kế dây chuyền thiết bị công nghệ cho một loại vật liệu xây dựng. Mỗi sinh viên được giao vẽ kết cấu một máy cụ thể có trong dây chuyền, lựa chọn các thông số kỹ thuật phù hợp và tìm hiểu sâu về quy trình vận hành của máy đó.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 52 | Công nghệ gốm xây dựng | <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học từ đó có thể hiểu, nắm rõ các kiến thức chuyên môn về công nghệ sản xuất gốm xây dựng (từ các sản phẩm gốm thô công nghệ đơn giản như gạch ngói đất sét nung đến các sản phẩm gốm tinh có công nghệ sản xuất phức tạp hơn như sản phẩm tấm ốp lát, sứ vệ sinh và một số các công nghệ sản xuất sản phẩm gốm đặc biệt khác),</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | qua đó sinh viên có thể thiết kế được dây công nghệ các nhà máy sản xuất các sản phẩm gốm tương ứng trong thực tế đạt hiệu quả kỹ thuật và kinh tế. | | | |
| 53 | Đồ án công nghệ gốm xây dựng | Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp, kỹ năng thiết kế dây công nghệ các nhà máy sản xuất các sản phẩm gốm XD có tính khả thi theo số liệu giả định đạt hiệu quả kỹ thuật và kinh tế. Đồng thời mở rộng cho sinh viên tầm hiểu biết, khả năng làm việc độc lập, tích lũy các số liệu cho việc làm thiết kế tốt nghiệp (thực hiện đồ án tốt nghiệp) | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra, chấm phản biện: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 54 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng và truyền đạt cho sinh viên nghiên cứu, sử dụng được một số chương trình tin học ứng dụng, phục vụ hiệu quả cho chuyên ngành vật liệu xây dựng - Sinh viên cần đạt các mục tiêu sau: Thành thạo sử dụng bảng tính điện tử Excel trong chuyên ngành xây dựng về tính toán một số bài toán cơ bản, tính toán cấu kiện, tổ hợp, bóc khối lượng, tính toán chỉ tiêu vật liệu, các bài toán hiệu quả kinh tế... Thành thạo sử dụng phần mềm MATLAB dành cho kỹ sư Bước đầu tạo khả năng ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp trên máy tính tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 1.5/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0.5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 55 | Kết cấu thép P1 | Trang bị cho người học kiến thức về vật liệu và các tính năng cơ học của thép xây dựng; cấu tạo và tính toán các loại liên kết dầm trong kết cấu thép; cấu tạo và tính toán các cấu kiện cơ bản dầm trong kết cấu thép như sàn, dầm, giàn, cột. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần : 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 56 | Kỹ thuật thi công P1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp phần công tác đất và công tác bê tông, bê tông cốt thép toàn khối công trình | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 57 | Công nghệ bê tông 1 | Môn học Công nghệ bê tông 1 giúp cho sinh viên nắm vững về thành phần cấu tạo, cấu trúc và tính chất, yêu cầu nguyên vật liệu chế tạo các loại bê tông nặng, bê tông nhẹ, bê tông trang trí kiến trúc, bê tông chất lượng cao; có kỹ năng thiết kế cấp phối bê tông; phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đưa ra các biện pháp nâng cao chất lượng của bê tông phù hợp với điều kiện chế tạo và sử dụng | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 58 | Công nghệ chất kết dính vô cơ | Sau khi học xong học phần, người học nắm được: + Kiến thức: nguyên liệu, phương pháp chế tạo, công nghệ sản xuất các chất kết dính vô cơ để sử dụng hợp lý trong thực tế. + Kỹ năng: đọc tài liệu, làm việc nhóm, thuyết trình, trình bày | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 59 | Đồ án công nghệ chất kết dính vô cơ | Sau khi học xong học phần, người học nắm được: + Kiến thức: sinh viên vận dụng được lý thuyết để tính toán, lựa chọn, thiết kế công nghệ nhà máy sản xuất chất kết dính. + Kỹ năng: đọc và sưu tầm tài liệu, tính toán, trình bày bản vẽ,... | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 7 | |
| 60 | 1. Bê tông nhẹ | Kiến thức: Sinh viên có kiến thức về công nghệ sản | 2* | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>xuất, cấu trúc, tính năng của các loại bê tông nhẹ: Bê tông tổ ong; bê tông cốt liệu rỗng; ứng dụng có hiệu quả của loại bê tông đó khi sử dụng trong các công trình xây dựng.</p> <p>Kỹ năng: Có khả năng thí nghiệm, phân tích và đánh giá chất lượng bê tông nhẹ; đề xuất phương án kiểm định và xử lý khi cần thiết; nghiên cứu các tiêu chuẩn, phương pháp thử, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và làm việc nhóm.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tiểu luận, Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 61 | <i>2. Công nghệ thủy tinh</i> | <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học từ đó có thể hiểu, nắm rõ các kiến thức chuyên môn về công nghệ sản xuất thủy tinh xây dựng. Qua đó sinh viên có thể thiết kế và lựa chọn được cấp phối, dây công nghệ các nhà máy sản xuất các sản phẩm thủy tinh tương ứng trong thực tế đạt hiệu quả kỹ thuật và kinh tế.</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 8 | |
| 62 | <i>1. Vật liệu cách nhiệt</i> | <p>Kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về việc sử dụng cũng như công nghệ chế tạo các loại vật liệu cách nhiệt ứng dụng trong công tác thiết kế thi công công trình.</p> <p>Kỹ năng: Học phần giúp cho sinh viên có những kỹ năng đánh giá và lựa chọn vật liệu cách nhiệt cho công trình, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm</p> | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 63 | <i>2. Vật liệu chịu lửa</i> | <p>Kiến thức: Giới thiệu các tính chất chủ yếu của vật liệu chịu lửa, các chủng loại, ý nghĩa, phạm vi sử dụng; công nghệ chế tạo và phương pháp thiết kế công nghệ chế tạo.</p> <p>Kỹ năng: chọn nguyên liệu và công nghệ phù hợp để</p> | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | sản xuất vật liệu chịu lửa; lựa chọn sử dụng vật liệu chịu lửa trong các trường hợp cụ thể. | | | (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | Công nghệ bê tông 2 | Nhằm trang bị cho sinh viên ngành Vật liệu và cấu kiện xây dựng toàn bộ quá trình công nghệ chế tạo cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép cũng như bê tông cốt thép dự ứng lực: từ khâu chuẩn bị hỗn hợp bê tông, chế tạo các linh kiện cốt thép thường và cốt thép dự ứng lực; Các phương pháp tạo hình các cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép; Các phương pháp kiểm tra chất lượng của hỗn hợp bê tông, các linh kiện cốt thép và của kết cấu bê tông; chất lượng của hỗn hợp bê tông và bê tông cốt thép, hoàn thiện và trang trí cho các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép trong điều kiện sản xuất ở nhà máy, ở công trường xây dựng | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 65 | Đồ án công nghệ bê tông | Giúp cho sinh viên có khả năng thiết kế các công đoạn chính trong công nghệ sản xuất sản phẩm BT và BTCT; Đảm bảo sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tham gia thiết kế công nghệ hoặc điều hành quá trình sản xuất các loại sản phẩm nói trên | 1 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 66 | Tự động hoá công nghiệp | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học cũng cố được các kiến thức cơ bản tự động hóa, các phần tử trong sơ đồ tự động, cơ sở lý thuyết điều khiển tự động, các quá trình điều khiển cơ bản trong sản xuất vật liệu xây dựng. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng phân tích lựa chọn phương án điều khiển, cấu trúc sơ đồ điều khiển, các chương trình điều | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | kiến cho các quá trình sản xuất vật liệu xây dựng. | | | |
| 67 | Vật liệu polyme - compozit | Sinh viên có kiến thức về cấu trúc và tính chất của các loại vật liệu polyme –compozit; nắm vững nguyên liệu chế tạo, tính chất cũng như ứng dụng của vật liệu polyme composit, hiểu biết cơ bản về công nghệ chế tạo một số compozit để có thể nghiên cứu phát triển vật liệu mới. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 68 | Kinh tế công nghiệp vật liệu xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản kinh tế trong hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng; Hiệu quả kinh tế của việc sử dụng vật liệu kết cấu xây dựng thay thế; Nghiên cứu về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm vật liệu kết cấu xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán kinh tế trong sản xuất vật liệu xây dựng. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1 /10 (Kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| | Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 8 | |
| 69 | 1. Kiểm định vật liệu và công trình xây dựng | <p>Kiến thức: Nhằm trang bị cho sinh viên ngành công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng những kiến thức cơ bản về công tác kiểm định chất lượng vật liệu và cấu kiện xây dựng; công tác quản lý chất lượng vật liệu và công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.</p> <p>Kỹ năng: có khả năng thí nghiệm, phân tích và đánh giá chất lượng vật liệu và công trình; đề xuất phương án kiểm định và xử lý khi cần thiết; nghiên cứu các tiêu chuẩn, phương pháp thử, cũng như kỹ năng thí nghiệm và trình bày báo cáo thí nghiệm.</p> | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 70 | 2. Vật liệu trang trí hoàn thiện | - Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ chế tạo các loại vật liệu trang trí và | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | | hoàn thiện; các đặc trưng cơ bản của từng loại vật liệu, các biện pháp công nghệ áp dụng để thu nhận được vật liệu có các tính năng phù hợp với lĩnh vực trang trí và hoàn thiện công trình. - Kỹ năng: phân tích và lựa chọn vật liệu phù hợp với mục đích trang trí và hoàn thiện. | | | + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 71 | Thực tập tốt nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thực tế sản xuất trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; tạo điều kiện để sinh viên bước đầu làm quen với công tác của người cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu; nắm được thực tế của ngành sản xuất vật liệu xây dựng và cấu kiện; biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật và kinh tế ngành, đồng thời có khả năng công tác quần chúng nhất định. Kỹ năng: làm việc nhóm; đọc hiểu dây chuyền công nghệ sản xuất tại các nhà máy; phân tích những vấn đề thực tế trong sản xuất; tự học, tự nghiên cứu và thực hành. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> Chuyên cần và hướng dẫn thực tập tốt nghiệp: 1 lần, trọng số 3/10. Bảo vệ kết thúc học phần: vấn đáp - 1 lần, trọng số 7/10. |
| 72 | Đồ án tốt nghiệp | Đồ án tốt nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên làm quen tính tự giải quyết nhiệm vụ của kỹ sư, nghiên cứu phát triển công nghệ vật liệu, hoặc hoàn thành việc tính toán kỹ thuật, bố trí các thiết bị trong các phân xưởng của nhà máy cũng như lập tiến trình để hoàn thành các công việc đó. Điều đó góp phần mở rộng cho sinh viên tầm hiểu biết kỹ thuật, phát triển sự sáng tạo và khả năng làm việc độc lập trong thực tế. Thông qua việc thực hiện Đồ án tốt nghiệp sinh viên sẽ tổng hợp được những kiến thức chuyên ngành đã học | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực hiện: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|--|--|------------|------------------|--------------------------------|
| | | thông qua việc nghiên cứu về kỹ thuật vật liệu hoặc tính toán và thiết kế dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng thực tế có qui mô phù hợp. | | | |
| XI | Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| 12 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 21 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 22 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 3 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Đồ án kiến trúc | Giúp cho sinh viên nắm được mối quan hệ giữa các | 1 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | hình chiếu (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt) trong hồ sơ thiết kế, quan hệ giữa không gian và hình khối kiến trúc trong thực tế. Thông qua đồ án, sinh viên nắm được cách thức thể hiện một hồ sơ thiết kế kiến trúc và biết cách khai thác thông tin từ đó để phục vụ công tác chuyên môn. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 24 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm kết thúc học phần: 10 o Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 0,6/10 + Tiểu luận: 0,6/10 o Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 25 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | 8/10 |
| 26 | Kĩ thuật điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạch điện đô thị” và “Thiết bị điện”. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 27 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 28 | Trắc địa | Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình. Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình.</p> | | | |
| 29 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức:Giúp sinh viên tiếp cận, nắm vững về cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của dụng cụ trắc địa. Nắm vững về các chỉ tiêu kỹ thuật, các hạn sai cho phép của từng giai đoạn cụ thể trong thiết kế và thi công công trình ngầm. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng được các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công công trình ngầm</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng:</p> <p>Biết sử dụng các loại dụng cụ, máy trắc địa để đo đạc các yếu tố cơ bản góc, cạnh, độ cao. Sử dụng máy bố trí và kiểm tra công tác chuyển các yếu tố cơ bản ra thực địa. Sử dụng máy trắc địa bố trí công trình và đo kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình; Biết cách thức và qui trình đo đạc ngoại nghiệp ...Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm trong điều kiện ngoài trời..</p> <p>Nắm được công nghệ định hướng dưới lòng đất và dẫn hướng cho việc đào xuyên hầm đối hướng.</p> | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thực hành trên máy. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần công trình ngầm | | | |
| 30 | Vật liệu xây dựng P1 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 31 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 32 | Thủy lực P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. - Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy. - Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục cho mục tiêu thi công công trình xây dựng. - Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo. - Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế; - Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo. - Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo; - Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | <ul style="list-style-type: none"> + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 33 | Hoá nước vi sinh | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất các quá trình hóa học và sinh học diễn ra trong các | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>công trình làm sạch nước cấp và nước thải; những yêu cầu cơ bản đối với chất lượng nước;</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng xác định các chỉ tiêu hóa học, lý học, vi sinh vật học trong nước thiên nhiên và nước thải.</p> | | | <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 34 | Thí nghiệm hóa nước vi sinh | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về hóa học; hóa vi sinh, đồng thời vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề của khối kiến thức chuyên ngành Cấp thoát nước và Kỹ thuật môi trường.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng thực hành, kiểm chứng kiến thức học lý thuyết và thực tế, vận dụng kiến thức vào giải quyết các môn học thuộc khối chuyên ngành Cấp thoát nước và Kỹ thuật môi trường.</p> | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 35 | Thủy lực P2 | <p>Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành.</p> <p>Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước.</p> <p>Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo.</p> <p>Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế;</p> <p>Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|------------------|--|
| | | và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo. Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo; Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | |
| 36 | Thí nghiệm thủy lực | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về thủy lực; đồng thời vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề của khối kiến thức chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng, công trình thủy. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng thực hành, kiểm chứng kiến thức học lý thuyết và thực tế, vận dụng kiến thức vào giải quyết các môn học thuộc khối chuyên ngành Cấp thoát nước, xây dựng và công trình thủy. | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 37 | Cơ học kết cấu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 38 | Thực tập công | * Về kiến thức: | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|--|
| | nhân | <p>Hiểu và nắm được các yêu cầu kỹ thuật, trình tự các bước tiến hành và phương pháp thực hiện các công việc của công tác thi công trên công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.</p> <p>Biết được phương pháp kiểm tra, đánh giá được các công việc theo yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>Tìm và nêu ra được các sai hỏng thường gặp, đưa ra được biện pháp khắc phục các sai hỏng đó.</p> <p>* Về Kỹ năng:</p> <p>Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo.</p> <p>Làm được các công việc: xây tường phẳng 110 mm bờ trụ 220 x 220 mm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Gia công và lắp đặt cốt thép cột, dầm, sàn; Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha định hình dầm, cột, dầm sàn; Lắp dựng và tháo dỡ giàn giáo; Đổ và đầm bê tông đảm bảo quy trình và đảm bảo kỹ thuật;</p> <p>Lựa chọn và sử dụng hiệu quả dụng cụ và một số máy, thiết bị chuyên dùng trong lắp đặt đường ống; Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo để gia công và lắp nối được mạng cấp nước đơn giản. Kiểm tra, đánh giá các công việc của công tác thi công. Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm tra, đánh giá sản phẩm. Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với yêu cầu thực tế.</p> <p>Kiểm tra, đánh giá được các công việc của công tác thi công.</p> <p>Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm tra, đánh giá sản phẩm.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với thực tế. | | | |
| 39 | Thủy văn | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự an toàn đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Thực hiện được một số tính toán thủy văn cơ bản trong công tác quy hoạch và thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thủy văn. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 40 | Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về thiết kế mặt phẳng và lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt. Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế mặt phẳng để xây dựng công trình, xây dựng đô thị, lựa chọn giải pháp thiết kế cho từng loại điều kiện địa hình khác nhau. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 41 | Đồ án chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng | Mục tiêu về kiến thức: Đồ án là quá trình vận dụng toàn bộ kiến thức phân lý thuyết của môn học để nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật cho 1 đô thị (1 thành phố, thị xã, thị trấn hoặc 1 khu công nghiệp, 1 điểm dân cư) ở giai đoạn quy hoạch chung. Với những số liệu thực tế về điều kiện tự nhiên, các dữ liệu về quy hoạch không gian và quy hoạch sử dụng đất, sinh viên hiểu được trình tự thực hiện đồ án QH chuẩn bị kỹ thuật cho 1 đô thị cụ thể. | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần (điểm bảo vệ): 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên nắm được kỹ năng tính toán chiều dài, độ dốc tuyến đường, khối lượng công tác đất và kỹ năng thể hiện các bản vẽ theo yêu cầu của đồ án. | | | |
| 42 | Cơ học đất, nền móng | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chẵn, bên cạnh đó sinh viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về lý thuyết tính toán cấu tạo các giải pháp nền, móng thông dụng, thường gặp trong các công trình xây dựng | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 43 | Kết cấu thép, gỗ | Trang bị cho người học kiến thức về: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu và các đặc trưng cơ học của thép xây dựng; - Đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép và kết cấu gỗ; - Đặc điểm cấu tạo kết cấu chịu lực của một số dạng công trình thép thông dụng trong thực tế. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 44 | Kết cấu bê tông cốt thép, gạch đá | Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra cấu kiện dầm BTCT theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012; thiết kế hay thẩm tra được khối xây gạch đá; Lựa chọn và phân tích khái quát được các giải pháp kết cấu cho mỗi công trình cụ thể. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: <ul style="list-style-type: none"> +Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--|---|------------|------------------|--|
| | | | | | trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi : Bài thi viết cuối học phần |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 45 | <i>1. Tiết kiệm năng lượng cho hệ thống cấp thoát nước</i> | <p>Mục tiêu về kiến thức: Môn học có mục tiêu kiến thức là cung kiến thức, các phân tích kỹ thuật về việc sử dụng và biện pháp tiết kiệm điện năng trong các hệ thống công nghệ cấp thoát nước. Với những kiến thức từ môn học, sinh viên sẽ chủ động áp dụng các giải pháp kỹ thuật, phân tích kỹ thuật- kinh tế khi lựa chọn các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng điện thông qua việc tiết kiệm điện năng cho hệ thống cấp thoát nước.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể đánh giá và đề xuất giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các ứng dụng có sử dụng điện năng liên quan đến chuyên ngành cấp thoát nước của mình, cung cấp đầy đủ kỹ năng tính toán kỹ thuật, phân tích và lựa chọn các phương án trên cơ sở kỹ thuật và so sánh kinh tế, nhằm đưa ra giải pháp và tính toán định lượng cho việc lựa chọn phương pháp tiết kiệm điện năng.</p> | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 ++ Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm chấm bài đồ án kết thúc học phần : 8/10 |
| 46 | <i>2. Mạng điện và thiết bị điện</i> | <p>Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mạng lưới điện và thiết bị điện cho sinh viên ngành Cấp thoát nước. Với những kiến thức từ môn học giúp sinh viên sau khi ra trường sẽ thực hiện tốt hơn công tác thiết kế, vận hành mạng lưới điện trong công trình cấp thoát nước.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh</p> | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 ++ Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm chấm bài đồ án kết thúc học phần : 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|--|
| | | viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán phụ tải điện, lựa chọn các thiết bị điện, lựa chọn đường dây tải điện, trong đồ án thiết kế mạng lưới cung cấp điện cho các mạng cấp thoát nước, trạm bơm, trạm xử lý nước. | | | |
| 47 | Máy thủy lực | <p>Môn học Máy thủy lực, giúp sinh viên nắm được các loại máy thủy lực trong thực tế, nguyên lý cấu tạo, lựa chọn máy vào công trình thực tế.</p> <p>Sử dụng được Catlogue máy thủy lực trong thực tế, các thiết bị phụ trợ đi kèm máy thủy lực.</p> <p>Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế; Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo.</p> <p>Nâng cao nhận thức về vai trò của Máy thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo;</p> <p>Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Mạng lưới cấp nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Là học phần chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống cấp nước, về tính toán thiết kế mạng lưới cấp nước, về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được những kỹ năng tính toán, thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước, thiết kế được chi tiết các công</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước; những kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế mạng lưới cấp nước. | | | |
| 49 | Đồ án mạng lưới cấp nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Củng cố kiến thức cho người học về học phần mạng lưới cấp nước. Giúp người học biết vận dụng tổng hợp những kiến thức lý thuyết từ học phần mạng lưới cấp nước và các học phần khác liên quan vào tính toán, đánh giá lựa chọn phương án trong thiết kế mạng lưới cấp nước.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán, thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước, thiết kế chi tiết các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước; Kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế mạng lưới cấp nước.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 50 | Tin học ứng dụng | <p>- Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên biết sử dụng phần mềm AutoCAD để thể hiện các Đồ án môn học, sử dụng phần mềm Epanet để tính toán thiết kế các Mạng lưới cấp nước. Đây là hai phần mềm thông dụng ở thời điểm hiện tại.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về Tin học ứng dụng trong ngành Cấp thoát nước, đủ để chủ động nâng cao trình độ trong quá trình làm việc sau này.</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 51 | Công trình thu và trạm bơm cấp thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: là học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lựa chọn, tính toán, thiết kế: Công trình thu nước mặt, nước ngầm, trạm bơm cấp I, trạm bơm cấp II và trạm bơm thoát nước của hệ thống cấp thoát nước.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học biết phân tích, đánh giá và lựa chọn được nguồn nước</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | | phù hợp từ đó có những kiến nghị đề xuất trong việc quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị bền vững. Nắm vững được công năng, vị trí của từng công trình đơn vị trong hệ thống. | | | |
| 52 | Đồ án công trình thu trạm bơm cấp thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: là học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lựa chọn, tính toán, thiết kế: Công trình thu nước mặt, nước ngầm, trạm bơm cấp I, trạm bơm cấp II và trạm bơm thoát nước của hệ thống CTN.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế công nghệ, kỹ thuật và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; Kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế công trình thu, trạm bơm cấp thoát nước theo qui định; Kỹ năng thiết kế và lựa chọn thiết bị (bơm, bơm môi, máy thổi khí, van, van 1 chiều,...) xử lý phù hợp với giải pháp lựa chọn; nắm bắt được đặc trưng kiến trúc, kết cấu của trạm bơm cấp thoát nước.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 53 | Xử lý nước cấp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về hóa nước vi sinh và thủy lực; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị xử lý nước cấp; Kiến thức về máy thủy lực, máy bơm, máy thổi khí; nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế công trình xử lý nước mặt và nước ngầm, các tiêu chuẩn về chất lượng nước do bộ Xây dựng, bộ Y tế ban hành.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng lựa chọn phương pháp xử lý, đây</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|---|
| | | chuyên công nghệ xử lý phù hợp; thiết kế quy hoạch và thiết kế kỹ thuật công trình xử lý nước mặt và nước ngầm cấp cho sinh hoạt và công nghiệp theo qui định. | | | |
| 54 | Đồ án xử lý nước cấp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về hóa nước vi sinh và thủy lực; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; Kiến thức về máy thủy lực, máy bơm, máy thổi khí; nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế công trình xử lý nước mặt và nước ngầm, các tiêu chuẩn về chất lượng nước do Bộ Xây dựng, Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán, thiết kế công nghệ và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; Kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế trạm xử lý nước mặt và nước ngầm cấp cho sinh hoạt và công nghiệp theo qui định</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 55 | Mạng lưới thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về các loại sơ đồ HTTN, nguyên tắc vạch tuyến MLTN cũng như kiến thức thủy lực trong tính toán đường ống; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; Kiến thức về máy thủy lực, trạm bơm; Nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống thoát nước đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Thông qua lý thuyết môn học và thực hành thiết kế đồ án, học sinh có thể bước đầu tự lập thiết kế, và nghiên cứu các vấn đề về mạng lưới thoát nước.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 56 | Đồ án mạng lưới thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học nắm vững về các loại sơ đồ HTTN, nắm bắt các nguyên tắc vạch tuyến MLTN cũng như thành thực trong việc tính toán thủy lực đường ống; Dựa vào kết quả tính toán thể hiện trên trắc dọc và việc bố trí trạm bơm trên mặt bằng có thể đánh giá được phương án thiết kế là khả thi đối với đô thị đang nghiên cứu thiết kế; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; Kiến thức về máy thủy lực, trạm bơm; Nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống thoát nước đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Có thể thể hiện được nội dung tính toán thiết kế thông qua thuyết minh và bản vẽ để làm cơ sở triển khai các bước tiếp sau.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 0,9/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2,1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |
| 57 | 1. Cấp thoát nước công nghiệp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về cấp thoát nước công nghiệp, cấp nước tuần hoàn, xử lý cơ, lý hóa sinh học nước cấp và nước thải công nghiệp cũng như kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống xử lý nước cấp và nước thải công nghiệp.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán, quy hoạch hệ thống cấp thoát nước công nghiệp; thiết kế công nghệ và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; Kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế trạm xử lý nước cấp và nước thải công nghiệp</p> | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | theo qui định. | | | |
| 58 | 2. Tự động hoá hệ thống cấp thoát nước | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học cũng có được các kiến thức cơ bản tự động hóa, các phần tử trong sơ đồ tự động, cơ sở lý thuyết điều khiển tự động, các sơ đồ điều khiển cơ bản trong công trình cấp, thoát nước. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng phân tích lựa chọn phương án điều khiển, cấu trúc sơ đồ điều khiển, các chương trình điều khiển cho các hệ thống cấp thoát nước. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 59 | Cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn | Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về cấu tạo của một hệ thống cấp nước nông thôn, những vấn đề khác biệt giữa hệ thống cấp nước đô thị và hệ thống cấp nước nông thôn. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể lập một dự án và thiết kế kỹ thuật hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường cho một khu dân cư. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 60 | Xử lý nước thải | Cung cấp cho học viên/ sinh viên các kiến thức lý thuyết cơ sở và chuyên sâu về các quá trình xử lý nước thải đô thị, đây chuyên công nghệ xử lý nước thải đô thị và công trình xử lý nước thải đô thị và bùn cặn để học viên có thể có thể lựa chọn đây chuyên công nghệ, thiết kế cơ sở và kỹ thuật cho nhà máy xử lý nước thải cho một khu đô thị. Cung cấp cơ sở kiến thức để học viên/ sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn vào vận hành, nâng cấp bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải đô thị cũng như nghiên cứu sâu hơn các vấn đề khác như xử lý bùn cặn và xử lý nước | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | thải công nghiệp. | | | |
| 61 | Đồ án xử lý nước thải | <p>Mục tiêu về kiến thức: thông qua việc thực hiện đồ án giống như thực tế, người học củng cố được các kiến thức lý thuyết cơ bản và phương pháp tính toán các công trình xử lý cơ, lý hóa và sinh học nước thải đô thị cũng như kiến thức thủy lực công trình lên quan đến trạm xử lý; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; Kiến thức về máy thủy lực, máy bơm, máy thổi khí; Nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống xử lý nước thải đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Học phần cung cấp cho người học bước đầu làm quen và nắm được kỹ năng lựa chọn, tính toán thiết kế công nghệ và thiết kế một trạm xử lý nước thải đô thị, thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; Có được các kỹ năng chính thể hiện bản vẽ thiết kế công nghệ nhà máy xử lý nước thải đô thị theo qui định bao gồm (i) bố trí tổng mặt bằng nhà máy xử lý, trắc dọc thủy lực theo tuyến nước và tuyến bùn và thiết kế chi tiết một công trình đơn vị; Các kỹ năng thiết kế và lựa chọn thiết bị (bơm, máy thổi khí) xử lý phù hợp với công nghệ lựa chọn.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 0,9/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2,1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 62 | Hệ thống kỹ thuật trong công trình | <p>Cung cấp kiến thức cần thiết về hệ thống kỹ thuật trong công trình dân dụng và công nghiệp. Qua đó kỹ sư ngành cấp thoát nước hiểu được các đặc điểm cơ bản, hiểu được vai trò và tầm quan trọng của từng hệ thống kỹ thuật riêng lẻ trong công trình. Giúp kỹ sư ngành cấp thoát nước khi thiết kế, thi công hệ thống cấp thoát nước trong công trình nói riêng hoặc làm chủ nhiệm dự</p> | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>án của công trình nói chung sẽ có một cái nhìn tổng thể đầy đủ về hệ thống kỹ thuật công trình. Từ đó người thực hiện công việc sẽ đưa ra các phương án tối ưu nhất của hệ thống kỹ thuật, không chông chéo lên các bộ môn khác và có tính khả thi cao.</p> <p>Giúp cho kỹ sư cấp thoát nước có khả năng làm việc nhóm phối hợp với các bộ môn khác liên quan cùng thực hiện công việc liên quan đến công trình. Để từ đó có thể đưa ra các yêu cầu hoặc thực hiện các yêu cầu của các bộ môn khác trong một công trình, có thể tổng hợp được không gian kỹ thuật cho các hệ thống kỹ thuật trong công trình. Mục tiêu cuối cùng là phối hợp với các bộ môn khác cùng thực hiện công việc liên quan đến công trình đưa ra giải pháp tổng thể có tính khả thi cao về kinh tế, kỹ thuật và thẩm mỹ.</p> | | | |
| 63 | Cấp thoát nước công trình | <p>Cung cấp cho học viên/ sinh viên kiến thức chuyên sâu về hệ thống cấp thoát nước trong công trình để học viên/ sinh viên nắm vững nguyên lý hoạt động của hệ thống cấp thoát nước bên trong công trình và mối liên hệ giữa hệ thống bên trong và bên ngoài công trình; Cung cấp kiến thức lý thuyết để học viên/ sinh viên có thể đề xuất các sơ đồ hệ thống cấp thoát nước thích hợp; tính toán thiết kế hệ thống cấp thoát nước bao gồm tính toán thủy lực mạng lưới phân phối và thu gom, các trạm bơm, trạm xử lý cục bộ; bố trí hệ thống cấp thoát nước trong công trình, lựa chọn và thống kê các vật liệu, vật tư, thiết bị cho hệ thống cấp thoát nước trong công trình.</p> | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|--|------------|------------------|---|
| 64 | Đồ án cấp thoát nước công trình | <p>Mục tiêu về kiến thức: Học phần đồ án nhằm củng cố kiến thức lý thuyết đã được học thông qua việc thực hành làm đồ án thiết kế hệ thống cấp thoát nước (nước lạnh, nước nóng, cứu hỏa, nước thải và nước mưa) trong công trình bao gồm: các kiến thức về vạch sơ đồ hệ thống cấp thoát nước trong công trình, kiến thức về tính toán thủy lực trong đường ống (có áp và không áp); Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình trên hệ thống cấp thoát nước trong công trình bao gồm cả trạm bơm cấp thoát nước cục bộ và trạm xử lý cục bộ nước thải; Kiến thức về vật tư, thiết bị cho hệ thống cấp thoát nước trong công trình cũng như là khả năng sử dụng hệ thống tiêu chuẩn, qui phạm thiết kế liên quan.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Học phần cung cấp cho người học/ sinh viên kỹ năng tính toán thiết kế công nghệ và thiết kế chi tiết hệ thống cấp thoát nước trong công trình sử dụng các tiêu chuẩn qui phạm kỹ thuật hiện hành; Kỹ năng thể hiện bản vẽ kỹ thuật, thiết kế hệ thống cấp thoát nước theo qui định cũng như là tính toán thống kê khối lượng vật tư, thiết bị cấp thoát nước trong công trình.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 65 | Thi công ngành nước | Môn học cung cấp những kiến thức, những điểm chính về sự liên hệ giữa kỹ thuật thi công xây dựng chung luôn gắn liền với những đặc điểm của các công trình trong hệ thống cấp thoát nước, cung cấp cho những kỹ sư tương lai những kiến thức về những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế bản vẽ thi công và chỉ đạo thi công trên | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | công trường đối với các công trình trong hệ thống cấp thoát nước, biết khai thác và ứng dụng các thành tựu khoa học đương thời, phù hợp với điều kiện kinh tế, đặc điểm thiên nhiên của các vùng, dựa theo các chính sách và pháp luật của nhà nước Việt Nam | | | |
| 66 | Đồ án thi công ngành nước | Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các nội dung kỹ thuật thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị của chuyên ngành đào tạo. Tiếp cận các tiêu chuẩn, định mức, hệ thống quy trình kỹ thuật và máy thi công trong thi công, kiểm tra, nghiệm thu công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế các sơ đồ dây chuyền thi công bằng máy cho các công tác thực tế xây dựng lắp đặt công trình. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 67 | Kinh tế ngành nước | <p>Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những vấn đề chủ yếu trong công tác quản lý ngành cấp thoát nước đô thị, định hướng phát triển của ngành. - Nắm được hệ thống các văn bản pháp quy, các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành của ngành. <p>Kỹ năng: Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tế công tác quản lý ngành cấp thoát nước.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1,2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| | Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | 4 | 8 | |
| 68 | 1. Đồ án tổng hợp cấp nước | Mục tiêu về kiến thức: Sau hi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch mạng lưới cấp nước, xử lý cơ, lý hóa sinh học nước cấp đô thị cũng như kiến thức thủy lực; kiến thức | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; kiến thức về máy thủy lực, máy bơm, máy thổi khí; nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống cấp nước đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế hệ thống cấp nước gồm: MLCN, công nghệ xử lý nước và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước đô thị theo qui định; kỹ năng thiết kế và lựa chọn thiết bị (bơm, máy thổi khí) xử lý phù hợp với công nghệ lựa chọn .</p> | | | <p>trình: 1,5/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 69 | 2. Đồ án tổng hợp thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học nắm vững kiến thức về HTTN bằng cách tư duy chấp nối kiến thức từ các đồ án môn học chính như MLTN , XLTN, công trình thu và trạm bơm thành một sự thống nhất để tổ chức mạng lưới thu gom vận chuyển xử lý rồi xả thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo các yêu cầu chất lượng theo các tiêu chuẩn hiện hành.HTTN đề xuất thiết kế đảm bảo các yếu tố về kỹ thuật, kinh tế, và đảm bảo xây dựng vận hành và quản lý phù hợp với điều kiện địa phương và mang tính khả thi cao.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: thể hiện thành thực trong tính toán thiết kế thông qua thuyết minh và bản vẽ.</p> | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 70 | Thực tập tốt nghiệp và tham quan | <p>Mục tiêu về kiến thức: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận tham gia sản xuất trực tiếp các dự án công trình Cấp, thoát nước đô thị từ lập dự án, thiết kế, thi công... Tham quan các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị tiêu biểu đang được thi công xây dựng; đã</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|--|---|------------|------------------|--|
| | | <p>được xây dựng đưa vào vận hành, khai thác.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc thời gian thực tập, tham quan sinh viên có các hiểu biết về các công trình thực tế của chuyên ngành đào tạo. Nắm được các bước tiếp cận, điều tra khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện một dự án cụ thể; Nắm được phương thức tổ chức biên chế nhân sự tổ chức sản xuất ở các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp các công trình hạ tầng cấp, thoát nước; Các bước thực hiện một dự án cụ thể; Hợp tác phân công trong công tác chuyên môn; Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 71 | Đồ án tốt nghiệp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch mạng lưới cấp nước, xử lý cơ, lý hóa sinh học nước cấp đô thị cũng như kiến thức thủy lực; kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; kiến thức về máy thủy lực, máy bơm, máy thổi khí; nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống cấp nước đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế hệ thống cấp nước gồm: MLCN, công nghệ xử lý nước và thiết kế chi tiết các công trình đơn vị; kỹ năng thể hiện bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước đô thị theo qui định; kỹ năng thiết kế và lựa chọn thiết bị (bơm, máy thổi khí) xử lý phù hợp với công nghệ lựa chọn.</p> | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| XII | Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị). Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục thể | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|---|-------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| | chất P1 | | | | |
| 2 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Kĩ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 21 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 3 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 3 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|--|
| | | | | | 8/10 |
| 23 | Trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 24 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu</p> | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | | | <p>trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 25 | Thủy lực P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. - Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước. - Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy. - Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục vụ cho mục tiêu thi công công trình xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo. - Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế; - Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo. - Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo; - Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | |
| 26 | Kỹ thuật điện | <p>Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạch điện đô thị” và “Thiết bị điện”.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện.</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 27 | Vật liệu xây dựng P1 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | | hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 28 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 29 | Thủy văn | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự an toàn đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Thực hiện được một số tính toán thủy văn cơ bản trong công tác quy hoạch và thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thủy văn. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 30 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|--|
| | | chịu lực cơ bản | | | trình thực tập: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 31 | Thực tập công nhân | <p>* Về kiến thức: Hiểu và nắm được các yêu cầu kỹ thuật, trình tự các bước tiến hành và phương pháp thực hiện các công việc của công tác thi công trên công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Biết được phương pháp kiểm tra, đánh giá được các công việc theo yêu cầu kỹ thuật. Tìm và nêu ra được các sai hỏng thường gặp, đưa ra được biện pháp khắc phục các sai hỏng đó.</p> <p>* Về Kỹ năng: Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo. Làm được các công việc: xây tường phẳng 110 mm bờ trụ 220 x 220 mm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Gia công và lắp đặt cốt thép cột, dầm, sàn; Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha định hình dầm, cột, dầm sàn; Lắp dựng và tháo dỡ giàn giáo; Đổ và đầm bê tông đảm bảo quy trình và đảm bảo kỹ thuật; Lựa chọn và sử dụng hiệu quả dụng cụ và một số máy, thiết bị chuyên dùng trong lắp đặt đường ống; Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo để gia công và lắp nối được mạng cấp nước đơn giản. Kiểm tra, đánh giá các công việc của công tác thi công. Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm tra, đánh giá sản phẩm. Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với yêu cầu thực tế. Kiểm tra, đánh giá được các công việc của công tác thi</p> | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>công.</p> <p>Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm tra, đánh giá sản phẩm.</p> <p>Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với thực tế.</p> | | | |
| 32 | Máy xây dựng | Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy thiết bị xây dựng. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy xây dựng phù hợp với yêu cầu công tác thi công | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 33 | Cơ học kết cấu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Cơ học đất, nền móng | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chẵn, bên cạnh đó sinh viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về lý thuyết tính toán cấu tạo các giải pháp nền, móng thông dụng, thường gặp trong các công trình xây dựng | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 35 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 36 | Đồ án quy hoạch đô thị | Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau: - Quy trình, phương pháp nghiên cứu, thể hiện đồ án Quy hoạch chung đô thị. - Triển khai kết hợp giữa quy hoạch không gian và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với một đồ án quy hoạch chung trong đô thị | 1 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 3/10 + Các nội dung kiểm tra: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 37 | Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Học phần trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện BTCT như: dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012 | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết cuối học phần |
| 38 | ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Sinh viên biết vận dụng lý thuyết cơ bản để thiết kế thực hành kết cấu bê tông cốt thép, theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT, TCVN 5574:2012. Cụ thể, sinh viên sẽ nắm được phương pháp thiết kế bản và dầm liên tục. | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--|---|------------|------------------|--|
| | | (Hiểu được sơ đồ kết cấu của sàn; xác định sơ đồ tính, xác định sơ bộ kích thước tiết diện, xác định nội lực, tính toán cốt thép, cấu tạo cốt thép cho bản và dầm liên tục) Sinh viên sẽ được trang bị và làm giàu các kỹ năng: Quyết định, tính toán, viết thuyết minh, thể hiện bản vẽ, bảo vệ và đánh giá phương án thiết kế | | | trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 39 | Kết cấu thép, gỗ | Trang bị cho người học kiến thức về: - Vật liệu và các đặc trưng cơ học của thép xây dựng; - Đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép và kết cấu gỗ; - Đặc điểm cấu tạo kết cấu chịu lực của một số dạng công trình thép thông dụng trong thực tế. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 40 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |
| 41 | <i>Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý</i> | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị . Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn. Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận: • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10\ |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên | | | |
| 42 | 2. Sinh thái và môi trường đô thị | Mục tiêu về kiến thức: trang bị kiến thức cơ bản về sinh thái học và môi trường, ô nhiễm và suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và chiến lược phát triển bền vững theo hướng phát huy giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, phòng sinh học trong quy hoạch phát triển không gian và kỹ thuật hạ tầng đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác tư liệu về sinh thái học, môi trường và đa dạng sinh học trên internet, tạp chí khoa học v.v..., kỹ năng phân tích và cập nhật các kiến thức mới trong nước và trên thế giới, vận dụng các kiến thức cơ bản vào chuyên ngành, vào đối tượng nghiên cứu cụ thể | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần 0,4/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,6/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 43 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kĩ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 44 | Kinh tế xây dựng | - Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------|--|------------|------------------|---|
| | | vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng. | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Mạng điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mạng lưới điện và hệ thống điện cho sinh viên ngành Đô thị. Với những kiến thức từ môn học giúp sinh viên sau khi ra trường sẽ thực hiện tốt hơn công tác thiết kế quy hoạch hạ tầng đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán phụ tải điện, lựa chọn các thiết bị điện, lựa chọn đường dây tải điện, trong đồ án thiết kế mạng lưới cung cấp điện cho các đô thị hay các khu dân cư. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| 46 | Đồ án mạng điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về việc thiết kế mạng lưới cung cấp điện cho khu đô thị hay khu dân cư. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán nhu cầu sử dụng điện năng và vạch được sơ bộ phương án cung cấp điện cho khu đô thị hay khu dân cư. | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 3/10 + Điểm chuyên cần : 1,5/10 + Điểm tiến độ thực hiện : 1,5/10 - Điểm chấm bài đồ án kết thúc học phần : 7/10 |
| 47 | Cấp nước đô thị | Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về cấu tạo của một hệ thống cấp nước. Cũng cố lại kiến thức của học phần Thủy lực cơ sở. Vận | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | dụng được lý thuyết học phần Chuẩn bị kỹ thuật khu đất vào việc thiết kế, lựa chọn vị trí các công trình đơn vị của hệ thống cấp nước. Nắm được nguyên lý thiết kế và nhiệm vụ tính toán của mạng lưới cấp nước. | | | - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10. + Các nội dung kiểm tra: 1/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Đồ án cấp nước đô thị | Đồ án Cấp nước đô thị giúp sinh viên củng cố lại kiến thức lý thuyết đã học, biết vận dụng lý thuyết vào thiết kế đồ án cấp nước cho một đô thị. Đồ án giúp sinh viên tìm tòi những tài liệu cần thiết, trình tự thực hiện đồ án, thể hiện những kỹ năng tính toán, kỹ năng thể hiện các bản vẽ kỹ thuật của đồ án. | 1 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10. + Các nội dung kiểm tra: 1/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 49 | Quy hoạch giao thông đô thị | Mục tiêu kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học có tính chất nguyên lý quy hoạch giao thông đô thị. Những kiến thức cơ bản có thể áp dụng trong công tác quy hoạch, thiết kế các công trình giao thông đô thị. Nắm được các nội dung kiến thức cơ bản để tiến hành quy hoạch giao thông đô thị từ quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát, đánh giá các đồ án quy hoạch... | 3 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 50 | Đồ án quy hoạch giao thông đô thị | Mục tiêu kiến thức: Đồ án quy hoạch giao thông là một đồ án mang tính chất tổng hợp những kiến thức các học phần có liên quan tới lĩnh vực quy hoạch đô thị, đặc biệt vận dụng những kiến thức đã được học trong môn quy hoạch giao thông và thiết kế đường đô thị. Đồ án quy hoạch giao thông phải đạt được các yêu cầu sau. Vận dụng những kiến thức đã học vào thiết kế quy hoạch | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>mạng lưới giao thông một đô thị. Phát huy tính sáng tạo trong các phương án thiết kế quy hoạch giao thông đô thị, giải quyết các vấn đề liên quan tới sự phát triển bền vững của đô thị do tác động của mạng lưới giao thông đô thị.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp trong việc nghiên cứu và thể hiện một đồ án, cần chú ý tới kỹ năng thể hiện đồ án. Khuyến khích sinh viên sử dụng công nghệ thông tin trong thể hiện đồ án và khả năng trình bày và bảo vệ ý đồ thiết kế của mình.</p> | | | |
| 51 | Thiết kế đường đô thị | <p>Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết học phần thiết kế đường đô thị sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng sẽ có các hiểu biết để tiếp tục học học phần đồ án thiết kế đường đô thị. Việc tính toán thiết kế công trình giao thông đường bộ đô thị, đường khu công nghiệp và toàn bộ mạng đường đô thị là các nội dung trong học phần đồ án thiết kế đường tiếp theo phần lý thuyết cũng như học phần tin học ứng dụng về thiết kế đường. Hiểu biết mức độ phức tạp của hệ thống kỹ thuật đi theo đường; Giải quyết các quan hệ đồng bộ giữa đường đô thị với hệ thống các công trình kỹ thuật ngầm, công trình nổi, cây xanh trong phạm vi chỉ giới đường đỏ đô thị và nền công trình xây dựng hai bên đường đô thị.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các tiêu chuẩn để thiết kế một tuyến đường; kỹ năng đọc bản đồ thiết kế đường đô thị...</p> | 4 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 52 | Đồ án thiết kế | Mục tiêu kiến thức: Vận dụng những kiến thức lý thuyết | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | đường đô thị | <p>đã học và các tiêu chuẩn kỹ thuật vào giải quyết một vấn đề cụ thể được đặt ra thông qua một đồ án thiết kế một tuyến đường đô thị. Phát huy tính sáng tạo trong các phương án thiết kế đạt được những yêu cầu của các nội dung đồ án thiết kế tuyến đường theo nhiệm vụ đặt ra. Nắm được các bước thực hiện đồ án thiết kế và vận dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia vào thiết kế một tuyến đường cụ thể.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Học tập rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp độc lập nghiên cứu và thể hiện một đồ án, kỹ năng trình bày và bảo vệ phương án thiết kế của sinh viên.</p> | | | <p>thức khác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 53 | Tổ chức giao thông công cộng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị loại III trở lên; Nắm vững được phương pháp thiết kế mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị và các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng dự báo và tính toán khối lượng công tác giao thông của đô thị, tính toán được số lượng phương tiện giao thông công cộng phù hợp với quy mô đô thị.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 54 | Đồ án tổ chức giao thông công cộng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--|--|------------|------------------|--|
| | | <p>loại 3 trở lên; Nắm vững được phương pháp thiết kế mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị và các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng dự báo và tính toán khối lượng công tác giao thông của đô thị, chọn lựa và tính toán được số lượng phương tiện giao thông công cộng phù hợp với quy mô đô thị, tính toán được vùng ảnh hưởng của mạng lưới giao thông công cộng với toàn đô thị.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần (trọng số): 1,5/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra: 1,5/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 55 | <i>1. Kỹ thuật giao thông</i> | <p>Mục tiêu kiến thức: Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về kỹ thuật giao thông, nhằm quy hoạch, thiết kế mạng lưới đường đô thị hướng tới sự an toàn của xã hội, sự hiệu quả trong sử dụng các nguồn lợi vận tải và sự cơ động của người, hàng hóa trên hệ thống giao thông đường bộ.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát hệ thống kỹ thuật trong giao thông như đèn tín hiệu điều khiển, vạch sơn, biển báo... giúp sinh viên tham gia giao thông an toàn hơn.</p> | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 56 | <i>2. Quản lý chất thải rắn đô thị</i> | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về chất thải rắn đô thị, các giải pháp và trình tự quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể tham gia thiết kế, quản lý và vận hành các dự án quản lý CTR ở các đô</p> | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | thị của Việt Nam. | | | |
| 57 | Công trình đô thị | Về mặt kiến thức: Giúp sinh viên hệ thống và sử dụng kiến thức từ các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành trong việc giải quyết công trình đô thị. Về mặt kỹ năng: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần có thể thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công thi công những công trình kỹ thuật nhỏ như cầu nhịp nhỏ bằng thép, bằng bê tông cốt thép, kè, cống bản, cống hộp, tường chắn đất . . . | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 58 | Đồ án công trình đô thị | Về mặt kiến thức: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thiết kế một dạng công trình kỹ thuật đô thị cụ thể. Về mặt kỹ năng: Qua đó người học tự hoàn thiện các kỹ năng thành lập một hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh theo các giai đoạn như lên phương án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, với nội dung đáp ứng các yêu cầu mang tính thực tiễn cao. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 59 | Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng P1 | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến việc lựa chọn đánh giá đất xây dựng đô thị, các kiến thức về thiết kế quy hoạch chiều cao và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt. Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng đánh giá tổng hợp các yếu tố tự nhiên trong việc đánh giá lựa chọn đất xây dựng đô thị, các kỹ năng trong áp dụng các phương pháp thiết kế quy hoạch chiều cao và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 60 | Đồ án chuẩn bị | Mục tiêu về kiến thức: Đồ án Chuẩn bị kỹ thuật 1 là quá | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | kỹ thuật khu đất xây dựng P1 | trình vận dụng toàn bộ kiến thức phần lý thuyết của môn học để nghiên cứu thiết kế chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị (1 thành phố, thị xã, thị trấn hoặc 1 khu công nghiệp, 1 điểm dân cư) giai đoạn quy hoạch chung. Với những số liệu thực tế về điều kiện tự nhiên, các dữ liệu về quy hoạch không gian và quy hoạch sử dụng đất, sinh viên hiểu được trình tự thực hiện đồ án, thể hiện được các kỹ năng tính toán và kỹ năng thể hiện các bản vẽ của đồ án. Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng đánh giá tổng hợp các yếu tố tự nhiên trong việc đánh giá lựa chọn đất xây dựng đô thị, các kỹ năng trong áp dụng các phương pháp thiết kế quy hoạch chiều cao, thoát nước mưa và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt. | | | thức khác (bảo vệ đồ án) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần (điểm bảo vệ) 7/10 |
| 61 | Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng P2 | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giai đoạn thiết kế quy hoạch thoát nước mưa, nội dung của các giai đoạn thiết kế, các kỹ năng về tính toán thủy văn, thủy lực và các công trình đầu mối. Nội dung của bước thiết kế cơ sở trong dự án đầu tư liên quan đến công tác chuẩn bị kỹ thuật. | 2 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 62 | Đồ án chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng 2 | Mục tiêu về kiến thức: Đồ án Chuẩn bị kỹ thuật 2 là quá trình vận dụng toàn bộ kiến thức phần lý thuyết của môn học và dựa trên cơ sở của đồ án quy hoạch chung để nghiên cứu thiết kế đồ án quy hoạch phân khu, chi tiết chuẩn bị kỹ thuật cho một khu đất xây dựng đô thị. Với những số liệu thực tế về điều kiện tự nhiên và các dữ liệu về quy hoạch không gian và quy hoạch chung | 2 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Vấn đáp (bảo vệ đồ án) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần (điểm bảo vệ đồ án): 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | chuẩn bị kỹ thuật sinh viên thực hiện thiết kế quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chiều cao và thoát nước mưa một khu chức năng xác định. Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên cần có các kỹ năng phân tích, lựa chọn phương án thiết kế và kỹ năng thể hiện các bản vẽ của đồ án. | | | |
| 63 | Thoát nước đô thị | Môn học thoát nước đô thị cung cấp những nội dung cơ bản về: Hệ thống, sơ đồ hệ thống, quy hoạch mạng lưới, tính toán lưu lượng và thủy lực mạng lưới cũng như những công trình trên mạng lưới thoát nước. Thông qua lý thuyết môn học và thực hành thiết kế đồ án, học sinh có thể bước đầu tự lập thiết kế, sáng tác và nghiên cứu các vấn đề về mạng lưới thoát nước thải đô thị. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | Đồ án thoát nước đô thị | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học nắm vững về các loại sơ đồ HTTN, nắm bắt các nguyên tắc vạch tuyến MLTN cũng như thành thực trong việc tính toán thủy lực đường ống; Dựa vào kết quả tính toán thể hiện trên trắc dọc và việc bố trí trạm bơm trên mặt bằng có thể đánh giá được phương án thiết kế là khả thi đối với đô thị đang nghiên cứu thiết kế; Kiến thức về cấu tạo, kết cấu và nguyên lý hoạt động của các công trình đơn vị; Kiến thức về máy thủy lực, trạm bơm; Nắm vững được tiêu chuẩn thiết kế hệ thống thoát nước đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Có thể thể hiện được nội dung tính toán thiết kế thông qua thuyết minh và bản vẽ để làm cơ sở triển khai các bước tiếp sau. | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| 65 | Hoàn thiện kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị | Mục tiêu về kiến thức: về trang thiết bị kỹ thuật và biện pháp hoàn thiện khu đất xây dựng đô thị, nhằm bảo đảm đáp ứng đầy đủ điều kiện tiện nghi, vệ sinh và mỹ quan theo yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị. Đây cũng là cơ sở vững chắc cho công tác bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng đô thị văn minh, hiện đại và hướng tới sự phát triển đô thị bền vững. Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng tổng hợp về các lĩnh vực quy hoạch trong đô thị. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 66 | Kỹ thuật thi công công trình đô thị | Mục tiêu kiến thức: Là học phần lý thuyết gắn liền với thực tiễn sản xuất và kinh nghiệm thi công thực tế xây dựng các công trình trong và ngoài nước. Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công nghệ kỹ thuật, quy trình xây lắp các công trình xây dựng; Mục tiêu về kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các tiêu chuẩn định mức dự toán xây dựng cơ bản về mọi công tác xây dựng cơ bản, xây dựng chuyên ngành; Tra cứu lựa chọn các máy và tổ hợp máy thi công để có thể làm đồ án thi công về từng dạng thi công chuyên ngành trong công trình đô thị và giải quyết thiết kế thi công và tổ chức thi công các công trình hạn tầng đô thị thực tế. | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 67 | Đồ án kỹ thuật thi công công trình đô thị | Mục tiêu kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các nội dung kỹ thuật thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị của chuyên ngành đào tạo. Tiếp cận các tiêu chuẩn, định mức, hệ thống quy trình kỹ thuật và máy thi công trong thi công, kiểm tra, nghiệm | 1 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | thu công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Nắm được kỹ năng sử dụng định mức, mã công việc trong định mức. Thiết kế các sơ đồ dây chuyền thi công bằng máy cho các công tác thực tế xây dựng công tác đất, công tác xây dựng mặt đường; công tác xây dựng các công trình ngầm đô thị... | | | |
| 68 | Tổ chức thi công công trình đô thị | Mục tiêu kiến thức: Học phần lý thuyết tổ chức thi công công trình đô thị cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp thiết kế tổ chức thi công tiếp theo học phần đồ án kỹ thuật thi công công trình đô thị. Rèn luyện cho SV có kiến thức chuyên môn về lập tổng mặt bằng xây dựng, lập tiến độ thi công, quản lý công việc theo tiến độ thi công... Mục tiêu về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng trong thiết kế thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị tổ chức tác nghiệp điều hành thi công các dự án xây dựng hạ tầng đô thị. Sử dụng phần mềm trong lập tiến độ thi công, lập dự toán công trình. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 69 | Đồ án tổ chức thi công công trình đô thị | Mục tiêu kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các nội dung tổ chức thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị của chuyên ngành đào tạo. Tiếp cận các tiêu chuẩn, định mức, hệ thống quy trình kỹ thuật và máy thi công trong thi công, kiểm tra, nghiệm thu công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế các sơ đồ dây chuyền thi công bằng máy cho các công tác thực tế xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tính toán cân nhắc so sánh kinh tế, kỹ thuật và biện pháp thi công an toàn và vệ sinh môi | 1 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|------------------|--|
| | | trường trên công trường xây dựng. Mục tiêu về kỹ năng: Nắm được kỹ năng sử dụng định mức, mã công việc trong định mức. Thiết kế các sơ đồ dây chuyền thi công bằng máy cho các công tác thực tế xây dựng công tác đất, công tác xây dựng mặt đường; công tác xây dựng các công trình ngầm đô thị... | | | |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 4 | 8 | |
| 70 | <i>1. Đồ án tổng hợp giao thông đô thị</i> | Mục tiêu kiến thức: Đồ án tổng hợp là một đồ án mang tính chất tổng hợp những kiến thức các môn học có liên quan tới lĩnh vực quy hoạch đô thị, thiết kế và tổ chức thi công công trình đô thị, đặc biệt vận dụng những kiến thức đã được học trong các môn chuyên ngành. Đồ án quy hoạch giao thông phải đạt được các yêu cầu sau. Vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết một vấn đề cụ thể được đặt ra thông qua một đồ án thiết kế. Phát huy tính sáng tạo trong các phương án thiết kế đạt được những yêu cầu khoa học và công nghệ của chuyên ngành đặt ra.. Mục tiêu về kỹ năng: Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp trong việc nghiên cứu và thể hiện một đồ án, khả năng trình bày và bảo vệ ý đồ thiết kế của mình. | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 71 | <i>2. Đồ án tổng hợp chuẩn bị kỹ thuật khu đất XD</i> | Mục tiêu về kiến thức: Đồ án tổng hợp là quá trình vận dụng toàn bộ kiến thức đã học trong chương trình đào tạo của nhà trường để nghiên cứu thiết kế chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị (1 thành phố, thị xã, thị trấn hoặc 1 khu công nghiệp, 1 điểm dân cư, khu chức năng đặc thù). Mục tiêu về kỹ năng: Đồ án tổng hợp là quá trình rèn | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác (bảo vệ đồ án) • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần (bảo vệ đồ án) 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | luyện khả năng nghiên cứu, tư vấn thiết kế, nhằm bước đầu làm quen với các công việc chuyên môn của một kỹ sư trong việc lập dự án, thiết kế quy hoạch và thiết kế kỹ thuật chuyên ngành. | | | |
| 72 | Thực tập tốt nghiệp và tham quan | <p>Mục tiêu về kiến thức: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận tham gia sản xuất trực tiếp các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị từ lập dự án, thiết kế, thi công... Tham quan các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị tiêu biểu đang được thi công xây dựng; đã được xây dựng hoàn thiện....</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc thời gian thực tập, tham quan sinh viên có các hiểu biết về các công trình thực tế của chuyên ngành đào tạo. Nắm được các bước tiếp cận, điều tra khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện một dự án cụ thể; Nắm được phương thức tổ chức biên chế nhân sự tổ chức sản xuất ở các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Các bước thực hiện một dự án cụ thể; Hợp tác phân công trong công tác chuyên môn; Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao.</p> | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 73 | Đồ án tốt nghiệp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Đồ án tốt nghiệp là quá trình vận dụng toàn bộ kiến thức đã học trong chương trình đào tạo của nhà trường để nghiên cứu thiết kế chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị (1 thành phố, thị xã, thị trấn hoặc 1 khu công nghiệp, 1 điểm dân cư, khu chức năng đặc thù).</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Đồ án tốt nghiệp là quá trình rèn luyện khả năng nghiên cứu, tư vấn thiết kế, nhằm bước</p> | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần (điểm bảo vệ): 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------|---|---|------------|------------------|--------------------------------|
| | | đầu làm quen với các công việc chuyên môn của một kỹ sư trong việc lập dự án, thiết kế quy hoạch và thiết kế kỹ thuật chuyên ngành. | | | |
| XIII | Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (chuyên ngành Kỹ thuật môi trường đô thị). Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 9 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|---|
| 12 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 5 | Biểu 18C1 |
| 21 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 22 | Kiến trúc công trình | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 23 | Trắc địa | Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | | | <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 24 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức:Giúp sinh viên tiếp cận, nắm vững về cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của dụng cụ trắc địa. Nắm vững về các chỉ tiêu kỹ thuật, các hạn sai cho phép của từng giai đoạn cụ thể trong thiết kế và thi công công trình ngầm. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng được các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công công trình ngầm</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng:</p> <p>Biết sử dụng các loại dụng cụ, máy trắc địa để đo đạc các yếu tố cơ bản góc, cạnh, độ cao. Sử dụng máy bố trí và kiểm tra công tác chuyển các yếu tố cơ bản ra thực</p> | 1 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thực hành trên máy. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>địa. Sử dụng máy trắc địa bố trí công trình và đo kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình; Biết cách thức và qui trình đo đạc ngoại nghiệpRèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm trong điều kiện ngoài trời..</p> <p>Nắm được công nghệ định hướng dưới lòng đất và dẫn hướng cho việc đào xuyên hầm đối hướng.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần công trình ngầm</p> | | | |
| 25 | Cơ học cơ sở P1 | <p>Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau.</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 26 | Vật liệu xây dựng P1 | <p>Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|---|------------|------------------|--|
| | | hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | | | |
| 27 | Thủy lực P1 | <p>- Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành.</p> <p>- Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước.</p> <p>- Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy.</p> <p>- Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục vụ cho mục tiêu thi công công trình xây dựng.</p> <p>- Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo.</p> <p>- Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế;</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo.</p> <p>- Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực</p> | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | tế và giải pháp xử lý kèm theo; - Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | |
| 28 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 29 | Đồ án quy hoạch đô thị | Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau: - Quy trình, phương pháp nghiên cứu, thể hiện đồ án Quy hoạch chung đô thị. - Triển khai kết hợp giữa quy hoạch không gian và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với một đồ án quy hoạch chung trong đô thị | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 Điểm chuyên cần: 3/10 Các nội dung kiểm tra: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 30 | Kỹ thuật điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | môn học “Mạng điện đô thị” và “Thiết bị điện”. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 31 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 32 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 33 | Cơ học kết cấu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 34 | Vi sinh vật học và hóa môi trường | Mục tiêu về kiến thức: sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm chắc kiến thức về các quá trình hóa học diễn ra trong môi trường tự nhiên và trong xử lý chất thải, vai trò và ứng dụng vi sinh vật trong xử lý chất thải. Mục tiêu về kỹ năng: học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu về môi trường, đề xuất, lựa chọn công nghệ trong xử lý chất thải. | 2 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 35 | Thí nghiệm hóa nước vi sinh | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về hóa học; hóa vi sinh, đồng thời vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề của khối kiến thức chuyên ngành Cấp thoát nước và Kỹ thuật môi trường. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng thực hành, kiểm chứng kiến thức học lý thuyết và thực tế, vận dụng kiến thức vào giải quyết các môn học thuộc khối chuyên ngành Cấp thoát nước và Kỹ thuật môi trường. | 1 | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 36 | Sinh thái và môi trường đô thị | Mục tiêu về kiến thức: trang bị kiến thức cơ bản về sinh thái học và môi trường, ô nhiễm và suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và chiến lược phát triển bền vững theo hướng phát huy giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, phòng sinh học trong quy hoạch phát triển không gian và kỹ thuật hạ tầng đô thị. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần 0,4/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,6/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | Mục tiêu về kỹ năng: trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác tư liệu về sinh thái học, môi trường và đa dạng sinh học trên internet, tạp chí khoa học v.v..., kỹ năng phân tích và cập nhật các kiến thức mới trong nước và trên thế giới, vận dụng các kiến thức cơ bản vào chuyên ngành, vào đối tượng nghiên cứu cụ thể | | | |
| 37 | Cơ học đất, nền móng | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chẵn, bên cạnh đó sinh viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về lý thuyết tính toán cấu tạo các giải pháp nền, móng thông dụng, thường gặp trong các công trình xây dựng | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 38 | Kết cấu bê tông cốt thép, gạch đá | Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra cấu kiện dầm BTCT theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012; thiết kế hay thẩm tra được khối xây gạch đá; Lựa chọn và phân tích khái quát được các giải pháp kết cấu cho mỗi công trình cụ thể. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi : Bài thi viết cuối học phần |
| 39 | Phân tích môi trường | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học có các kỹ năng cơ bản trong phân tích, đánh giá các hoạt động gây tác động tới môi trường và các giải pháp thực tiễn để đối phó, giảm thiểu các tác động này. Có phương pháp để quản lý các thành phần chất thải lỏng, khí thải, chất thải rắn và đất ô nhiễm. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | nắm được cơ sở lý luận và phương pháp phân tích đánh giá bằng tay hoặc bằng các công cụ, máy móc hiện đại nhằm áp dụng các kỹ năng phân tích môi trường trong công việc thực tế | | | |
| 40 | Quan trắc và xử lý số liệu môi trường | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững hệ thống văn bản pháp lý, kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, chiến lược phát triển hệ thống quan trắc môi trường quốc gia cũng như có khả năng phân tích đánh giá bất cập, hạn chế của hệ thống quan trắc môi trường các địa phương và đề xuất giải pháp phù hợp.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, sinh viên có kỹ năng xây dựng, thiết kế chương trình quan trắc môi trường cũng như sử dụng kết quả quan trắc để đánh giá, dự báo nhanh chóng, hiệu quả, chính xác hiện trạng môi trường, tác động môi trường của các hoạt động do con người gây ra.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 41 | Quản lý tổng hợp nguồn nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên nước như chu trình nước, các nguồn nước và tiềm năng khai thác, sử dụng nguồn nước để phục vụ cho các nhu cầu của con người; sự ô nhiễm nguồn nước, việc quản lý, sử dụng và phân bổ nguồn nước hợp lý, các công cụ quản lý tổng hợp nguồn nước cũng được trình bày trong học phần này.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học biết phân tích, đánh giá nguồn nước, nguồn gây ô nhiễm và dự báo ô nhiễm. Người học sẽ được thực hành báo cáo thuyết trình về một vấn đề liên quan.</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|--|
| 42 | Thực tập công nhân | <p>* Về kiến thức: Hiểu và nắm được các yêu cầu kỹ thuật, trình tự các bước tiến hành và phương pháp thực hiện các công việc của công tác thi công trên công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Biết được phương pháp kiểm tra, đánh giá được các công việc theo yêu cầu kỹ thuật. Tìm và nêu ra được các sai hỏng thường gặp, đưa ra được biện pháp khắc phục các sai hỏng đó.</p> <p>* Về Kỹ năng: Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo. Làm được các công việc: xây tường phẳng 110 mm bề rộng 220 x 220 mm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Gia công và lắp đặt cốt thép cột, dầm, sàn; Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha định hình dầm, cột, dầm sàn; Lắp dựng và tháo dỡ giàn giáo; Đổ và đầm bê tông đảm bảo quy trình và đảm bảo kỹ thuật; Lựa chọn và sử dụng hiệu quả dụng cụ và một số máy, thiết bị chuyên dùng trong lắp đặt đường ống; Thực hiện các thao tác cơ bản một cách thành thạo để gia công và lắp nối được mạng cấp nước đơn giản. Kiểm tra, đánh giá các công việc của công tác thi công. Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm tra, đánh giá sản phẩm. Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với yêu cầu thực tế. Kiểm tra, đánh giá được các công việc của công tác thi công. Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện kiểm</p> | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|------------------|---|
| | | tra, đánh giá sản phẩm. Xây dựng kế hoạch thi công và tiến độ thi công phù hợp với thực tế. | | | |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |
| 43 | <i>Môi trường trong CBKT khu đất xây dựng</i> | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần này SV có thể phân tích đánh giá các vấn đề môi trường trong CBKT khu đất XD, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động môi trường đối với các dự án CBKT khu đất XD. Mục tiêu về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng đọc bản vẽ, phân tích đánh giá những tác động môi trường của các dự án CBKT khu đất xây dựng | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 44 | <i>Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý</i> | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị . Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn. Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên | 2* | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận: • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10\ |
| 45 | Tin học ứng dụng | - Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên biết sử dụng phần mềm AutoCAD để thể hiện các Đồ án môn học, sử dụng phần mềm Mapinfo để phân tích, thể hiện Đồ án Đánh giá tác động môi trường. Đây là hai phần mềm | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | thông dụng ở thời điểm hiện tại. - Trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về Tin học ứng dụng trong ngành Kỹ thuật Môi trường đô thị, đủ để chủ động nâng cao trình độ trong quá trình làm việc sau này. | | | + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 46 | Sinh thái học ứng dụng | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản công nghệ sinh học ứng dụng trong các quá trình xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được cơ sở lý luận và phương pháp phân tích, đánh giá lựa chọn các công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 47 | Thông gió cấp nhiệt | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các hệ thống thông gió và cấp nhiệt cho các công trình DD&CN cũng như các nội dung tính toán thiết kế các hệ thống thông gió và cấp nhiệt cho các công trình DD&CN. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu thông gió và cấp nhiệt cho các công trình DD&CN. Biết cách vận dụng các kiến thức đã học, đưa ra các giải pháp tính toán thiết kế các hệ thống thông gió và cấp nhiệt phù hợp cho các công trình DD&CN. | 3 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 48 | Đồ án thông gió cấp nhiệt | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về trình tự các bước và nội dung tính toán thiết kế cũng như các nguyên lý thiết kế và thể hiện bản vẽ các hệ thống thông | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Điểm tiến độ: 1,5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | <p>gió, cấp nhiệt cho các công trình DD&CN.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề kỹ thuật thực tế đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu tính toán thiết kế các hệ thống thông gió và cấp nhiệt cho các công trình DD&CN. Đồng thời sinh viên biết cách vận dụng các kiến thức thu được từ bài giảng trên lớp và các tài liệu tham khảo (giáo trình, tài liệu hướng dẫn thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn...) để tính toán thiết kế, lập bảng biểu và trình bày kết quả tính toán thiết kế trong thuyết minh, thể hiện bản vẽ theo đúng ý đồ thiết kế và đúng quy cách kỹ thuật.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 49 | ĐTM Các công trình xây dựng DD&CN | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể tham gia vào quá trình ĐTM; lập báo cáo ĐTM các dự án công trình xây dựng DD&CN ở Việt Nam.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề môi trường dự án công trình xây dựng DD&CN; Kỹ năng đọc và thể hiện bản vẽ, lập báo cáo ĐTM các dự án công trình xây dựng DD&CN</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 50 | Đồ án ĐTM các công trình xây dựng DD&CN | <p>Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, khả năng phân tích và kỹ năng viết báo cáo ĐTM các dự án ĐTXD công trình xây dựng DD&CN; Kỹ năng thể hiện bản vẽ khi thực hiện ĐTM các dự án ĐTXD công trình xây dựng DD&CN.</p> <p>Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ĐTM các dự án ĐTXD công trình xây dựng DD&CN.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| 51 | Hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải lỏng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các loại chất thải lỏng, giải pháp thu gom, vận chuyển và cách tổ chức các công trình thiết bị thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển chất thải lỏng trong phạm vi đô thị, khu đô thị, đô thị mới, khu công nghiệp, chế xuất, khu xử lý chất thải cũng như các nội dung tính toán, thiết kế, quản lý vận hành hệ thống một cách hiệu quả và bền vững.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải lỏng theo đặc thù từng khu vực phát sinh. Biết cách vận dụng các kiến thức đã học, sử dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đưa ra các giải pháp tính toán thiết kế các hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải lỏng phù hợp với yêu cầu thực tế của mỗi khu vực cụ thể.</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 52 | ĐA Hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải lỏng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về lập quy hoạch, quản lý, tổ chức thu gom, vận chuyển các loại chất thải lỏng trong phạm vi đô thị, khu đô thị, đô thị mới, khu công nghiệp, chế xuất, khu xử lý chất thải cũng như khả năng tính toán, thiết kế kỹ thuật, quản lý vận hành hệ thống một cách hiệu quả và bền vững.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ biết cách vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học đồng thời sử dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành vào đề xuất giải pháp, lập quy hoạch, thiết kế, tính</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Điểm tiến độ: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | toán kỹ thuật và tổ chức quản lý vận hành 1 hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải lỏng theo đặc thù từng khu vực phát sinh phù hợp với yêu cầu thực tế bảo vệ môi trường của mỗi khu vực cụ thể. | | | |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 53 | 1. Môi trường giao thông đô thị | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình thực hiện các dự án về giao thông; phân tích đánh giá những tác động môi trường của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Mục tiêu về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề môi trường dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị - cơ sở cho việc thực hiện ĐTM các dự án về giao thông. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 54 | 2. Thảm họa môi trường | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học cũng trang bị những kiến thức về nguyên nhân, diễn biến, hậu quả cách khắc phục của các tai biến thiên nhiên, hiểm họa nhân sinh, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu đến môi trường sinh thái và cuộc sống con người. Mục tiêu về kỹ năng: học phần giúp nâng cao cảnh giác trước những hiểm họa tiềm ẩn trong cuộc sống, đưa ra giải pháp dự báo, phòng tránh thảm họa, nâng cao văn hóa ứng xử trong và sau thảm họa. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 55 | Kinh tế môi trường | Mục tiêu về kiến thức: - Lí thuyết phát triển bền vững: Xác định con đường phát triển bền vững, những nguyên tắc và cách thức đo lường phát triển bền vững trong thực tế. | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>- Lí thuyết sử dụng tối ưu tài nguyên thiên nhiên và mức độ ô nhiễm tối ưu: Phân tích nguyên nhân kinh tế dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường, những điều kiện để sử dụng tối ưu tài nguyên thiên nhiên trong cơ chế thị trường.</p> <p>- Các giải pháp quản lí môi trường, phân tích kinh tế và quản lí chất lượng môi trường: Gồm các biện pháp của chính phủ có thể sử dụng để điều tiết thị trường nhằm thực hiện các nguyên tắc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>- Các phương pháp đánh giá: Gồm các phương pháp định lượng các giá trị phi thị trường của những hàng hoá và dịch vụ môi trường, các tổn thất do ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Khái toán kinh tế cho các công trình xử lý chất thải rắn, lỏng, khí</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: sinh viên có thể ứng dụng các lí thuyết và những kĩ thuật phân tích kinh tế để lí giải và giải quyết những vấn đề môi trường, tính toán áp dụng các công cụ kinh tế để quản lí môi trường bền vững, lập khái toán kinh tế cho các công trình xử lý chất thải rắn, lỏng, khí.</p> | | | <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 56 | Xử lý ô nhiễm môi trường không khí | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong tính toán thiết kế các công trình xử lý ô nhiễm môi trường không khí.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích, tính toán, thiết kế và lựa chọn các công nghệ xử lý phù hợp.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| 57 | Đồ án xử lý ô nhiễm môi trường không khí | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về trình tự các bước và nội dung tính toán thiết kế cũng như các nguyên lý thiết kế và thể biện bản vẽ các công trình xử lý ô nhiễm môi trường không khí.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề kỹ thuật thực tế đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu tính toán thiết kế các công trình xử lý ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời sinh viên biết cách vận dụng các kiến thức thu được từ bài giảng trên lớp và các tài liệu tham khảo (giáo trình, tài liệu hướng dẫn thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn...) để tính toán thiết kế, lập bảng biểu và trình bày kết quả tính toán thiết kế trong thuyết minh, thể hiện bản vẽ theo đúng ý đồ thiết kế và đúng quy cách kỹ thuật.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Điểm tiến độ: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 58 | Quản lý chất thải rắn | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về lập dự án đầu tư, xây dựng các công trình xử lý, tái chế chất thải rắn; đề xuất các giải pháp quy hoạch và thiết kế hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học, sử dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để lập quy hoạch, thiết kế hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, lập các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý, tái chế chất thải CTR.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 59 | Đồ án quản lý chất thải rắn | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về lập dự án đầu tư, xây</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | <p>dựng các công trình xử lý, tái chế chất thải rắn; đề xuất các giải pháp quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: SV biết dựng các kiến thức đã học, sử dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để thiết kế hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, lập các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý, tái chế chất thải CTR</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần: 1,5/10</p> <p>+ Điểm tiến độ: 1,5/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 60 | ĐTM các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị | <p>Mục tiêu về kiến thức: Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để thực hiện ĐTM các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị ở Việt Nam</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề môi trường dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị; Kỹ năng đọc và thể hiện bản vẽ, lập báo cáo ĐTM các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị;</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 61 | Đồ án ĐTM các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về đánh giá tác động môi trường các dự án HTKT đô thị gồm: giao thông, các công trình xử lý/ tái chế chất thải rắn, cấp nước đô thị, thoát nước và vệ sinh môi trường.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên có kỹ năng lập báo cáo ĐTM các dự án; Kỹ năng thể hiện bản vẽ khi thực hiện ĐTM các dự án HTKT đô thị.</p> | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 62 | Sử dụng hiệu quả năng lượng trong KTMT | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức về tiêu thụ năng lượng trong các công trình kỹ thuật môi trường, lựa chọn các giải pháp công nghệ, biện pháp kỹ thuật để</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>giảm thiểu chi phí năng lượng, thu hồi và tái sử dụng các nguồn năng lượng phát sinh trong quá trình xử lý môi trường.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng phân tích các hao tổn năng lượng, tối ưu hóa nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong quá trình thiết kế trong công trình kỹ thuật môi trường.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 63 | Xử lý chất thải lỏng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các loại chất thải lỏng, các giải pháp kỹ thuật và công nghệ xử lý chất thải lỏng nhằm giảm thiểu ô nhiễm do chất thải lỏng gây ra đối với môi trường xung quanh cũng như các nội dung tính toán, thiết kế, quản lý vận hành hệ thống một cách hiệu quả và bền vững.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu tái sử dụng, xử lý và xả thải chất thải lỏng ra môi trường đáp ứng các yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành. Biết cách vận dụng các kiến thức đã học, đưa ra các giải pháp tính toán thiết kế công nghệ các công trình trong khu xử lý chất thải lỏng, đồng thời có khả năng đề xuất, đánh giá vị trí khu xử lý, lập quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan trong khu xử lý một cách hài hòa và hợp lý.</p> | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | Đồ án xử lý chất thải lỏng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các loại chất thải lỏng, các giải pháp kỹ thuật và công nghệ xử lý chất</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>thải lỏng nhằm giảm thiểu ô nhiễm do chất thải lỏng gây ra đối với môi trường xung quanh cũng như các nội dung tính toán, thiết kế, quản lý vận hành hệ thống một cách hiệu quả và bền vững, khả năng quy hoạch, bố trí trạm xử lý và vị trí công xả hợp lý.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu tái sử dụng, xử lý và xả thải chất thải lỏng ra môi trường đáp ứng các yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành. Biết cách vận dụng các kiến thức đã học, đưa ra các giải pháp tính toán thiết kế công nghệ các công trình trong khu xử lý chất thải lỏng, đồng thời có khả năng đề xuất, đánh giá vị trí khu xử lý, lập quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan trong khu xử lý một cách hài hòa và hợp lý.</p> | | | <p>+ Điểm bài tập, thảo luận: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 65 | Kiểm soát chất thải nguy hại | <p>Mục tiêu về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mối quan hệ mật thiết giữa hoạt động sản xuất với việc tạo ra các loại CTNH tới môi trường và sức khỏe con người; Quy trình kiểm soát CTNH: thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy CTNH; cách thực hiện/kiểm soát/đánh giá quy trình kiểm soát CTNH; các giải pháp phòng chống và giảm thiểu tác động của các thành phần nguy hại.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: ứng dụng các lí thuyết vào việc tính toán và thiết kế các hệ thống thu gom, lưu trữ, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy CTNH; đề xuất các công nghệ xử lý CTNH phù hợp trong đồ án; tính toán thiết kế các</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | ô chôn lấp CTNH trong bãi chôn lấp chất thải rắn. | | | |
| 66 | Đánh giá môi trường chiến lược | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), các phương pháp và quy trình lập ĐMC trong quy hoạch xây dựng. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần “Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)”, sinh viên có thể tham gia vào quá trình ĐMC và lập báo cáo ĐMC cho QHXD nói chung và ĐMC cho các quy hoạch chuyên ngành. | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 67 | Học phần tự chọn 3 - Đồ án tổng hợp (chọn 1 trong 3 HP) | | 4 | 8 | |
| | <i>1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn</i> | Mục tiêu về kiến thức: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quy hoạch quản lý chất thải rắn: nguồn phát sinh, đặc điểm thành phần và tính chất của chất thải rắn; Quy hoạch hệ thống thu gom, phân loại, vận chuyển ở hai giai đoạn (1) thu gom, vận chuyển sơ cấp; (2) thu gom, vận chuyển thứ cấp CTR đô thị;. | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Thái độ tích cực trong quá trình làm bài, đảm bảo khối lượng và chất lượng: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| | <i>2. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải lỏng</i> | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các loại chất thải lỏng, giải pháp thu gom, vận chuyển và cách tổ chức các công trình thiết bị thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển chất thải lỏng trong phạm vi đô thị, khu đô thị, đô thị mới, khu công nghiệp, chế xuất, khu xử lý chất thải cũng như các nội dung tính toán, thiết kế, quản lý vận hành hệ thống một cách hiệu quả và bền vững. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|--|
| | | viên nắm được phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải lỏng theo đặc thù từng khu vực phát sinh. Biết cách vận dụng các kiến thức đã học, sử dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đưa ra các giải pháp tính toán thiết kế các hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải lỏng phù hợp với yêu cầu thực tế của mỗi khu vực cụ thể | | | |
| | 3. Hệ thống xử lý ô nhiễm MT không khí | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong tính toán thiết kế các công trình xử lý ô nhiễm môi trường không khí. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích, tính toán, thiết kế và lựa chọn các công nghệ xử lý phù hợp. | 4* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 68 | Thực tập tốt nghiệp và tham quan | Mục tiêu về kiến thức: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận hoặc tham gia sản xuất trực tiếp trong các dự án quản lý và xử lý kỹ thuật về lĩnh vực môi trường. Tham quan các công trình, dự án quản lý chất thải rắn, chất thải lỏng, xử lý khí thải đang được thi công xây dựng hoặc đã được xây dựng đưa vào vận hành. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc thời gian thực tập, tham quan sinh viên có các hiểu biết về các công trình thực tế của chuyên ngành đào tạo. Nắm được các bước tiếp cận, điều tra khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện một dự án cụ thể; Nắm được phương thức tổ chức biên chế nhân sự tổ chức sản xuất ở các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp các công trình xử lý môi trường,...; Các bước thực hiện một dự án cụ thể; Nắm được nội dung | 2 | 8 | 0 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>và nhiệm vụ cụ thể trong quản lý môi trường tại các khu đô thị và công nghiệp; Hợp tác phân công trong công tác chuyên môn; Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao trong đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược các dự án xây dựng cơ bản.</p> | | | |
| 69 | Đồ án tốt nghiệp | <p>Mục tiêu về kiến thức: Đồ án tốt nghiệp có ý nghĩa trang bị cho sinh viên năm cuối chuyên ngành kỹ thuật môi trường những kiến thức cơ bản và quan trọng nhất; hướng cho họ làm quen với phương pháp tiếp cận về kinh tế - kỹ thuật để giải quyết các nhiệm vụ thẩm định, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, quản lý vận hành..... Trong xu hướng hiện đại và hội nhập, các vấn đề về biến đổi khí hậu, dự báo và đánh giá các biến cố, rủi ro về mặt môi trường, khả năng xử lý, giảm phát thải dựa trên các chỉ tiêu về kinh tế, tự động hóa, kỹ thuật an toàn lao động đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường. Vì vậy, đồ án tốt nghiệp đòi hỏi các kỹ sư phải nắm bắt và kịp thời để triển khai trong các đồ án thực tế.</p> <p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cần thiết để có thể tham gia thẩm định, lập dự án đầu tư, tư vấn thiết kế kỹ thuật, quản lý và vận hành các dự án quản lý chất thải tại các đô thị, khu đô thị và công nghiệp ở Việt Nam theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế và các văn bản pháp lý hiện hành.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Nhằm trang bị cho SV các kiến thức và kỹ năng thể hiện bản vẽ, năng lực thiết kế,</p> | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|--|-----------------------------|------------|------------------|--------------------------------|
| | | thuyết trình khi ra trường. | | | |
| XIV | Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 8 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Vật lý đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Hoá học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 9 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| 13 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 16 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 19 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 21 | Cơ học cơ sở P1 | Sau khi học học phần này người học sẽ nắm được các kiến thức cơ sở về cơ học, về sự cân bằng của các kết cấu tĩnh định và áp dụng tính toán các bài toán kết cấu cơ bản như các thanh dầm, hệ khung phẳng, tấm phẳng, hệ dàn phẳng cân bằng. Đây là các yêu cầu cơ bản và tiên quyết giúp cho người học có thể học các học phần tiếp sau. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 22 | Trắc địa | Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững khối kiến thức trắc địa đại cương phục vụ việc khảo sát thiết kế và thi công các công trình xây dựng và các công trình đô thị. Nắm vững các phương pháp đo và bố trí các đại | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>lượng cơ bản về góc, chiều dài, độ cao. Biết quy trình đo vẽ bản đồ, mặt cắt địa hình và sử dụng các tài liệu này phục vụ giai đoạn thiết kế công trình. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công các loại công trình.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy để áp dụng sáng tạo những kiến thức trắc địa đại cương trong khảo sát thiết kế, thi công các công trình. Sử dụng thành thạo thiết bị trắc địa để đo và bố trí các yếu tố cơ bản; đo vẽ bản đồ và mặt cắt địa hình; bố trí và theo dõi thi công công trình.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từ phần và toàn bộ công trình.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 23 | Thực tập trắc địa | <p>Mục tiêu về kiến thức:Giúp sinh viên tiếp cận, nắm vững về cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của dụng cụ trắc địa. Nắm vững về các chỉ tiêu kỹ thuật, các hạn sai cho phép của từng giai đoạn cụ thể trong thiết kế và thi công công trình ngầm. Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu các kiến thức trắc địa sâu hơn, chọn và sử dụng được các dụng cụ trắc địa phù hợp với phương pháp thi công công trình ngầm</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng các loại dụng cụ, máy trắc địa để đo đạc các yếu tố cơ bản góc, cạnh, độ cao. Sử dụng máy bố trí</p> | 1 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Thực hành trên máy. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>và kiểm tra công tác chuyển các yếu tố cơ bản ra thực địa. Sử dụng máy trắc địa bố trí công trình và đo kiểm tra nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình; Biết cách thức và qui trình đo đạc ngoại nghiệpRèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm trong điều kiện ngoài trời..</p> <p>Nắm được công nghệ định hướng dưới lòng đất và dẫn hướng cho việc đào xuyên hầm đối hướng.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, chỉ đạo, giám sát thi công, xử lý tình huống và giải quyết linh hoạt các vấn đề nảy sinh trong thi công và kiểm tra nghiệm thu từng phần công trình ngầm</p> | | | |
| 24 | Thủy lực P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. - Về ngành cấp thoát nước: Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước. - Về ngành Môi trường: Hiểu biết quy luật vận động chất lỏng, quá trình, diễn biến chất lỏng trên dòng chảy, các bài toán cơ bản thủy lực mô phỏng công trình thực tế, phục vụ cho tính toán công trình cấp thoát nước và diễn toán môi trường dòng chảy. - Về ngành xây dựng: Nắm bắt các khái niệm cơ bản thủy lực học áp dụng cho công trình cấp thoát nước, các kiến thức phục cho mục tiêu thi công công trình xây dựng. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | <p>- Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo.</p> <p>- Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế;</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo.</p> <p>- Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo;</p> <p>- Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp</p> | | | |
| 25 | Kỹ thuật điện | <p>Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạch điện đô thị” và “Thiết bị điện”.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện.</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 26 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | <p>Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu</p> | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 27 | Sức bền vật liệu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên nắm được các khái niệm, biết cách xác định ứng suất và nội lực trong các hình thức chịu lực cơ bản của thanh. Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu gỗ. cứng của thanh chịu lực cơ bản | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 03/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 28 | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 4 | |
| | <i>Thủy lực P2</i> | Sử dụng các kiến thức đại cương, các kiến thức chuyên môn về Thủy lực để nghiên cứu, nắm bắt các nguyên lý cơ bản phục vụ cho các môn học chuyên ngành. Hiểu, nắm bắt về các quy luật vận động của chất lỏng, tính toán thủy lực cơ bản cho các công trình cấp thoát nước. Thủy lực kết hợp các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn thủy lực, phục vụ cho sinh viên nắm bắt các kiến thức cơ bản, phục vụ học hỏi, nghiên cứu các môn học chuyên ngành tiếp theo. Làm quen và vận dụng tốt kỹ năng phân tích tổng hợp các môn học, các hiện tượng và công trình trong thực tế; Áp dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu thủy lực và áp dụng thủy lực vào các môn học chuyên ngành; Kỹ năng trình bày và viết báo cáo. Nâng cao nhận thức về vai trò của thủy lực học đối với | 2* | 4 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|------------------|---|
| | | các môn học chuyên ngành, các hiện tượng trong thực tế và giải pháp xử lý kèm theo; Thái độ và nhận thức về chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực chuyên môn và định hướng nghề nghiệp | | | |
| | Máy xây dựng | Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy thiết bị xây dựng. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy xây dựng phù hợp với yêu cầu công tác thi công | 2* | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0,5/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 29 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 30 | Vật liệu xây dựng P1 | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | | | |
| 31 | Thực tập công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể áp dụng cho bài học và công việc trong thực tế. - Sinh viên có thể tham gia vào một quy trình sản xuất sau thiết kế. | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Tham gia thực tập đầy đủ tại cơ sở - Hình thức thi : Nộp báo cáo thực tập • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |
| 32 | Cơ học kết cấu P1 | Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có kỹ năng để tính nội lực và chuyển vị với hệ kết cấu thanh phẳng tĩnh định, cũng như nắm được về mặt lý thuyết, khái niệm, định nghĩa về hệ tĩnh định. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1 /10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 33 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | |
| 34 | Đồ án quy hoạch đô thị | Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản như sau: - Quy trình, phương pháp nghiên cứu, thể hiện đồ án Quy hoạch chung đô thị. - Triển khai kết hợp giữa quy hoạch không gian và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với một đồ án quy hoạch chung trong đô thị | 1 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 3/10 + Các nội dung kiểm tra: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 35 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 36 | Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 4 | |
| | <i>Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý</i> | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị. Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn. Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên | 2* | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận: • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10\ |
| | 2. Sinh thái và | Mục tiêu về kiến thức: trang bị kiến thức cơ bản về sinh | 2* | 4 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | <i>môi trường đô thị</i> | thái học và môi trường, ô nhiễm và suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và chiến lược phát triển bền vững theo hướng phát huy giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, phòng sinh học trong quy hoạch phát triển không gian và kỹ thuật hạ tầng đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác tư liệu về sinh thái học, môi trường và đa dạng sinh học trên internet, tạp chí khoa học v.v..., kỹ năng phân tích và cập nhật các kiến thức mới trong nước và trên thế giới, vận dụng các kiến thức cơ bản vào chuyên ngành, vào đối tượng nghiên cứu cụ thể | | | luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần 0,4/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,6/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 37 | Thủy văn | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự an toàn đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Thực hiện được một số tính toán thủy văn cơ bản trong công tác quy hoạch và thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thủy văn. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 38 | Cơ học đất, nền móng | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chẵn, bên cạnh đó sinh viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về lý thuyết tính toán cấu tạo các giải pháp nền, móng thông dụng, thường gặp trong các công trình xây dựng | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 39 | Kết cấu bê tông cốt thép P1 | Học phần trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản trong việc thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép. Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần:...../10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra các cấu kiện BTCT như: dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012 | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Bài thi viết cuối học phần |
| 40 | Kết cấu thép, gỗ | Trang bị cho người học kiến thức về: - Vật liệu và các đặc trưng cơ học của thép xây dựng; - Đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép và kết cấu gỗ; - Đặc điểm cấu tạo kết cấu chịu lực của một số dạng công trình thép thông dụng trong thực tế. | 2 | 5 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 41 | Tin học ứng dụng | - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần thục các kĩ năng cơ bản trong AutoCAD - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyên đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,..) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 42 | Quy hoạch giao thông đô thị | Mục tiêu kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học có tính chất nguyên lý quy hoạch giao thông đô thị. Những kiến thức cơ bản có thể áp dụng trong công tác quy hoạch, thiết kế các công | 3 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | | trình giao thông đô thị. Nắm được các nội dung kiến thức cơ bản để tiến hành quy hoạch giao thông đô thị từ quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát, đánh giá các đồ án quy hoạch... | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 43 | Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng P1 | Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến việc lựa chọn đánh giá đất xây dựng đô thị, các kiến thức về thiết kế quy hoạch chiều cao và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt. Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng đánh giá tổng hợp các yếu tố tự nhiên trong việc đánh giá lựa chọn đất xây dựng đô thị, các kỹ năng trong áp dụng các phương pháp thiết kế quy hoạch chiều cao và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 44 | Quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về chất thải rắn đô thị, các giải pháp và trình tự quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể tham gia thiết kế, quản lý và vận hành các dự án quản lý CTR ở các đô thị của Việt Nam. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm bài tập, thảo luận: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 45 | Hệ thống cấp nước | Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về cấu tạo của một hệ thống cấp nước. Cũng cố lại kiến thức của học phần Thủy lực cơ sở. Vận | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | dụng được lý thuyết học phần Chuẩn bị kỹ thuật khu đất vào việc thiết kế, lựa chọn vị trí các công trình đơn vị của hệ thống cấp nước. Nắm được nguyên lý thiết kế và nhiệm vụ tính toán của mạng lưới cấp nước. | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 46 | Hệ thống thoát nước | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần “Hệ thống thoát nước”, người học phải (i) Hiểu sâu về các sơ đồ hệ thống thoát nước đô thị và nguyên lý qui hoạch hệ thống thoát nước đô thị; (ii) Hiểu nguyên lý tính toán thủy lực và thiết kế mạng lưới thoát nước; (iii) Hiểu chức năng nhiệm vụ, nguyên lý hoạt động, cấu tạo các công trình đơn vị trên mạng; (iv) Biết được những kiến thức cơ bản về vận hành hệ thống thoát nước đô thị; (v); Biết được khái niệm về qui hoạch trạm xử lý, hành lang an toàn vệ sinh dịch tễ, dây chuyền công nghệ xử lý nước thải; (vi) Biết xác định vị trí, diện tích trạm xử lý nước thải đô thị; (vii) Biết các tiêu chuẩn xả thải theo qui định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần “Hệ thống thoát nước”, người học phải (i) Có kỹ năng đọc các tài liệu chuyên ngành; (ii) Biết cách vận dụng và tra cứu các tiêu chuẩn, qui phạm thiết kế liên quan đến hệ thống thoát nước đô thị; (ii) nhận dạng được các vấn đề cốt lõi trong công tác qui hoạch, thiết kế và vận hành hệ thống thoát nước đô thị và tự xác lập được các bước cơ bản trong đồ án qui hoạch và thiết kế mạng lưới thoát nước đô thị;</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |
| 47 | Đánh giá tác động môi trường | Mục tiêu kiến thức: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học có tính chất nguyên lý đánh | 2 | 8 | - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>giá tác động môi trường. Những kiến thức cơ bản có thể áp dụng trong công tác lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, khả năng tích hợp các yêu cầu của hệ thống các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường nói chung và Đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược nói riêng, khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đánh giá tác động môi trường.</p> | | | <p>trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết.</p> |
| 48 | Kinh tế xây dựng | <p>- Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng.</p> <p>- Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng.</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 49 | Đồ án kinh tế xây dựng | <p>- Kiến thức: Xác định dự toán một hạng mục công trình.</p> <p>- Kỹ năng: Hạch toán để xác định giá dự thầu xây lắp công trình</p> | 1 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| 50 | Thiết kế hình học đường đô thị | <p>Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết môn học thiết kế hình học đường đô thị sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông sẽ có các hiểu biết để tiếp tục học môn học đồ án thiết kế hình học đường đô thị. Việc tính toán thiết kế công trình giao thông đường bộ đô thị, đường khu công nghiệp và toàn bộ mạng đường đô thị là các nội dung trong học phần đồ án thiết kế đường tiếp theo phần lý thuyết cũng như học phần tin học ứng dụng về thiết kế đường. Hiểu biết mức độ phức tạp của hệ thống kỹ thuật đi theo đường; Giải quyết các quan hệ đồng bộ giữa đường đô thị với hệ thống các công trình kỹ thuật ngầm, công trình nổi, cây xanh trong phạm vi chỉ giới đường đô thị và nền công trình xây dựng hai bên đường đô thị.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các tiêu chuẩn để thiết kế một tuyến đường; kỹ năng đọc bản đồ thiết kế hình học đường đô thị....</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 51 | Đồ án quy hoạch giao thông đô thị | <p>Mục tiêu kiến thức: Đồ án quy hoạch giao thông là một đồ án mang tính chất tổng hợp những kiến thức các học phần có liên quan tới lĩnh vực quy hoạch đô thị, đặc biệt vận dụng những kiến thức đã được học trong môn quy hoạch giao thông và thiết kế đường đô thị. Đồ án quy hoạch giao thông phải đạt được các yêu cầu sau. Vận dụng những kiến thức đã học vào thiết kế quy hoạch mạng lưới giao thông một đô thị. Phát huy tính sáng tạo trong các phương án thiết kế quy hoạch giao thông đô thị, giải quyết các vấn đề liên quan tới sự phát triển bền</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | <p>vững của đô thị do tác động của mạng lưới giao thông đô thị.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp trong việc nghiên cứu và thể hiện một đồ án, cần chú ý tới kỹ năng thể hiện đồ án. Khuyến khích sinh viên sử dụng công nghệ thông tin trong thể hiện đồ án và khả năng trình bày và bảo vệ ý đồ thiết kế của mình.</p> | | | |
| 52 | Đồ án chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng P1 | <p>Mục tiêu về kiến thức: Đồ án Chuẩn bị kỹ thuật P1 là quá trình vận dụng toàn bộ kiến thức phần lý thuyết của môn học để nghiên cứu thiết kế chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị (1 thành phố, thị xã, thị trấn hoặc 1 khu công nghiệp, 1 điểm dân cư) giai đoạn quy hoạch chung. Với những số liệu thực tế về điều kiện tự nhiên, các dữ liệu về quy hoạch không gian và quy hoạch sử dụng đất, sinh viên hiểu được trình tự thực hiện đồ án, thể hiện được các kỹ năng tính toán và kỹ năng thể hiện các bản vẽ của đồ án.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng đánh giá tổng hợp các yếu tố tự nhiên trong việc đánh giá lựa chọn đất xây dựng đô thị, các kỹ năng trong áp dụng các phương pháp thiết kế quy hoạch chiều cao và công tác chuẩn bị kỹ thuật trong các điều kiện đặc biệt.</p> | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm quá trình 30%: được đánh giá theo mức độ tham dự đầy đủ các buổi phụ đạo trên lớp, mức độ hoàn thành các phần việc theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và chất lượng thể hiện bản vẽ. • Điểm thi kết thúc học phần 70%: theo hình thức vấn đáp (bảo vệ đồ án). |
| 53 | ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1 | <p>Sinh viên biết vận dụng lý thuyết cơ bản để thiết kế thực hành kết cấu bê tông cốt thép, theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT, TCVN 5574:2012. Cụ thể, sinh viên sẽ nắm được phương pháp thiết kế bản và dầm liên tục. (Hiểu được sơ đồ kết cấu của sàn; xác định sơ đồ tính, xác định sơ bộ kích thước tiết diện, xác định nội lực,</p> | 1 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | tính toán cốt thép, cấu tạo cốt thép cho bản và dầm liên tục) Sinh viên sẽ được trang bị và làm giàu các kỹ năng: Quyết định, tính toán, viết thuyết minh, thể hiện bản vẽ, bảo vệ và đánh giá phương án thiết kế | | | |
| 54 | Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 6 | |
| | <i>1. Mạng điện</i> | Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mạng lưới điện và hệ thống điện cho sinh viên ngành Đô thị. Với những kiến thức từ môn học giúp sinh viên sau khi ra trường sẽ thực hiện tốt hơn công tác thiết kế quy hoạch hạ tầng đô thị. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán phụ tải điện, lựa chọn các thiết bị điện, lựa chọn đường dây tải điện, trong đồ án thiết kế mạng lưới cung cấp điện cho các đô thị hay các khu dân cư. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra và làm bài tập : 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần : 8/10 |
| | <i>2. Thiết kế nút giao thông</i> | Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết môn học thiết kế nút giao thông sẽ giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn về thiết kế các loại nút giao thông. Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các kiến thức để tính toán và thiết kế nút giao thông. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 55 | Học phần tự chọn 4 (chọn 1 trong 2 HP) | | 1 | 6 | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | 1. Đồ án mạng điện | Mục tiêu về kiến thức: Môn học với mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về việc thiết kế mạng lưới cung cấp điện cho khu đô thị hay khu dân cư. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thực hiện được sơ bộ công việc tính toán nhu cầu sử dụng điện năng và vạch được sơ bộ phương án cung cấp điện cho khu đô thị hay khu dân cư. | 1* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần : 10 - Điểm quá trình : 3/10 + Điểm chuyên cần : 1,5/10 + Điểm tiến độ thực hiện : 1,5/10 - Điểm chấm bài đồ án kết thúc học phần : 7/10 |
| | 2. Đồ án thiết kế nút giao thông | Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết môn học đồ án thiết kế nút giao thông sẽ giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn về thiết kế nút giao thông trong điều kiện cụ thể. Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng tính toán và thiết kế nút giao thông theo tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành. | 1* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%. - Điểm bảo vệ kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi vấn đáp hoặc nộp đồ án để giáo viên đánh giá. |
| 56 | Đồ án thiết kế hình học đường đô thị | Mục tiêu kiến thức: Vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học và các tiêu chuẩn kỹ thuật vào giải quyết một vấn đề cụ thể được đặt ra thông qua một đồ án thiết kế hình học một tuyến đường đô thị. Phát huy tính sáng tạo trong các phương án thiết kế đạt được những yêu cầu của các nội dung đồ án thiết kế hình học tuyến đường theo nhiệm vụ đặt ra. Nắm được các bước thực hiện đồ án thiết kế và vận dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia vào thiết kế một tuyến đường cụ thể. Mục tiêu kỹ năng: Học tập rèn luyện kỹ năng nghề | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi: Sinh viên bảo vệ đồ án trước hai giảng viên do Bộ |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | ngành độc lập nghiên cứu và thể hiện một đề án, kỹ năng trình bày và bảo vệ phương án thiết kế của sinh viên. | | | môn phân công. |
| 57 | Thiết kế nền mặt đường | <p>Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết môn học thiết kế nền mặt đường đô thị sẽ giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn về thiết kế nền đường, thiết kế nền đường trên đất yếu và thiết kế các loại kết cấu áo đường.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng tính toán ổn định nền mặt đường và kiểm toán kết cấu áo đường theo tiêu chuẩn hiện hành.</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 58 | Đề án thiết kế nền mặt đường | <p>Mục tiêu kiến thức: Sau khi được trang bị các kiến thức lý thuyết môn học đề án thiết kế nền mặt đường đô thị sẽ giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn về thiết kế nền đường, thiết kế nền đường trên đất yếu và thiết kế các loại kết cấu áo đường.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng tính toán ổn định nền mặt đường và kiểm toán kết cấu áo đường theo tiêu chuẩn hiện hành.</p> | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đề án 50%. - Điểm bảo vệ kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi vấn đáp hoặc nộp đề án để giáo viên đánh giá. |
| 59 | Hệ thống giao thông công cộng | Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học cũng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>loại III trở lên; Nắm vững được phương pháp thiết kế mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị và các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng dự báo và tính toán khối lượng công tác giao thông của đô thị, tính toán được số lượng phương tiện giao thông công cộng phù hợp với quy mô đô thị.</p> | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 60 | Đồ án quy hoạch giao thông công cộng | <p>Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị loại 3 trở lên; Nắm vững được phương pháp thiết kế mạng lưới giao thông công cộng cho đô thị và các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, người học nắm được kỹ năng dự báo và tính toán khối lượng công tác giao thông của đô thị, chọn lựa và tính toán được số lượng phương tiện giao thông công cộng phù hợp với quy mô đô thị, tính toán được vùng ảnh hưởng của mạng lưới giao thông công cộng với toàn đô thị.</p> | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 61 | Thực tập tốt nghiệp và tham quan | <p>Mục tiêu về kiến thức: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận tham gia sản xuất trực tiếp các dự án công trình Cấp, thoát nước đô thị từ lập dự án, thiết kế, thi công... Tham quan các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị tiêu biểu đang được thi công xây dựng; đã được xây dựng đưa vào vận hành, khai thác.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi kết thúc thời gian thực</p> | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình: 1,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | tập, tham quan sinh viên có các hiểu biết về các công trình thực tế của chuyên ngành đào tạo. Nắm được các bước tiếp cận, điều tra khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện một dự án cụ thể; Nắm được phương thức tổ chức biên chế nhân sự tổ chức sản xuất ở các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp các công trình hạ tầng cấp, thoát nước; Các bước thực hiện một dự án cụ thể; Hợp tác phân công trong công tác chuyên môn; Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao. | | | |
| 62 | Tổng luận cầu - mố trụ cầu | Mục tiêu kiến thức: Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về công trình nhân tạo (cầu và cống) trên đường ô tô và đường sắt. Các bộ phận và các hệ thống chính của công trình cầu; yêu cầu và trình tự các bước để trình bày các phương án vượt chướng ngại vật (sông, suối...) trên đường. Nắm được các trình tự, nguyên tắc về khảo sát, thiết kế, phương pháp tính toán công trình cầu cũng như các số liệu chung để phục vụ cho thiết kế và thi công công trình cầu như tải trọng và các quy trình quy phạm hiện hành. Nắm được các cấu tạo chung của công trình cầu như: mặt cầu, lan can bộ hành, khe biên dạng, bộ phận phòng nước, chiếu sáng trên cầu. Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng, hiểu biết và sử dụng được các tài liệu, tiêu chuẩn để thiết kế các loại cầu. | 3 | 7 | - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 63 | Đồ án mố trụ cầu | Về mặt kiến thức: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thiết kế một dạng mố trụ cầu cụ thể. Về mặt kỹ năng: Qua đó người học tự hoàn thiện các kỹ | 1 | 7 | - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | năng thành lập một hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh theo các giai đoạn như lên phương án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, với nội dung đáp ứng các yêu cầu mang tính thực tiễn cao. | | | nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%. – Điểm thi kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi: Sinh viên bảo vệ đồ án trước hai giảng viên do Bộ môn phân công – Yêu cầu: Đồ án bắt buộc phải có đầy đủ phần bản vẽ và thuyết minh, nếu thiếu một trong hai thành phần thì điểm bảo vệ đồ án là 0 điểm. |
| 64 | Học phần tự chọn 5 (chọn 1 trong 2 HP) | | 3 | 7 | |
| | <i>1. Khai thác và thí nghiệm đường</i> | Mục tiêu kiến thức: Học phần Khai thác và thí nghiệm đường trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về khai thác đường, nhằm bảo trì đường trong quá trình khai thác đạt chất lượng kỹ thuật, quản lý giao thông nhằm đạt chất lượng giao thông và kinh tế đường sao cho đạt hiệu quả kinh tế sau khi đầu tư xây dựng đường Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng điều tra, đánh giá tình trạng mặt đường, các thiết bị của đường, các điều kiện đường và an toàn giao thông... giúp sinh viên tham gia giao thông an toàn hơn. | 3* | 7 | - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| | <i>2. Mỹ học cầu đường</i> | Học phần bước đầu cung cấp cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về mỹ học công trình cầu đường | 3* | 7 | Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | | | | nhà) 50%. Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 65 | Học phần tự chọn 6 (chọn 1 trong 2 HP) | | 3 | 8 | |
| | <i>1. Thiết kế và xây dựng cầu BTCT</i> | <p>Mục tiêu kiến thức: Làm cho sinh viên nắm được:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các kiến thức về vật liệu của cầu bê tông cốt thép. + Phân loại cầu bê tông cốt thép. + Cấu tạo và kích thước cơ bản các bộ phận của kết cấu nhịp cầu bản, cầu dầm đơn giản dưới tác dụng của các loại tải trọng. + Kiến thức cơ bản về thiết kế tính toán cầu BTCT theo tiêu chuẩn TCN 272-05 + Công nghệ thi công cầu BTCT nhịp giản đơn: Yêu cầu về lựa chọn phương pháp thi công, nguyên lý thiết kế tính toán một số thiết bị, phương tiện thi công <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng, hiểu biết và sử dụng được các tài liệu, tiêu chuẩn để thiết kế các loại cầu bê tông cốt thép.</p> | 3* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| | <i>2. Thiết kế và xây dựng cầu thép</i> | <p>Mục tiêu kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các kiến thức cơ bản về cầu thép, bao gồm: đặc điểm và phạm vi ứng dụng của các sơ đồ cầu thép. + Vật liệu để làm cầu thép + Cấu tạo, kích thước cơ bản của cầu dầm thép và cầu dầm thép bê tông liên hợp + Nguyên tắc tính toán thiết kế cầu dầm thép theo tiêu chuẩn thiết kế cầu | 3* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|---|
| | | + Công nghệ chế tạo lao lắp cầu dầm thép Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng, hiểu biết và sử dụng được các tài liệu, tiêu chuẩn để thiết kế các loại cầu thép. | | | phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 66 | Học phần tự chọn 7 (chọn 1 trong 2 HP) | | 1 | 8 | |
| | <i>1. Đồ án thiết kế cầu BTCT</i> | Mục tiêu kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được: + Phân tích, lựa chọn các phương án kết cấu nhịp vượt sông hợp lý theo các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế đặt ra, đồng thời phải thoả mãn được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. + Ứng với phương án cầu được chọn phải biết thiết kế và tính toán cụ thể kết cấu nhịp và giải pháp thi công kết cấu nhịp. Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng, hiểu biết và sử dụng được các tài liệu, tiêu chuẩn để thiết kế các loại cầu bê tông cốt thép. | 1* | 8 | - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%. - Điểm bảo vệ kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi vấn đáp hoặc nộp đồ án để giáo viên đánh giá. |
| | <i>2. Đồ án thiết kế cầu thép</i> | Mục tiêu kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được: + Biết đề xuất phương án và lựa chọn hình thức cấu tạo hợp lý kết cấu nhịp cầu dầm thép theo các yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế đặt ra. + Biết phân tích sự làm việc, tính toán nội lực và kiểm tra các bộ phận chịu lực theo các điều kiện đảm bảo độ bền, độ cứng cũng như ổn định. + Biết chọn biện pháp thi công kết cấu nhịp cầu thép. Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng, hiểu biết và sử dụng được các tài liệu, tiêu chuẩn để thiết kế các loại cầu thép. | 1* | 8 | - Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%. - Điểm bảo vệ kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi vấn đáp hoặc nộp đồ án để giáo viên đánh giá. |
| 67 | Xây dựng đường | Mục tiêu kiến thức: Sau khi học xong môn học này | 4 | 8 | - Điểm quá trình chiếm 20% tổng |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|--|
| | | <p>sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công nghệ kỹ thuật, quy trình xây lắp công trình giao thông đô thị. Rèn luyện cho SV có kiến thức chuyên môn về lập tổng mặt bằng xây dựng, lập tiến độ thi công, quản lý công việc theo tiến độ thi công...</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các tiêu chuẩn định mức dự toán trong xây dựng đường đô thị. Sinh viên có kỹ năng tổ chức tác nghiệp điều hành thi công công trình giao thông đô thị. Sử dụng phần mềm trong lập tiến độ thi công, lập dự toán công trình.</p> | | | <p>điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết.</p> |
| 68 | Đồ án xây dựng đường | <p>Mục tiêu kiến thức: Sau khi học xong môn học này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công nghệ kỹ thuật, quy trình xây lắp công trình giao thông đô thị. Rèn luyện cho SV có kiến thức chuyên môn về lập tổng mặt bằng xây dựng, lập tiến độ thi công, quản lý công việc theo tiến độ thi công...</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Trang bị sinh viên những kỹ năng sử dụng được các tiêu chuẩn định mức dự toán trong đồ án xây dựng đường đô thị. Sinh viên có kỹ năng tổ chức tác nghiệp điều hành thi công công trình giao thông đô thị. Sử dụng phần mềm trong lập tiến độ thi công, lập dự toán công trình.</p> | 1 | 8 | <p>- Điểm quá trình chiếm 30% tổng điểm đánh giá kết quả học phần: (i) Đi học đầy đủ và thái độ tích cực trên lớp 50%; (ii) Thực hiện đầy đủ nội dung trong các buổi làm việc theo kế hoạch làm đồ án 50%.</p> <p>- Điểm bảo vệ kết thúc học phần chiếm 70% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi vấn đáp hoặc nộp đồ án để giáo viên đánh giá.</p> |
| 69 | Học phần tự chọn 8 (chọn 1 trong 2 HP) | | 2 | 8 | |
| | 1. Quản lý và điều khiển giao thông | <p>Mục tiêu kiến thức: Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về quản lý và điều khiển giao thông, nhằm quy hoạch, thiết kế mạng lưới đường đô thị hướng tới sự an toàn của xã hội, sự</p> | 2* | 8 | <p>- Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------|---|--|------------|------------------|--|
| | | hiệu quả trong sử dụng các nguồn lợi vận tải và sự cơ động của người, hàng hóa trên hệ thống giao thông. Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát, nghiên cứu hệ thống kỹ thuật công tác quản lý và điều khiển giao thông. | | | trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| | 2. Kỹ thuật giao thông | Mục tiêu kiến thức: Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về kỹ thuật giao thông, nhằm quy hoạch, thiết kế mạng lưới đường đô thị hướng tới sự an toàn của xã hội, sự hiệu quả trong sử dụng các nguồn lợi vận tải và sự cơ động của người, hàng hóa trên hệ thống giao thông đường bộ. Mục tiêu kỹ năng: Sau khi học xong môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát hệ thống kỹ thuật trong giao thông như đèn tín hiệu điều khiển, vạch sơn, biển báo... giúp sinh viên tham gia giao thông an toàn hơn. | 2* | 8 | - Điểm quá trình chiếm 20% tổng điểm đánh giá kết quả học phần trong đó: (i) Đi học đầy đủ và độ tích cực trên lớp 50%; (ii) điểm kiểm tra trên lớp (hoặc chuyên đề bài tập về nhà) 50%. - Điểm thi kết thúc học phần chiếm 80% tổng điểm đánh giá kết quả học phần. Hình thức thi tập trung, thi viết. |
| 70 | Đồ án tốt nghiệp | - Sinh viên có thể tham gia ngay vào công việc thiết kế tại các công ty thiết kế chuyên nghiệp. - Tổng hợp những kiến thức đã được trang bị. - Trang bị cho sinh viên khả năng kết hợp giữa lý luận và thực tiễn - Trang bị cho sinh viên khả năng tự xây dựng kế hoạch làm việc. - Sinh viên có thể xây dựng “Bộ hồ sơ quy chuẩn” cho doanh nghiệp. | 10 | 9 | • Hình thức đánh giá: + Hình thức khác: Bảo vệ trước các tiểu ban • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình : 01/10 (điểm trung bình của 2 lần kiểm tra tiến độ) - Điểm thi kết thúc học phần: 09/10 (điểm trung bình của các thành viên tiểu ban) |
| XV | Ngành Quản lý xây dựng. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục thể | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | chất P1 | | | | |
| 2 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Phương pháp thể hiện kiến trúc | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Toán | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Xã hội học | Hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản, những luận điểm cơ bản của các lối tiếp cận xã hội học, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích các vấn đề xã hội một cách toàn diện: | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận • Điểm kết thúc học phần:10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <p>Nhận diện các đặc trưng của xã hội đô thị. Biến chuyển của đô thị và những vấn đề xã hội. Cơ cấu tổ chức và quản lý ở đô thị. Những khía cạnh xã hội trong quy hoạch và phát triển đô thị. Có thể vận dụng lý giải một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam. Từ đó sinh viên chọn một vấn đề gắn với các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị để tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đã được chọn.</p> | | | <p>+ Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 13 | Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý | <p>Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trắc địa bản đồ, các khái niệm cơ bản GIS, nắm được vai trò của GIS trong Quy hoạch, quản lý đô thị. Cung cấp cho sinh viên hiểu về cơ sở dữ liệu trong GIS và cách truy vấn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn. Mục tiêu về kỹ năng: Biết sử dụng tài liệu trắc địa, địa hình, giải quyết được các bài toán trên bản đồ phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch, quy hoạch hạ tầng đô thị và quản lý hoạt động xây dựng. Biết cách quản lý, bổ sung, khai thác thông tin trên GIS để phục vụ cho các chuyên ngành riêng của từng sinh viên</p> | 2 | 4 | <p>• Hình thức đánh giá học phần: +Tự luận: • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số) 4/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 6/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10\</p> |
| 14 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 15 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Soạn thảo và ban | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về | 2 | 3 | Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | hành văn bản | văn bản quy phạm pháp luật, giúp sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa văn bản quy phạm pháp luật và các loại văn bản khác; Hiểu được những chức năng, hình thức, ý nghĩa, thể thức của văn bản quy phạm pháp luật từ đó nắm được quy trình soạn thảo và ban hành văn bản cũng như việc quản lý quy chế văn bản. + Trang bị cho sinh viên kỹ năng soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của nhà nước gắn với ngành nghề được đào tạo. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 17 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 4 | Biểu 18C1 |
| 18 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 4 | Biểu 18C1 |
| 19 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 5 | Biểu 18C1 |
| 21 | Kiến trúc công trình | Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình kiến trúc, nắm được quy trình thiết kế từ ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện giải pháp, định hình một số yếu tố kỹ thuật và hình khối - không gian để phục vụ cho việc thực hành các đồ án chuyên ngành | 2 | 2 | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Vật liệu kiến trúc và thiết kế đô thị | Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về vật liệu xây dựng trong việc xây dựng công trình kiến trúc bao gồm vật liệu tạo lập kết cấu và vật liệu hoàn thiện. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp kiến thức về vật liệu hoàn thiện | 2 | 2 | Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 5/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|------------------|---|
| | | trong việc kiến tạo những không gian đô thị. Sinh viên còn có những nắm bắt về các loại vật liệu sử dụng đặc thù cho Thiết kế đô thị. Sinh viên có thể hiểu những quy tắc về việc sử dụng vật liệu đó áp dụng vào cụ thể trong từng dự án của công tác Thiết kế đô thị. | | | trình thực tập: 3/10 • Điểm thi kết thúc học phần: 5/10. |
| 23 | Khoa học quản lý | - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Khoa học quản lý, thực hành nêu ý tưởng giải quyết tình huống trong nội dung bài giảng, tiếp cận với hệ thống lý thuyết khoa học quản lý phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội. - Kỹ năng: Khoa học quản lý sẽ là công cụ và phương pháp hữu hiệu giúp các nhà quản lý nói chung trong hoạt động quản lý đạt hiệu quả cao. | 2 | 2 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 24 | Pháp luật xây dựng | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 25 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 26 | Môi trường | + Mục tiêu về kiến thức: Giúp các nhà quản lý đô thị | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | trong xây dựng | tương lai hiểu được sự liên quan mật thiết giữa môi trường – xây dựng. các tác động có thể xảy ra đến môi trường trong các giai đoạn xây dựng, các biện pháp xử lý và quản lý môi trường đô thị, các vấn đề cần chú ý để đảm bảo an toàn lao động. Sinh viên sẽ có các kiến thức về việc xây dựng và quản lý các đô thị hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. + Mục tiêu về kỹ năng: Áp dụng các kiến thức về môi trường vào chuyên ngành của mình để nâng cao hiệu quả công việc thiết kế, thi công, quản lý.... Mục đích là hướng tới việc xây dựng được những đô thị sinh thái, những công trình xanh. | | | - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 27 | QL1 - Quản lý công trình nhà ở nhỏ | Mục đích giúp sinh viên làm quen với những khái niệm ban đầu về đồ án kiến trúc, thông qua các đề tài nhà ở nhỏ thấp tầng thông dụng. Hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa không gian, chức năng và tạo hình kiến trúc, hình thành thẩm mỹ kiến trúc thông qua cảm nhận cái đẹp của tỷ lệ, hình khối và không gian, các yêu cầu về kỹ thuật và mỹ thuật. Đồng thời, sinh viên nắm được quy định khối lượng của một hồ sơ xin phép nhà ở nhỏ. | 2 | 3 | Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2,7/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận....) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 28 | Lịch sử kiến trúc và phát triển đô thị | Hệ thống hóa kiến thức, hình thành quan điểm nhận định mang tính tổng kết và kế thừa bài học từ lịch sử phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập các học phần liên quan đến kiến trúc - quy hoạch. | 2 | 3 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 29 | Lý thuyết quy | - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị | 2 | 3 | • Hình thức đánh giá học phần |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | hoạch đô thị | <p>và quy hoạch đô thị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | | | <p>Tự luận</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 30 | Lập quy hoạch 1 - Quy hoạch nhóm nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập đồ án quy hoạch chi tiết. - Giúp sinh viên ứng dụng lý thuyết và phương pháp thể hiện kiến trúc và quy hoạch, tập thể hiện hoàn chỉnh một đồ án quy hoạch chi tiết. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10. |
| 31 | Kinh tế cơ sở | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được kiến thức tổng quan các vấn đề cơ bản của kinh tế học (vi mô và vĩ mô), về các nguyên lý và một số công cụ của kinh tế học, hoạt động kinh tế của thành viên kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Kiến thức cơ bản này làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành tiếp theo. - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên sẽ hình thành được kỹ năng quan sát, hiểu được nguyên nhân và giải thích được diễn biến cơ bản các sự kiện kinh tế xã hội | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | diễn ra hằng ngày. Sinh viên có thể vận dụng được các quy luật kinh tế thị trường trong hoạt động kinh doanh sau này nếu có thể. | | | |
| 32 | Địa lý kinh tế và dân cư | <p>- Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được kiến thức tổng quan về đặc điểm kinh tế của từng vùng miền, những hạn chế và hướng ưu tiên phát triển cho vùng miền đó; sự phát triển và phân bố các ngành sản xuất, phân vùng kinh tế và quy hoạch vùng, các vấn đề về dân cư và xã hội,... kinh tế và dân cư dựa trên các quy luật phát triển nền kinh tế, xã hội và dân cư theo không gian. Kiến thức này làm cơ sở cho việc đưa ra những định hướng quy hoạch phát triển vùng sau này.</p> <p>- Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên sẽ hình thành được các kỹ năng về thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích và đánh giá các nguồn lực cho phát triển kinh tế, dân cư và xã hội, từ đó hiểu được các chính sách áp dụng cho từng vùng miền.</p> | 2 | 4 | <p>Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình: 2/10</p> <p>+ Điểm chuyên cần: 1/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |
| 33 | QL2 - Quản lý công trình công cộng | <p>Hoàn thành học phần, sinh viên nắm được mối quan hệ giữa không gian, hình khối, chức năng và hình thức trong kiến trúc, quan hệ giữa các bản vẽ trong hồ sơ thiết kế xin phép công trình công cộng.</p> <p>Thông qua đồ án, cho sinh viên không những nắm được cách thức thể hiện một số hồ sơ thiết kế kiến trúc, mà còn nắm được trình tự thủ tục các văn bản cần thiết cho một hồ sơ xin phép đối với công trình công cộng. Từ đó sinh viên có khả năng biết cách khai thác thông tin từ đó để phục vụ công tác chuyên môn.</p> | 2 | 4 | <p>Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình:</p> <p>+ Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,3/10</p> <p>+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2,7/10</p> <p>(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------------|---|------------|------------------|--|
| 34 | Bản đồ địa chính và đăng ký đất đai | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản đồ địa chính và các quy định nội dung của đăng kí đất đai. Thành phần hồ sơ địa chính và những quy định về thống kê, kiểm kê đất đai. - Kỹ năng: + Có khả năng đọc hiểu, sử dụng bản đồ và bản đồ địa chính như một công cụ bổ xung cho công tác quản lý đất đai, đăng ký thống kê đất đai và các công tác quản lý địa chính về đất đai. + Nắm được trình tự thủ tục đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 35 | Quy hoạch bảo tồn di sản đô thị | <ul style="list-style-type: none"> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến: - Các khái niệm về bảo tồn, Cơ sở lý luận của bảo tồn - Phương pháp luận bảo tồn di sản đô thị. - Khái quát nội dung và các giải pháp bảo tồn các di sản. - Thực tế việc bảo tồn di sản đô thị ở Việt Nam - Di sản không gian kiến trúc đô thị, Công tác bảo tồn di sản không gian kiến trúc đô thị, Bảo tồn di sản với phát triển du lịch và phát triển đô thị | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận...) - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 36 | Tin học ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng và truyền đạt cho sinh viên nghiên cứu, sử dụng được một số chương trình tin học ứng dụng, phục vụ hiệu quả cho chuyên ngành của mình đặc biệt trong công tác quản lý xây dựng đô thị; làm môn điều kiện cho môn GIS. - Sinh viên phải hiểu, sử dụng tốt phần mềm trong bộ | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: - Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | chương trình trình Microsoft Office: WORD, EXCEL; ACAD, Adobe Photoshop. Hiểu và sử dụng tốt cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Office Access và ứng dụng vào trong công việc cụ thể chuyên môn quản lý xây dựng sau này. | | | trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 37 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1 | - Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về thiết kế mặt phẳng và lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt. Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật, Quy hoạch giao thông. - Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng đọc hiểu nội dung các đồ án quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa, đồ án quy hoạch giao thông ... phục vụ cho công tác quản lý đô thị nói chung và quản lý quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, quy hoạch giao thông nói riêng. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 38 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2 | - Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, xử lý chất thải ... trong đô thị. Đọc và hiểu được nội dung các đồ án thiết kế, các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật nói trên. - Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế và công năng sử dụng của các công trình hạ tầng kỹ thuật | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 39 | Kinh tế đô thị | - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>những kiến thức cơ bản và những kiến thức tổng hợp liên quan đến kinh tế học, kinh tế đô thị, lao động đô thị, tang trường kinh tế, cung cầu đô thị, v.v.. Sinh viên nắm bắt được các kiến thức thực tiễn thông qua tìm hiểu, phân tích và thảo luận những vấn đề thực tiễn phát sinh có liên quan đến kinh tế đô thị của Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng như: Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về các nhân tố kinh tế tác động đối với sự tăng trưởng đô thị, kinh tế đô thị, kinh tế môi trường đô thị; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến vấn đề kinh tế đô thị.</p> | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 + Bài tập lớn: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 40 | Tài chính đô thị | <p>- Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm những kiến thức cơ bản và những kiến thức tổng hợp liên quan đến tài chính đô thị, quản lý tài chính đô thị, ngân sách nhà nước và ngân sách đô thị. Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tình hình thực tiễn thông qua tìm hiểu, phân tích và thảo luận những vấn đề thực tiễn phát sinh có liên quan đến tài chính đô thị của Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng như Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí</p> | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về tình hình tài chính đô thị, quản lý tài chính đô thị, ngân sách nhà nước và ngân sách đô thị; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến vấn đề tài chính đô thị. | | | |
| 41 | Thị trường bất động sản | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Cung cấp những kiến thức, kỹ năng về phân tích thị trường bất động sản để có thể áp dụng vào công tác quản lý. + Cung cấp các kiến thức mới về các phương pháp phát triển thị trường bất động sản. + Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và các văn bản pháp quy, quy định của luật pháp liên quan đến thị trường bất động sản, phát triển thị trường bất động sản. - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng hiểu và phân tích thị trường bất động sản, vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để áp dụng và tham gia vào công tác quản lý nhà nước liên quan đến bất động sản ở địa phương. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 42 | Lập và phân tích dự án đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cách lập dự án đầu tư xây dựng đô thị, thủ tục thực hiện dự án, điều hành việc triển khai dự án và sử dụng khai thác dự án đầu tư xây dựng đô thị về các mặt chuyên môn, tài chính, xã hội nguồn lực ... - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|--|------------|------------------|---|
| | | thành các kỹ năng về nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học cũng như kỹ năng viết phân tích; và kiến thức chung liên quan tới vấn đề lập và phân tích dự án đầu tư xây dựng công trình. | | | |
| 43 | Kinh tế xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Người học phải hiểu được thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán kinh tế cho công việc được giao thuộc các hoạt động xây dựng. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 44 | 1. Marketing đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Sau khi học xong môn này, sinh viên sẽ có hiểu biết nhất định về chiến lược xây dựng marketing đô thị, chiến lược xây dựng thương hiệu đô thị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đô thị... để phục vụ cho công việc sau này của sinh viên. - Kỹ năng: Hình thành kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá kế hoạch Marketing đô thị. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Báo cáo tiểu luận: 3/10 + Thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 45 | 2. Quản lý hành chính công và chính phủ điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cách quản lý nhà nước và các quy trình làm việc với các thủ tục hành chính công. | 2* | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | <i>tử</i> | - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng chung về quản lý hành chính công như tin học, nghiệp vụ hành chính, tin học. | | | + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 46 | Tham quan | - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kinh nghiệm quản lý trong điều kiện cụ thể từ đó áp dụng vào lý thuyết và công tác quản lý - Kỹ năng: Tạo điều kiện cho sinh viên tham quan tình hình thực tế quy hoạch xây dựng và công tác quản lý quy hoạch xây dựng cũng như công tác quản lý đô thị tại các cơ quan ban ngành địa phương. | 1 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ: 8/10 |
| 47 | QL3 - Quản lý đồ án quy hoạch chung đô thị | Giúp sinh viên làm quen với thể loại đồ án thiết kế quy hoạch chung đô thị: nội dung, trình tự, phương pháp nghiên cứu Giúp sinh viên nắm được công tác quy hoạch một đô thị, bao gồm không gian kiến trúc cảnh quan và các hạ tầng kỹ thuật Tìm hiểu những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế và quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị, trình tự và thành phần hồ sơ đồ án theo quy định hiện hành. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 2,7/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 48 | Quản lý quy hoạch đô thị | Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng các công cụ, quy chế quản lý đô thị trong các nghiên cứu cũng như trong công tác quản lý, quy hoạch, xây dựng đô thị | 3 | 6 | Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| | | | | | (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm bài tập (có trình bày, báo cáo): 3/10 + Điểm thi viết tập trung: 5/10 |
| 49 | QL4 - Quản lý đồ án quy hoạch phân khu, chi tiết | <p>Giúp sinh viên làm quen với thể loại đồ án thiết kế Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị: nội dung, trình tự, phương pháp nghiên cứu.</p> <p>Giúp sinh viên nắm được công tác quy hoạch một khu chức năng đô thị, khu đô thị mới hoặc khu du lịch, nghỉ dưỡng; bao gồm không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Tìm hiểu những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế và quản lý đồ án Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, trình tự và thành phần hồ sơ đồ án theo quy định hiện hành.</p> | 2 | 6 | <p>Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2,7/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10</p> |
| 50 | Quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị | <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nghiên cứu điển hình về quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị;</p> <p>Sinh viên có đủ kiến thức cơ bản về quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị theo các đồ án quy hoạch được duyệt và thực hiện các dự án trong thực tế.</p> | 2 | 6 | <p>Điểm kết thúc học phần: 10</p> <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm bài tập (có trình bày, báo</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| | | | | | cáo): 3/10 + Điểm thi viết tập trung: 5/10 |
| 51 | Quy hoạch chiến lược | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quy hoạch chiến lược để có thể áp dụng một phần hoặc toàn bộ vào công tác. + Cung cấp các kiến thức mới về các phương pháp quy hoạch mới (có so sánh với các nước khác trên thế giới); - Kỹ năng: Có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn để lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 52 | Quản lý QHXD các điểm dân cư nông thôn | <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nông thôn, điểm dân cư nông thôn, mối quan hệ giữa ở và sản xuất trong quy hoạch xây dựng; Quản lý các đồ án quy hoạch xây dựng quy mô cấp xã.</p> <p>Giúp sinh viên nắm bắt các định hướng, mục tiêu phát triển và việc quản lý của công tác Quy hoạch xây dựng nông thôn.</p> | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 53 | QL5 - Quản lý quy hoạch đô thị | Giúp sinh viên làm quen với việc lập một Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị và đồ án thiết kế đô thị phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | trình thực tập: 2,7/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 54 | Quản lý đất đai đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Giúp sinh viên hiểu và nắm được mục đích, nội dung, trách nhiệm của quản lý nhà nước về đất đai. + Cung cấp các kiến thức mới về các phương pháp phát triển thị trường đất đai. + Hiểu được cơ sở và phương pháp vận dụng các quy luật kinh tế xã hội trong xây dựng chính sách về phát triển đất đai đô thị. - Kỹ năng : Sinh viên có khả năng tổng hợp và hệ thống hóa được thực trạng các chính sách; các quy trình về quản lý về đất đai với quản lý quy hoạch phát triển đô thị. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 55 | Quản lý nhà ở đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Giúp sinh viên hiểu và nắm được mục đích, nội dung, trách nhiệm của quản lý nhà nước về nhà ở đô thị. + Cung cấp các kiến thức mới về các phương pháp phát triển thị trường nhà ở. + Hiểu được cơ sở và phương pháp vận dụng các quy luật kinh tế xã hội trong xây dựng chính sách về phát triển nhà ở. + Cung cấp những kiến thức, kỹ năng về phân tích thị trường nhà ở để có thể áp dụng vào công tác quản lý. + Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và các văn bản pháp quy, quy định của luật pháp | 2 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | liên quan đến quản lý và phát triển thị trường nhà ở. - Kỹ năng : Sinh viên có thể tổng hợp và hệ thống hóa được thực trạng chính các sách; các quy trình về quản lý về nhà ở đô thị và nội dung của quản lý nhà ở đô thị với quản lý quy hoạch phát triển đô thị. | | | |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |
| 56 | 1. Quản lý môi trường đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về <ul style="list-style-type: none"> + Vai trò quản lý Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước và nội dung quản lý nhà nước về môi trường đô thị, + Những kiến thức cơ bản về môi trường đô thị + Những nội dung cơ bản về công tác Quản lý môi trường đô thị như nêu ở mục 2. - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý MTĐT, cách thức giải quyết nhiệm vụ, tình huống trong công tác Quản lý môi trường môi trường đô thị sát với điều kiện thực tế + Giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp Quản lý mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội. + Nghiên cứu giáo trình bài giảng, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng, đọc và sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của học phần. + Chuẩn bị bài tiểu luận, thảo luận tập thể, thảo luận nhóm tại lớp và trình bày kết quả tự nghiên cứu trước tập thể nhóm và trước lớp. | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 57 | 2. Quản lý công trình công cộng | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nghiên cứu điển hình về quản lý công trình công cộng | 2* | 7 | <ul style="list-style-type: none"> Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | Sinh viên có đủ kiến thức cơ bản về quản lý công trình công cộng theo các đồ án quy hoạch được duyệt và thực hiện các dự án trong thực tế | | | + Điểm chuyên cần (trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm bài tập (có trình bày, báo cáo): 3/10 + Điểm thi viết tập trung: 5/10 |
| 58 | Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1 | - Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản như: Hệ thống quản lý nhà nước, vai trò chính quyền địa phương trong quản lý, vận dụng các công cụ quản lý và đưa ra giải pháp để giải quyết một vấn đề trong công tác quản lý hệ thống cấp nước đô thị, thoát nước đô thị, cấp điện đô thị, thông tin đô thị, phòng cháy chữa cháy. - Sinh viên có kỹ năng tiếp cận với phương pháp quản lý mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội. | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 59 | Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2 | - Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác Quản lý hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống quản lý nhà nước, vai trò chính quyền địa phương trong quản lý, những nội dung cơ bản quản lý hệ thống cấp nước đô thị, thoát nước đô thị, cấp điện đô thị, thông tin đô thị, phòng cháy chữa cháy. - Sinh viên có kỹ năng tiếp cận với phương pháp quản lý mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội. | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 60 | Quản lý đô thị | - Kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|------------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | với sự tham gia của cộng đồng | bản về cộng đồng dân cư đô thị, phương pháp và quy trình huy động cộng đồng dân cư tham gia trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị. - Kỹ năng: Sau khi học xong sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức trong thực tiễn quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị. | | | - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm báo cáo cuối kỳ: 3/10 + Điểm bài thi kết thúc học phần: 5/10 |
| 61 | Quản lý xây dựng công trình đô thị | Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng các công cụ quản lý trong thực tiễn xây dựng công trình đô thị. Sinh viên có đủ kiến thức cơ bản về quản lý xây dựng công trình đô thị theo các đề án quy hoạch được duyệt và thực hiện các dự án trong thực tế. | 2 | 8 | Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 0,8/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 + Điểm bài tập (có trình bày, báo cáo): 3/10 + Điểm thi viết tập trung: 5/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 8 | |
| 62 | 1. Quản lý dự án đầu tư xây dựng | - Kiến thức: Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quy trình quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Sinh viên có những kiến thức thực tiễn về các vấn đề liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây | 2* | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|------------------|---|
| | | dựng công trình hiện nay. - Kỹ năng: Các kỹ năng chung có tính chất nhập môn mang tính lý thuyết chung về quản lý dự án đầu tư xây dựng như kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu hệ thống kiến thức, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng thảo luận và phân tích các vấn đề có liên quan, v.v.. | | | |
| 63 | 2. Quản lý tài chính công | - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm bắt được những kiến thức lý luận cơ bản và thực tế về lĩnh vực quản lý tài chính công giúp sinh viên vận dụng có kết quả trong công tác hàng ngày và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu việc hình thành và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý tài chính công; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến lĩnh vực quản lý tài chính công. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | QL6 - Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn trong quản lý giao thông đô thị, quản lý công tác chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa trong đô thị - Sinh viên biết vận dụng kiến thức về quản lý giao thông, chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa cho 1 đô thị, hoặc 1 khu vực trong đô thị | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| Học phần tự chọn 4 (chọn 2 trong 3 HP) | | | 4 | 8 | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|---|
| 65 | 1. Đánh giá môi trường chiến lược và ĐTM | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức • Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ĐMC và ĐTM • Quy trình, yêu cầu và các phương pháp ĐMC&ĐTM quốc tế và của Việt Nam. • Giúp sinh viên tiếp cận với những vấn đề thực tiễn về ĐMC và ĐTM, - Kỹ năng: Các bài tập nhóm và cá nhân giúp sinh viên có kỹ năng thực hiện ĐMC&ĐTM với một số trường hợp điển hình, đặc biệt là trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1,2/10. - Điểm thi kết thúc học phần 8/10 |
| 66 | 2. Quản lý thông tin và dữ liệu | <ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm chắc bản chất, hiểu được tầm quan trọng của quản lý thông tin, Biết cách áp dụng các nội dung đã học để tạo cơ sở dữ liệu, hiệu chỉnh, lưu trữ, quản lý, xử lý các thông tin và dữ liệu. Từ đó sinh viên có kỹ năng vận dụng có hiệu quả các kiến thức nêu trên vào công việc quản lý xây dựng đô thị. | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 67 | 3. Quản lý công trình ngầm đô thị | <ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về : + Không gian ngầm và công trình ngầm đô thị + Phân loại công trình ngầm và những đặc thù công trình ngầm đô thị + Nguyên tắc quản lý không gian ngầm đô thị + Quản lý Nhà nước quy hoạch công trình ngầm đô thị + Quản lý xây dựng công trình ngầm đô thị + Quản lý khai thác sử dụng công trình ngầm đô thị - Kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng kiến thức và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong | 2* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 0,8/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10. - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10. |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | quản lý công trình ngầm đô thị. | | | |
| 68 | QL7 - Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn trong quản lý cấp nước đô thị, thoát nước đô thị, cấp điện, phòng cháy chữa cháy, thông tin đô thị. - Sinh viên biết vận dụng kiến thức, kỹ năng về quản lý cấp nước đô thị, quản lý thoát nước đô thị, quản lý cấp điện, quản lý phòng cháy chữa cháy cho 1 đô thị, hoặc 1 khu vực trong đô thị | 2 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10/10 - Điểm quá trình: 3/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Điểm nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2/10. - Điểm thi kết thúc học phần : 7/10 |
| 69 | Đồ án tổng hợp | Giúp sinh viên nắm vững lý luận, văn bản quy phạm pháp luật, có đủ kiến thức cơ bản để thực hành một nội dung thực tế về Quản lý đô thị theo các đề án quy hoạch đô thị trong thực tế. Làm cơ sở cho việc lập một Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (tổng hợp đầy đủ các lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị) sao cho phù hợp với một đề án quy hoạch đô thị, quy định quản lý theo đề án quy hoạch đô thị và đề án thiết kế đô thị. | 3 | 8 | Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 0,3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 2,7/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận....) - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 70 | Chuyên đề | - Kiến thức: Giúp sinh viên củng cố những kiến thức đã học trong quá trình đào tạo; nắm bắt những thông tin mới cập nhật trong lĩnh vực đào tạo và định hướng, lựa chọn đề tài tốt nghiệp. - Kỹ năng: Sinh viên sau khi học có khả năng phân tích và hiểu được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đô thị mang tính thực tiễn cao phục vụ cho đề án tốt nghiệp và công tác sau khi tốt nghiệp. | 2 | 8 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ: 8/10 |
| 71 | Thực tập tốt nghiệp | - Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu và nắm bắt được nội dung, quy trình của công tác thực tế về quản lý đô thị ở | 2 | 9 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------|---|---|------------|------------------|--|
| | | các cơ quan, công ty phát triển đô thị.... - Kỹ năng: Tạo điều kiện, cơ sở ban đầu cho công tác quản lý đô thị trong thực tế của sinh viên khi ra trường đồng thời giúp sinh viên có hiểu biết và kỹ năng cần thiết để có thể làm việc trong các cơ quan quản lý đô thị. | | | + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ: 8/10 |
| 72 | Đồ án tốt nghiệp | - Kiến thức: Sinh viên thực hiện một đồ án về Quản lý đô thị lấy đề tài từ thực tiễn xã hội. Đây là kết quả của cả quá trình đào tạo. - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã được trang bị cùng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cho một khu vực, đô thị cụ thể. | 10 | 9 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Đồ án tốt nghiệp: 8/10 |
| XVI | Ngành Kinh tế xây dựng. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Toán P1 | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 4 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Giáo dục thể | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|------------------|-----------------------------------|
| | chất P1 | | | | |
| 8 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Toán P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 11 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 13 | Toán P3 (Xác suất thống kê) | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 14 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 15 | Trắc địa | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 4 | Biểu 18C1 |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 19 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 4 | Biểu 18C1 |
| 20 | Vật liệu xây | Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về | 2 | 2 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | dụng P1 | bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành để sinh viên nắm được phương pháp xác định một số tính chất cơ lý chủ yếu và phạm vi sử dụng các loại vật liệu này trong các công trình xây dựng. Từ đó giúp cho các kỹ sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng | | | luận <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần : 1/10 + Các nội dung kiểm tra: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 21 | Kiến trúc công trình | Cung cấp các kiến thức cơ bản và thiết yếu về các loại hình công trình kiến trúc. Qua đó giúp sinh viên nhận thức được vai trò của các vấn đề về chuyên môn, ý thức được vị trí cũng như sự tham gia trong quá trình thiết kế kiến trúc. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <li style="padding-left: 20px;">+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 <li style="padding-left: 20px;">+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 22 | Cấu tạo kiến trúc | Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết. | 2 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: <li style="padding-left: 20px;">+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 <li style="padding-left: 20px;">+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 23 | Địa chất công trình và địa chất thủy văn | Cung cấp cho sinh viên các ngành Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế xây dựng những kiến thức cơ bản về các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | văn của một lãnh thổ. Qua đó hình thành khả năng thu nhận, khai thác và sử dụng các thông tin từ các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn và báo cáo khảo sát địa chất, phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng công trình và qui hoạch lãnh thổ. | | | + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 24 | Lý thuyết quy hoạch đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị; - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị; - Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại; - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị. - Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị. | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 4/10 + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10 + Tiểu luận: 3/10 - Điểm kết thúc học phần: 8/10. |
| 25 | Máy xây dựng | Hướng dẫn, cung cấp cho sinh viên các thông tin về máy thiết bị xây dựng. Hoàn thành học phần sinh viên nắm được tính năng, nguyên lý làm việc, cách chọn máy xây dựng phù hợp với yêu cầu công tác thi công | 2 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 26 | Kỹ thuật điện | - Mục tiêu về kiến thức: Môn học nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết về các quá trình vật lý cơ bản | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | trong mạch điện, cũng như nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện thông dụng. Giúp cho sinh viên học tốt hơn môn học “Mạch điện đô thị” và “Thiết bị điện”. - Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được kỹ năng tính toán, giải tích mạch điện. Ngoài ra sinh viên còn nắm được kỹ năng tính toán lựa chọn công suất các loại máy điện. | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình : 2/10 + Điểm chuyên cần : 1/10 + Điểm kiểm tra, làm bài tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 27 | Kinh tế học | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức lý luận cơ bản và thực tế về nguyên lý kinh tế học, hiểu được nguyên nhân – hệ quả của hiện tượng của các hiện tượng kinh tế - xã hội, kiến thức cơ bản này làm tiền đề cũng như dễ dàng lĩnh hội được các kiến thức cho các môn học chuyên ngành tiếp theo. - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên hình thành kỹ năng quan sát các hiện tượng của các hiện tượng kinh tế - xã hội, có tư duy logic để nhận thức và ra quyết định tối ưu trong quá trình lựa chọn cũng như đưa ra mọi quyết định trong cuộc sống. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 28 | Marketing trong xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự báo thị trường, chính sách sản phẩm, giá, phân phối, giao tiếp và khuếch trương trong chiến lược marketing của doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Biết cách quảng cáo thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng. | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 29 | Cơ học đất, nền móng | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực nghiệm cần thiết để tính toán biến | 2 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | dạng, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật chấn, bên cạnh đó sinh viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về lý thuyết tính toán cấu tạo các giải pháp nền, móng thông dụng, thường gặp trong các công trình xây dựng | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 30 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về thiết kế mặt phẳng và lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt. Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật, Quy hoạch giao thông. - Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng đọc hiểu nội dung các đồ án quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa, đồ án quy hoạch giao thông ... phục vụ cho công tác quản lý đô thị nói chung và quản lý quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, quy hoạch giao thông ... nói riêng. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 31 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, xử lý chất thải ... trong đô thị. Đọc và hiểu được nội dung các đồ án thiết kế, các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật nói trên. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế và công năng sử dụng của các công trình hạ tầng kỹ thuật | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Trắc nghiệm • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1,5/10 + Các nội dung kiểm tra: 0,5/10 |
| 32 | Cơ học công | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hệ kết cấu | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|------------------|---|
| | trình | chịu lực trong công trình, phạm vi áp dụng, vật liệu sử dụng, cấu tạo và các phương pháp tính để kiểm tra độ bền, độ cứng của các hệ kết cấu trong xây dựng. | | | - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 33 | Kết cấu bê tông cốt thép, gạch đá | Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra cấu kiện dầm BTCT theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012; thiết kế hay thẩm tra được khối xây gạch đá; Lựa chọn và phân tích khái quát được các giải pháp kết cấu cho mỗi công trình cụ thể. | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 Điểm thi : Bài thi viết cuối học phần |
| Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 5 | |
| 34 | 1. Quản lý rủi ro trong doanh nghiệp xây dựng | - Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản về rủi ro trong xây dựng. Biện pháp phân tích, phòng ngừa và đối phó với rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Xác định rủi ro, dự báo rủi ro, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, đối phó với rủi ro | 2* | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 35 | 2. Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp xây dựng | - Kiến thức: Dự báo được nhu cầu nhân sự, tính nhu cầu nhân sự, tuyển mộ và tuyển chọn nhân sự trong doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Tính được nhu cầu nhân sự trong doanh nghiệp xây dựng. | 2* | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1 /10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 36 | Pháp luật kinh tế | - Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ sở về Pháp luật về kinh tế cho sinh viên. Giúp cho sinh viên hiểu một cách | 2 | 5 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | hệ thống về Luật Kinh tế cần thiết khi tiến hành các hoạt động xây dựng. - Kỹ năng: Đủ khả năng nghiên cứu, vận dụng pháp luật kinh tế trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị và công trình. | | | + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 37 | Kĩ thuật thi công P1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp phân công tác đất và công tác bê tông, bê tông cốt thép toàn khối công trình | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 38 | Đồ án kĩ thuật thi công 1 | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về tính toán thiết kế biện pháp thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 1 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 39 | Kết cấu thép, gỗ | Trang bị cho người học kiến thức về: - Vật liệu và các đặc trưng cơ học của thép xây dựng; - Đặc điểm cấu tạo và nguyên tắc tính toán các cấu kiện cơ bản dùng trong kết cấu thép và kết cấu gỗ; - Đặc điểm cấu tạo kết cấu chịu lực của một số dạng công trình thép thông dụng trong thực tế. | 2 | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 02/10 + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 40 | Thống kê doanh nghiệp xây dựng | - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê học và khả năng vận dụng chúng trong thống kê doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Điều tra chọn mẫu và thống kê các hoạt động kinh doanh xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng. | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình + Điểm chuyên cần: 1,0/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | | | | trình học tập: 1,0/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 41 | An toàn và môi trường lao động | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình | 2 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 42 | Hợp đồng trong xây dựng | - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hợp đồng, nội dung của hợp đồng và phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng khi có biến động giá. - Kỹ năng: Biết cách soạn thảo hợp đồng và cách điều chỉnh hợp đồng trong các trường hợp cần thiết. | 2 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 43 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN XD | - Kiến thức: Trang bị cho sinh viên phương pháp luận công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng và cách lập kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính trong doanh nghiệp xây dựng. Ngoài ra, giúp sinh viên biết cách vận dụng tổng hợp các kiến thức thuộc các lĩnh vực khác như: Phân tích hoạt động kinh tế, định mức, định giá, tổ chức xây dựng, tài chính... - Kỹ năng: Biết lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. | 2 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 44 | Tin học ứng | - Nắm được các kiến thức cơ bản và thực hành thuần | 3 | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|---|
| | dụng | <p>thực các kỹ năng cơ bản trong AutoCAD</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng và thao tác lệnh linh hoạt khi làm bài tập trên lớp và ứng dụng vào việc thiết kế kiến trúc phục vụ công việc học tập - Biết cách chuyển đổi thành thạo các dữ liệu của phần mềm AutoCAD với các phần mềm đồ họa khác để phục vụ nhu cầu phát triển và tiếp cận các phần mềm đồ họa khác của sinh viên (Revit, 3DSMax, Photoshop,...) - Đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên bắt kịp với tiến trình phát triển ứng dụng công nghệ cho ngành kiến trúc và quy hoạch hiện nay. | | | <ul style="list-style-type: none"> + Thi trực tiếp tại phòng máy tính. • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10. + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Bài tập lớn) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 45 | Kinh tế đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư để phục vụ cho việc lập, phân tích dự án đầu tư, tính hiệu quả đầu tư và quản lý đầu tư. - Kỹ năng: Biết lập, phân tích, tính hiệu quả đầu tư và quản lý đầu tư. | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận: R • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 46 | Đồ án kinh tế đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Luyện tập kỹ năng thực hành về phân tích tài chính, phân tích kinh tế - xã hội dự án đầu tư trong các giai đoạn quản lý đầu tư. - Kỹ năng: Nắm vững các giai đoạn đầu tư và xác định được hiệu quả đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình. | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 02/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 0/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 47 | Tham quan | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kinh nghiệm quản lý trong điều kiện cụ thể từ đó áp | 1 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|------------------|---|
| | | dụng vào lý thuyết và công tác quản lý - Kỹ năng: Tạo điều kiện cho sinh viên tham quan tình hình thực tế quy hoạch xây dựng và công tác quản lý quy hoạch xây dựng cũng như công tác quản lý đô thị tại các cơ quan ban ngành địa phương. | | | + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ |
| 48 | Kinh tế xây dựng P1 | - Kiến thức: Trang bị kiến thức về thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. Gắn liền những kiến thức kinh tế chung với kiến thức kỹ thuật chuyên môn thuộc ngành xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán được những chỉ tiêu cơ bản về kinh tế trong doanh nghiệp xây dựng nói riêng và cho ngành xây dựng nói chung | 3 | 6 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 6 | |
| 49 | 1. Kinh tế máy xây dựng | - Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế, biện pháp nâng cao hiệu quả khi sử dụng máy xây dựng, cách chọn và tổ chức khai thác hợp lý máy xây dựng. - Kỹ năng: Chọn máy xây dựng hợp lý. | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 50 | 2. Thuế, lưu thông tiền tệ và cầm cố trong XD | - Kiến thức: Trang bị những kiến thức và nội dung cơ bản của pháp luật thuế; chức năng của tiền tệ, hệ thống lưu thông tiền tệ, quản lý tiền; vai trò của cầm cố và | 2* | 6 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | quản lý, hạn chế rủi ro trong hoạt động cầm cố khi kinh doanh xây dựng. - Kỹ năng: Tính được các loại thuế trong doanh nghiệp xây dựng. | | | 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 51 | Tài chính doanh nghiệp xây dựng | - Kiến thức: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được những kiến thức lý luận cơ bản và thực tế về nguyên lý tài chính và tài chính doanh nghiệp, giúp sinh viên vận dụng có kết quả trong công tác hàng ngày và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. - Kỹ năng: Kết thúc môn học, sinh viên bước đầu hình thành và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức từ tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học, trên mạng; Kỹ năng viết, phân tích về các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp xây dựng; Kỹ năng thảo luận, làm việc theo nhóm, thuyết trình về các vấn đề liên quan; Kỹ năng tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, chuẩn bị câu hỏi, đề xuất liên quan đến vấn đề tài chính doanh nghiệp xây dựng. | 2 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 52 | Định mức và đơn giá trong xây dựng | - Kiến thức: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cách xác định mức và giá trong xây dựng. Ngoài ra tài liệu còn giúp người học biết được các loại giá trong xây dựng, cách xác định giá gói thầu, giá dự thầu, giá hợp đồng trong nước và theo thông lệ quốc tế. - Kỹ năng: Tính được định mức, đơn giá và các loại giá trong xây dựng. | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 53 | Đồ án định mức | - Kiến thức: Xác định định mức và đơn giá trong xây | 1 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Hình |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|----------------------------|--|------------|------------------|--|
| | và đơn giá trong xây dựng | dựng. - Kỹ năng: Xác định được định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá xây dựng là căn cứ xác định Tổng mức đầu tư, dự toán công trình... | | | thức khác • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 54 | Kinh tế xây dựng P2 | - Kiến thức: Trang bị kiến thức về thiết kế và đầu tư như thế nào cho kinh tế nhất, phải vận dụng kiến thức vào công tác quản lý xây dựng, tư vấn giá đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí; phải phân tích đánh giá chắc chắn về mặt kinh tế các bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình xây dựng. Gắn liền những kiến thức kinh tế chung với kiến thức kỹ thuật chuyên môn thuộc ngành xây dựng. - Kỹ năng: Tính toán được những chỉ tiêu cơ bản về kinh tế trong doanh nghiệp xây dựng nói riêng và cho ngành xây dựng nói chung. | 3 | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 55 | Đồ án kinh tế xây dựng | - Kiến thức: Xác định dự toán một hạng mục công trình. - Kỹ năng: Hạch toán để xác định giá dự thầu xây lắp công trình | 2 | 7 | • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 7 | |
| 56 | 1. Định giá trong xây dựng | - Kiến thức: Trang bị cho người học hiểu và thực hiện được cách xác định từng loại chi phí và cách tính giá theo các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng, phù | 2* | 7 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>hợp với đặc điểm của sản xuất xây dựng trong cơ chế thị trường.</p> <p>- Kỹ năng: Trong cơ chế thị trường có cung, cầu; có thị trường nội địa và thị trường ngoài nước. Do đó khi nghiên cứu môn học này cần phải xem xét giá xây dựng trên lợi ích của chủ đầu tư (người mua công trình...); của các nhà thầu xây dựng và giá công trình hoặc sản phẩm xây dựng thuộc các nguồn vốn đầu tư khác nhau. Mặt khác, cần tìm hiểu cách xác định các chi phí và cách tính giá xây dựng theo thông lệ của nhiều nước để có thể mở rộng thị trường và hoà nhập với các nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng</p> | | | <p>- Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 57 | 2. Định giá bất động sản | <p>- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định giá bất động sản.</p> <p>- Kỹ năng: Kỹ năng định giá bất động sản và có khả năng áp dụng những kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p> | 2* | 7 | <p>• Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, Tiểu luận) -Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 58 | Tổ chức và quản lý thi công | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. | 3 | 7 | <p>• Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|------------------|--|
| 59 | Đồ án tổ chức và quản lý thi công | Giúp người học biết vận dụng kiến thức lý thuyết về lập tiến độ thi công và mặt bằng thi công trong thực hành thiết kế cho một công trình thực tế | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 3/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 7/10 |
| 60 | Phân tích hoạt động SXKD trong DN XD | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nghiệp vụ phân tích kinh tế những hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. Sinh viên nắm được mối quan hệ giữa phân tích kinh tế và hạch toán, thống kê, kiểm toán để vận dụng khi phân tích các hoạt động kinh tế cụ thể. - Kỹ năng: Phân tích tình hình thực hiện khối lượng, giá thành, lợi nhuận, tài chính của doanh nghiệp xây dựng. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 (Kiểm tra giữa kì, Bài tập lớn, Tiểu luận,...) - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 61 | Hạch toán kế toán xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán doanh nghiệp, hạch toán kế toán ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Biết nghiệp vụ kế toán. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 62 | Đầu tư, quản lý, sử dụng vốn trong DN XD | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Hoàn thành học phần, người học có được những kiến thức lý luận và thực tế về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp xây dựng, và biết vận dụng những kiến thức học được vào công tác thực tế tại các doanh nghiệp xây dựng. - Kỹ năng: Tính được hiệu quả sử dụng vốn cố định, vốn lưu động và nguồn tài trợ của doanh nghiệp. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 63 | Phương pháp đo bóc khối lượng | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Tính đúng, tính đủ, tính theo quy định khối lượng từng chi tiết của công trình xây dựng. - Kỹ năng: Đo bóc chính xác khối lượng từng công việc của công trình xây dựng. | 2 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | | | | + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| 64 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng | - Kiến thức: Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quy trình quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Sinh viên có những kiến thức thực tiễn về các vấn đề liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện nay. - Kỹ năng: Các kỹ năng chung có tính chất nhập môn mang tính lý thuyết chung về quản lý dự án đầu tư xây dựng như kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu hệ thống kiến thức, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng thảo luận và phân tích các vấn đề có liên quan, v.v.. | 2 | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: 2/10 + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10 |
| Học phần tự chọn 4 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 2 | 8 | |
| 65 | 1. Đấu thầu trong xây dựng | - Kiến thức: Hoàn thành học phần, người học biết được trình tự lập kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu và hợp đồng nhận thầu xây dựng. - Kỹ năng: Lập và trình bày bộ hồ sơ dự thầu. | 2* | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: + Tự luận: R • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 66 | 2. Giám sát, đánh giá dự án | - Kiến thức: Giúp người học sử dụng đồng tiền đầu tư một cách hiệu quả, đảm bảo sự tăng trưởng chung của | 2* | 8 | • Hình thức đánh giá học phần: Tự luận |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|------------------|--|
| | <i>đầu tư XDCT</i> | nền kinh tế quốc dân. Nhằm hạn chế tình trạng các dự án đầu tư, đặc biệt là từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước bị sử dụng không hiệu quả, lãng phí, gây thất thoát. - Kỹ năng: Biết cách giám sát và đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình. | | | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 01/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 67 | Thực tập tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu và nắm bắt được nội dung, quy trình của công tác thực tế về quản lý đô thị ở các cơ quan, công ty phát triển đô thị.... - Kỹ năng: Tạo điều kiện, cơ sở ban đầu cho công tác quản lý đô thị trong thực tế của sinh viên khi ra trường đồng thời giúp sinh viên có hiểu biết và kỹ năng cần thiết để có thể làm việc trong các cơ quan quản lý đô thị. | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ: 8/10 |
| 68 | Chuyên đề tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Giúp sinh viên củng cố những kiến thức đã học trong quá trình đào tạo; nắm bắt những thông tin mới cập nhật trong lĩnh vực đào tạo và định hướng, lựa chọn đề tài tốt nghiệp. - Kỹ năng: Sinh viên sau khi học có khả năng phân tích và hiểu được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đô thị mang tính thực tiễn cao phục vụ cho đề án tốt nghiệp và công tác sau khi tốt nghiệp. | 2 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Báo cáo cuối kỳ: 8/10 |
| 69 | Đồ án tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Sinh viên thực hiện một đề án về Quản lý đô thị lấy đề tài từ thực tiễn xã hội. Đây là kết quả của cả quá trình đào tạo. - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến | 10 | 9 | <ul style="list-style-type: none"> • Điểm kết thúc học phần: 10 - Điểm quá trình: + Điểm chuyên cần: 1/10 + Các nội dung kiểm tra trong quá |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------|--|--|------------|------------------|--|
| | | thức đã được trang bị cùng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cho một khu vực, đô thị cụ thể. | | | trình học tập: 1/10 - Điểm thi kết thúc học phần: + Đồ án tốt nghiệp: 8/10 |
| XVII | Ngành Công nghệ thông tin. Khóa 2020-2021 | | | | |
| 1 | Giáo dục quốc phòng | Biểu 18C1 | 4 | 1 | Biểu 18C1 |
| 2 | Vật lý P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 3 | Toán Đại số | <p>- Học phần cung cấp cho sinh viên một số cấu trúc Đại số cơ bản như nhóm, vành, trường; đồng thời cung cấp các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính, cụ thể về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng véc tơ riêng của ma trận, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương.</p> <p>- Kỹ năng kiểm tra các tính chất cơ bản của một phép toán trên một tập hợp, kỹ năng mô hình hóa cấu trúc đại số cho một tập hợp có ít phần tử.</p> <p>-Kỹ năng giải các bài toán liên quan đến ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, các phép biến đổi tuyến tính giữa chúng, kĩ năng tìm trị riêng của ma trận, kĩ năng nhận dạng các đường bậc hai.</p> <p>- Kỹ năng vận dụng những kiến thức toán đại số trong các vấn đề chuyên môn, học phần khác của chương trình đào tạo kỹ sư CNTT.</p> <p>- Nhận dạng xác định vấn đề liên quan đến Toán đại số trong CNTT.</p> <p>Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp tài liệu.</p> <p>Khả năng nhìn tổng thể vấn đề Toán đại số phát hiện</p> | 3 | 1 | - Điểm quá trình : 04/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 06/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--|
| | | các tương quan. | | | |
| 4 | Ngoại ngữ P1 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 5 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P1 | Biểu 18C1 | 2 | 1 | Biểu 18C1 |
| 6 | Giáo dục thể chất P1 | Biểu 18C1 | 1 | 1 | Biểu 18C1 |
| 7 | Tin học đại cương | Biểu 18C1 | 3 | 1 | Biểu 18C1 |
| 8 | Pháp luật đại cương | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 9 | Ngoại ngữ P2 (Tiếng Anh) | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 10 | Toán Giải tích | <p>- Cung cấp các khái niệm cơ bản về đạo hàm, phép tính vi phân và tích phân hàm một biến, vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm hai biến, tích phân kép, tích phân đường, chuỗi số và phương trình vi phân.</p> <p>- Định hướng ứng dụng các kiến thức học phần vào ngành Công nghệ thông tin.</p> <p>Kỹ năng thực hiện các vấn đề liên quan đến các yếu tố cực trị, giới hạn, vi phân, tích phân, chuỗi số và phương trình vi phân.</p> <p>- Nhận dạng xác định vấn đề liên quan đến Toán Giải tích trong CNTT;</p> <p>Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp tài liệu.</p> <p>Khả năng nhìn tổng thể vấn đề Toán Giải tích, phát hiện</p> | 3 | 1 | <p>- Điểm quá trình : 04/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 06/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|--------------------------------|
| | | các tương quan. - Quản lý thời gian, tự chủ bản thân. Làm việc theo nhóm. Sử dụng các phương tiện truyền thông. | | | |
| 11 | Vật lý P2 | Biểu 18C1 | 2 | 2 | Biểu 18C1 |
| 12 | Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin P2 | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 13 | Giáo dục thể chất P2 (bóng chuyền) | Biểu 18C1 | 1 | 2 | Biểu 18C1 |
| 14 | Xác suất thống kê | Biểu 18C1 | 3 | 2 | Biểu 18C1 |
| 15 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 16 | Kỹ năng viết và thuyết trình | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 17 | Giáo dục thể chất P3 (Bóng bàn) | Biểu 18C1 | 1 | 3 | Biểu 18C1 |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Biểu 18C1 | 3 | 4 | Biểu 18C1 |
| 19 | Tiếng Anh chuyên ngành | Biểu 18C1 | 2 | 3 | Biểu 18C1 |
| 20 | Toán rời rạc | Kiến thức: | 3 | 3 | - Điểm quá trình : 02/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực có nhiều ứng dụng của toán rời rạc là: Lý thuyết tổ hợp, Lý thuyết đồ thị. Kỹ năng: Giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp toán học ứng dụng trong kỹ thuật công nghệ, nhất là công nghệ thông tin | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 21 | Nhập môn CNTT và Truyền thông | Kiến thức: - Kiến thức nền tảng về Công nghệ thông tin - Đối tượng nghiên cứu, chức năng của các chuyên ngành hẹp: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính, Bảo mật thông tin - Định hướng nghiên cứu, phát triển chuyên ngành phù hợp với khả năng, sở thích của từng sinh viên Kỹ năng: - Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành Công nghệ thông tin - Tiếp cận, giải quyết các bài toán đơn giản thuộc các lĩnh vực khác nhau của Công nghệ thông tin | 3 | 3 | Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 22 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các cấu trúc dữ liệu cơ bản, các thuật toán cơ bản và độ phức tạp của chúng, các phương pháp phân tích đánh giá và thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán. Kỹ năng: Sinh viên thiết kế và cài đặt được một số cấu trúc dữ liệu và thuật toán cơ bản; có khả năng lựa chọn thuật toán và cấu trúc dữ liệu phù hợp để giải các bài toán cụ | 3 | 3 | - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|--|------------|------------------|---|
| | | thể. | | | |
| 23 | Kỹ thuật lập trình | <p>Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các cấu trúc dữ liệu cơ bản (mảng, con trỏ, ngăn xếp, hàng đợi); Khai báo, truyền tham số và gọi hàm; Thao tác với tệp tin; Xử lý ngoại lệ.</p> <p>Kỹ năng: Sinh viên có khả năng lập trình cấu trúc để giải quyết các bài toán thường gặp trong đời sống và khoa học (sử dụng các IDE thông dụng: Dev C++ ...)</p> | 3 | 3 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 24 | Kiến trúc máy tính | <p>Kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về kiến trúc máy tính và các thành phần của nó.</p> <p>Kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên nắm vững các kiến thức về kiến trúc hệ thống máy tính và có khả năng áp dụng phân tích kiến trúc các hệ thống máy tính trong thực tế.</p> | 3 | 4 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 25 | Hệ điều hành | <p>Kiến thức: Giới thiệu tổng quan và trang bị các kiến thức cơ bản về Hệ điều hành. Cách tổ chức quản lý trong các HĐH phổ biến hiện nay như: quản lý tiến trình, quản lý CPU, quản lý bộ nhớ trong, ngoài, các thiết bị. Bảo vệ và an toàn cho hệ thống</p> <p>Kỹ năng: Cung cấp các kỹ năng về điều phối lập lịch cho CPU và tiến trình; phân đoạn, phân trang bộ nhớ trong; lập lịch và điều phối Bộ nhớ ngoài; quản lý các thiết bị vào/ra dữ liệu.</p> | 3 | 4 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|---|------------|------------------|--|
| 26 | Cơ sở dữ liệu | <p>Kiến thức: Hiểu được các mức trừu tượng hóa cơ sở dữ liệu, các mô hình cơ sở dữ liệu, các ngôn ngữ biểu diễn và xử lý dữ liệu, lý thuyết về cơ sở dữ liệu quan hệ, quy trình thiết kế cơ sở dữ liệu.</p> <p>Kỹ năng: Áp dụng các kiến thức vào việc thiết kế cơ sở dữ liệu, xây dựng các ứng dụng cơ sở dữ liệu</p> | 3 | 4 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 27 | Lập trình hướng đối tượng | <p>Kiến thức: - Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng, các vấn đề kế thừa và đa hình, đồng thời áp dụng những nguyên lý đó xây dựng những ứng dụng lập trình giao diện với ngôn ngữ lập trình Java - Giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật xử lý ngoại lệ, xử lý sự kiện và áp dụng - Giúp sinh viên làm quen với thư viện hỗ trợ lập trình của Java</p> <p>Kỹ năng: - Trang bị cho sinh viên nắm được các kỹ năng làm chủ ngôn ngữ lập trình Java - Có khả năng sử dụng các thư viện hỗ trợ lập trình sự kiện của Java, lập trình đa luồng và các cấu trúc dữ liệu cơ bản. - Khả năng phối hợp nhóm - Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh</p> | 3 | 4 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 28 | Xử lý tín hiệu số | <p>Kiến thức: - Sinh viên được học các kiến thức về phân tích và thiết</p> | 3 | 4 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>kế hệ thống xử lý tín hiệu số trong: miền thời gian rời rạc n, miền Z, miền tần số liên tục và tần số rời rạc.</p> <p>- Sinh viên cũng được học các kiến thức về phân tích, thiết kế và ứng dụng của các bộ lọc số.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>- Sinh viên nắm được kỹ năng phân tích và thiết kế hệ thống xử lý tín hiệu số.</p> <p>- Sinh viên có tư duy hệ thống và nắm được kỹ năng giải các bài toán xử lý tín hiệu số.</p> | | | |
| 29 | Mạng máy tính | <p>Kiến thức:</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính, về kỹ thuật mạng và cài đặt quản trị mạng. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng xây lắp, cài đặt và quản trị mạng theo từng mô hình cụ thể.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Cung cấp các kỹ năng phân tích thiết kế lắp đặt, lựa chọn các thiết bị mạng và quản trị mạng máy tính cơ bản.</p> | 3 | 5 | <p>- Điểm quá trình : 02/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 30 | Trí tuệ nhân tạo | <p>Kiến thức:</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số kỹ thuật và phương pháp quan trọng của trí tuệ nhân tạo.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Sau khi học xong, sinh viên nắm vững phương pháp được học, có thể áp dụng để giải quyết các ứng dụng tối ưu sử dụng phương pháp tìm kiếm, ứng dụng suy diễn tự động đơn giản và phương pháp phân tích dữ liệu đơn giản sử dụng kỹ thuật học máy.</p> | 3 | 5 | <p>- Điểm quá trình : 02/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 31 | Công nghệ phần | Kiến thức: | 3 | 5 | - Điểm quá trình : 02/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | mềm | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình phát triển phần mềm - Vòng đời phần mềm - Các mô hình phát triển phần mềm - Kiểm thử phần mềm - Quản lý dự án phần mềm đơn giản Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các công cụ hỗ trợ quá trình phát triển phần mềm (UML, Rational Rose) - Xác định yêu cầu phần mềm - Viết tài liệu đặc tả phần mềm đơn giản | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 32 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | Kiến thức: Kết thúc học phần, sinh viên có thể: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các khái niệm về hệ thống thông tin - Các pha phân tích và thiết kế hệ thống thông tin Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các công cụ hỗ trợ trong phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 33 | Thực tập chuyên môn I | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên củng cố kiến thức và vận dụng những lý thuyết đã được trang bị vào thực tiễn công tác chuyên môn tại các doanh nghiệp. - Giúp sinh viên tự rèn luyện năng lực thực hành công tác chuyên môn trong các doanh nghiệp. - Thông qua việc viết Báo cáo thực tập giúp sinh viên khái quát hóa và trình bày kết quả nghiên cứu trong quá trình thực tập. | 2 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 34 | Xử lý ảnh | Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ sở về mô hình toán học dùng trong xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý | 3 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|--|------------|------------------|--|
| | | <p>ảnh số, các tư duy về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế.</p> <p>Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng lập trình cho các giải thuật, khả năng làm việc theo nhóm, có khả năng đọc, hiểu các tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.</p> | | | |
| 35 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin | <p>Kiến thức: Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về cách thức và kỹ thuật bảo vệ an toàn cho một hệ thống thông tin.</p> <p>Kỹ năng: Giúp sinh viên nắm đượccác thức để xây dựng và duy trì một hệ thống thông tin an toàn, nắm được các dạng thức tấn công và cách thức đối phó.</p> | 3 | 6 | <p>- Điểm quá trình : 02/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 36 | Hệ điều hành Linux | <p>Kiến thức: Kết thúc học phần, sinh viên có thể: - Có kiến thức chung về hệ điều hành mã nguồn mở và Linux. - Nắm được các đặc trưng cơ bản của hệ điều hành Linux - So sánh đặc điểm của hệ điều hành Linux và Windows</p> <p>Kỹ năng: - Thao tác và làm chủ hệ điều hành Linux (Quản lý người dùng, phân quyền; quản lý file, tiến trình, networking) - Lập trình Shell trên Linux</p> | 2 | 6 | <p>- Điểm quá trình : 02/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 37 | Thực tập chuyên môn II | <p>- Giúp sinh viên củng cố kiến thức và vận dụng những lý thuyết đã được trang bị vào thực tiễn công tác chuyên môn tại các doanh nghiệp.</p> | 2 | 7 | <p>- Điểm quá trình : 02/10</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------|---|------------|------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên tự rèn luyện năng lực thực hành công tác chuyên môn trong các doanh nghiệp. - Thông qua việc viết Báo cáo thực tập giúp sinh viên khái quát hóa và trình bày kết quả nghiên cứu trong quá trình thực tập. | | | |
| 38 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | <p>Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng và các thành phần của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu, nắm bắt được các cấu trúc tổ chức lưu trữ và các phương pháp truy xuất dữ liệu trong hệ quản trị SQL SERVER. Sinh viên có thể quản trị tốt và sử dụng thành thạo hệ quản trị SQL SERVER.</p> <p>Kỹ năng: Làm việc với SQL SERVER</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 39 | Hệ trợ giúp quyết định | <p>Kiến thức: Các khái niệm về hệ trợ giúp quyết định; ý nghĩa của hệ trợ giúp quyết định trong thực tiễn</p> <p>Kỹ năng: Có thể xây dựng được các hệ trợ giúp quyết định đơn giản</p> | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 40 | Kỹ thuật đồ họa cơ bản | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ thuật lập trình cơ bản. - Khái niệm trong đồ họa - Sử dụng những bộ thư viện đồ họa 3D. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập trình đồ họa - Tìm hiểu công nghệ mới | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 41 | Kiểm thử và | Kiến thức: | 3 | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|--|------------|------------------|---|
| | đảm bảo chất lượng phần mềm | <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản trong qui trình kiểm thử và đánh giá chất lượng phần mềm. - Những kỹ thuật cơ bản trong qui trình kiểm thử phần mềm. - Ngôn ngữ kiểm thử tự động - Sử dụng được công cụ kiểm thử Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Viết và trình bày các tài liệu - Suy luận để đưa ra các tình huống kiểm thử. | | | - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 42 | Đồ họa và hiện thực ảo | Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với các kiến thức cơ bản về đồ họa và hiện thực ảo (các giải thuật cơ bản trong đồ họa, các phương pháp xử lý, biến đổi đồ họa trong không gian 2D, 3D, các khái niệm về màu sắc) - Áp dụng các kiến thức đã học trong việc lập trình đồ họa và sử dụng các công cụ đồ họa; lập trình game; xây dựng các chương trình đồ họa tương tác tốt với người dùng. Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tốt các công cụ thông dụng: Utility, 3DS-Max, XNA Game Studio - Sử dụng các thư viện lập trình đồ họa: Open GL, Direct 3D | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 43 | Công nghệ Web | Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, lịch sử, mô hình phát triển ứng dụng Web - Các kỹ thuật xây dựng Web Client: HTML, CSS, Java Script, JQuery - Các kỹ thuật xây dựng Web Server: JSP,Servlet/PHP | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng giao diện Web với HTML, CSS, JavaScript (sử dụng công cụ hỗ trợ Dreamweaver) - Xây dựng Web Server bằng JSP, Servlet/PHP với IDE Eclipse, Netbeans. | | | |
| 44 | Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu | <p>Kiến thức:</p> <p>Nắm được cách thiết kế một kho dữ liệu, dịch vụ phân tích trực tuyến, kỹ thuật tích hợp cơ sở dữ liệu khác nhau, các kỹ thuật và phương pháp khai phá dữ liệu ở mức cơ bản.</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Phân tích, thiết kế, làm việc nhóm, thuyết trình</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 45 | Hệ thống thông tin địa lý - GIS | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức cơ sở về Hệ thống thông tin địa lý. - Áp dụng các kiến thức và ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý trong các lĩnh vực khác nhau (Quản lý đô thị, Quy hoạch, Kiến trúc, Xây dựng, Kinh tế, đời sống, khoa học kỹ thuật,..) <p>Kỹ năng:</p> <p>Sử dụng thành thạo phần mềm GIS và cơ sở dữ liệu: Access, Excel, FoxPro, ACAD, Photoshop, MapInfo,..</p> | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 46 | Công nghệ Java | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cấu trúc ngôn ngữ lập trình; các kiểu dữ liệu cơ bản của Java - Các kỹ thuật xây dựng ứng dụng dựa trên công nghệ Java; - Sử dụng thư viện, framework để phát triển các ứng | 3 | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|------------------|---|
| | | dụng phù hợp trong Java. Kỹ năng: - Sử dụng thành thạo các IDE: Eclipse, Netbeans để phát triển ứng dụng Java - Có khả năng xây dựng ứng dụng Desktop với AWT, SWING, Java FX; - Xây dựng ứng dụng Web với công nghệ JSP, Servlet. | | | |
| 47 | Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động | Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được đặc trưng của môi trường lập trình trên thiết bị di động, các ngôn ngữ lập trình tương thích với các dòng thiết bị di động với các hệ điều hành khác nhau, trang bị khả năng xây dựng được các ứng dụng, dịch vụ trên nền tảng các thiết bị di động. Kỹ năng: - Trang bị cho sinh viên nắm được các đặc trưng cơ bản và các điểm khác biệt của môi trường lập trình trên thiết bị di động so với môi trường lập trình trên PC hay web - Có khả năng sử dụng các ngôn ngữ lập trình tương thích với từng dòng thiết bị di động với các hệ điều hành khác nhau - Khả năng phân tích, thiết kế, cài đặt các ứng dụng, dịch vụ trên thiết bị di động - Khả năng phối hợp nhóm - Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. | 3 | 8 | - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| | Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP) | | 3 | 8 | |
| 48 | 1. Lập trình hệ thống | Kiến thức: Kiến thức về phần cứng, vi điều khiển và lập trình phần cứng, vi điều khiển | 3* | 8 | Điểm quá trình : 03/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 07/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|------------------|--|
| | | <p>Kỹ năng: Áp dụng kỹ năng lập trình phần cứng, vi điều khiển để xây dựng các ứng dụng</p> <p>Thái độ: - Tham gia đầy đủ các buổi lên lớp - Tích cực tìm hiểu kiến thức và làm bài tập áp dụng</p> | | | |
| 49 | 2. Lập trình mạng | <p>Kiến thức: - Cung cấp các kiến thức cơ bản về các kỹ thuật lập trình mạng với ngôn ngữ Java - Giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật lập trình mạng với Socket, lập trình phân tán với RMI và lập trình ứng dụng dịch vụ web. - Giúp sinh viên làm quen các kỹ thuật khác như lập trình socket đa luồng, lập trình mạng với cơ sở dữ liệu JDBC, lập trình các giao thức mạng.</p> <p>Kỹ năng: - Trang bị cho sinh viên nắm được các kỹ năng làm chủ các kỹ thuật lập trình mạng - Có khả năng sử dụng các thư viện hỗ trợ lập trình Socket, RMI và dịch vụ web cho các hệ thống phần mềm ứng dụng. - Khả năng phối hợp nhóm - Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh</p> | 3* | 8 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |
| 50 | Quản lý dự án Công nghệ thông tin | <p>Kiến thức: Nắm được các khía cạnh tri thức của việc quản lý một dự án phần mềm, các công việc khác nhau của một người, một tổ chức hoặc một tập thể chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và xây dựng một dự án phần mềm.</p> | 2 | 8 | <p>- Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10</p> |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-------------------------------|--|------------|------------------|---|
| | | Kỹ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý, thuyết trình | | | |
| 51 | Ngôn ngữ C# và công nghệ .NET | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về .NET framework - Các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ C#. - Các khái niệm cơ bản về lớp (class), về đối tượng (Object), về giao diện (interface). - Các khái niệm về thừa kế, đa hình - Các khái niệm về cấu trúc (structure) và mảng (array). - Xử lý các ngoại lệ (exception). <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng lập trình với ngôn ngữ C# ; xây dựng ứng dụng với công cụ Visual Studio. - Kỹ năng làm việc với môi trường Windows Server, SQL Server - Khả năng phối hợp nhóm - Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | 3 | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP) | | | 3 | 8 | |
| 52 | 1. Quản trị mạng máy tính | <p>Kiến thức:</p> <p>Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản lý mạng máy tính bao gồm kiến thức về mô hình quản lý mạng, giới thiệu một số công nghệ thường dùng trong các hệ thống quản lý mạng máy tính</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Nắm được mô hình chung về quản lý mạng Các công nghệ thường dùng trong quản lý mạng Các tiêu chí cơ bản trong quản lý mạng</p> | 3* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |
| 53 | 2. An ninh mạng | <p>Kiến thức:</p> <p>Cung cấp những kiến thức về an ninh trong môi trường</p> | 3* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Học kỳ giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|------------------|---|
| | | <p>mạng, các lỗ hổng bảo mật của các giao thức mạng và các giao thức hỗ trợ để đảm bảo an toàn cho việc truyền thông qua mạng</p> <p>Kỹ năng:</p> <p>Giúp Sinh viên nắm được các cách thức tấn công quan mạng và các biện pháp đối phó.</p> | | | |
| | HP tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 HP) | | 3 | 8 | |
| 54 | <i>1. Chuyên đề KHMT và Công nghệ phần mềm</i> | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thách thức trong công nghệ phần mềm hiện đại - Đảm bảo chất lượng phần mềm - Lượng hóa phần mềm - Các thành phần của phần mềm hướng dịch vụ <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với việc xây dựng các dự án phần mềm - Quản lý rủi ro và lượng hóa phần mềm - Xây dựng và sử dụng Web Service | 3* | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình : 02/10 - Điểm thi kết thúc học phần: 08/10 |

Biểu mẫu 18

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2020-2021**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Chương trình Tiên tiến
ngành Kiến trúc**

Các môn đại cương

1. Triết học Mác-Lênin

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN
- Mã học phần: CT3901.1
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: I, II
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
 - + Thảo luận : 13 tiết
 - + Tự học : 120 giờ

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức: Sau khi học xong học phần *Triết học Mác-Lênin*, sinh viên nắm được những tri thức có tính nền tảng và hệ thống về triết học Mác - Lênin.

Kỹ năng: Giúp sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành và vận dụng vào trong cuộc sống.

Thái độ: Xây dựng và củng cố niềm tin, lý tưởng cách mạng của sinh viên để qua đó tích cực góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá học phần:
 - + Tự luận :
 - + Trắc nghiệm :
 - + Hình thức khác: (kết hợp trắc nghiệm + tự luận)
- Điểm kết thúc học phần: 10
 - Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10
 - + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận...) 1/10
 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
- Mã môn học: CT3902.2
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: II,III

- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Thảo luận : 09 tiết
 - + Tự học : 90 giờ

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức: Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên phải nắm được những tri thức cơ bản, những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.

Kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

3. Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá học phần:
 - + Tự luận :
 - + Trắc nghiệm :
 - + Hình thức khác : (kết hợp trắc nghiệm + tự luận)
- Điểm kết thúc học phần: 10
 - Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10
 - + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận...) 1/10
 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

3. **Kinh tế Chính trị Mác-Lênin**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN
- Mã học phần: CT3902.1
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: II, III
- Loại môn học:
 - + Bắt buộc:
 - + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - + Thảo luận : 09 tiết
 - + Tự học : 90 giờ

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các khái niệm, nguyên lý, quy luật cơ bản... thuộc nội dung học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

- Nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về cạnh tranh trong nền kinh tế hàng hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Kỹ năng:

- Phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Bước đầu vận dụng những kiến thức về kinh tế chính trị vào việc tiếp cận, tìm hiểu những hiện tượng và các quá trình của đời sống kinh tế xã hội.

Thái độ:

- Xây dựng và củng cố niềm tin, lý tưởng cách mạng để qua đó tích cực góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước

3. Phương pháp đánh giá học phần:

• Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận :

+ Trắc nghiệm :

+ Hình thức khác : (kết hợp trắc nghiệm + tự luận)

• Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10

+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận...) 1/10

- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Mã môn học: CT40.01

- Số tín chỉ: 02TC

- Thuộc học kỳ: I, II

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết

+ Thảo luận : 9 tiết

+ Tự học : 90 giờ

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức: Sinh viên phải nắm được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018). Từ đó giúp sinh viên củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Kỹ năng: đối với người học sau khi kết thúc môn học, nhờ nắm vững nội dung cơ bản đường lối của Đảng, từ đó lý giải những vấn đề thực tiễn và vận dụng được quan điểm của Đảng vào cuộc sống để chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội... theo đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Phương pháp đánh giá học phần

• Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận :

- + Trắc nghiệm :
- + Hình thức khác : (kết hợp trắc nghiệm + tự luận)
- Điểm kết thúc học phần: 10
 - Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10
 - + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận...) 1/10
 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- Mã môn học: CT4101
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 07
- Loại môn học: + Bắt buộc:
 - + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Các môn học kế tiếp:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - + Thảo luận : 09 tiết
 - + Tự học : 78 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- Giúp người học nắm được nội dung, bản chất cách mạng và khoa học của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị nhân văn, văn hoá của Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

Kỹ năng:

- Thông qua học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên về lập trường, quan điểm cách mạng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta; biết vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Trên cơ sở kiến thức đã được học, sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập và công tác, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm quá trình: 2/10
- + Điểm chuyên cần: 1/10
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 6/10

6. Pháp luật đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
- Mã môn học: CT4201
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 05
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Luật xây dựng và quy hoạch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

Kiến thức: Sinh viên sẽ có những kiến thức lý luận chung mang tính hệ thống về nhà nước và pháp luật và một số ngành luật phổ biến mà người cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cần nắm vững.

Kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên sẽ chấp hành đúng nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước, có thể tuyên truyền cho mọi người xung quanh cùng thực hiện, đồng thời có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình công tác sau này.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10
- + Điểm chuyên cần: 1/10
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (kiểm tra giữa kỳ): 1/10
- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

7. Giáo dục thể chất - phần 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐIỀN KINH
- Mã môn học: GD4501
- Số tín chỉ: 01
- Thuộc học kỳ: 02
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết:
- Các môn học kế tiếp: Giáo dục thể chất phần 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- + Nghe giảng lý thuyết: 06 tiết
- + Thực hành kỹ thuật động tác: 24 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện đào tạo mở

2. Mục tiêu môn học

- Nhằm đào tạo cho sinh viên phát triển toàn diện về mặt thể chất sau khi hoàn thành môn học.

- Giúp cho người học hiểu biết toàn bộ các nội dung của môn Điền kinh, nắm được lịch sử Điền kinh thế giới và trong nước, nắm được ý nghĩa tác dụng của tập luyện Điền kinh.

- Giúp sinh viên nắm được kỹ thuật và phương pháp giảng dạy các môn Điền kinh.

- Giúp người học nắm được các phương pháp tập luyện để phát triển các tố chất thể lực.

- Giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp và các nguyên tắc giảng dạy, huấn luyện Điền kinh cho các đối tượng.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần: Thi thực hành và lý thuyết kỹ thuật động tác.

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 3/10: Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết áp dụng quy chế phạt thi.

- Điểm thi kết thúc học phần: 7/ 10:

- Sinh viên thực hiện thi lý thuyết điền kinh.

- Sinh viên thực hiện nội dung chạy cự ly trung bình dài.

a. Nội dung kiểm tra:

| TT | NỘI DUNG | THANG ĐIỂM CHUẨN |
|----|---------------------|------------------|
| 1 | Lý thuyết điền kinh | 3 |
| 2 | Chạy 400m | 7 |
| 3 | Tổng Điểm Đạt | 10 |

b. Phương pháp đánh giá:

+ Viết bài thu hoạch lý thuyết.

+ Nắm được kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện

+ Cộng điểm rèn luyện.

+ Tham gia đầy đủ buổi học

+ Ý thức tổ chức kỷ luật.

8. Giáo dục thể chất - phần 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: BÓNG RỔ

- Mã môn học: GD4502

- Số tín chỉ: 01TC

- Thuộc học kỳ: 06

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Giáo dục thể chất phần 1

Các môn học kế tiếp: Giáo dục thể chất phần 3 (Bóng bàn hoặc cầu lông, võ Teakwondo)

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 06 tiết

+ Thực hành kỹ thuật động tác: 24 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện đào tạo mở

2. Mục tiêu học phần

Nhằm đào tạo cho sinh viên phát triển toàn diện về mặt thể chất sau khi hoàn thành môn học. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kỹ - Chiến thuật, luật, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu môn Bóng Rổ.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần: Thi thực hành kỹ thuật động tác.

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 3/10: Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết áp dụng quy chế phạt thi.
- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10: Sinh viên thực hiện một số kỹ thuật động tác sau:

| TT | NỘI DUNG | THANG ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM SV THI |
|----|-------------------------------|------------------|-------------|
| 1 | KT Đánh Cầu Thấp Tay Bên Phải | 3 | |
| 2 | KT Đánh Cầu Thấp Tay Bên Trái | 3 | |
| 3 | KT Phông Cầu | 2 | |
| 4 | KT Di Chuyển | 1 | |
| 5 | Thể Lực | 1 | |
| | Tổng Điểm Đạt | 10 | |

9. Ngoại ngữ nâng cao – phần 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIẾNG ANH NÂNG CAO 1

- Mã học phần: NNNC01

- Số tín chỉ: 03 TC

- Số tiết học: 45 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã có trình độ A2 (Khung châu Âu) hoặc bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN); dựa vào 04 kỹ năng: Nghe – Nói- Đọc – Viết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Viện ĐT&HTQT

3. Mục tiêu học phần

Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ B1 (Khung châu Âu) hoặc bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN); dựa vào 04 kỹ năng: Nghe – Nói- Đọc – Viết, được bổ sung vốn từ vựng phong phú, các cấu trúc cơ bản làm nền tảng cho sinh viên tiếp xúc với chương trình tiếng Anh chuyên ngành

3. Phương pháp đánh giá học phần

Thi hết học phần:

- Hình thức: tập trung
- Kiểm tra 04 kỹ năng: Nghe- Nói - Đọc- Viết
- Thang điểm: 10

7. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần: (Thang điểm 10)

a. Điểm quá trình: 02/10

b. Điểm thi kết thúc học phần: 08/10

10. Ngoại ngữ nâng cao – phần 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIẾNG ANH NÂNG CAO P2

- Mã học phần: NNNC02

- Số tín chỉ: 03 TC

- Số tiết học: 45 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh chương trình tiên tiến

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

- Kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

- hiểu được cấu trúc và cách làm bài thi IELTS ở cả 4 kỹ năng.
- sử dụng một cách hiệu quả kiến thức ngữ pháp; từ vựng; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp hằng ngày và trong môi trường học thuật.
- nắm được các chủ đề, tránh các lỗi thường gặp trong bài thi IELTS.

- Đối với từng kỹ năng trong bài thi IELTS, sinh viên cần tập trung:

Kỹ năng Nghe:

- ✓ Phân biệt rõ các âm và trọng âm trong bài Nghe.
- ✓ Phân biệt từ/ cụm từ đồng nghĩa.
- ✓ Dự đoán và nhận biết từ/cụm từ khóa.
- ✓ Quản lý thời gian làm bài hiệu quả.

Kỹ năng Nói:

- ✓ Phát triển khả năng nói trôi chảy, rõ ràng và tự tin.
- ✓ Tăng cường thực hành bằng việc nói những đoạn văn tường thuật ngắn.
- ✓ Thường xuyên thực hành các câu hỏi và trả lời về những chủ đề cá nhân.
- ✓ Phát triển ý cho các câu trả lời cụ thể trong phần thảo luận chung.

Kỹ năng Đọc:

- ✓ Đọc nhanh nội dung và câu hỏi để tìm từ/cụm từ khóa.
- ✓ Đọc nhanh để tìm ý chính của cả đoạn.
- ✓ Đọc kỹ văn bản để tìm thông tin.
- ✓ Nhận biết từ đồng nghĩa, đối nghĩa và các trích dẫn.

Kỹ năng Viết

- ✓ Luyện 2 dạng viết của IELTS: Task 1 và Task 2.
- ✓ Phát triển ý và bố cục các ý tưởng theo các chủ đề viết cho sẵn.
- ✓ Luyện viết câu, đoạn văn và bài luận.
- ✓ Miêu tả số liệu dựa vào các bảng biểu, biểu đồ, sơ đồ, bản đồ cho trước.
- ✓ Trình bày rõ ràng, ngắn gọn các luận điểm về chủ đề đã cho.
- ✓ Sử dụng ngôn ngữ, từ vựng, cấu trúc, ngữ pháp, văn phong phù hợp với loại hình thi (học thuật/ tổng quát)

3. Phương pháp đánh giá học phần

Thi hết học phần:

- Hình thức: tập trung
- Kiểm tra 04 kỹ năng: Nghe- Nói - Đọc- Viết

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần (Thang điểm 10)

- a. Điểm quá trình: 02/10
- b. Điểm thi kết thúc học phần: 08/10

11. Ngoại ngữ chuyên ngành

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
- Mã học phần: NNCHN
- Số tín chỉ: 03 TC
- Số tiết học: 45 tiết
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh nâng cao.
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có được một số vốn kiến thức tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành bao gồm: từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc, cách diễn đạt, kỹ năng đọc và dịch; có thể đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh rất đơn giản.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Học phần được đánh giá trên cơ sở kết quả đánh giá tổng hợp quá trình tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (thông qua việc điểm danh), kết quả kiểm tra giữa kỳ và kết quả thi kết thúc học phần của mỗi sinh viên. Cụ thể như sau:

a. Điểm quá trình: Đánh giá theo thang điểm 10 (trọng số 0,2), trong đó:

- Điểm chuyên cần (do điểm danh): tối đa là 5/10 điểm.
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: tối đa là 5/10 điểm.

b. Thi hết học phần:

Hình thức thi: Đọc + Viết (60 phút) + Thuyết trình

Thang điểm: 10

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học phần (Thang điểm 10)

- a. Điểm quá trình: 02/10
- b. Điểm thi kết thúc học phần: 08/10

12. Thực hành 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH 1
- Mã môn học: THH1
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 07
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Thực hành 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 30 tiết
 - + Tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Các môn học này sẽ giúp sinh viên bồi bổ các kiến thức thực tế liên quan, giúp các em thấy được sự gắn kết và liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn cũng như giúp sinh viên hiểu được những vấn đề trong thực tiễn đòi hỏi ngoài những điều còn thiếu trong nhà trường để từ đó giúp các em có định hướng hoàn thiện tiếp tục trong giai đoạn còn lại tại nhà trường.

3. Nội dung học phần

Có tổng cộng 2 môn thực hành 1 và 2 với tổng số lượng 4 tín chỉ. Hình thức để sinh viên đạt được các tín chỉ này bao gồm:

- + Sinh viên thực tập thiết kế tại các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, quản lý, giám sát xây dựng. Sinh viên được công nhận 1-2 tín chỉ.
- + Sinh viên tham gia vào các workshop quốc tế, các dự án thiết kế dành cho cộng đồng, các cuộc thi thiết kế trong nước và quốc tế có uy tín... Tất cả các hoạt động này đều có chứng chỉ tham dự. Sinh viên được công nhận 1-2 tín chỉ.
- + Sinh viên tham gia các hội thảo chuyên ngành, các khóa đào tạo tập huấn nâng cao về chuyên ngành, các hoạt động xã hội, tham quan. Sinh viên được công nhận 1 tín chỉ.

13. Thực hành 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH 2
- Mã môn học: THH2
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Thực hành 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 30 tiết
 - + Tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Các môn học này sẽ giúp sinh viên bồi bổ các kiến thức thực tế liên quan, giúp các em thấy được sự gắn kết và liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn cũng như giúp sinh viên hiểu được những vấn đề trong thực tiễn đòi hỏi ngoài những điều còn thiếu trong nhà trường để từ đó giúp các em có định hướng hoàn thiện tiếp tục trong giai đoạn còn lại tại nhà trường.

3. Nội dung học phần

Có tổng cộng 2 môn thực hành 1 và 2 với tổng số lượng 4 tín chỉ. Hình thức để sinh viên đạt được các tín chỉ này bao gồm:

- + Sinh viên thực tập thiết kế tại các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, quản lý, giám sát xây dựng. Sinh viên được công nhận 1-2 tín chỉ.
- + Sinh viên tham gia vào các workshop quốc tế, các dự án thiết kế dành cho cộng đồng, các cuộc thi thiết kế trong nước và quốc tế có uy tín... Tất cả các hoạt động này đều có chứng chỉ tham dự. Sinh viên được công nhận 1-2 tín chỉ.
- + Sinh viên tham gia các hội thảo chuyên ngành, các khóa đào tạo tập huấn nâng cao về chuyên ngành, các hoạt động xã hội, tham quan. Sinh viên được công nhận 1 tín chỉ.

14. Giáo dục quốc phòng

A. Các môn học cơ sở ngành

15. Vẽ 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Vẽ - phần 1
- Mã môn học: DRW01
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: 01
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Vẽ 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 45 tiết
 - + Tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

- Hình thành năng lực nền tảng về nghệ thuật thị giác, bước đầu hình thành năng lực thiết kế Kiến trúc.
- Truyền cảm hứng để cá nhân sáng tạo, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Đánh giá điểm quá trình (30%)

- Ý thức học tập, làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm.
- Chất lượng bài tập thực hành

Đánh giá điểm học phần (70%)

- Kết quả của quá trình học tập qua các bài tập thực hành cá nhân (portfolio)

16. Vẽ 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Vẽ - phần 2
- Mã môn học: DRW02
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 01
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Vẽ - phần 1
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 45 tiết
 - + Tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

- Vận dụng khái niệm của thuật ngữ tạo hình để cảm thụ, phát hiện và sáng tạo nghệ thuật trong không gian ba chiều.
- Tư duy thẩm mỹ tạo hình trong không gian - tiệm cận đến tư duy sáng tác kiến trúc.
- Rèn luyện và nâng cao năng lực tạo hình trong không gian ba chiều.

3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá quá trình (30%)
- Đánh giá học phần (70%)

17. Ngôn ngữ mô tả hình học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: NGÔN NGỮ MÔ TẢ HÌNH HỌC
- Mã môn học: NNHH
- Số tín chỉ: 04TC
- Thuộc học kỳ: 01
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Vẽ 1 và Vẽ 2
- Các môn học kế tiếp: Kỹ thuật truyền đạt ý tưởng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết
 - + Tự học: 120 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Kiến trúc/ Bộ môn Hình họa & Vẽ kỹ thuật

2. Mục tiêu học phần

- + Về kiến thức:

Giúp sinh viên sau khi kết thúc học phần có khả năng đọc và thiết lập được bản vẽ. Đồng thời nâng cao khả năng tư duy về không gian, để từ đó vận dụng và phát huy khả năng sáng tạo.

- + Về kỹ năng:

Trình bày và thiết lập được bản vẽ kỹ thuật.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần: 1/10
 - + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1/10
- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

18. Kỹ thuật truyền đạt ý tưởng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật truyền đạt ý tưởng
- Mã học phần: KTTYT
- Số tín chỉ: 02 TC
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Lý thuyết thiết kế.
- Các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết:
 - + Thuyết trình:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

- Hiểu sâu hơn về các công cụ và thành phần truyền tải ngôn ngữ kiến trúc.
- Phân tích và sắp xếp các thông tin liên quan đến một đồ án kiến trúc thông qua biểu diễn đồ họa và văn bản.
- Tăng cường các kỹ năng sáng tạo và thúc đẩy các thói quen sáng tạo tốt.
- Tự lập tài liệu thuyết trình và thuyết trình các tài liệu kiến trúc.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận
- + Trắc nghiệm
- + Hình thức khác

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 4/10
- + Thuyết trình hết môn: 2/10
- + Kiểm tra hết môn: 4/10

19. Lịch sử kiến trúc và đô thị 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ KIẾN TRÚC VÀ ĐÔ THỊ - PHẦN 1
- Mã học phần: LSKT1
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Lịch sử kiến trúc và đô thị - phần 2
- Hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết:
 - + Thuyết trình:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Đề mở rộng và đào sâu kiến thức và hiểu biết về lịch sử kiến trúc, từ thời cổ đại cho đến ngày nay.

Đề hiểu ảnh hưởng của bối cảnh xã hội, chính trị đối với kiến trúc

Đề hiểu tầm quan trọng của những thay đổi công nghệ để xây dựng hình thức

Đề phát triển các kỹ năng phân tích, trí tuệ quan trọng

Đề phân tích trực quan các công trình

Đề xây dựng các văn bản viết tay

Đề giới thiệu và thực hành kỹ năng viết bài luận

Đề giới thiệu và thực hành kỹ năng viết báo cáo

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần: 1/10
- + Bài tập về nhà, thuyết trình và thảo luận: 3/10
- + Bài kiểm tra giữa kỳ: 3/10
- + Bài kiểm tra cuối kỳ: 3/10

20. Lịch sử kiến trúc và đô thị 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ KIẾN TRÚC - PHẦN 2
- Mã học phần: LSKT2
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 07
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lịch sử kiến trúc và đô thị - phần 1
- Các môn học kế tiếp: môn tự chọn 2
- Hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết:
 - + Thuyết trình:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Hoàn thiện hiểu biết về kiến trúc và văn hoá truyền thống, tạo tiền đề cho việc tiếp cận và vận dụng những bài học lịch sử một cách có định hướng trong quá trình nghiên cứu sáng tạo làm đồ án kiến trúc.

6. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

21. Kết cấu và xây dựng 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KẾT CẤU & XÂY DỰNG – PHẦN 1
- Mã học phần: KCXD01
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: Kết cấu & Xây dựng – phần 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp : 12 tiết
 - + Thảo luận : 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập : 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm : 0 tiết
 - + Tự học : 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Xây dựng

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hệ kết cấu chịu lực trong công trình, phạm vi áp dụng, vật liệu sử dụng, cấu tạo và các phương pháp tính để kiểm tra độ bền, độ cứng của các hệ kết cấu trong xây dựng.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- +Tự luận:
- +Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 02/10
- + Điểm chuyên cần (trọng số): 01/10
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 01/10
(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận)
- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10.

22. Kết cấu và xây dựng 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KẾT CẤU & XÂY DỰNG – PHẦN 2

- Mã học phần: KCXD02
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kì: 05
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: Kết cấu & Xây dựng – Phần 1
- Các môn học kế tiếp: Kết cấu & Xây dựng – Phần 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - + Tự học : 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Xây dựng

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên vận dụng được các công thức tính toán thực hành, và nắm chắc các nguyên tắc cấu tạo để thiết kế hay thẩm tra cấu kiện dầm BTCT theo tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT của Việt Nam, TCVN 5574:2012; thiết kế hay thẩm tra được khối xây gạch đá; Lựa chọn và phân tích khái quát được các giải pháp kết cấu cho mỗi công trình cụ thể.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- +Tự luận:
- +Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần (trọng số):...../10
 - + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:/10
(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận)
 - Điểm thi kết thúc học phần: 8/10
- Điểm thi: Bài thi viết cuối học phần

23. Kết cấu và xây dựng 3

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KẾT CẤU & XÂY DỰNG 3
- Mã môn học: KCXD03
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 07
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Kết cấu & Xây dựng – phần 2.
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Khoa xây dựng

2. Mục tiêu học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức công nghệ cơ bản trong thi công và tổ chức thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

3. Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá học phần:
 - +Tự luận:

+Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

• **Điểm kết thúc học phần:** 10

- Điểm quá trình: 2/10

- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

24. Luật xây dựng và quy hoạch

1. *Thông tin chung về học phần*

- Tên học phần: LUẬT XÂY DỰNG VÀ QUY HOẠCH

- Mã môn học: LXDQH

- Số tín chỉ: 02 TC

- Thuộc học kỳ: 06

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Pháp luật đại cương

- Các môn học kế tiếp: Lý thuyết TKKT cảnh quan, Lý thuyết thiết kế đô thị, Lý thuyết quy hoạch.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng trên lớp: 15 tiết

+ Tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. *Mục tiêu học phần*

Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng pháp luật xây dựng trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị.

3. *Phương pháp đánh giá học phần*

• *Hình thức đánh giá học phần:*

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

• *Điểm kết thúc học phần:* 10

- Điểm quá trình:

+ Điểm chuyên cần (Trọng số): 0,8/10

+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 1,2/10

(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....)

- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

25. Cấu tạo kiến trúc

1. *Thông tin chung về học phần*

- Tên học phần: CẤU TẠO KIẾN TRÚC

- Mã học phần: CTKT

- Số tín chỉ: 03 TC

- Thuộc học kỳ: 04

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: các môn học về lý thuyết thiết kế và đồ án kiến trúc.

- Các môn học kế tiếp: Vật liệu & Kiến trúc.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết

+ Tự học: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên nắm bắt được các nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng bộ phận cấu tạo. Có thể đề xuất giải pháp cấu tạo quan tâm đến yêu cầu sử dụng, điều kiện thực tế, trình độ CN hóa, tính kinh tế, thẩm mỹ kiến trúc; phù hợp với hình dáng, kích thước công trình và các chi tiết kiến trúc. Về thực hành, có thể vận dụng vào thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc từ sơ bộ đến chi tiết.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

Điểm quá trình:

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập:

Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

26. Tin học trong thiết kế 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIN HỌC TRONG THIẾT KẾ - PHẦN 1

- Mã môn học: CAD1

- Số tín chỉ: 02

- Loại môn học + Bắt buộc :
+ Tự chọn :

- Môn học tiên quyết: không

- Môn học tiếp theo: Tin học trong thiết kế 2

- Các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 15
- + Thực hành: 15
- + Tự học: 45

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có thể:

1. Tạo mô hình kiến trúc 3D trong Sketchup.
2. Áp dụng màu sắc và kết cấu cho mô hình của họ.
3. Nhập các thành phần và ký hiệu vào Sketchup để sử dụng trong mô hình.
4. Có thể tạo mô hình từ hình ảnh.
5. Xác định vị trí chính xác một mô hình trong Sketchup và xuất nó sang Google Earth.
6. Sử dụng plugin để kết xuất và mở rộng chức năng của Sketchup
7. Sử dụng bố trí để chuẩn bị một bản trình bày thiết kế

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm quá trình: 2/10
- + Làm bài về nhà: 3/10
- + Kiểm tra cuối kỳ : 5/10

27. Tin học trong thiết kế 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIN HỌC TRONG THIẾT KẾ - PHẦN 2
- Mã môn học: CAD2
- Số tín chỉ: 02
- Thuộc học kỳ: 05
- Loại môn học + Bắt buộc :
- + Tự chọn :
- Môn học tiên quyết: Tin học trong thiết kế 1
- Các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15
 - + Thực hành: ...15
 - + Tự học: 60
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

3. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có thể:

1. Làm quen với các khái niệm và lợi ích của Mô hình hóa thông tin xây dựng.
2. Hiểu các khái niệm và tính năng cơ bản của Autodesk Revit Architecture.
3. Sử dụng các công cụ thiết kế 3D tham số để bắt đầu thiết kế dự án.
4. Sử dụng các công cụ tự động cho tài liệu dự án.
5. Phát triển mức độ thoải mái và tự tin ban đầu với Autodesk Revit Architecture thông qua trải nghiệm thực tế.
6. Biết cách sử dụng Revit Architecture trong quy trình làm việc điển hình

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

Điểm chuyên cần: 2/10

Bài tập về nhà : 3/10

Kiểm tra hết môn : 5/10

28. Vật liệu và kiến trúc

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: VẬT LIỆU VÀ KIẾN TRÚC
- Mã môn học: VLKT
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 05
- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Cấu tạo kiến trúc
- Các môn học kế tiếp: Công nghệ tòa nhà
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thảo luận: 06 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 06 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về vật liệu xây dựng trong việc xây dựng công trình KT bao gồm vật liệu tạo lập kết cấu và vật liệu hoàn thiện. Các giá trị thẩm mỹ, kỹ thuật và bảo trì bảo dưỡng là những yếu tố quan trọng trong thiết kế và ảnh hưởng rất nhiều tới thiết kế từng công trình đơn lẻ, chuỗi công trình, tổ hợp hay cả thiết kế đô thị.

Sinh viên còn có những nắm bắt về các loại vật liệu sử dụng đặc thù. Sinh viên có thể hiểu những quy tắc về việc sử dụng vật liệu đó áp dụng vào cụ thể trong từng dự án.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 5/10
- + Điểm chuyên cần (trọng số): 2/10
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập: 3/10
- Điểm thi kết thúc học phần: 5/10

29. Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KỸ THUẬT HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
- Mã học phần: KTHDT
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 06
- Loại học phần: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: không
- Các học phần kế tiếp: Lý thuyết quy hoạch đô thị
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 02 tiết
 - + Tự học: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu về kiến thức: Sau khi học xong học phần, người học củng cố được các kiến thức cơ bản về địa hình, về bề mặt địa hình thiết kế, lựa chọn cao độ xây dựng cho đô thị, bảo vệ cho đô thị khỏi bị ngập lụt và thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong đô thị như giao thông đô thị, cấp, thoát nước đô thị ... Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật.

Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học học phần, người học nắm được kỹ năng tính toán thiết kế và công năng sử dụng của các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- Tự luận:
- Trắc nghiệm:
- Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

Điểm quá trình: 2/10

Điểm thi kết thúc học phần: 8/10

30. Xã hội học đô thị

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ

- Mã học phần: XHHĐT

- Số tín chỉ: 01

- Thuộc học kỳ: 06

- Loại học phần: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các học phần tiên quyết: không

- Các học phần kế tiếp: Lý thuyết quy hoạch đô thị.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 02 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu, yêu cầu của học phần

Về nhận thức.

Học viên nắm được các nội dung cơ bản của môn học gồm:

- Tổng quan về sự hình thành và phát triển của Xã hội học Đô thị

- Quá trình đô thị hoá, mối liên hệ giữa đô thị hóa, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển xã hội

- Các chủ đề nghiên cứu chính của Xã hội học Đô thị

- Những vấn đề xã hội học của các đô thị Việt nam hiện nay

Về kỹ năng.

Học viên nắm được:

- Phương pháp phân tích những vấn đề xã hội học nổi bật của đời sống đô thị hiện nay

- Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu/ điều tra XHH ở đô thị phục vụ công tác hoạch định chính sách xây dựng và quản lý đô thị

- Phương pháp tư duy logic, biện chứng, khách quan về các vấn đề xã hội học đô thị hiện nay

- Luôn luôn liên hệ với thực tiễn Việt Nam trong quá trình Đổi mới và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Về thái độ.

- Nghiêm túc, kỷ luật, trong khi nghe giảng và chủ động sáng tạo trong khi chuẩn bị thảo luận theo tổ/ nhóm.

- Yêu cầu, nhiệm vụ của Học viên

Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.

Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, viết bài kiểm tra ở nhà (nếu có).

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận.

Có đầy đủ giáo trình của môn học và các tài liệu tham khảo khác.

Tham gia dự thi kết thúc học phần dưới dạng viết 180 phút.

3. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm chuyên cần: 3/10

Điểm bài thi hết môn: 7/10

31. Thực hành và Quản lý

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH VÀ QUẢN LÝ
- Mã môn học:
- Số tín chỉ: 03 TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: không
- Các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 45
 - + Tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Môn học này nhằm mục đích bao gồm phát triển bền vững trong giảng dạy cho sinh viên:

- Để trở thành chuyên gia trong việc phân tích một tình huống không gian từ quan điểm của thành phố bền vững.
- Phát triển cái nhìn toàn diện về thành phố làm cơ sở để thiết kế các thành phần / thành phố.
- Để có được kiến thức về môi trường đô thị và các giải pháp để quản lý nó
- Hợp tác khó khăn và công việc ngắn hạn, để phát triển tài liệu nghiên cứu cho các chuyên gia và giáo viên.

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Khác:

Điểm cuối kỳ: 10

- + Bài kiểm tra giữa kỳ: .../10
- + Bài kiểm tra cuối kỳ: 10/10

32. Công nghệ tòa nhà

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CÔNG NGHỆ TÒA NHÀ
- Mã môn học: CNTN
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 07
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Vật liệu & kiến trúc
- Các môn học kế tiếp: không
- Các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30
 - + Làm bài tập trên lớp
 - + Thảo luận
 - + Thực hành, thực tập
 - + Hoạt động theo nhóm

+ Tự học

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Môn học đóng vai trò giới thiệu về các quy trình vật lý sau thiết kế của lớp vỏ, nội thất và thiết bị của tòa nhà, và như một sự khởi đầu cho sự tích hợp đúng đắn của công nghệ trong kiến trúc.

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Khác:

Điểm cuối kỳ: 10

+ Bài kiểm tra giữa kỳ: .../10

+ Bài kiểm tra cuối kỳ: .../10

B. Các môn học chuyên ngành:

33. Lý thuyết thiết kế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT THIẾT KẾ

- Mã môn học: LTTK

- Số tín chỉ: 2 TC

- Loại môn học: + bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế cơ sở.

- Các môn học kế tiếp: Nhập môn kiến trúc bền vững

- Hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết:

+ Thuyết trình:

+ Thảo luận:

+ Thực hành:

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học:

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

3. Mục tiêu môn học

- Trang bị kiến thức chung về thiết kế kiến trúc.

- Cung cấp các công cụ để phân tích các yếu tố thiết kế hiện có.

- Hướng dẫn sử dụng phương pháp thích hợp để sản xuất các công trình thiết kế.

- Tăng cường các kỹ năng sáng tạo và thúc đẩy các thói quen sáng tạo tốt.

- Đánh giá môi trường kiến trúc thông qua bối cảnh trực tiếp của sinh viên.

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần: 4/10

+ Thuyết trình kết thúc môn: 2/10

+ Bài kiểm tra kết thúc: 4/10

34. Nhập môn kiến trúc bền vững

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: NHẬP MÔN KIẾN TRÚC BỀN VỮNG
- Mã học phần: NKTBV
- Số tín chỉ: 02TC
- Loại học phần: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: Lý thuyết thiết kế
- Các học phần kế tiếp: Kiến trúc & Môi trường 1
- Hoạt động
 - + Nghe giảng lý thuyết:
 - + Thuyết trình:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về sự thay đổi trong tư duy đương đại dẫn đến khái niệm thiết kế bền vững nói chung và kiến trúc bền vững nói riêng. Các yếu tố hình thành và chiến lược và các giải pháp cơ bản trong thiết kế giảm thiểu và thích ứng cũng như các giải pháp thiết kế bền vững khác.

- Sinh viên hiểu tầm quan trọng của thiết kế bền vững trong kiến trúc cũng như trách nhiệm đối với thiết kế môi trường hiện tại và tương lai.

- Sinh viên cũng sẽ được làm quen với các kỹ năng áp dụng kiến thức thiết kế bền vững trong các đồ án ngay từ đầu năm đầu tiên.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Chuyên cần: 1/10
- + BTVN, thuyết trình, thảo luận: 3/10
- + Bài kiểm tra giữa kỳ: 3/10
- + Bài kiểm tra cuối kỳ: 3/10

35. Nghiên cứu thực địa

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: NGHIÊN CỨU THỰC ĐỊA
- Mã học phần: NCTD
- Số tín chỉ: 03TC TH: 03
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lý thuyết thiết kế
- Các môn học kế tiếp: Cấu trúc không gian
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 90 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp

- + Thảo luận
 - + Thực hành, thực tập
 - + Hoạt động theo nhóm
 - + Tự học: 180 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên được yêu cầu thực hiện các công việc liên quan tới khảo sát thực tế với những sự khó khăn hiện diện tới từ tất cả các bên liên quan. Sinh viên sẽ được chia theo nhóm, sử dụng các kỹ thuật và kỹ năng cần thiết để tạo dựng các bản vẽ, thuyết minh nghiên cứu hiện trường.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

Điểm quá trình:

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

36. Cấu trúc không gian

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CẤU TRÚC KHÔNG GIAN
- Mã học phần: CTKG
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Nghiên cứu thực địa
- Các môn học kế tiếp: Thiết kế mở rộng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 90 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp
 - + Thảo luận
 - + Thực hành, thực tập
 - + Hoạt động theo nhóm
 - + Tự học: 180 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu được cách phân tích, tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt nhằm đạt được kết quả tốt nhất. Thông qua các phỏng vấn chủ nhà, người sử dụng và các bên liên quan, sinh viên hiểu rõ cấu trúc không gian được tạo dựng và sử dụng như thế nào trên cơ sở đó phục vụ cho bước tiếp theo.

- Phỏng vấn với các bên liên quan, đặc biệt là người sử dụng không gian
- Phân tích bối cảnh
- Thảo luận nhóm
- Mô hình hóa không gian
- Lập hồ sơ bản vẽ chi tiết mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt...

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

37. Thiết kế mở rộng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THIẾT KẾ MỞ RỘNG
- Mã học phần: TKMR
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Cấu trúc không gian
- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 90 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thực tập:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học: 180 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu được cách phân tích, tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt nhằm đạt được kết quả tốt nhất. Thông qua các phỏng vấn chủ nhà, người sử dụng và các bên liên quan, sinh viên hiểu rõ cấu trúc không gian được tạo dựng và sử dụng như thế nào trên cơ sở đó phục vụ cho bước tiếp theo.

- Nghiên cứu ý tưởng
- Nghiên cứu tính bền vững, tính tiện dụng và chức năng của không gian
- Đề xuất phương án thiết kế mở rộng trong đó có cải tạo biến đổi không gian hoặc chuyển đổi không gian chức năng.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

38. Lý thuyết thiết kế nội thất

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT THIẾT KẾ NỘI THẤT
- Mã học phần: LTTNT

- Số tín chỉ: 02 TC
- Số tiết học: 30 tiết
- Thuộc học kì: 04
- Số tiết học: 30 tiết
- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở
- Các môn học kế tiếp: Đồ án kiến trúc
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Nắm vững được các kiến thức mang tính lý luận từ tổng quan đến cụ thể, giúp hình thành tư duy nghề nghiệp nhằm thiết lập ý tưởng cũng như nhận xét, phê bình 1 không gian nội ngoại thất cụ thể.

Nắm vững các kiến thức mang tính thực tiễn về các yếu tố cơ sở, thành phần cơ bản cũng như nguyên tắc xử lý các không gian nội ngoại thất để vận dụng nhuần nhuyễn trong quá trình thực hiện đồ án. Nắm được nguyên tắc xử lý không gian, bề mặt, màu sắc, chất liệu nội thất cũng như xử lý các ảnh hưởng kỹ thuật đến nội thất để hoàn thành đồ án thiết kế nội thất.

Nắm được yêu cầu một hồ sơ thiết kế nội ngoại thất và 1 phần khái niệm về quá trình thi công.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác: (Phân tích công trình thực tế và thuyết trình)

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

39. Kiến trúc và môi trường 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KIẾN TRÚC VÀ MÔI TRƯỜNG – PHẦN 1
- Mã môn học: TKMT01
- Số tín chỉ: 04TC
- Thuộc học kỳ: 04
- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: Nhập môn Kiến trúc bền vững.
- Các môn học kế tiếp: Kiến trúc & Môi trường – phần 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Thảo luận: 2 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 2 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 2 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Kiến thức:

- Học phần cung cấp nội dung kiến thức về các giải pháp thiết kế đảm bảo tiện nghi môi trường vi khí hậu sử dụng trong công trình. Các giải pháp này bao gồm các vấn đề về: cách nhiệt, chống ẩm, che nắng, thông gió, thiết kế âm học phòng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo.

- Sinh viên nắm được những nguyên lý, vận dụng lý giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng có ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, sản xuất của con người và chất lượng công trình.

- Sinh viên vận dụng kiến thức của học phần vào các môn học và đồ án chuyên ngành tiếp theo.

Kỹ năng:

- Sinh viên xác định và tính toán được các thông số cần thiết liên quan đến các hiện tượng vật lý xảy ra bên trong và bên ngoài công trình xây dựng.

- Sinh viên có khả năng chủ động đề xuất những giải pháp cụ thể trong quá trình thiết kế và thi công để đạt được sự hợp lý về tổ chức không gian, hình thức lớp vỏ bên ngoài, các cấu kiện bên trong công trình, và kỹ thuật xây dựng; nhằm đảm bảo điều kiện tiện nghi và độ bền lâu của công trình.

- Sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn.

- Các hoạt động trên lớp góp phần nâng cao kỹ năng thuyết trình, tổng hợp và sưu tầm tài liệu thực tế của sinh viên trong học tập và nghiên cứu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 1/10

+ Các nội dung kiểm tra trong quá trình học tập (bài tập lớn): 1/10

- Điểm thi kết thúc học phần: 8/10.

40. Kiến trúc và môi trường 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KIẾN TRÚC VÀ MÔI TRƯỜNG – PHẦN 2

- Mã học phần: KTMT02

- Số tín chỉ: 03 TC

- Thuộc học kỳ: 08

- Loại môn học: + Bắt buộc: ■

+ Tự chọn: □

- Môn tiên quyết: Kiến trúc và Môi trường – phần 1.

- Môn tiếp theo: không

- Các hoạt động

+ Nghe giảng trên lớp X

+ Sinh viên thuyết trình: X

+ Thảo luận: X

+ Tham quan đô thị: X

+ Hoạt động nhóm X

+ Tự học X

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

- Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng trong việc thiết kế tầm nhìn chiến lược xây dựng môi trường bền vững. Điều này chủ yếu đạt được bởi các sinh viên phân tích một khu vực đô thị được lựa chọn chịu áp lực thay đổi và đề xuất một chiến lược đổi mới bên cạnh việc thể hiện chiến lược này dưới dạng một đề xuất thiết kế tiên tiến.

- Để đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu thú vị và quan trọng

- Hợp tác khó khăn và công việc ngắn hạn, để phát triển tài liệu nghiên cứu cho các chuyên gia và giáo viên

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Khác:

Điểm kết thúc: 10

+ Bài kiểm tra giữa kỳ: /10

+ Bài kiểm tra cuối kỳ: /10

41. Nguyên lý thiết kế nhà ở

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ NHÀ Ở

- Mã học phần: NLTNO

- Số tín chỉ: 02TC

- Thuộc học kỳ: 02

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở kiến trúc; Phương pháp thể hiện kiến trúc

- Các môn học kế tiếp:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

+ Tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Kiến trúc/ Bộ môn Kiến trúc Nhà ở

2. Mục tiêu học phần

Qua môn học này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình nhà ở, biết vận dụng vào nghiên cứu / phân tích và đánh giá các công trình nhà ở trong thực tiễn. Nắm được quy trình hình thành ý đồ đến thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện kiến trúc nhà ở, định hình một số yếu tố kỹ thuật để phục vụ cho việc thực hành đồ án kiến trúc.

3. Phương pháp đánh giá học phần: =

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

42. Nguyên lý thiết kế các công trình công cộng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

- Mã học phần: NLTC

- Số tín chỉ: 02TC

- Thuộc học kỳ: 05
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lý thuyết thiết kế
- Các môn học kế tiếp: đồ án công trình công cộng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Qua môn học này, sinh viên nắm được kiến thức lý thuyết về các loại hình CTCC cơ bản, biết vận dụng vào nghiên cứu / phân tích và đánh giá các CTCC trong thực tiễn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng vào việc thực hành đồ án

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

43. Lý thuyết quy hoạch

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
- Mã môn học: LTQH
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 06
- Loại môn học: + Bắt buộc
+ Tự chọn
- Các môn học tiên quyết: Luật Xây dựng và Quy hoạch
- Các môn học kế tiếp: đồ án quy hoạch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 02 tiết
 - + Thảo luận: 01 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 01 tiết
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đô thị và quy hoạch đô thị;
- Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản, những lý luận và các quan điểm lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong cơ cấu quy hoạch một đô thị;
- Giúp sinh viên nắm được các xu thế và quan điểm quy hoạch đô thị hiện đại;
- Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích, dự báo quy mô dân số, đất xây dựng đô thị; tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đô thị.
- Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 2/10
 - + Điểm chuyên cần: 4/10
 - + Các nội dung kiểm tra giữa kỳ: 3/10
 - + Tiểu luận: 3/10
- Điểm kết thúc học phần: 8/10

44. Lý thuyết thiết kế đô thị

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT THIẾT KẾ ĐÔ THỊ
- Mã học phần: LTTDT
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 06
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

Môn tiên quyết: Lý thuyết TKKT cảnh quan

Môn tiếp theo: Lý thuyết quy hoạch

- Các hoạt động

- + Nghe giảng trên lớp X
- + Sinh viên thuyết trình: X
- + Thảo luận: X
- + Tham quan đô thị: X
- + Hoạt động nhóm X
- + Tự học X

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Để phát triển một cái nhìn toàn diện về thành phố làm cơ sở để thiết kế các thành phần thành phố / thành phố.

- Góp phần hiểu rõ hơn về các thành phố, đặc biệt là các thành phố châu Âu, Bắc Mỹ và châu Á, thông qua nghiên cứu, tài liệu và các can thiệp thiết kế đô thị
- Để giải quyết các vấn đề thiết kế đô thị khác nhau mà thành phố Hà Nội phải đối mặt
- Hợp tác để phát triển nguồn tài liệu nghiên cứu cho các chuyên gia và giáo viên

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Khác:

Điểm kết thúc: 10

- + Bài kiểm tra giữa kỳ: /10
- + Bài kiểm tra cuối kỳ: /10

45. Lý thuyết thiết kế kiến trúc cảnh quan

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ THUYẾT KIẾN TRÚC CẢNH QUAN
- Mã học phần: LTTCQ
- Số tín chỉ: 03 TC

- Thuộc học kỳ: 06
- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lịch sử kiến trúc, Lịch sử phát triển đô thị, Nguyên lý Quy hoạch Đô thị.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

- Trang bị kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan trong việc hình thành và phát triển môi trường sống của con người; Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên; Có khả năng thiết kế cảnh quan nội ngoại thất.

- Mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan, quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trong quá trình sáng tác và ứng dụng thực tế.

- Trang bị giúp sinh viên nắm được nghệ thuật bố cục không gian, kiến trúc, cảnh quan một quần thể công trình, một khu chức năng và toàn đô thị.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- Điểm quá trình: 3/10

+ Điểm chuyên cần: 2/10

+ Điểm bài tập lớn: 1/10

- Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

46. Nguyên lý TK công trình khẩu độ lớn

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH KHẨU ĐỘ LỚN

- Mã học phần: NLTKD

- Số tín chỉ: 02 TC

- Thuộc học kỳ: 07

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Môn tiên quyết: Lý thuyết thiết kế

- Môn tiếp theo: Đồ án công trình 5.

- Các hoạt động

+ Nghe giảng trên lớp X

+ Sinh viên thuyết trình: X

+ Thảo luận: X

+ Tham quan đô thị: X

+ Hoạt động nhóm X

+ Tự học X

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu môn học

Mục tiêu chính của môn học là để sinh viên có được phương pháp thiết kế trực quan và toàn diện cho cấu trúc phức tạp.

3. Phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Khác:

Điểm kết thúc: 10

- + Bài kiểm tra giữa kỳ: /10
- + Bài kiểm tra cuối kỳ: /10

47. Nguyên lý thiết kế nhà cao tầng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ NHÀ CAO TẦNG
- Mã học phần: NLTKCT
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lý thuyết thiết kế
- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 6.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Môn học này sẽ giúp sinh viên tiếp cận tới lý thuyết thiết kế của một trong những dạng công trình phức tạp nhất với chức năng đa dạng và là điểm nhấn hiện nay trong các khu vực đô thị năng động trên thế giới.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

48. Đánh giá hệ thống đồ án 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐỒ ÁN 1
- Mã học phần: POFR1
- Số tín chỉ: 01 TC
- Thuộc học kỳ: 04
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Toàn bộ các môn học đồ án năm 1 và 2.
- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 4.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - + Tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên hoàn thành một trong những phần quan trọng nhất của hồ sơ xin việc hoặc hồ sơ để có thể học cao hơn trong chuyên ngành kiến trúc của mình, trong đó sinh viên phải chứng minh được các năng lực cần thiết. Môn học này sẽ giúp sinh viên thực hiện điều đó cũng như giúp sinh viên tìm ra những điểm yếu mình còn thiếu để có thể các môn bổ trợ tiếp theo hoàn thiện kỹ năng cũng như kiến thức.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

49. Đánh giá hệ thống đồ án 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐỒ ÁN 2
- Mã học phần: POFR2
- Số tín chỉ: 01 TC
- Thuộc học kỳ: 04
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Toàn bộ các môn học đồ án năm 1 - 4, Đánh giá hệ thống đồ án 1.
- Các môn học kế tiếp: Đồ án cơ sở tốt nghiệp.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - + Tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Đây là giai đoạn sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp do đó việc hoàn thiện các kiến thức kỹ năng trước khi bước vào thể hiện đồ án quan trọng cuối cùng là một việc rất cần thiết. Mô hình này đã được đánh giá là có hiệu quả rất cao tại rất nhiều các trường đào tạo về kiến trúc. Sinh viên sẽ hoàn thiện tất cả các kỹ năng cuối cùng để hoàn thành một quyển hồ sơ năng lực cá nhân trước khi trở thành một kiến trúc sư thực sự. Các kỹ năng còn thiếu trong giai đoạn này sẽ buộc sinh viên phải học bổ trợ những môn học mà hội đồng đánh giá thấy còn thiếu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

Các môn tự chọn:

Các nhóm môn tự chọn được xây dựng dựa trên cơ sở bổ sung kiến thức theo định hướng của sinh viên. Bên cạnh các môn học này, sinh viên cũng có thể lựa chọn các môn học của trường đối tác, học trao đổi để được công nhận.

50. Nhóm môn lý thuyết kiến trúc:

▪ Lý luận và phê bình kiến trúc

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LÝ LUẬN VÀ PHÊ BÌNH KIẾN TRÚC
- Mã học phần: LLPT
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Các môn lý thuyết thiết kế kiến trúc và lịch sử kiến trúc & đô thị.

- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Hình thành ý thức chủ động về lý luận & phê bình - như một công cụ để xây dựng môi trường kiến trúc nhân văn và bền vững; rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn để định hướng thực hành nghề nghiệp.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ Bảo tồn di sản kiến trúc

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: BẢO TỒN DI SẢN KIẾN TRÚC
- Mã học phần: BTDS
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Các môn Lịch sử kiến trúc & đô thị 1 và 2.

- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 6 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về di sản kiến trúc và đô thị, mục đích, nội dung và phương pháp của công tác bảo tồn trùng tu. Hướng dẫn cho sinh viên hiểu cách thức thực hiện, nhấn mạnh và làm rõ vai trò các công việc của kiến trúc sư trong công tác bảo tồn trùng tu di tích hay địa điểm di sản.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ Văn hóa và kiến trúc

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần: VĂN HÓA KIẾN TRÚC VIỆT NAM
- Mã môn học: VHKT
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 08
- Điều kiện tiên quyết: không.

2. Mục tiêu của môn học

Nhằm trang bị cho sinh viên:

- **Kiến thức:** Những kiến thức cơ bản về nguồn gốc văn hóa của kiến trúc và văn hóa kiến trúc Việt Nam.
- **Kỹ năng:** Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp kiến trúc đương đại mang tinh thần dân tộc và khai thác các đặc trưng văn hóa bản địa

3. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Bài tiểu luận: 70%

Thảo luận + chuyên cần: 30%

Thang điểm: 10

51. Nhóm môn xu hướng kiến trúc:

▪ Kiến trúc Toàn cầu

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KIẾN TRÚC TOÀN CẦU
- Mã học phần: KTTC
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Kiến trúc; Lịch sử kiến trúc P1,P2.
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Học phần Kiến trúc Toàn cầu sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức về toàn cầu hóa

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ **Kiến trúc Á đông**

1. *Thông tin chung về học phần*

- Tên học phần: KIẾN TRÚC Á ĐÔNG
- Mã học phần: KTAD
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lịch sử kiến trúc và đô thị 1 và 2.
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. *Mục tiêu học phần*

Học phần Kiến trúc á đông sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức:

Lịch sử phát triển văn hóa, xã hội và kiến trúc của khu vực á đông qua các thời kỳ

Đặc điểm và các giá trị đặc trưng của kiến trúc á đông thông qua các nước tiêu biểu:

Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn độ

Kiến trúc một số nước Đông Nam Á tiêu biểu, trong đó nhấn mạnh đến:

Ảnh hưởng từ Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật bản với kiến trúc Đông Nam Á

Ảnh hưởng từ Phương Tây đối với kiến trúc Đông Nam.

3. *Phương pháp đánh giá học phần*

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ **Những xu hướng kiến trúc đương đại:**

1. *Thông tin chung về học phần*

- Tên học phần: NHỮNG XU HƯỚNG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI
- Mã học phần: KTD
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Lịch sử kiến trúc và đô thị 2.
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. *Mục tiêu học phần*

Thông qua những hiểu biết có hệ thống sinh viên hình thành những quan điểm nhận định mang tính tổng kết thông qua việc so sánh những đặc điểm theo hệ thống nhận dạng, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và việc đề xuất ý tưởng trong hệ thống đồ án kiến trúc và quy hoạch mang tính thời đại.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

52. Nhóm môn kỹ thuật đương đại

▪ Kiến trúc gỗ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KIẾN TRÚC GỖ
- Mã học phần: KTG
- Số tín chỉ: 02 TC
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: không
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Thông qua những hiểu biết có hệ thống sinh viên hình thành những quan điểm nhận định mang tính tổng kết thông qua việc so sánh những đặc điểm theo hệ thống nhận dạng, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và việc đề xuất ý tưởng trong hệ thống đồ án kiến trúc và quy hoạch mang tính thời đại.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ Kiến trúc tre

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KIẾN TRÚC TRE
- Mã học phần: KTT
- Số tín chỉ: 02TC
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: không.
- Các môn học kế tiếp: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Thông qua những hiểu biết có hệ thống sinh viên hình thành những quan điểm nhận định mang tính tổng kết thông qua việc so sánh những đặc điểm theo hệ thống nhận dạng, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và việc đề xuất ý tưởng trong hệ thống đồ án kiến trúc và quy hoạch mang tính thời đại.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

▪ Thiết kế trong môi trường di sản

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THIẾT KẾ TRONG MÔI TRƯỜNG DI SẢN
- Mã học phần: TKMTDS
- Số tín chỉ: 02TC LT: 02
- Thuộc học kỳ: 09
- Loại môn học: + Bắt buộc:
- + Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết:
- Các môn học kế tiếp:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện ĐT&HTQT

2. Mục tiêu học phần

Giúp cho sinh viên có khả năng hiểu và nhận dạng về các xu hướng thiết kế trong các khu vực nội đô lịch sử như các giải pháp bảo tồn hoặc các lựa chọn về việc xây xen cấy hoặc xây mới các công trình định hướng cho sự phát triển trong tương lai cân bằng giữa bảo tồn và phát triển.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

E. Hệ thống đồ án

53. Đồ án cơ sở

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN CƠ SỞ
- Mã học phần: DAKCS
- Số tín chỉ: 03 TC TH: 03
- Thuộc học kỳ: 01
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Ngôn ngữ mô tả hình học, Vẽ 1 và Vẽ 2.
- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết
 - + Làm bài tập trên lớp: 90 tiết
 - + Tự học: 180 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

- Vận dụng các khái niệm cơ bản về ngành nghề, phương pháp thể hiện và cơ sở tạo hình vào đồ án cơ sở
- Trình bày được một đồ án (trên cơ sở đã được các KTS thiết kế hoàn chỉnh) một cách tổng thể.
- Rèn luyện kỹ năng diễn đạt ý và thể hiện hồ sơ bản vẽ kiến trúc

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.

54. Đồ án thiết kế công trình 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC 1
- Mã học phần: DACT01
- Số tín chỉ: 03TC
- Thuộc học kỳ: 02
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Các môn học tiên quyết: Kỹ thuật truyền đạt ý tưởng, Lý thuyết thiết kế, Đồ án cơ sở.
- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Làm bài tập trên lớp: 90 tiết
 - + Tự học: 180 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Chuyển đổi từ các thiết kế cơ bản sang thiết kế kiến trúc; nghiên cứu kết hợp tất cả 5 giác quan trong quá trình sáng tạo; thực hiện các kỹ thuật thể hiện cơ bản. Giới thiệu phân tích về hình thức cho sinh viên thông qua việc nghiên cứu về một bức tranh. Nghiên cứu thành phần của một bức tranh thông qua việc lập sơ đồ và các mô hình trừu tượng để "tạo ra một địa điểm" sau đó cho một dự án kiến trúc quy mô nhỏ.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.

55. Đồ án thiết kế công trình 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH 2
- Mã học phần: DACT02
- Số tín chỉ: 04TC TH: 04
- Thuộc học kỳ: 03
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế công trình 1, Nghiên cứu thực địa, Cấu trúc không gian, Thiết kế mở rộng.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 3.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết
- + Làm bài tập trên lớp: 120 tiết
- + Thảo luận
- + Thực hành, thực tập
- + Hoạt động theo nhóm
- + Tự học: 240 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Giới thiệu các nguyên tắc và thực tiễn của phân tích môi trường địa phương và phân tích lịch sử-văn hoá-xã hội như là một phần của quá trình thiết kế.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.

56. Đồ án thiết kế công trình 3

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH 3
- Mã học phần: DACT03
- Số tín chỉ: 05 TC TH: 05
- Thuộc học kỳ: 04
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế công trình 2, Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 4.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Làm bài tập trên lớp: 150 tiết
 - + Tự học: 300 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Giới thiệu thiết kế đa chức năng; tập trung vào môi trường và củng cố cộng đồng; tích hợp các nguyên tắc thiết kế nghệ thuật và phân tích từ hai năm đầu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.

57. Đồ án thiết kế công trình 4

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH 4
- Mã học phần: DACT04
- Số tín chỉ: 05 TC TH: 05
- Thuộc học kỳ: 05
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế công trình 3, Nguyên lý TK công trình công cộng, Đánh giá hệ thống đồ án 1.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án quy hoạch.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Làm bài tập trên lớp: 150 tiết
- + Tự học: 300 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Giới thiệu thiết kế đa chức năng; tập trung vào môi trường và củng cố cộng đồng; tích hợp các nguyên tắc thiết kế nghệ thuật và phân tích từ hai năm đầu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10.

58. Đồ án quy hoạch

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần: ĐỒ ÁN QUY HOẠCH
- Mã học phần: DAQH
- Số tín chỉ: 05 TC
- Thuộc học kỳ: 06
- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Lý thuyết TKKT cảnh quan, Lý thuyết thiết kế đô thị, Lý thuyết quy hoạch.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 5

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 100 tiết

+ Thảo luận : 20 tiết

+ Tự học : 300 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên làm quen với phương pháp lập đồ án Quy hoạch, Thiết kế cảnh quan và Thiết kế đô thị.

- Giúp sinh viên ứng dụng lý thuyết và phương pháp thể hiện kiến trúc và quy hoạch, tập thể hiện hoàn chỉnh một đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế cảnh quan và thiết kế đô thị

3. Phương pháp đánh giá môn học

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

59. Đồ án thiết kế công trình 5

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH 5

- Mã học phần: DACT05

- Số tín chỉ: 05 TC TH: 05

- Thuộc học kỳ: 07

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế công trình 4, Nguyên lý TK công trình khâu độ lớn.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án thiết kế công trình 6.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết

+ Làm bài tập trên lớp: 150 tiết

+ Tự học: 300 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Kết hợp các nghiên cứu về khái niệm, phân tích và kỹ thuật tương tự như các đồ án trước nhưng ngắn hơn.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10.

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

60. Đồ án thiết kế công trình 6

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH 6

- Mã học phần: DACT06

- Số tín chỉ: 05 TC TH: 05

- Thuộc học kỳ: 08

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đồ án thiết kế công trình 5, Nguyên lý TK công trình cao tầng.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án cơ sở tốt nghiệp.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Làm bài tập trên lớp: 150 tiết

+ Tự học: 300 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Đề phát triển các đồ án cao tầng (có thể đa chức năng) trong đô thị nhạy cảm về môi trường và văn hoá, trong bối cảnh quốc tế, thông qua phân tích môi trường và nghiên cứu thiết kế mở rộng.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận:

+ Trắc nghiệm:

+ Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

+ Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10

+ Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

61. Đồ án cơ sở tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: ĐỒ ÁN CƠ SỞ TỐT NGHIỆP

- Mã học phần: DACSN

- Số tín chỉ: 05 TC TH: 05

- Thuộc học kỳ: 09

- Loại môn học: + Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Các môn học tiên quyết: Đánh giá hệ thống đồ án 2.

- Các môn học kế tiếp: Đồ án nghiệp.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Làm bài tập trên lớp: 150 tiết

+ Tự học: 300 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

2. Mục tiêu học phần

Phát triển tư duy nghiên cứu, đặt vấn đề, xây dựng ý tưởng và tìm kiếm giải pháp phù hợp. Sinh viên cũng được yêu cầu phải làm quen với áp lực hoàn thành tiến độ, chất lượng theo yêu cầu chặt chẽ của hội đồng giáo viên. Qua đó đạt được chất lượng yêu cầu.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

62. Đồ án tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
- Mã học phần: DATN
- Số tín chỉ: 12 TC TH: 12
- Thuộc học kỳ: 10
- Loại môn học: + Bắt buộc:
+ Tự chọn:
- Số tiết học: 180 tiết
- Các môn học tiên quyết: Đã hoàn thành đầy đủ các học phần của chương trình (không kể GDQP và GDTC), điểm trung bình chung tích lũy TBC > 2,0. Sinh viên được nợ 04 học phần với tổng thời lượng 08 tín chỉ tới trước khi bảo vệ đồ án tốt nghiệp.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Làm bài tập trên lớp: 180 tiết
 - + Tự học: 360 giờ

2. Mục tiêu học phần

Đánh giá tổng hợp trình độ nhận thức và kỹ năng chuyên môn của sinh viên, làm cơ sở để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng KTS.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức đánh giá học phần:

- + Tự luận:
- + Trắc nghiệm:
- + Hình thức khác:

Điểm kết thúc học phần: 10

- + Điểm chuyên cần (trọng số): 3/10
- + Điểm thi kết thúc học phần: 7/10

Biểu mẫu 18

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2020-2021**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Chương trình Cử nhân
Kiến trúc DEEA**

Workshop S00Bis 1 - Nhận diện và thể hiện không gian

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 80 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 40 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 5 | | | | |

Mục tiêu môn học :

Môn học này thuộc nhóm môn học UE1 của năm học L00 có số giờ định mức là 40 giờ. Môn học được tiếp nối với workshop thứ hai có tên: Nhập môn triển khai đồ án. Mục tiêu của môn học là cung cấp cho sinh viên một phương pháp nhận diện kiến trúc và cảnh quan để tìm hiểu về cách tiếp cận của đồ án từ phân tích đến thiết kế.

Nội dung :

Cả hai workshop đều thực hiện tại khu vực chùa. Ngôi Chùa vốn một yếu tố đáng chú ý của kiến trúc hiện diện trong một hệ thống kiến trúc, địa lý và cảnh quan. Các sinh viên sẽ được đắm mình trong không gian thực tế và sẽ quan sát không gian này để hiểu nó, diễn giải thích không gian và chỉ ra các yếu tố bất biến cấu thành không gian bằng trực giác, khoa học và Phong thủy. Các chủ đề về không gian, thời gian, cách sử dụng và biểu tượng sẽ được huy động trong suốt tuần khám phá để nhận diện không gian.

Phương thức đánh giá:

Thời gian làm workshop là thời gian khảo sát không gian thực địa và gặp gỡ với các tác nhân trên thực địa. Do đó, sự hiện diện là bắt buộc. Việc kiểm soát sẽ được thực hiện liên tục. Việc trình bày cuốn sổ tay ký họa khám phá không gian sẽ được giới thiệu vào ngày cuối cùng. Cần có các bản vẽ, mô hình, mặt cắt, tấm chân dung của người sử dụng không gian, ...

Khối lượng yêu cầu:

Một cuốn sổ tay ký họa khám phá không gian. Bài làm cá nhân.

Tài liệu tham khảo:

10 clés pour s'ouvrir à l'architecture, M Bouchier, Ed Archibooks, Paris, 2017

Apprendre à lire un paysage, B Lizet, Ed Hommes et Terre du Nord, Paris 1987

Le plâtrier siffleur. Christian Bobin. Ed. Poésis. Normandie 2018

Workshop S00Bis 2 - Nhập môn phương pháp triển khai đồ án

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 80 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 40 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Bài tập xưởng thực địa Workshop này là học phần 1 của năm dự bị L00 nối tiếp với Bài tập xưởng thực địa đầu tiên "Quan sát thực tế: học cách đọc và khôi phục các cách biểu đạt của một cảnh quan và kiến trúc của nó tại chỗ". Khối lượng tính theo giờ của môn học này tương đương 40 giờ.

Mục tiêu đào tạo là khơi gợi cảm hứng cho các sinh viên về việc học kiến trúc và cảnh quan để tìm hiểu về cách tiếp cận dự án khi chuyển từ phân tích sang thiết kế.

Nội dung:

Workshop được thực hiện tại khu vực chùa. Ngôi Chùa vốn một yếu tố đáng chú ý của kiến trúc hiện diện trong một hệ thống kiến trúc, địa lý và cảnh quan. Các sinh viên sẽ được đắm mình trong không gian thực tế và sẽ quan sát không gian này để hiểu nó, diễn giải thích không gian và chỉ ra các yếu tố bất biến cấu thành không gian bằng trực giác, khoa học và Phong thủy. Các chủ đề về không gian, thời gian, cách sử dụng và biểu tượng sẽ được huy động trong suốt tuần khám phá để nhận diện không gian.

Phương thức đánh giá:

Việc sinh viên có mặt là bắt buộc và sẽ liên tục được điểm danh. Tập san khám phá và sản phẩm thiết kế lắp đặt sẽ được trình bày vào ngày cuối cùng của môn học.

Khối lượng yêu cầu:

Phần thuyết trình cho Bài tập xưởng 1. Làm việc cá nhân. Đại diện nhóm dự án.

Tài liệu tham khảo:

10 clés pour s’ouvrir à l’architecture, M Bouchier, Ed Archibooks, Paris, 2017

Apprendre à lire un paysage, B Lizet, Ed Hommes et Terre du Nord, Paris 1987

Le plâtrier siffleur. Christian Bobin. Ed. Poésis. Normandie 2018

Định nghĩa và các khái niệm kiến trúc phương Tây

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 20 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 20 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 2 | | | | |

Mục tiêu môn học :

Mục tiêu đào tạo là nhằm giới thiệu cho các sinh viên đại học hiểu về các khái niệm lý thuyết về kiến trúc, cảnh quan, cách sử dụng của chúng (ở tầm văn hóa lịch sử và xã hội) và không gian của nó (chiều không gian và môi trường) thông qua việc định nghĩa các từ khóa và cách tiếp cận dự án nhằm nhận thức được về bối cảnh (theo nghĩa rộng) bao trùm dự án.

Nguyên tắc là tiếp cận các khái niệm này thông qua từ vựng về kiến trúc và cảnh quan bằng cách làm nổi bật sự khác biệt và các điểm hội tụ của hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông trong quan điểm phê phán.

Các khái niệm được định nghĩa theo một cách rất đa dạng và đôi khi trái ngược nhau. Nhưng sự phức tạp này chỉ là một phần và mang lại sự đa dạng cho các ngành kiến trúc.

Nội dung :

Hai khóa học được đăng ký trong học phần 2 của năm dự bị L00 được giao nhau và tương ứng với khối lượng tính theo giờ là 40 giờ hoặc 13 buổi học.

Hai khóa học được xây dựng như một cuộc đối thoại giữa hai giáo viên.

1 Giới thiệu chung: Kiến trúc, đô thị, môi trường, đất nước, cảnh quan, nghệ thuật, con người, lãnh thổ, các ngành nghề

2. Đọc không gian

Phương thức đánh giá:

Việc kiểm tra sẽ được thường xuyên tiến hành: Điểm danh bắt buộc

Sổ ghi chép từ vựng cá nhân: Sinh viên sẽ phải nhớ năm từ khóa được chọn từ ba phần đã nhận: đọc không gian, cách tiếp cận dự án và chiếm dụng không gian và chuyên sâu (Tài liệu minh họa phải dài khoảng mười trang)

Bài chữa, bổ sung sẽ được yêu cầu và sẽ được kiểm tra bằng một bài viết trong 2 tiếng.

Tài liệu tham khảo:

- Robert Venturi, De l’ambiguïté en Architecture, Paris, Dunod, 1999

- Kenneth Frampton, L'architecture moderne. Une histoire critique, Thames & Hudson, London 1985, 2006

Định nghĩa và các khái niệm kiến trúc phương Đông

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 20 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 20 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 2 | | | | |

Mục tiêu môn học :

Mục tiêu đào tạo là nhằm giới thiệu các sinh viên đại học hiểu về các khái niệm lý thuyết về kiến trúc, cảnh quan, cách sử dụng của nó (ở tầm văn hóa lịch sử và xã hội) và không gian của nó (ở quy mô không gian và môi trường) thông qua việc định nghĩa các từ khóa và cách tiếp cận dự án để nhận thức về bối cảnh (theo nghĩa rộng) bao trùm dự án đã đăng ký.

Nguyên tắc là tiếp cận các khái niệm này thông qua từ vựng về kiến trúc và cảnh quan bằng cách làm nổi bật sự khác biệt và các điểm hội tụ của hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông trong quan điểm phê phán.

Các khái niệm được định nghĩa theo một cách rất đa dạng và đôi khi trái ngược nhau. Nhưng sự phức tạp này là một phần và mang lại sự đa dạng cho cá ngành nghề kiến trúc.

Nội dung :

Hai khóa học được đăng ký trong học phần 2 của năm dự bị L00 được giao nhau và tương ứng với khối lượng giờ là 40 giờ hoặc 13 buổi.

Chúng được xây dựng như một cuộc đối thoại giữa hai giáo viên.

1. Tiếp cận dự án: Thể hiện không gian và hình chiếu không gian
2. Tiếp cận không gian

Phương thức đánh giá:

Việc kiểm tra sẽ được diễn ra liên tục: Điểm danh bắt buộc

Sổ ghi chép từ vựng cá nhân: Học sinh sẽ phải nhớ năm từ khóa được chọn từ ba môn đồ đã nhận: đọc không gian, cách tiếp cận dự án và chiếm dụng không gian và chuyên sâu (Tài liệu minh họa nên dài khoảng mười trang).

Bài sửa, bổ sung sẽ được yêu cầu và sẽ được kiểm tra bằng một bài viết dài 2 tiếng.

Tài liệu tham khảo:

- Pierre Gourou, Les Paysans du Delta tonkinois. Etude de géographie humaine, Les Editions d'Art et d'Histoire, Paris, 1936.

- Chu Quang Trứ, Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam (Architecture folklorique traditionnelle du Vietnam), Maison de publication de Beaux-Arts, 1999.

Kỹ thuật thể hiện

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 100 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 4 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Vận dụng các khái niệm cơ bản về ngành nghề, phương pháp thể hiện và cơ sở tạo hình vào môn học này cho sinh viên kiến thức nền tảng quan về ngành nghề và những kỹ năng cơ bản.

- Thể hiện hoàn chỉnh, tổng thể một đồ án (chủ đề: một ngôi nhà nhỏ, thiết kế bởi các kts hiện đại, quốc tế).

- Rèn luyện các kỹ năng thể hiện kiến trúc gắn liền các bước của quá trình thiết kế từ nghiên cứu, tìm ý, phác thảo, phát triển ý đến hoàn chỉnh thiết kế.

- Hồ sơ đồ án kiến trúc hoàn chỉnh được thể hiện đủ đúng, diễn giải ý tưởng rõ ràng.

- Sau môn học có thể bắt đầu chuỗi hoạt động tập sáng tác qua các đồ án với các chuyên đề đa dạng.

Nội dung:

A. MODUN 01: SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU, ĐỌC HỒ SƠ BẢN VẼ (15T)

B. MODUN 02: THỂ HIỆN HÌNH VẼ VÀ HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CHỈNH (30T)

C. MODUN 03: THỂ HIỆN Ý ĐỒ VÀ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC BẰNG MÔ HÌNH (20T)

D. THỂ HIỆN HOÀN CHỈNH (20T)

dán tất cả các mô hình từ nghiên cứu đến hoàn thiện trên cùng một pano nền). Khuyến khích mô hình hoàn thiện mở được để thể hiện đầy đủ các không gian trong và ngoài nhà.

E. TRÌNH BÀY, THUYẾT TRÌNH TRƯỚC HỘI ĐỒNG: (5_10T) pinup

Phương thức đánh giá:

- Làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các giáo viên- như học các đồ án thiết kế sau này.

Tài liệu tham khảo:

- Phương pháp Thể hiện Kiến trúc- tài liệu giảng dạy của trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.

- Phương pháp thể hiện kiến trúc chuyên ngành tiến tiến 2009-2017.

- Architectural graphic- F.DK. Ching(Mỹ, Van Nostrand Reinhold).

- Architectural drawing course- Mo Zell (Barron's).

- Manual of Rendering with Pen and Ink- Robert W.Gill (Mỹ, Van Nostrand Reinhold).

- Các bài mẫu bộ môn Cơ Sở KT, đại học KT Hà Nội.

- Các tư liệu cá nhân và đồng nghiệp trong quá trình giảng dạy.

- Tư liệu mạng, nguồn bài tập mẫu các trường đại học Mỹ và châu Âu, Singapore.

Tiếng Pháp đại cương

| | | | | | |
|------------|----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 200 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0 | Giờ thực hành | 200 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 8 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Các bài giảng tiếng Pháp đại cương phát triển tất cả các kỹ năng ngôn ngữ nói và viết trong các tình huống giao tiếp hàng ngày trong suốt học kỳ: Từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt miệng và bằng văn bản, hiểu và nói bằng văn bản, thực tế và tổ chức giao tiếp. Tất cả các khóa học đều dựa trên Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu và dựa trên các tiêu chuẩn chi tiết ở trình độ A1.

Giáo trình được chọn là giáo trình Tendance A1 mới từ phiên bản Quốc tế CLE cho người mới bắt đầu.

Nội dung:

Giáo trình giảng dạy bao gồm các chủ đề khác nhau: Bắt đầu bằng tiếng Pháp, đến một quốc gia nói tiếng Pháp, khám phá một thành phố...

Các bài giảng tiếng Pháp đại cương cung cấp cho sinh viên một danh mục cơ bản về từ và cách diễn đạt đơn giản liên quan đến các tình huống cụ thể.

Phương thức đánh giá:

- Kiểm tra giữa học kỳ: bài tập về ngữ pháp, đọc hiểu (CO), đọc hiểu (CE), khả năng diễn đạt miệng (PO) và kỹ năng viết (PE).

- Bài kiểm tra cuối khóa: làm đề thi trình độ A1.

- Sinh viên được đánh giá trên cơ sở bốn năng lực của CECR ở cấp độ A1.

Tài liệu tham khảo:

Totem, Ed Hachette

Agenda, Ed Hachette

Tiếng Pháp chuyên ngành

| | | | | | |
|------------|-------|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L0 | Giờ lý thuyết | 150 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S0Bis | Giờ thực hành | 120 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 4 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Các bài giảng tiếng Pháp chuyên ngành tiếp tục phát triển tất cả các kỹ năng ngôn ngữ nói và viết trong các tình huống giao tiếp hàng ngày trong suốt học kỳ: Từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt bằng miệng và bằng văn bản, hiểu và nói bằng văn bản, thực tế và tổ chức giao tiếp. Tất cả các học phần đều dựa trên Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu và dựa trên cấp độ tham chiếu chi tiết trình độ A2.

Giáo trình được chọn là giáo trình Tendance A2 mới từ phiên bản Quốc tế CLE cho người mới bắt đầu.

Nội dung:

Giáo trình giảng dạy bao gồm các chủ đề khác nhau: tiếp tục bằng tiếng Pháp, đón tiếp bạn bè, làm việc..

Các bài giảng tiếng Pháp cơ bản cung cấp cho sinh viên một tập hợp danh mục cơ bản về từ ngữ và cách diễn đạt đơn giản liên quan đến các tình huống cụ thể.

Phương thức đánh giá:

- Kiểm tra giữa học kỳ: bài tập về ngữ pháp, đọc hiểu (CO), đọc hiểu (CE), khả năng diễn đạt miệng (PO) và kỹ năng viết (PE).
- Bài kiểm tra cuối khóa: làm đề thi trình độ A2.
- Sinh viên được đánh giá trên cơ sở bốn năng lực của CECR ở cấp độ A2.

Tài liệu tham khảo:

Totem, Ed Hachette

Agenda, Ed Hachette

Đồ án: Kiến trúc, ánh sáng, trọng lực, tỷ lệ

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L1 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Bài tập xưởng này giới thiệu về không gian như một đối tượng có tổ chức (hình thức/mối quan hệ), đủ điều kiện (ánh sáng/vật chất), có người ở (giao thông/sử dụng), được xây dựng (quy mô/mức độ nghiêm trọng/cấu trúc), nằm (định hướng/vị trí) và được bao quanh (bối cảnh vật lý/khí hậu/...)

Nội dung:

- Thuyết trình về các chủ đề;
- Tổ chức trao đổi cá nhân và tập thể tại mỗi buổi đồ án xưởng;
- Tổng kết các công việc của nhóm sau mỗi bài tập.

Phương thức đánh giá:

- Đánh giá liên tục: Tham gia trao đổi tập thể và công việc đồ án xưởng, tham dự, tiến độ và kết quả giữa kỳ.
- Đánh giá cuối cùng: Trình bày các nghiên cứu và dự án cho chấm thi cuối kỳ.

Tài liệu tham khảo:

- Alexander Christopher, De la synthèse de la forme, Paris, 1971. - Cambridge, Mass., 1964.

- Bachelard Gaston, La poétique de l'espace, PUF 1958

- Barthes Roland, Sémiologie et urbanisme, dans L'architecture d'aujourd'hui, n° 53, 1970 - janvier 1971.
- Baudrillard Jean, Le système des objets, 1968.
- Benjamin Walter, Paris, Capitale du XIXè siècle, Editions Allia, 1939.
- Boudon Philippe, Sur l'espace architectural, Editions Parenthèses, 1976.
- Calvino Italo, Le città invisibili, Einaudi, Torino, 1972. Les villes invisibles, Les Editions du Seuil, Paris, 1974.
- T. Hall Edward, La dimension cachée, Les Editions du Seuil, 1966.

Diễn họa 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1.5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Vẽ theo tỷ lệ;
- Khảo sát và nghiên cứu hiện trạng;
- Chú ý giảng dạy khớp nối với dự án ý tưởng.

Nội dung:

Theo dõi nội dung cho các dự án của sinh viên. Giúp sinh viên thể hiện các bản vẽ gần đúng mà không mắc lỗi về tỉ lệ.

Làm quen và thành thạo các kỹ thuật vẽ bằng tay thông qua các bài tập khác nhau.

Phương thức đánh giá:

Thông qua chất lượng bài tập về nhà và một bài kiểm tra cuối kì.

Khối lượng yêu cầu:

Thực hành thông qua các loại bài tập được đề cập ở trên.

Tài liệu tham khảo:

- Pouillon Fernand, Les pierres sauvages, Les Editions du Seuil, 1964
- Lynch Kevin, The Image of the City, MIT Press, 1961. L'image de la cité, Dunod, Paris, 1966
- Baudrillard Jean, Le système des objets, 1968
- Kahn Louis, Silence et lumière, éd. du Linteau, 1969
- Barthes Roland, Sémiologie et urbanisme, dans L'architecture d'aujourd'hui, n° 53, 1970 - janvier 1971

Thể hiện kỹ thuật số 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1.5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Giới thiệu về công cụ máy tính;
- Phân trình bày phần 1 của phần mềm cơ bản;
- Các buổi học về các công cụ làm cơ sở cho số hóa;
- Công cụ thể hiện;
- Suy nghĩ thông minh về việc lựa chọn công cụ.

Nội dung:

- Đem lại cho sinh viên một phương pháp hoàn toàn mới, phù hợp với thời đại đó là số hoá các bản vẽ tay truyền thống.

- Mục đích: Khi số hoá các bản vẽ tay, vẫn giữ được cảm xúc cũng như dấu ấn cá nhân của sinh viên đó là điều cần có trong những đồ án đầu tiên, nhưng vẫn có thể dễ dàng chỉnh sửa các công đoạn phía sau với sự hỗ trợ của những phần mềm hiện đại.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Buổi 1: Thực hành làm quen Bảng vẽ- Photoshop qua một số bài tập luyện nét đơn giản.

Buổi 2: Thực hành bài tập: hướng dẫn cụ thể dạng bài kí hoạ lại ảnh, lưu ý cách gọi tả và loại bỏ bớt một số phần quá chi tiết trong ảnh chụp, để ra đúng tính chất kí hoạ.

Buổi 3: Thực hành đệm màu với các bức kí hoạ đã thực hiện ở buổi 2.

Buổi 4: Thực hành PATTERN-TEXTURE với các mặt bằng, mặt cắt cụ thể, có thể là trong chính đồ án sinh viên đang thực hiện.

Buổi 6- 10: Ứng dụng mạnh mẽ của digital painting vào thể hiện các bạn vẽ kĩ thuật cũng như thể hiện ý tưởng.

Lịch sử kiến trúc - cảnh quan thế giới 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Cung cấp cho sinh viên một viễn cảnh toàn cầu về các giai đoạn quan trọng nhất trong lịch sử kiến trúc thế giới nói riêng và môi trường xây dựng nói chung. Các thời kỳ này, từ thời cổ đại cho đến ngày nay, sẽ được đặc trưng thông qua các vật liệu, cấu trúc, xây dựng, hình thức, ngôn ngữ, phong cách, ý tưởng thiết kế ..., tất cả luôn liên quan đến bối cảnh tự nhiên và văn hóa xã hội đã sinh ra họ.

Giúp xây dựng văn hóa kiến trúc của sinh viên, nhấn mạnh một viễn cảnh rằng kiến trúc không chỉ dừng lại ở một công việc, mà là một tầm nhìn về thế giới.

Nội dung:

Sự phát triển của kiến trúc và môi trường xây dựng sẽ được trình bày chủ yếu theo thứ tự thời gian như được thể hiện bởi các chủ đề. Trong thực tế, bởi vì quá trình không bao giờ hoàn toàn tuyến tính, các bài học lịch sử trong đó có sự phá vỡ có chủ ý hoặc nói lại các yếu tố của một giai đoạn trong quá khứ sẽ được gạch chân. Hơn nữa, cũng nhờ các phân tích so sánh mà các sinh viên có thể nắm bắt tốt hơn logic và đặc thù của từng thời kỳ phát triển.

Phương thức đánh giá:

- Tham gia tích cực vào khóa học và bài kiểm tra miệng.

Tài liệu tham khảo:

- Jonathan Glancey, Histoire de l'Architecture, Libre Expression, Montréal, 2001
- Le Corbusier, Vers une architecture, Éditions Flammarion, 1995 (1923)
- Robert Venturi, De l'ambiguïté en Architecture, Paris, Dunod, 1999
- Kenneth Frampton, L'architecture moderne. Une histoire critique, Thames & Hudson, London 1985, 2006
- Geoffrey et Susan Jellicoe, The Landscape of Man: Shaping the Environment from Prehistory to the Present Day, London, Thames and Hudson, 1996.

Lịch sử kiến trúc - cảnh quan Việt Nam 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp cho sinh viên một bức chân dung chung với các đặc điểm thiết yếu của kiến trúc và môi trường xây dựng của Việt Nam truyền thống, cả về các yếu tố vật lý và các yếu tố vô hình (nhận thức, thực hành, chiếm dụng không gian).

- Để giúp sinh viên tìm thấy sự khác biệt chính giữa phương Tây và phương Đông trong cách bố trí, sự tương đồng và khác biệt giữa kiến trúc Việt Nam và của các quốc gia trong khu vực.

- Xác định các ý tưởng và khái niệm về quá khứ vẫn còn giá trị ngày nay để tích hợp chúng vào kiến trúc và vào cảnh quan đương đại.

Nội dung:

Trong bối cảnh lịch sử và văn hóa xã hội cụ thể, sự phát triển của kiến trúc truyền thống Việt Nam là một quá trình chậm chạp và ít thay đổi so với phương Tây (cũng phản ánh một xã hội thiên về sự ổn định hơn là hướng tới sự phát triển). Do đó, thay vì theo thứ tự thời gian, nó sẽ được trình bày theo các kiểu chữ và chủ đề được liệt kê dưới đây với cái nhìn về những thay đổi có thể theo thời gian. Các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến chúng rõ ràng cũng sẽ được thảo luận song song trong các phiên phân tích.

Phương thức đánh giá:

- Tham gia tích cực vào khóa học và nhóm làm việc.
- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá môn học.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Bài thi cuối môn học.

Tài liệu tham khảo:

- Pierre Gourou, Les Paysans du Delta tonkinois. Etude de géographie humaine, Les Editions d'Art et d'Histoire, Paris, 1936.

- Chu Quang Trứ, Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam (Architecture folklorique traditionnelle du Vietnam), Maison de publication de Beaux-Arts, 1999.

- Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam (Base de la culture vietnamienne), Maison de publication d'Éducation, 1999.

Lý thuyết đồ án

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Cung cấp cho sinh viên một bức chân dung chung với các đặc điểm thiết yếu của kiến trúc và môi trường xây dựng của Việt Nam truyền thống, cả về các yếu tố vật lý và các yếu tố vô hình (nhận thức, thực hành, chiếm dụng không gian).

- Để giúp sinh viên tìm thấy sự khác biệt chính giữa phương Tây và phương Đông trong cách bố trí, sự tương đồng và khác biệt giữa kiến trúc Việt Nam và của các quốc gia trong khu vực.

- Xác định các ý tưởng và khái niệm về quá khứ vẫn còn giá trị ngày nay để tích hợp chúng vào kiến trúc và vào cảnh quan đương đại.

Nội dung:

- Làm thế nào các vấn đề của địa điểm xây dựng và việc xây dựng các tập hợp của con người được cấu trúc theo thời gian?

- Các yếu tố của kiến trúc theo cách tiếp cận phương Đông và phương Tây.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

Bibliographie occidentale:

- Tanizaki Junichiro, *Eloge de l'ombre*, Verdier, 1933
- Benjamin Walter, *Paris, Capitale du XIXè siècle*, Editions Allia, 1939
- Zevi Bruno, *Apprendre à voir l'architecture*, Paris, 1962 -Torino, 1948
- Bachelard Gaston, *La poétique de l'espace*, PUF 1958
- Alexander Christopher, *De la synthèse de la forme*, Paris, 1971. - Cambridge, Mass., 1964
- Pouillon Fernand, *Les pierres sauvages*, Les Editions du Seuil, 1964
- Lynch Kevin, *The Image of the City*, MIT Press, 1961. *L'image de la cité*, Dunod, Paris, 1966
- Baudrillard Jean, *Le système des objets*, 1968
- Kahn Louis, *Silence et lumière*, éd. du Linteau, 1969
- Barthes Roland, *Sémiologie et urbanisme*, dans *L'architecture d'aujourd'hui*, n° 53, 1970 - janvier 1971
- Boudon Philippe, *Sur l'espace architectural*, Editions Parenthèses, 1976
- Calvino Italo, *Le città invisibili*, Einaudi, Turino, 1972. *Les villes invisibles*, Les Editions du Seuil, Paris, 1974
- Perec Georges, *Espèces d'espaces*, Editions Galilée, 1974
- Venturi Robert, *De l'ambiguïté en architecture*, Edition Dunod, Paris 1976
- Von Meiss Pierre, *De la forme au lieu - Une introduction à l'étude de l'architecture*, Presses Polytechniques Romandes, 1986
- Zumthor Peter, *Atmosphères*, Editions Birkhauser, 2008
- Zumthor Peter, *Penser l'architecture*, Editions Springer Science & Business Media, 2008

Filmographie occidentale:

- *Le mépris*, Jean-Luc Godard
- *Les ailes du désir*, Wim Wenders
- *Rome, ville ouverte*, Roberto Rossellini
- *Le désert rouge*, Michelangelo Antonioni

BTTH Nghệ thuật 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 01 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Cho phép sinh viên:

- Một sự đối chiếu giữa quy mô của thực tế và quy mô thể hiện.
- Một sự hiểu biết về lối đi giữa không gian ba chiều và hai chiều và ngược lại.
- Tiếp thu kiến thức lịch sử và lý thuyết về nghệ thuật và kỹ thuật thể hiện.
- Một sự chính xác của quan sát và bồi thường trong sự phù hợp với các phương tiện được thực hiện.
- Một sự tự do của trí tưởng tượng dựa trên các công cụ ủng hộ một biểu hiện cá nhân.
- Một cuộc thăm dò đối với các lĩnh vực mới: kỹ luật, nghệ thuật hoặc kỹ thuật.

Nội dung:

Định vị trong không gian thông qua cách tiếp cận biểu diễn nhạy cảm của kiến trúc, thành phố, cảnh quan và sự hiện diện của con người trên thế giới, không gian thực. Các bài tập nhấn mạnh nhận thức về vị trí của chính họ trong không gian này tại thời điểm họ vẽ và mối quan hệ mà nó tạo ra trong các bản vẽ mà họ tạo ra. Một số bài học sẽ đặc biệt chú ý đến cơ thể khi nó trở thành công cụ của công việc.

Phương thức đánh giá:

- Tham gia tích cực vào khóa học và nhóm làm việc.
- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- « La civilisation de la Renaissance en Italie » Jacob Burckardt, première édition 1860
- « Histoire de l'art », Elie Faure, première édition 1909
- « Positif 200 » dessins de cinéastes, numéro spécial 200 201 202, 25ème anniversaire, 1977
- « Markus Reatz, Arbeiten/travaux/works », 1971-1981, Kunsthalle Basel & ARC, 1982-1983
- « Alberto Giacometti, le dessin à l'oeuvre », catalogue d'exposition, Gallimard & Centre Pompidou, 2001
- « Comme le rêve le dessin », catalogue d'exposition, Louvre & Centre Pompidou, 2005
- « Figures du corps », Une leçon d'anatomie à l'école des beaux-arts, Philippe Comar, ENSBA éditions, 2008
- « 99 clic + 1 », fotografie storie di incanti, ed. Fondo Giog - Anna Piras, 2009

Lịch sử nghệ thuật

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 10 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 10 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Giúp sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của Nghệ thuật Nguyên thủy.
- Biết được một số di tích tiêu biểu.
- Giúp sinh viên hiểu được nguyên nhân và các yếu tố hình thành các nền mỹ thuật cổ đại.
- Sự phát triển của nghệ thuật cổ đại nói chung và của các nền nghệ thuật Ai Cập, Hy Lạp, La Mã cổ đại.
- Những đặc điểm chung của nghệ thuật Ai Cập, Hy Lạp, La Mã.
- Nắm được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của ba nền mỹ thuật cổ đại. Đặc biệt là các tác giả, tác phẩm được giới thiệu trong chương trình môn Nghệ thuật ở THCS.
- Bước đầu biết cách nghiên cứu phân tích và đánh giá một tác phẩm mỹ thuật.

Nội dung:

- MỸ THUẬT NGUYÊN THỦY VÀ CỔ ĐẠI
- MỸ THUẬT PHƯƠNG ĐÔNG CỔ ĐẠI
- MỸ THUẬT TRUNG CỔ VÀ PHỤC HƯNG
- MỸ THUẬT THẾ KỶ XVII VÀ THẾ KỶ XVIII
- MỸ THUẬT THẾ KỶ XIX VÀ THẾ KỶ XX

Phương thức đánh giá:

Bài kiểm tra cuối khóa

Tài liệu tham khảo:

- « La civilisation de la Renaissance en Italie » Jacob Burckardt, première édition 1860
- « Histoire de l'art », Elie Faure, première édition 1909
- « Positif 200 » dessins de cinéastes, numéro spécial 200 201 202, 25ème anniversaire, 1977
- « Markus Reatz, Arbeiten/travaux/works », 1971-1981, Kunsthalle Basel & ARC, 1982-1983
- « Alberto Giacometti, le dessin à l'oeuvre », catalogue d'exposition, Gallimard & Centre Pompidou, 2001
- « Comme le rêve le dessin », catalogue d'exposition, Louvre & Centre Pompidou, 2005
- « Figures du corps », Une leçon d'anatomie à l'école des beaux-arts, Philippe Comar, ENSBA éditions, 2008
- « 99 clic + 1 », fotografie storie di incanti, ed. Fondo Giog - Anna Piras, 2009

Lịch sử xây dựng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 10 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 10 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Khóa học này nhằm mục đích giới thiệu cho sinh viên về lịch sử vật liệu xây dựng, tức là sản xuất và chức năng của chúng.

Mô tả các điều kiện cụ thể, phương thức sản xuất, vận chuyển, lắp ráp và thực hiện trên các địa điểm xây dựng. Viễn cảnh là lịch sử, đó là một câu hỏi để xem những điều kiện sản xuất này phát triển như thế nào, những tác động đến số lượng có sẵn và chi phí gây ra, về kích thước và chất lượng được cung cấp, và tất nhiên về quá trình xây dựng và do đó, về kiến trúc, xử lý cả vật liệu truyền thống như gỗ và vật liệu hiện đại như thép hoặc bê tông. Các tòa nhà và công trình công nghiệp được ưa chuộng, vì chúng thường là nơi thử nghiệm vật liệu mới hoặc thực hành xây dựng mới.

Nội dung:

Một phần giới thiệu được dành riêng cho việc nghiên cứu các tòa nhà công nghiệp, qua đó khảo cổ học công nghiệp đã có thể dạy chúng ta trong hai mươi năm. Tuyên bố này cung cấp cơ hội để nhớ lại những gì các dịch vụ di sản của Bộ Văn hóa, hàng tồn kho và di tích lịch sử đã đạt được trong lĩnh vực này. Sau đó, gỗ, sắt, bê tông, thủy tinh, vật liệu lợp (ngói, đá phiến, chì, đồng, kẽm) được xử lý liên tiếp, xử lý các tính chất cũng như các điều kiện lịch sử của quá trình sản xuất và thực hiện chúng. từ nhiều ví dụ. Nhân mạnh được đặt vào các vấn đề tiêu chuẩn hóa, đúc sẵn, tính toán kết cấu, dẫn đến chủ đề chung hơn về mối quan hệ giữa kiến trúc sư và kỹ sư.

Phương thức đánh giá:

Bài kiểm tra cuối khóa.

Khối lượng yêu cầu:

Bình luận bằng văn bản của 20 hình ảnh được chọn từ những người dự kiến trong suốt khóa học.

Tài liệu tham khảo:

- Building const illustrated Francis D.K Ching,éd Van Nostrand Rheinhold Structure et Architecture Mario Salvadori, éd Eyrolles 1975 Architectural Design,Karl Bovill,Ed Van Nostrand Rheinhold

- Structure Acier, Hart, Heinz & Sontag, Ed Publimétal 1982, Les systèmes structurels, Heino Engel
- Light Structures Jörg Schaich, Rudolf Bergemann L'acier dans la construction éd Le Moniteur
- Construire en bois 1 Karl-Heinz Götze, Didier Hoor, Karl Mülher et Julius Natterer 1987
- Construire en bois 2 Julius Natterer, Thomas Herzog, Michaël Volz, 1993
- Séquences Bois et Détails Bois, éd CNDB
- L'art de l'Ingénieur sous la Direction d'Antoine Picon, éd centre Georges Pompidou

BTTH xây dựng 1

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S01 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 01 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Từ nguồn gốc của ý tưởng đến yếu tố được xây dựng.
- Phát triển một ý nghĩ mang tính xây dựng trong ý nghĩa của nó và ứng dụng của nó trong và cho dự án kiến trúc, theo một định nghĩa và sự phù hợp sáng tạo của phần xây dựng trong một cấu trúc có vấn đề của chất thải trung bình/vật liệu/chống thấm và chất lượng môi trường.

Nội dung:

- Nghiên cứu và phân tích công trình có quy mô trung bình và lớn. Kiến thức chuyên sâu về vật liệu kết cấu.
- Các vật liệu và sự đa dạng của chúng tác động đến môi trường.
- Vòng đời của vật liệu và tòa nhà và tác động của chúng đến môi trường.
- Sự ổn định, mối quan hệ giữa không gian và cấu trúc.

Phương thức đánh giá:

Bài tập về phản ứng, thí nghiệm và chế tạo mô hình để tạo ra mô hình cấu trúc cắt ngang 1 m kết hợp độ sáng và hiệu suất cơ học, thử nghiệm va chạm với phân tích hiện tượng, mô hình máy tính với phần mềm kết cấu, so sánh.

Khối lượng yêu cầu:

Định hình cấu trúc có quy mô trung bình, định nghĩa phần xây dựng trong cấu trúc/vật liệu có vấn đề/chống thấm với mô hình máy tính.

Tài liệu tham khảo:

- Building const illustrated Francis D.K Ching, éd Van Nostrand Rheinhold Structure et Architecture Mario Salvadori, éd Eyrolles 1975 Architectural Design, Karl Bovill, Ed Van Nostrand Rheinhold
- Structure Acier, Hart, Heinz & Sontag, Ed Publimétal 1982, Les systèmes structurels, Heino Engel
- Light Structures Jörg Schaich, Rudolf Bergemann L'acier dans la construction éd Le Moniteur
- Construire en bois 1 Karl-Heinz Götze, Didier Hoor, Karl Mülher et Julius Natterer 1987
- Construire en bois 2 Julius Natterer, Thomas Herzog, Michaël Volz, 1993
- Séquences Bois et Détails Bois, éd CNDB
- L'art de l'Ingénieur sous la Direction d'Antoine Picon, éd centre Georges Pompidou.

Tham quan chuyên môn

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|---|----------|----------------|
| Năm học | L1 | Giờ lý thuyết | - | Đặc điểm | Không bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | - | Thi lại | - |
| Số tín chỉ | - | | | | |

Mục tiêu môn học:

Cho phép sinh viên hiểu và trải nghiệm không gian thực tế thông qua một chuyến thăm quan tại cộng hòa Pháp trong vòng 3 tuần. Môn học được tổ chức thông qua một loạt các chuyến thăm đến các tòa nhà biểu tượng, được đặt lại trong bối cảnh ban đầu của chúng và sự phát triển của thành phố và thực tiễn của nó tại Paris, Normandie, Bordeaux và Toulouse.

Nội dung:

- Tập huấn trước khi khởi hành cho cả nhóm và tài liệu giải thích được chuẩn bị và phân phát cho mỗi nhóm.
- Ví dụ tham quan các công trình tại Paris như: Villa Savoye, Fondation Jeanneret, Mémorial des Martyrs de la Déportation (Georges Dubuisson), oeuvres d'Auguste Perret, collections permanentes de la Cité de l'Architecture et du patrimoine;
- Vỏ bao che công trình và xây chen trong khu vực đô thị: Cartier Foundation, I.M.A, Beaubourg ...
- Tại mỗi thành phố tham quan, sinh viên được yêu cầu vẽ ghi chép lại những không gian công cộng, công trình tiêu biểu được trải nghiệm, sau đó có đánh giá, phân tích và liên hệ với lý thuyết đã được giới thiệu trước đó.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng mặt.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Có báo cáo tham quan.

Tài liệu tham khảo:

- « La Maison sur mesure » Dominique Rabin, Ed. Le Moniteur, Janvier 2009
- « Croquis d'architectes » Ed Place Victoires, 18 septembre 2008
- « Penser l'Architecture » Peter Zumthor
- « Construire une maison » Jack London
- https://www.youtube.com/results?search_query=architecture
- <http://www.archilovers.com>

Đồ án: Kiến trúc nhà ở

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Sinh viên tiếp thu kiến thức cơ bản.
- Học tập nghiêm túc và có phương pháp trong việc định hình không gian kiến trúc.
- Hiểu được một quá trình phóng chiếu là gì.
- Hiểu được không gian kiến trúc có thể được xác định bởi các tính chất.
- Học cách xác định không gian bằng hình học, vị trí của bóng (kích thước, định hướng) và sự biến đổi của ánh sáng ban ngày.
- Tìm hiểu kích thước không gian cần thiết cho các hoạt động hàng ngày của ngôi nhà.
- Thiết kế nội thất và ngoại thất, tích hợp đồ nội thất vào tổ chức không gian.

Nội dung:

Xác định các hoạt động khác nhau trong nhà, thể hiện cho từng hoạt động mà cơ thể tiếp xúc với đồ nội thất.

Kiểm kê các tính chất không gian, vật chất và phi vật chất.

Kết xuất trong các mặt phẳng, mặt cắt, độ cao.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Bruno Zevi, Apprendre à voir l'architecture.
- Bruno Zevi, Le langage moderne de l'architecture.
- Le Corbusier, Le Modulor.
- Junichiro Tanizaki, Eloge de l'ombre

Diễn họa 2

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1.5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Nâng cấp sinh viên về hình học và hình học trong không gian, một nền tảng cần thiết để thể hiện bản vẽ.

- Bóng đổ và bóng đổ tự thân
- Theo hình học và phối cảnh:
- Các nguyên tắc cơ bản của phép chiếu trục giao,
- Các phối cảnh khác nhau; xiên, song song và hình nón.
- Bản vẽ chuẩn:
- Ngôn ngữ vẽ kiến trúc; mật mã và quy ước của nó.

Nội dung:

Bài giảng về hình học phẳng, biến đổi, bản vẽ tiêu chuẩn.

Giờ thực hành: Một loạt các bài tập vẽ trên dây chuyền và dụng cụ. Các mô hình phát triển và quy mô được thể hiện trong các mặt bằng và độ cao.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Các tuần đầu tiên trải qua tất cả các phương pháp thể hiện: mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng và phối cảnh để chuẩn bị một phương pháp chuyên sâu liên quan đến việc giảng dạy dự án.

Tài liệu tham khảo:

- J. AUBERT, Axonométrie, Théorie, art et pratique des perspectives parallèles, Editions de la Villette, Paris.
- G. CALVAT, Perspectives coniques et axonométriques pas à pas, Eyrolles, Paris, 2000.
- F. CHING, Architectural graphics, Architectural Press, 1975.
- M. DELGADO YANES, E. REDONDO DOMINGUEZ, Le dessin d'architecture main levée, Eyrolles, Paris, 2005.
- J.P. DURAND, La représentation du projet, Editions de la Villette, Paris, 2003.
- J.P. JUNGMANN, Ombres et lumières, Editions de la Villette, Paris, 1995.
- J.C LUDI, La perspective pas à pas: Manuel de construction graphique de l'espace et tracé des ombres, Dunod, Paris, 2009.

- M. LAMPUGNANI, L'architecture du XXe siècle en dessins: utopie et réalité, Philippe Sers éditeur, Paris, 1982.
- M. ZELL, Curso de dibujo arquitectónico, Editorial Acanto, Barcelona, 2009.

The thể hiện kỹ thuật số 2

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1.5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học về CAO DAO trên phần mềm 2D và 3D.

Nội dung:

- Phần mềm 2D.
- Khám phá môi trường tin học.
- Học các công cụ vẽ, lập mặt bằng và tổ chức không gian làm việc.
- Phần mềm 3D.
- Học các chức năng cơ bản của phần mềm trong quy trình mô hình hóa, các hình thức đơn giản, sử dụng thư viện.

Phương thức đánh giá:

- Autocad.
- Thể hiện góc nhìn trực giao (mặt bằng, độ cao, lớp cắt) qua việc phân tích 1 tòa nhà.
- Phân tích số liệu.
- Tạo một khung đồ họa (cấu trúc, mội, vách ngăn, cửa, sàn nhà ...) thể hiện cho từng yếu tố ở thang 1.
- Công việc sẽ được thực hiện dưới dạng một kho lưu trữ tệp DWG trên máy chủ Revit.
- Phục hồi hình ảnh từ mẫu: Phân tích hình ảnh hỗ trợ.
- Mô hình không gian.
- Tìm điểm nhìn của bức ảnh.
- Khôi phục hình ảnh trong cấu trúc của nó (khung dây).
- Công việc sẽ được thực hiện dưới dạng tệp Revit theo cặp.

Tài liệu tham khảo:

- 'Basics, CAO/DAO' Ed.Birkhauser
- 'Basics, représentation graphique et dessin technique' Ed.Birkhauser

Nhà ở: Phương thức và lối sống

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Chuyên sâu nhằm mục đích đặt câu hỏi về mối quan hệ của cơ thể với không gian thông qua đồ nội thất và chính đồ nội thất như là một phần cấu thành của các tình huống và thiết bị kiến trúc. Nó tập hợp kiến thức, phương pháp và công cụ của khoa học xã hội và con người và nghệ thuật và kỹ thuật biểu diễn trong thiết kế dự án kiến trúc.

Nội dung:

Đồ nội thất là một đối tượng (hoặc một loạt các đối tượng) di động hoặc đồ nội thất được hiểu bởi các đặc điểm của nó: hình thức, chức năng, công thái học, vật chất, thẩm mỹ, phong cách; hiểu làm thế nào chúng trở thành các thành phần của chất lượng không gian. Nó có thể là đối tượng của một tài sản thừa kế, một món quà, một giao dịch hoặc trao đổi. Đây là bài kiểm tra về cử chỉ, các tư thế khác nhau của cơ thể và các tình huống (rút tiền, đồng hiện diện, tương tác...) mà điều quan trọng là phải đưa ra một tài khoản.

Phương thức đánh giá:

Nguyên mẫu đồ nội thất sẽ được đánh giá cùng với một ghi chú về ý định nhằm tóm tắt quá trình sản xuất, tính chất, tính chất và cách sử dụng đồ nội thất có liên quan đến bối cảnh và các vấn đề.

Khối lượng yêu cầu:

Sinh viên được thành lập các nhóm từ 4 đến 5 người trong nhóm dự án của riêng họ và thực hiện một công việc điều tra và kiểm kê.

Cuộc điều tra có thể được tiến hành trong một không gian kín, như bên trong một ngôi nhà, nhưng cũng ở bên ngoài khu vực tư nhân. Mục tiêu là để sinh viên đặt câu hỏi về ý nghĩa của không gian trong nước, để xem xét những gì bên trong có thể học được từ bên ngoài và ngược lại; Biết rằng hôm nay, sự thân mật, ngôi nhà cũng có thể tuôn ra, diễn ra bên ngoài.

Cuộc điều tra sẽ bao gồm quan sát, khảo sát, thu thập dữ liệu và tài liệu, bài đọc sẽ liên quan, phân tích và thảo luận.

Đồng thời, việc kiểm kê các thành phần và yếu tố quyết định của đồ nội thất, kết hợp với khám phá truyện tranh và nhiếp ảnh về tư thế, sẽ nuôi dưỡng các câu hỏi cá nhân, các nghiên cứu và thử nghiệm sắp tới. Việc lắp ráp này sẽ dẫn đến việc sản xuất một nguyên mẫu đồ nội thất quy mô nhỏ.

Tài liệu tham khảo:

- Bruno Zevi, Apprendre à voir l'architecture.
- Bruno Zevi, Le langage moderne de l'architecture.
- Le Corbusier, Le Modulor.

Lịch sử kiến trúc cảnh quan thế giới và Việt Nam 2

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Là một vấn đề xã hội lớn, đô thị hóa có xu hướng ngày càng nhiều và ngày càng mở rộng. Thành phố đã trở thành sản phẩm bá quyền của hiện tượng này. Sự nhầm lẫn về tương lai của nhân loại với tương lai thành phố đang trở thành hiện thực. Đặc tính chắc chắn không thể tránh khỏi của sự phát triển này củng cố ý tưởng thường được chấp nhận rằng xã hội cũng là một sản phẩm của thành phố ngược lại; thành phố là nơi có quyền lực, sự phát triển và kiến thức. Nhưng mỗi cư dân của nó cũng có một hình ảnh, được rèn giũa bởi kinh nghiệm của chúng.

Mục tiêu chính của chúng ta phần này là cho thấy, qua các thời đại, thành phố được nhận thức, được hiểu và được dịch bởi các nhà quan sát ó, những người thời đó và những người kế vị của chúng, cho dù họ đến từ thế giới triết học, chính trị, nghệ thuật hay khoa học. Bức tranh toàn cảnh này sẽ giúp chúng ta có thể thực hiện các biện pháp tiến hóa mà không làm ảnh hưởng đến vô số sự thật của đô thị trong suốt lịch sử, từ thời Cổ đại cho đến ngày nay.

Một lịch sử của thành phố không phải là lịch sử đô thị hóa. Lịch sử thành phố bao trùm tính toàn cầu của một hiện tượng trong khi lịch sử đô thị hóa chỉ nghiên cứu một chế độ hành động. Tuy nhiên, mục đích của nghiên cứu kiến trúc - hành động, chính xác - đòi hỏi chúng ta phải gọi lên những động lực thiết yếu, những lý thuyết chính và những thành tựu đáng chú ý của chủ nghĩa đô thị.

Nội dung:

- Giới thiệu mục tiêu và tổ chức khóa học
- Nhận thức và hiểu biết về thành phố

- *Lịch sử đô thị*

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Le Corbusier, *Vers une architecture*, Éditions Flammarion, 1995 (1923)

- Robert Venturi, *De l'ambiguïté en Architecture*, Paris, Dunod, 1999

- Kenneth Frampton, *L'architecture moderne. Une histoire critique*, Thames & Hudson, London 1985, 2006

Thực tập công nhân

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 90 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần thực tập này giúp sinh viên có cơ hội được làm việc trong hai tuần trên công trường: công trường xây dựng mới, phục hồi, phá hủy, trang trí, khai quật khảo cổ trong tất cả các loại hình công ty, trừ các công ty kiến trúc hoặc các tổ chức quản lý dự án khác.

Sinh viên là người quan sát công ty, phải làm quen với các phương thức tổ chức, quy định và các ràng buộc kinh tế và xã hội, quy tắc tạm thời chi phối tiến độ của một dự án. Sinh viên phải tìm hiểu cả về kỹ thuật, vật liệu, công cụ và bí quyết, các thủ tục liên quan đến sản xuất. Do tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến hành vi và tổ chức của một công trường, cần phải tập trung vào phân chia và phân công lao động, phân cấp nhiệm vụ, con người và kỹ năng, vai trò và trách nhiệm. tình trạng của các ngành nghề khác nhau....

Học phần Thực tập này là cơ hội để sinh viên áp dụng kiến thức đã được học trong một số học phần, đặc biệt là STA, SHS và các kỹ thuật thực hiện thông qua nhật ký hàng ngày.

Nội dung:

Hội thảo thực tập sẽ diễn ra dưới hình thức thuyết trình chung cho tất cả sinh viên về các vấn đề thực tập, lựa chọn công ty và cuộc sống tại công trường xây dựng. Các nhóm nhỏ hơn sẽ được tổ chức để thảo luận về các bước cần thực hiện để xin được thực tập, viết thư động lực và nhật ký hàng ngày, dựa trên các quan sát, nhận xét, và đề xuất. Sinh viên đặt câu hỏi, sử dụng các mô tả ngắn gọn và phác thảo để báo cáo quá trình này.

Phương thức đánh giá:

Sinh viên sẽ nộp nhật ký của mình, cùng với báo cáo về công ty và đánh giá cá nhân về quá trình thực tập.

Khối lượng yêu cầu:

Việc xác nhận thực tập sẽ được thực hiện sau khi kiểm tra và đánh giá sổ nhật ký. Sinh viên phải phân tích các công cụ để quản lý các chiến lược của hoạt động nhiệt liên quan đến việc sử dụng tòa nhà và chương trình bằng phương pháp thực nghiệm.

Tài liệu tham khảo:

- Jounin, N (2008) *chantier interdit au public - enquête parmi les travailleurs du bâtiment*, La découverte, Paris.

Nghệ thuật đương đại

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Cho phép sinh viên:

- Cuộc đối đầu giữa quy mô thực và quy mô thể hiện.
- Một sự hiểu biết về lối đi giữa không gian ba chiều và hai chiều và ngược lại.
- Tiếp thu kiến thức lịch sử và lý thuyết về nghệ thuật và kỹ thuật biểu diễn.
- Độ chính xác của quan sát và bồi thường tương xứng với các phương tiện được thực

hiện.

- Một sự tự do của trí tưởng tượng dựa trên các công cụ ủng hộ một biểu hiện cá nhân.
- Một cuộc thăm dò đối với các lĩnh vực mới: lĩnh vực, nghệ thuật hoặc kỹ thuật.

Nội dung:

Học kỳ được chia thành các nội dung khác nhau:

- Khởi đầu chuyên sâu về một chủ đề được chọn chung với các giáo viên dự án.
- Bài giảng liên quan và bổ sung với nền tảng lịch sử.
- Các nội dung khác là cầu nối qua một vài bài để sinh viên có thêm thời gian cho ưu

tiên của chúng.

Tuy nhiên, là bước đầu tiên, học vẽ nên cho phép tất cả sinh viên định vị trong không gian thông qua cách tiếp cận biểu diễn nhạy cảm của kiến trúc, thành phố, cảnh quan và sự hiện diện của con người trên thế giới, không gian thực.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Giai đoạn 1/Mỗi bài tập trong tuần sẽ được thực hiện cho tuần tiếp theo. Các chỉ dẫn đầu tiên là mang tính chất tập chung.

Giai đoạn 2/Mỗi sinh viên được phép làm việc tự do dựa trên lựa chọn trong buổi học trước kèm theo thư mục tóm tắt các giai đoạn của dự án với một số lưu ý quan trọng. Bản vẽ và các sản phẩm khác, máy tính xách tay, mô hình, tranh, ảnh, đồ họa máy tính, video... được đánh giá theo phẩm chất riêng của chúng cũng như sự tiến bộ của mỗi sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- « La civilisation de la Renaissance en Italie » Jacob Burckardt, première édition 1860

- « Histoire de l'art », Elie Faure, première édition 1909

- « Positif 200 » dessins de cinéastes, numéro spécial 200 201 202, 25ème anniversaire, 1977

- « Markus Reatz, Arbeiten/travaux/works », 1971-1981, Kunsthalle Basel & ARC, 1982-1983

- « Alberto Giacometti, le dessin à l'oeuvre », catalogue d'exposition, Gallimard & Centre Pompidou, 2001

- « Comme le rêve le dessin », catalogue d'exposition, Louvre & Centre Pompidou, 2005

- « Figures du corps », Une leçon d'anatomie à l'école des beaux-arts, Philippe Comar, ENSBA éditions, 2008

- « 99 clic + 1 », fotografie storie di incanti, ed. Fondo Giog - Anna Piras, 2009.

BTTH Nghệ thuật 2

| | | | | | |
|---------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 10 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 10 | Thi lại | Có |

Số tín chỉ 01

Mục tiêu môn học:

- Giúp sinh viên hiểu sâu hơn về sáng tạo nghệ thuật đương đại: nghệ sĩ, tác phẩm, bối cảnh, phê bình văn học, địa điểm và tin tức của triển lãm;
- Để tiếp cận công việc nghệ thuật theo các hướng thẩm mỹ, tư thế, lý thuyết, chủ đề, quá trình...
- Hiểu làm thế nào những tác phẩm này trở thành biểu tượng của thời đại, cách tư duy, cách thể hiện và cách trưng bày của tác phẩm;
- Kết nối lĩnh vực nghệ thuật với các ngành khác;
- Đặt ra câu hỏi về mối quan hệ giữa nghệ thuật và kiến trúc.

Nội dung:

Học phần này được xây dựng trên nguyên lý địa lý hơn là lịch sử, giúp sinh viên hiểu hơn về nghệ thuật, không theo trình tự thời gian mà theo không gian (quá khứ trong hiện tại). Sáng tạo đương đại không còn là trường học, phong trào, tiên phong mà theo các nguyên tắc của quần đảo và lai tạo. ... Mô-đun giúp sinh viên trau dồi kiến thức nghệ thuật và lý thuyết, suy nghĩ về việc sản xuất của thời hiện tại, tự đặt câu hỏi về tính đặc thù của cái nhìn nghệ thuật và cụ thể hơn về hoạt động của các tác phẩm nghệ thuật (tượng trưng, khái niệm, thẩm mỹ và thi pháp).

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Ghi chép bài giảng, phác thảo hình ảnh của các tác phẩm được trình bày và bổ sung bằng nghiên cứu cá nhân và phân tích các tác phẩm.

Tài liệu tham khảo:

- « Alberto Giacometti, le dessin à l'oeuvre », catalogue d'exposition, Gallimard & Centre Pompidou, 2001
- « Comme le rêve le dessin », catalogue d'exposition, Louvre & Centre Pompidou, 2005
- « Figures du corps », Une leçon d'anatomie à l'école des beaux-arts, Philippe Comar, ENSBA éditions, 2008
- « 99 clic + 1 », fotografie storie di incanti, ed. Fondo Giog - Anna Piras, 2009.

Vật liệu xây dựng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 10 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 10 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Phát triển kiến thức về vật liệu và cấu trúc nhỏ.
- Tiếp thu mang tính xây dựng hợp lý, là cầu nối giữa thiết kế kết cấu trực quan và cách tiếp cận khoa học, bằng cách giải thích và phân tích các khái niệm cơ bản về khả năng chịu lực của vật liệu và ứng dụng của chúng trong các cấu trúc của các tấm gỗ nhỏ bằng thép và thép.

Nội dung:

Các hình thức cấu trúc: phân tích các ví dụ trong không gian báo cáo/cấu trúc/hình thức và vật liệu, liên quan đến không gian dự kiến và các giải pháp kỹ thuật được thực hiện, mối quan hệ với vỏ bao che công trình.

Phương thức đánh giá:

- Bài tập về chịu lực, thử nghiệm và chế tạo (mô hình), bài tập phân tích cá nhân.
- Phân tích các tòa nhà nhỏ (chiều ngang và chiều dọc).
- Bài tập trên một tòa nhà nhỏ từ bản tính hoặc phần mềm đơn giản.
- Bài tập kết thúc môn: bố trí cấu trúc của một tòa nhà nhỏ (100 đến 150 m²) có chiều cao 5 đến 6 m, mối quan hệ với độ dốc, lắp ráp và che phủ.

Tài liệu tham khảo:

- Building const illustrated Francis D.K Ching,éd Van Nostrand Rheinhold
- Structure et Architecture Mario Salvadori, éd Eyrolles 1975
- Architectural Design,Karl Bovill,Ed Van Nostrand Rheinhold
- Structure Acier,Hart,Heinz & Sontag,Ed Publimétal 1982
- Les systèmes structurels, Heino Engel
- Light Stytructures Jörg Schaich rudolf Bergermann
- L'acier dans la constrution éd Le Moniteur.

BTTH Vật liệu xây dựng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L01 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S02 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 01 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Hiểu hệ thống xây dựng cơ bản
- Tìm hiểu để liên kết các hình thức kiến trúc với các cấu trúc và vật liệu.
- Nhận diện được các nguyên liệu chính: gạch, đá, gỗ, thép, bê tông ... và chức năng của chúng.

Nội dung:

Các chủ đề về các loại vật liệu khác nhau. Đối với mỗi chủ đề này, việc thu thập kiến thức dựa trên khảo sát, dựng mô hình và phân tích.

Phương thức đánh giá:

- SV được đánh giá liên tục và mỗi chủ đề và khảo sát kiến trúc đều được ghi lại.
- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Sinh viên được làm bài tập xưởng (2 giờ được giám sát và 2 giờ tự học). Mỗi chủ đề được trình bày vào đầu tiết học.

Tài liệu tham khảo:

- Structure Acier,Hart,Heinz & Sontag,Ed Publimétal 1982
- Les systèmes structurels, Heino Engel
- Light Stytructures Jörg Schaich rudolf Bergermann
- L'acier dans la constrution éd Le Moniteur.

Đồ án: Không gian công cộng và trang thiết bị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Trả lời câu hỏi về vị trí và vai trò của kiến trúc trong việc hình thành thành phố đương đại.

- Học cách xác định quy mô không gian và thời gian cụ thể.
- Học cách đặt bản thân vào kiến trúc và các tác nhân, các công cụ và phương pháp can thiệp vào kiến trúc và đô thị. Câu hỏi này sẽ dựa trên cách tiếp cận dự án.

Nội dung:

Đồ án này cho phép xác minh, trong bối cảnh đô thị cụ thể, khả năng sinh viên nắm vững các vấn đề về phân phối, sử dụng và xây dựng môi trường sống. Sinh viên đặt câu hỏi dựa trên các điều kiện sản xuất hiện tại và dựa trên quan điểm lý thuyết hợp lý cho từng đồ án. Cách tiếp cận này nhằm mục đích xác định và khám phá các loại không gian và xây dựng có liên quan đến bối cảnh đô thị. Khả năng hình thành của chúng, ngày hôm qua và/hoặc hôm nay, một mô đất đô thị (lô, buro kiện, tòa nhà ...) được xác minh và đối mặt với dữ liệu "trừu tượng" hơn về mật độ, kích thước, hỗn hợp ...

Để thực hiện "dự án kiến trúc" của mình, mỗi sinh viên "kế thừa" và tạo ra các công cụ ít nhiều ràng buộc (phân tích bản đồ, PLU, PLH, lược đồ mục tiêu, tập sách thông số kỹ thuật ...) đề cập đến logic của các tác nhân khác nhau (chính trị gia, nhà phát triển, kỹ thuật viên, chủ sở hữu tòa nhà, quản lý dự án, người dùng ...). Sinh viên xem lại bài đọc quan trọng về các công cụ này, đặc biệt là về các định hướng kiến trúc và đô thị để làm cơ sở cho việc khai thác.

Thiết kế của một nhóm các yếu tố được xây dựng có ý nghĩa giúp đánh giá mối quan hệ giữa kiến trúc và không gian công cộng, sự phong phú tiềm năng của các mối quan hệ và sự tự chủ tương đối của cái này đối với cái kia. Tiềm năng của sự tương ứng của các hình thức kiến trúc, ít nhiều đơn lẻ, và đô thị, hình thức tập thể, được đặt dưới nhiều thang đo. Tiềm năng này đòi hỏi phải làm rõ trạng thái của các không gian, ranh giới giữa công cộng và riêng tư, tương ứng với các chiều không gian...

Mối quan hệ với các môn khác: Quá trình thiết kế được hỗ trợ trong quá trình phát triển giờ học lý thuyết và giờ thực hành liên quan cho tất cả sinh viên năm thứ 3 trong học kỳ thứ hai. Studio, giờ học và giờ thực hành liên quan là nơi trao đổi kiến thức và các cuộc phản biện.

Phương thức đánh giá:

Đánh giá theo kỳ dựa trên các tiêu chí:

- Điểm đánh giá trên lớp (đi học đầy đủ và tham gia tích cực) 60%
- Điểm bảo vệ đồ án 40%

Hội đồng chấm thi đưa ra điểm cuối cùng dựa trên: tập hợp các điểm thành phần; thuyết trình; các yếu tố thể hiện; điểm phương pháp.

Giai đoạn chẩn đoán, hội thảo trung gian phối hợp với các nhóm dự án khác.

Hội đồng cuối cùng: chia sẻ với ba nhóm dự án khác của đơn vị giảng dạy "vẽ, cắt, xây".

Tài liệu tham khảo:

- Rice, P. (1998). « Les mémoires d'un ingénieur ». Paris: Le Moniteur.
- Vittone, R., (). « Bâtir ». Lausanne, PPUR
- Schlaich, J., Bergemann, R. (2003). « Light Structures Leicht Weit ». München: Prestel Verlag.

- Muttoni, A. (2004). « L'art des structures ». Lausanne: PPUR

Vật lý xây dựng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Môn học không chỉ giới thiệu các học phần tiếp theo liên quan đến các lĩnh vực Khoa học và Công nghệ cho kiến trúc bằng cách nhấn mạnh các cấu trúc ánh sáng mà còn đưa ra một loạt các khái niệm giúp nắm bắt các thực tiễn xây dựng và đánh giá mức độ đảo ngược của chúng.

Nội dung:

Một mặt, học phần trình bày các cơ sở cơ học của các cấu trúc cho phép tiếp cận thử nghiệm từ quan điểm tối ưu hóa tài nguyên và mặt khác các khái niệm vật lý đặc biệt liên quan đến năng lượng theo các nghĩa khác nhau đi kèm được tiến hành song song với bài tập thực hành cho phép khám phá thử nghiệm tối ưu hóa các cấu trúc.

Phương thức đánh giá:

- Kiểm tra vào cuối học kỳ.
- Đánh giá các báo cáo và các buổi biểu diễn vào cuối mỗi giờ làm bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Trong các buổi thực hành, các sinh viên thực hiện các mô hình thử nghiệm tại chỗ, hoàn thành chúng ở nhà và trình bày chúng vào tuần sau đó.

Tại mỗi giờ học, sinh viên được yêu cầu mang theo một tệp nhỏ chứa tài liệu tham khảo, đặc điểm và hiệu suất của các mô hình thử nghiệm.

Tài liệu tham khảo:

- D'arcy Thomson, A.W. (1917). « On growth and form ». London, Cambridge U.P.
- Dumesnil,G., Lifermann,J. (1957). « Physique: Relation d'Einstein ». Paris:Istra.
- Mimram,M.(1983). « Structures et formes ».Paris:Bordas
- Studer,M.A., Fry,F. (1997). « Introduction à l'analyse des structures ». Lausanne: PPUR

- Rice,P. (1998). « Les mémoires d'un ingénieur ».Paris:Le Moniteur.
- Vittone,R., (). « Bâtir ». Lausanne, PPUR
- Schlaich, J., Bergemann, R. (2003). « Light Structures Leicht Weit ». Munchen:Prestel Verlag.
- Muttoni, A. (2004). « L'art des structures ». Lausanne: PPUR
- Groupe Énergie, Société Française de Physique. (2005).« L'Énergie de demain ».Les Ulis: EDP sciences
- Meistermann,A. (2007). « Systèmes porteurs ». Basel:Birkhauser Verlag AG
- Salvatori, M. (2009) « Pourquoi ça tombe ». Paris: Ed. Parenthèses
- Fleury,F.,Mouterde,R. (2010). « Comprendre simplement la Rdm ».Paris:Le Moniteur

BTTH Năng lượng, ánh sáng và âm học

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần này giới thiệu về phương pháp tiếp cận môi trường, sinh viên sẽ hiểu cơ sở cơ bản liên quan đến vật lý của tòa nhà. Mục đích nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm phức tạp liên quan đến sản xuất và kiểm soát khí quyển (nhiệt, ánh sáng và âm thanh), để tích hợp các kích thước thiết yếu của kiến trúc, như vật lý về xây dựng, nhận thức hợp lý và chất lượng sử dụng.

Sinh viên hiểu được các hiện tượng điều chỉnh mối quan hệ giữa kiến trúc, con người và môi trường, để học cách thiết kế các điều kiện vật lý, vật liệu và kỹ thuật là cơ sở của kiểm soát môi trường của dự án kiến trúc.

Phần lý thuyết, dựa trên sự tương tác của các khía cạnh định lượng và định tính, được hỗ trợ bởi một thực tiễn của loại thực nghiệm kết hợp với các công cụ phân tích, kiểm soát và mô phỏng các môi trường, thử nghiệm và biểu diễn các hiện tượng được nêu trong bài giảng.

Nội dung:

Giới thiệu và những thách thức của việc tích hợp năng lượng vào thiết kế kiến trúc/công trình tham khảo/dữ liệu khí hậu. Các yếu tố được tích hợp bao gồm Ánh sáng tự nhiên và nhân tạo, Nhiệt (Chiến lược nhiệt của con người/khái niệm về tiện nghi nhiệt...), Âm thanh/tiếng ồn/tiếng ồn: cơ sở vật lý và tâm lý.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Học lý thuyết - dựa trên sự tương tác của các khía cạnh định lượng và định tính liên quan đến sự thoải mái về ánh sáng, nhiệt và âm thanh - được hỗ trợ bởi một loại thực nghiệm và thể hiện của các hiện tượng được nêu trong bài giảng.

Dựa trên một bài tập phân tích theo chủ đề của các tòa nhà hiện có, việc học các khái niệm lý thuyết liên quan đến việc liên kết kiến thức khoa học có được, với việc nghiên cứu các biểu tượng của khí quyển được tạo ra trong quá trình thiết kế kiến trúc và thí nghiệm các hiện tượng vật lý được phân tích. Việc sử dụng kết quả thực nghiệm thông qua thiết bị kiến trúc trở nên cần thiết để hiểu một cách trực quan các khái niệm phức tạp bằng cách đặt câu hỏi cho sinh viên một cách cụ thể.

Tài liệu tham khảo:

- J p Ledantec: textes essentiels
- JBJ Jackson: A la découverte du paysage vernaculaire A Roger: courttraite du paysage
- A Bercque: 5 propositions pour une théorie du paysage
- C Norbert Schultz: Genuis loci, paysage, ambiance, architecture

Lý thuyết về không gian công cộng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 20 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 20 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần lý thuyết này liên kết chặt chẽ với bài tập xưởng, giúp sinh viên hiểu một số khái niệm về mối quan hệ giữa kiến trúc, thiên nhiên và không gian công cộng. Mỗi giảng viên giảng dạy 1 phần trong học phần này.

Nội dung:

- Cảnh quan ;
- Sinh thái của tòa nhà ;
- Kiến trúc và khả năng đảo ngược ;
- Kiến trúc và thiên nhiên.

Phương thức đánh giá:

Bài thi viết.

Tài liệu tham khảo:

- Alvar Aalto, monographie

- Luis Barragan, monographie
- Glen Murcutt, monographie
- Lacaton/Vassal, monographie
- Alvaro Siza, monographie
- Le Grand Pari(s), consultation internationale sur l'avenir de la métropole parisienne

Seine

- Métropole de l'équipe Grumbach et associés
- J p Ledantec: textes essentiels
- JBJ Jackson: A la découverte du paysage vernaculaire A Roger: courtraite du paysage
- A Bercque: 5 propositions pour une théorie du paysage
- C Norbert Schultz: Genuis loci, paysage, ambiance, architecture

Cơ sở văn hóa Việt Nam

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hoá.

Nội dung:

Cơ sở văn hóa Việt Nam theo vùng miền cùng với sự phân bố của các nhóm dân tộc thiểu số, văn hóa tổ chức làng xã, nghiên cứu về phong thủy và cấu trúc không gian.

Phương thức đánh giá:

Bài thi viết.

Tài liệu tham khảo:

Cơ sở văn hóa Việt Nam, Trần Quốc Vượng, NXB Giáo dục, 2006.

Nhập môn Pháp luật xây dựng

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 01 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu và thực tập, vận dụng pháp luật xây dựng trong quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị.

Nội dung:

Học phần này có vai trò cung cấp các kiến thức cơ sở về pháp luật xây dựng cho sinh viên. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống Pháp luật Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu một cách có hệ thống về quy trình pháp lý cần thiết khi tiến hành các hoạt động xây dựng.

Kiến thức của chúng phần giúp sinh viên hoàn thành các nội dung khác của chương trình đào tạo, từ việc tra cứu, đối chiếu, so sánh đến việc áp dụng, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật để làm bài tập, đồ án thiết kế, nghiên cứu khoa học trong quá trình học cũng như hoạt động xây dựng trong thực tiễn.

Phương thức đánh giá:

Hình thức đánh giá học phần:

+ Tự luận: ☒

- + Trắc nghiệm: □
- + Hình thức khác: □
- Điểm kết thúc học phần: 100%

Điểm quá trình:

- + Điểm chuyên cần (Trọng số): 8%
- + Các nội dung kiểm tra trong quá trình thực tập: 12%
(Kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn, tiểu luận.....)
- Điểm thi kết thúc học phần: 80%

Tài liệu tham khảo:

Luật xây dựng - quy định chi tiết về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Quang Minh, NXB Lao động, 2016.

BTTH Diễn họa bản đồ

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 3 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Hiện nay, việc giảng dạy thiết kế là trung tâm của thực hành sư phạm của trường Kiến trúc Quốc Gia Normandie. Trường đã đồng ý với một sự chú ý đặc biệt về mối quan hệ giữa đô thị, kiến trúc, lịch sử, khoa học nhân văn và cuối cùng là mối quan hệ giữa cấu trúc và thiết kế.

Để tiếp nối một cách logic việc giảng dạy của chúng ta từ đầu tiên, việc giảng dạy ở học kỳ thứ hai sẽ được tổ chức, đến mức sinh viên so với sự phức tạp của thiết kế, thông qua những công việc đã được định hướng về sự e sợ không gian, về sự xây dựng không gian kể từ những bài thực hành và những thiết kế trong bối cảnh.

Được nâng đỡ chủ yếu dựa trên những môn học giới thiệu về các vấn đề lý thuyết, không những bao gồm các chủ đề luôn luôn được gắn liền với giảng dạy thiết kế mà còn là nhịp cầu nuôi dưỡng công việc giảng dạy về lịch sử, nghệ thuật plastic, xã hội học, thể hiện và xây dựng, sinh viên năm nhất có thể và phải.

Do đó, việc giảng dạy năm đầu tiên phải giúp sinh viên:

- có được một phương pháp làm việc,
- nắm vững các công cụ vẽ, (mặt bằng, cắt, phác họa phối cảnh) và mô hình.
- hiểu các tình trạng và các tài liệu tham khảo thông qua việc phân tích,
- Tìm hiểu làm thế nào để bắt đầu quá trình nghiên cứu cần thiết cho sự phát triển của một dự án.

Nội dung:

Trong suốt học kỳ, các bài tập được đề xuất (3 hoặc 4 bài tập) sẽ là hỗ trợ thiết yếu cho việc học này. Ngoài ra, hỗ trợ thư mục, tham quan các tòa nhà và các quần thể đô thị đáng chú ý sẽ thúc đẩy sự nhiệt huyết mà sinh viên cần có. Cuối cùng, mỗi bài tập dựa trên các chủ đề được đề cập trong môn học giới thiệu về các vấn đề lý thuyết và được củng cố bởi các hướng dẫn liên quan được giám sát bởi các giáo viên của Dự án Kiến trúc và các lĩnh vực khác (khoa học nhân văn và xây dựng).

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Pouillon Fernand, Les pierres sauvages, Les Editions du Seuil, 1964
- Lynch Kevin, The Image of the City, MIT Press, 1961. L'image de la cité, Dunod, Paris, 1966
- Baudrillard Jean, Le système des objets, 1968
- Kahn Louis, Silence et lumière, éd. du Linteau, 1969
- Barthes Roland, Sémiologie et urbanisme, dans L'architecture d'aujourd'hui, n° 53, 1970 - janvier 1971

BTHH Xây dựng 2

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S03 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 3 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Đó là một câu hỏi về tiếp cận xây dựng như là một sự phản ánh không thể tách rời của phương pháp tiếp cận dự án. TD này dựa trên bài tập dự án của đơn vị giảng dạy Architecture 2. Cấu trúc, vật liệu, kích thước được tiếp cận khi có rất nhiều đối tượng phản ánh đến để duy trì và đặt câu hỏi cho dự án.

Nội dung:

Câu hỏi đầu tiên được giải quyết song song với hai cái nhìn bổ sung, cái gì mang lại cho dự án về mặt kiến trúc và cái gì mang lại cho dự án một cách xây dựng. Từ quan điểm xây dựng, sàn và mái dựa trên các yếu tố mang, (tường, cột và dầm, hoặc kết hợp cả hai)?

Câu hỏi thứ hai, "vật liệu nào?", Phát huy kiến thức thu được trong xây dựng trong học kỳ xoay quanh chủ đề "vật liệu, hình thức, cấu trúc.

Vấn đề không phải là đặt các bài đăng để làm cho dự án mang tính xây dựng, mà là tìm ra các yếu tố thiết yếu xác định không gian có thể là hệ thống. Và trong mọi trường hợp, hãy tìm một nguyên tắc đáp ứng công bằng nhất cho cả câu hỏi về không gian và vấn đề xây dựng.

Đối với dự án nhỏ này, các giải pháp mang tính xây dựng được đưa ra rất đơn giản và cơ bản.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Khoa học và kỹ thuật cho kiến trúc
- Kiến thức về vật liệu
- Kiến thức về kết cấu
- Kỹ thuật xây dựng
- Kỹ thuật dân dụng

Đồ án Kiến trúc không gian nông thôn và di sản

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Mục đích của module này là giới thiệu cho sinh viên về văn hóa môi trường thông qua sự nhạy cảm. Theo "văn hóa", đó là để nghe, không phải là sự tích hợp của các ràng buộc,

mà là sự phát triển của một "cư dân". Thiết kế kiến trúc tương tác với môi trường tự nhiên trở thành một phương tiện để đề xuất tích hợp các vấn đề môi trường.

Nội dung:

Bài tập xưởng được giám sát hướng dẫn bởi 2 giáo viên gồm một kiến trúc sư và một kiến trúc sư cảnh quan. Điều này cho phép sinh viên kết hợp kiến thức của hai ngành này và các khái niệm liên quan đến môi trường tự nhiên. Từ nửa sau của các giờ học, giờ thực hành 'vật chất' liên quan đến cách tiếp cận môi trường từ quan điểm kỹ thuật.

Phương thức đánh giá:

Sinh viên bắt buộc phải đến học và làm bài tại xưởng, phải trình bày tập thể và cá nhân hàng tuần, và trình trước hội đồng chấm thi các báo cáo đã thực hiện.

Khối lượng yêu cầu:

In bài trên giấy A0 (tập thể) + 3 AO theo cặp + mô hình.

Tài liệu tham khảo:

- AMC, Le Grand Pari(s), consultation internationale sur l'avenir de la métropole parisienne, ED. Le Moniteur, Paris, 2009 Berque Augustin, Être humains sur la terre, Ed. Gallimard, Paris, 1996
- Blanc Nathalie, Vers une esthétique environnementale, Ed. Quae, Paris, 2008 Dardel Eric, L'homme et la terre, Ed du CTHS, Paris, 1990
- Geipel Finn, Grand Paris/Métropole douce, Ed. Jeanmichelplace, Paris, 2009 Grumbach Antoine, Seine Métropole, Ed. ENSAPB, Paris, 2009
- Jackson John Brinckerhoff, A la découverte du paysage vernaculaire, Ed Actes Sud, Arles, 2003
- Nouvel Jean, naissances et renaissances de mille et un bonheurs parisiens, Ed. du mont-baron, Paris, 2009 Worster Donald, Les pionniers de l'écologie, Ed. Sang de la Terre, Paris, 2009.

Workshop S04: Khoa học và kỹ thuật trong kiến trúc

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 30 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 3 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Cung cấp cho sinh viên phương pháp thu thập dữ liệu thực địa, nhận diện cảnh quan, phát hiện vấn đề nghiên cứu và xây dựng nhiệm vụ thiết kế và các ý tưởng sơ bộ trong khoảng thời gian ngắn.

Nội dung:

Bài tập thiết kế Khoa học và kỹ thuật trong kiến trúc thực hiện trên thực địa được thực hiện trong vòng 1 tuần tại một đô thị ở Việt Nam. Bài tập được nghiên cứu về các vấn đề về Khoa học và kỹ thuật trong kiến trúc tại khu vực nghiên cứu thông qua các phương pháp nhận diện Kiến trúc và tiếp cận từ khảo sát điền dã.

Thực hiện bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Tham dự đầy đủ chuyến đi, thực hành và nộp bài theo quy định.

Bài tập được thực hiện và đánh giá theo từng cá nhân.

Mỗi cá nhân cần chuẩn bị một cuốn sổ tay khổ A4 ghi chép thực địa và các thông tin phỏng vấn thu nhận được.

Tổng thể cuốn sổ tay cần có hình thức như một cuốn nhật ký ghi chép cảnh quan, chứa đựng và phân tích những thông tin, các dữ liệu để có thể hình thành các ý tưởng, thậm chí sổ tay cũng có thể bao gồm những ký họa nhanh về ý tưởng đối với khu vực nghiên cứu

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng mặt.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- « La Maison sur mesure » Dominique Rabin, Ed. Le Moniteur, Janvier 2009.

- « Croquis d'architectes » Ed Place Victoires, 18 septembre 2008

- « Penser l'Architecture » Peter Zumthor

- « Construire une maison » Jack London

- https://www.youtube.com/results?search_query=architecture

- <http://www.archilovers.com>

Nhà ở nông thôn

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Thực hiện đồ án thông qua các lý thuyết, học thuyết và thành tựu đã đánh dấu lịch sử của nhà ở xã hội và cụ thể hơn là nhà ở nông thôn.

Nội dung:

Học phần này tập trung vào việc trình bày các cột mốc biểu tượng trong lịch sử kiến trúc nhà ở nông thôn bằng cách liên kết các hình thức kiến trúc và đô thị với các điều kiện sản xuất (lựa chọn chính trị, tình hình kinh tế và xã hội, đổi mới kỹ thuật, tranh luận lý thuyết, chính trị ...) để vẽ một bức tranh dễ hiểu nhất có thể về sự tiến hóa này.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

Christian Lassure, Bibliographie d'architecture rurale et parler ethno-sociologique (Ethno-sociological parlance in the literature on rural architecture)

ANTOINE, Annie (dir.). La maison rurale en pays d'habitat dispersé : de l'Antiquité au XXe siècle. Nouvelle édition [en ligne]. Rennes : Presses universitaires de Rennes, 2005 (généré le 28 août 2019).

Kỹ thuật nông nghiệp

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Mô-đun của chúng ta kỳ 4 được xây dựng từ ba mục tiêu:

• đào sâu kiến thức về các lãnh thổ đương đại đang trải qua sự thay đổi và trong đó mối quan hệ giữa thành phố và quốc gia không ngừng phát triển.

• để xác định các vấn đề gây ra sự biến đổi tại nơi làm việc ở những vùng lãnh thổ này và để xác định một tư thế hành động cá nhân.

• hiểu các phương thức can thiệp dựa trên quy mô và chủ đề của các hành động khác nhau.

Mục đích của mô-đun này là cung cấp cho sinh viên các công cụ để hiểu các loại lãnh thổ đương đại khác nhau mà họ sẽ cần phải làm việc ở các quy mô khác nhau.

Nội dung:

Các hướng dẫn của bài tập này được chia thành hai giai đoạn.

- Lúc đầu, tìm hiểu những thay đổi trên lãnh thổ.

Đó là tìm hiểu về các cấu trúc được xây dựng và tự nhiên cấu thành nên chúng, mối quan hệ với khu đất nghiên cứu, các bố cục và mạng lưới khác nhau, lịch sử và/hoặc các chính sách có nguồn gốc từ hiến pháp của chúng.

- Trong bước thứ hai, sau khi biết cấu trúc và chức năng của việc thay đổi các ngành và xác định tư thế hành động cá nhân trong lãnh thổ này, đó là một câu hỏi về việc xác định và minh họa các tình huống khác nhau kêu gọi can thiệp không gian.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Boudon Philippe, Sur l'espace architectural, Editions Parenthèses, 1976

- Calvino Italo, Le città invisibili, Einaudi, Turino, 1972. Les villes invisibles, Les Editions du Seuil, Paris, 1974

- Percey Georges, Espèces d'espaces, Editions Galilée, 1974

- Venturi Robert, De l'ambiguïté en architecture, Edition Dunod, Paris 1976

Thực tập chủ nhiệm công trình

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 25 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 150 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần thực tập này có các điểm mạnh sau:

- Sinh viên được làm việc nhóm trong đó mỗi người có vai trò được xác định rõ trong cơ quan;

- Có trách nhiệm đảm nhận một nhiệm vụ ở cấp độ lý thuyết và thực tiễn;

- Có trách nhiệm so sánh công việc ở nơi thực tập với kiến thức đã được học. Sinh viên có thể phân tích và làm các công việc liên quan đến chuyên môn tương lai của chúng.

Nội dung:

Sinh viên sử dụng dữ liệu đã có của mình để viết báo cáo thực tập.

Phương thức đánh giá:

Báo cáo thực tập có xác nhận của đơn vị tiếp nhận thực tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

BTTH Nghệ thuật và kiến trúc

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 02 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Câu hỏi chủ đề phổ biến cho nghệ thuật và kiến trúc:

. Thử nghiệm hình thành nghệ thuật ứng dụng;

. Tiếp cận các phương pháp xây dựng ý tưởng và thực hiện;

. Đề sáng tác với các không gian khác nhau của tác phẩm;

. Đối mặt với công việc với một bối cảnh thực tế hiện có;

- . Phát triển thẩm mỹ cá nhân;
- . Tìm kiếm làm thế nào công việc này là một biểu hiện của thời gian, suy nghĩ và trí tưởng tượng;
- . Khám phá một số phương tiện: cài đặt, hiệu suất, nhiếp ảnh, quay phim và kỹ thuật số.

Nội dung:

Thiết kế và hiện thực hóa là đa phương tiện và cho phép khám phá cài đặt hoặc hiệu suất, chụp ảnh hoặc kỹ thuật số... Không có thực hành hoặc phương tiện được đặc quyền. Các lựa chọn được thực hiện theo vấn đề của sinh viên.

Dưới ánh sáng phản chiếu trên các không gian của tác phẩm (không gian nhựa, không gian triển lãm và không gian khán giả), sinh viên sẽ trình bày đề xuất của mình tại chỗ, nghĩa là sắp xếp ở một nơi trưng. Nó sẽ là một cuộc đối thoại với các thành phần hình thái, chức năng, ngữ nghĩa, nhựa và ngữ cảnh của các không gian hiện có và đặt câu hỏi về sự tu hành, lần thứ hai của tất cả các sáng tạo.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

- Tham khảo (văn bản + lý thuyết + công trình);
- Các vấn đề về khái niệm, bối cảnh, thẩm mỹ và kỹ thuật;

Tài liệu tham khảo:

- « Histoire de l'art », Elie Faure, première édition 1909
- « Positif 200 » dessins de cinéastes, numéro spécial 200 201 202, 25ème anniversaire, 1977
- « Markus Reatz, Arbeiten/travaux/works », 1971-1981, Kunsthalle Basel & ARC, 1982-1983

Kỹ thuật xây dựng và môi trường

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 10 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 10 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 2 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Sự hiểu biết tốt về 3 loại xây dựng chính. Các mục tiêu thiết yếu là:

- xác định danh tính, tính đặc thù của từng loại này;
- hiểu các liên kết, tương tác và bổ sung của chúng theo các địa điểm xây dựng;
- nghiên cứu và thiết kế các nguyên tắc chức năng của tình huống ngữ cảnh;
- hiểu mối quan hệ giữa chất lượng không gian, hình thức và vật liệu;
- tiếp cận cụ thể và chỉ định các vật liệu cấu thành.

Nội dung:

Các khóa học được giảng dạy tại EU này xuất hiện từ các chủ đề khác nhau.

Đây là một cách tiếp cận phân tích cho các kỹ thuật xây dựng và liên kết của chúng với không gian được xây dựng, để hiểu làm thế nào một nơi, một vấn đề, một bí quyết xen kẽ tạo thành một không gian của cuộc sống bằng cách đọc các kiến trúc đáng chú ý, chẳng hạn như nhà của các kiến trúc sư đáng chú ý, sinh viên được yêu cầu phá vỡ chủ đề nghiên cứu.

Phương thức đánh giá:

Lợi ích mong đợi:

- Mô hình cấu trúc sơ cấp và thứ cấp đến 1/50.
- Mô hình chi tiết của các kết nối (1/20 - 1/5).

Kết xuất sổ ghi chép:

- Sơ đồ cấu trúc tổng thể thể hiện cho cấu trúc sơ cấp và thứ cấp và các yếu tố ổn định (giằng tường, sàn và mái) và các liên kết để vẽ chi tiết.

- Hình ảnh của các mô hình nghiên cứu và chi tiết chú thích và nhận xét với truyền thuyết rõ ràng và từ vựng chính xác.

- Phân tích các vật liệu chính

Tiêu chí đánh giá

- Mức độ tiếp thu kiến thức cụ thể cho từng khóa học.
- Sự nghiêm ngặt trong việc trình bày, phương pháp tiếp cận và tổ chức bồi thường.
- Sự liên quan, chính xác, ngắn gọn của các đề xuất.
- Chất lượng đồ họa, dễ đọc của thể hiện.

Tài liệu tham khảo:

- Discipline
- Sciences et techniques pour l'architecture

BTTH Kỹ thuật xây dựng và môi trường

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L02 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S04 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Từ nguồn gốc của ý tưởng đến yếu tố được xây dựng.

Phát triển một ý nghĩ mang tính xây dựng trong ý nghĩa của nó và ứng dụng của nó trong và cho dự án kiến trúc, theo một định nghĩa và sự phù hợp sáng tạo của phần xây dựng trong một cấu trúc có vấn đề của chất thải trung bình/vật liệu/chống thấm và chất lượng môi trường.

Nội dung:

- Nghiên cứu và phân tích cấu trúc của lưã trung bình và lớn.
- Kiến thức chuyên sâu về vật liệu kết cấu.
- Các vật liệu và sự đa dạng của chúng tác động đến môi trường.
- Sự ổn định, mối quan hệ của quy mô giữa không gian và cấu trúc, bên xây dựng.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Bài tập về chịu lực, thí nghiệm và chế tạo mô hình để tạo ra mô hình cấu trúc cắt ngang 1 m kết hợp độ sáng và hiệu suất cơ học, thử nghiệm va chạm với phân tích hiện tượng, mô hình máy tính với phần mềm kết cấu thích nghi, so sánh (chuyên sâu hơn 2 ngày và theo sau).

Tài liệu tham khảo:

- Building const illustrated Francis D.K Ching,éd Van Nostrand Rheinhold
- Structure et Architecture Mario Salvadori, éd Eyrolles 1975
- Architectural Design,Karl Bovill,Ed Van Nostrand Rheinhold
- Structure Acier,Hart,Heinz & Sontag,Ed Publimétal 1982,
- Les systèmes structurels, Heino Engel

- Light Structures Jörg Schaich rudolf Bergermann
- L'acier dans la construction éd Le Moniteur
- Construire en bois 1 Karl-Heinz Götz, Didier Hoor, Karl Mølher et Julius Natterer 1987
- Construire en bois 2 Julius Natterer, Thomas Herzog, Michaël Volz, 1993
- Séquences Bois et Détails Bois, éd CNDB
- L'art de l'Ingénieur sous la Direction d'Antoine Picon, éd centre Georges Pompidou
- Les Cahiers Techniques du Bâtiment, éd Documentation Française du Bâtiment
- Structure et Matériau, l'explication mécanique des formes, J.E Gordon, éd Belin
- Construire en Béton, René Walter, Presses Polytechniques Romandes
- Construire avec les Bétons, sous la Direction de Cimbéton, éd Le Moniteur
- Construction Moderne, éd Cimbéton
- Structure and architectural design, Philipp A. Corwill, Homer I. Puderbaugh, H Keith Sauyers University of Nebraska
- Revues d'architecture et de détails
- Architecture, Engineering and Environment D. Hawkes and W. Forster
- Architectures Durables P. Lefevre, Edisud

Đồ án: Kiến trúc trong đô thị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Các kiến trúc sư tích cực tham gia vào việc xây dựng của các thành phố. Họ thậm chí là những nhân tố quan trọng trong quy hoạch đô thị kể từ khi ngành học này ra đời. Tuy nhiên, trên thực tế, kiến trúc sư không phải nhà quy hoạch đô thị. Và, như Gaston Bardet đã nói gây tranh cãi, nhà quy hoạch đô thị không cần phải chứng minh cách làm của kiến trúc sư vì công việc của anh ta trước tiên là biết nơi nào không xây dựng. Thiết kế và tiến hành dự án đô thị đòi hỏi phải học và nắm vững kiến thức cụ thể, vốn từ vựng phù hợp, các công cụ cụ thể và phương pháp phù hợp.

Nội dung:

Đầu tiên, sinh viên làm việc theo nhóm người thực hiện phân tích đô thị. Giai đoạn này đòi hỏi lập luận chặt chẽ về đất đai sẽ được đô thị hóa và chương trình dự án sẽ được thực hiện.

Giai đoạn thứ hai, sinh viên làm việc cá nhân nghiên cứu các hình thức nhà ở được đã được học trong giờ bài tập để kiểm tra khả năng đô thị hóa của vùng đất được chọn.

Giai đoạn thứ ba kéo dài nhất, sinh viên làm việc cá nhân, nêu chi tiết một dự án, chú trọng đến nhà ở trong lĩnh vực đã chọn. Ngoài việc nắm được các hoạt động kẻ và cắt, và đề xuất một dự án kiến trúc thực sự.

Phương thức đánh giá:

Sinh viên báo cáo công việc hàng tuần.

Khối lượng yêu cầu:

Sử dụng các kỹ thuật thông thường của dự án đô thị; bản đồ, bản vẽ, mô hình. Đặc biệt chú ý đến các khái niệm đo lường (của các tòa nhà, đường xá, không gian công cộng) và nền kinh tế toàn cầu, không thể tách rời với dự án đô thị, giúp đánh giá mức độ phù hợp của các đề xuất một cách liên tục.

Tài liệu tham khảo:

- Paquot (Thierry) (dir.). Les faiseurs de villes 1850-1950. Gollion: Infolio éditions: coll. Archigraphy Poche. 2010. 509 p. Collection de petites monographies initialement

publiées dans la revue Urbanisme, consacrées à vingt-six acteurs importants de l'urbanisme. Hommes politiques, urbanistes, géographes, ingénieurs, architectes, ces portraits rendent compte de la diversité des acteurs et des convictions.

- Ingallina (Patrizia), Le projet urbain. Paris: Presses universitaire de France: coll. Que sais-je?: n° 3585. 2001. 127 p.

- Synthèse de l'émergence, dans les années 1970, et des caractères du projet urbain. Cette approche particulière de l'urbanisme, née d'une réaction à la planification excessive, est aujourd'hui largement diffusée.

- Mangin (David) et Panerai (Philippe). Projet urbain. Marseille: Editions Parenthèses: coll. Eupalinos: série Architecture et urbanisme. 1999. 185 p.

BTTH Điều tra xã hội học

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 20 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 3 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần này kết hợp giữa lý thuyết và bài tập thực hành, là sự tiếp nối của môn "Phương pháp và nền tảng khoa học con người" đã dạy trong năm đầu tiên.

Nội dung:

Bằng một số ví dụ hiện đại và đương đại, sinh viên sẽ hiểu những điều cần thiết hình thành nên một nhà kiến trúc sư, Câu hỏi về lịch sử sẽ được đào sâu với các tài liệu nghe nhìn hoặc các bài báo đương đại cho một số thành tựu kiến trúc mang tính biểu tượng. Ví dụ, sẽ cần phải xác định và phân tích các khía cạnh tư tưởng và chính trị của một bài báo, một tuyên ngôn, trích đoạn phim..., bằng cách vượt qua các tài liệu này với các nguồn khác. Điều này sẽ khiến sinh viên nhận thức được sự cần thiết để hiểu và dịch một cách trung thực và chính xác nhất có thể một tác phẩm kiến trúc, trong các khía cạnh văn hóa và lịch sử của nó.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Grafmeyer Y et Josphe I., (1979) L'Ecole de Chicago, Naissance de l'écologie urbaine, Haumont N (éd) (1996) La ville: agrégations et ségrégations sociales, L'Harmattan, Paris Lefebvre H (1968) Le droit à la ville, Seuil, Paris.

- Lepetit B et Topalov C., (2001) La ville des sciences sociales, Belin, Paris

- Mollet, A (ed.), (1981) Quand les habitants prennent la parole, Plan Construction Paris Pinçon M et Pinçon-Charlot M (1989) Dans les beaux quartiers, Seuil, Paris

Xã hội học và chính sách đô thị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 20 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần này nhằm mục đích dạy cho sinh viên thay đổi đăng ký và quy mô để tiếp cận các mô hình nhà ở như đã học trong học kỳ trước và để chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án đô thị vào cuối năm. Sinh viên tiếp cận sách về quá trình biến đổi xã hội của thành phố và nghiên cứu các bản khắc không gian của chúng. Như vậy, quá trình xã hội học của thành

phố và đô thị là các phương tiện để phân tích các quy trình, thủ tục, vai trò của các chủ thể khác nhau liên quan đến sản xuất và sự phát triển của môi trường đô thị đương đại.

Nội dung:

Có nhiều cách tiếp cận giúp làm sáng tỏ các cơ chế phân phối của các nhóm xã hội và hoạt động trong không gian đô thị, các quá trình bình ổn hóa và mất giá ảnh hưởng đến chúng. Làm thế nào để giải thích sự phân biệt và đặc tính chuyên môn ngày nay của một số không gian có người ở nhất định, các phản ứng mạnh mẽ có liên quan đến chúng? Dựa trên sự thể hiện nào của thành phố, dựa trên những lý thuyết nào, dựa trên các chính sách nào để khắc phục chúng? Các tác nhân khác nhau tham gia vào doanh nghiệp này là gì, đâu là những rủi ro, dân cư đóng góp vai trò như nào?

Làm thế nào để những hiện tượng khác nhau này ảnh hưởng đến các điều kiện tiếp cận thành phố và sự giàu có về kinh tế, văn hóa và biểu tượng của nó? Làm thế nào để các lãnh thổ khác nhau cấu thành nó phát triển và biến đổi?

Để hiểu được sự phức tạp của việc sản xuất không gian đô thị và nhận thức được các quy mô can thiệp khác nhau, các sinh viên sẽ được mời, trong giờ bài tập, để đào sâu và mở rộng kết quả của các cuộc khảo sát trước đây tập trung vào các phương thức sống, cho dù dưới ánh sáng của những đóng góp lý thuyết này mà còn bằng cách đối mặt với những lời chứng thực của các diễn viên không phải là cư dân, về sự biến đổi đang diễn ra: các kiến trúc sư tham gia bằng cách hiện thực hóa các dự án của chúng để đạt tiêu chuẩn của các ngành hoặc quận của thành phố, các quan chức dân cử địa phương và những người khác.

Cách tiếp cận này sẽ cung cấp cho sinh viên nhiều cơ hội để rèn luyện khả năng đối mặt với các quan điểm khác nhau và phát triển tư duy phê phán.

Phương thức đánh giá:

Bài tập yêu cầu được trình bày dưới dạng tệp tóm tắt hoặc áp phích.

Khối lượng yêu cầu:

Thể hiện phân tích chéo các cuộc phỏng vấn được thực hiện với các chủ thể khác nhau, được làm phong phú bởi các cuộc tranh luận theo chủ đề được cung cấp bởi việc đọc các bài báo và tác phẩm khoa học xã hội và con người. Cả bài sẽ được kết nối với của các tài liệu (bài viết, bản đồ, mặt bằng, hình ảnh, bưu thiếp và những thứ khác) đã được phân tích và giải thích.

Tài liệu tham khảo:

- Bachmann Ch et Leguennec N (1996) *Violences urbaines*. Albin Michel, Paris
- Elias N et Scotson J-L (1997) *Logiques de l'exclusion*, Fayard, Paris.
- Grafmeyer Y et Joseph I. (1979) *L'Ecole de Chicago*, Naissance de l'écologie urbaine, Haumont N (éd) (1996) *La ville: agrégations et ségrégations sociales*, L'Harmattan, Paris
- Lefebvre H (1968) *Le droit à la ville*, Seuil, Paris.
- Lepetit B et Topalov C., (2001) *La ville des sciences sociales*, Belin, Paris
- Mollet, A (ed.), (1981) *Quand les habitants prennent la parole*, Plan Construction Paris
- Pinçon M et Pinçon-Charlot M (1989) *Dans les beaux quartiers*, Seuil, Paris
- Rémy J et Voye L. (1992) *La ville vers une nouvelle définition*, L'Harmattan, Paris.
- Roncayolo M et Paquot T. (1992) *Villes et civilisations urbaines XVIIIe-XXe siècle*, Larousse, Paris.
- Sennett R (1992) *La ville à vue d'œil*, Plon, Paris
- Quoiest M (1956) *La Ville et l'Homme*, éd. Ouvrières, Paris.

Vai trò của các tác nhân đô thị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 15 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 15 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Kiến thức về thành phố và không gian sống đòi hỏi cả cách tiếp cận thực nghiệm và lý thuyết. Đây cũng là mục tiêu trong học kỳ 1. Mục đích của đơn vị học phần này là giới thiệu cho sinh viên các khái niệm chính của khoa học xã hội (chủ yếu là xã hội học và dân tộc học) và để phát triển mối quan tâm đặc biệt đối với các tác nhân đô thị, một "sự truy cập" giữa các vấn đề xã hội và không gian. Học cách quan sát đô thị bằng cách nắm bắt như các nút quan hệ giữa không gian và các tác nhân xã hội.

Giới thiệu về địa chỉ của xã hội học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích cần thiết để hiểu các không gian được sản xuất.

Nội dung:

Học phần bắt đầu với một bài trình bày tổng hợp về xã hội học như một môn khoa học về "sự kiện xã hội" và hành động tập thể. Xã hội học, nhân chủng học, địa lý, triết học, xem xét rằng không gian, kiến trúc, tổ chức lãnh thổ hoặc đô thị, các hình thức xây dựng, được đánh dấu bởi các đặc điểm xã hội và lịch sử. Tất cả các công trình của khoa học con người liên quan đến mối quan hệ này giữa xã hội và không gian kiến trúc và xây dựng; hoặc làm thế nào các cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội, đầu tư không gian từ các quy tắc của một trò chơi xã hội. Marcel Mauss trong nghiên cứu nổi tiếng của mình về môi trường sống theo mùa của người Eskimo và hoạt động của các nghi thức xã hội; Claude Lévi-Strauss khi ông nhấn mạnh phép biện chứng giữa tôn giáo và tổ chức không gian của các ngôi làng bản địa ở Brazil; Pierre Bourdieu khi ông mô tả dự báo không gian và lãnh thổ của các phân chia xã hội (quan hệ giới tính hoặc giai cấp) và bản chất vũ trụ của bố cục của nhà Kabyle; Norbert Elias trong sự hội tụ giữa một lối sống và tổ chức các không gian có người ở. "Không gian của những khu phố đẹp hoặc không gian của công nhân" mô tả mối quan hệ chặt chẽ giữa các nhóm xã hội và lãnh thổ. Tất cả làm như vậy từ một cái nhìn phân tích thực tiễn, biểu tượng, thay đổi xã hội. Nhiều ngành học về thời gian và không gian đã thúc đẩy những phản ánh này về các xã hội truyền thống, những ngành tham gia vào hiện đại hóa hoặc phát triển nhất bao gồm cả việc kết hợp các khía cạnh gần đây nhất (toàn cầu hóa, toàn cầu hóa). Trình bày và nhận xét về các tác phẩm này là một nguồn kiến thức về mối quan hệ nhân quả vẫn còn hiện tại giữa chủ nghĩa quyết định không gian và xã hội để giải thích các hình thức xây dựng.

Phương thức đánh giá:

Kiểm tra tại lớp.

Tài liệu tham khảo:

Nhân chủng học về không gian, văn hóa và lịch sử

- Marcel Mauss, Sociologie et anthropologie, Paris, PUF, 1983.
- Claude Lévi-Strauss, Tristes tropiques, Paris, Plon, 1980.
- Pierre Bourdieu, Le sens pratique, Paris, Editions de Minuit., 1980.
- Edward Hall, La dimension cachée, Paris, Le Seuil. 1971.
- Georges Simmel, La tragédie de la culture, Paris, Rivages, 1988.
- Françoise Choay, Anthropologie de l'espace, Seuil, 2006.

Nhóm xã hội và không gian

- Maurice Halbwachs, Classe sociale et morphologie, Paris, Editions de Minuit, 1972.
- Henri Coing, Rénovation urbaine et changement social,
- Richard Hoggart, La culture du pauvre, Seuil, 1985
- BOURDIEU Pierre (dir), La misère du monde, Seuil, 1991
- Michael Young, Peter Willmott, Le village dans la ville, traduction française, Edition du CCI, 1983 (1957).

Xã hội học và quyền lực

- Norbert Elias, La société de cour, Paris, Flammarion, 1974.
- Michel Foucault, Surveiller et punir, Gallimard, 1975.

Không gian và tương tác xã hội

- Nicolas Fischer, Psychologie de l'espace, Paris, Armand Colin, 1989.
- Sociétés modernes et formes contemporaines

- Richard Sennett, La conscience de l'oeil, Plan, 1983

- Danilo Martuccelli, Sociologie de la modernité, chapitre XI, l'Ecole de Chicago, la condition humaine dans la ville moderne, Paris, Folio, 1999.

- Marc Augé, Lieux et non lieux,

- Castells M., La société de l'information 3 tomes, Seuil, 1999 Cộng đồng, xã hội, thành phố

- Max Weber, La Ville, Paris, Aubier-Montaigne, 1982

Tiểu luận nghiên cứu

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 25 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 75 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 7 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Báo cáo nghiên cứu bậc cử nhân là một bản trình bày tóm tắt dựa trên các cách tiếp cận khác nhau đối với các vấn đề kiến trúc và/hoặc đô thị. Sinh viên phải phát triển một vấn đề đã gặp kể từ khi vào trường thông qua quan sát và đặt câu hỏi dựa trên sự đóng góp của các ngành khác nhau.

Báo cáo này là bước đệm cho việc chuẩn bị luận văn tốt nghiệp.

Nội dung:

Báo cáo nghiên cứu được xây dựng từ một phân tích chuyên khảo hoặc chuyên đề có khung nằm trong lĩnh vực kiến trúc hoặc đô thị được hiểu theo nghĩa rộng. Tuy nhiên, mỗi giáo viên có thể thắt chặt khung điều tra.

Nội dung và mục đích của báo cáo nghiên cứu được xác định theo thỏa thuận giữa giáo viên hướng dẫn và sinh viên, thống nhất các phương pháp thực hiện cụ thể, đặc biệt theo quan điểm phương pháp luận.

Công việc phân tích được thực hiện từ nghiên cứu tài liệu, lưu trữ, phỏng vấn, khảo sát thực địa... theo tỷ lệ cố định theo mức độ phù hợp với đối tượng mà sinh viên đã chọn.

Báo cáo được trình bày dưới dạng một bài thuyết trình có cấu trúc và lập luận tốt, dựa trên phân tích ban đầu, có cấu trúc và có đặt vấn đề, có nguồn trích dẫn và tài liệu tham khảo.

Báo cáo nghiên cứu có một phần biên tập và một phần đồ họa.

Phương thức đánh giá:

Sinh viên sẽ trình bày báo cáo vào cuối học kỳ thứ hai của năm L03.

Khối lượng yêu cầu:

Học kỳ đầu tiên dành cho việc xây dựng chủ đề sẽ được xử lý trong báo cáo nghiên cứu: xác định lĩnh vực điều tra và các tài liệu thực tế và tài nguyên thực tế và điều trị của chúng. Vào cuối học kỳ đầu tiên, sinh viên lên mặt bằng làm việc, phần trình bày được quyết định bởi giáo viên hướng dẫn-người cung cấp kiến thức cơ bản và hướng dẫn thực hiện báo cáo cho sinh viên.

BTTH hội nhập nghề nghiệp

| | | | | | |
|---------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S05 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |

Số tín chỉ 3

Mục tiêu môn học:

Mô-đun này nhằm mục đích nắm bắt sự đa dạng của các hoạt động chuyên môn về kiến trúc của thành phố, lãnh thổ và cảnh quan và do đó phải tạo thành thời điểm đặc quyền của các cuộc gặp gỡ với các chuyên gia không nhất thiết phải làm việc trong một cơ quan.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thực tiễn nghề nghiệp Kiến trúc tại Việt Nam, tại Pháp và các nước trong khu vực.

Nội dung:

Mô-đun này học vào đầu năm thứ ba của chương trình đại học, trước khi bắt đầu năm học trong một thiết kế hoặc cấu trúc sản xuất của kiến trúc, thành phố và cảnh quan Pháp hoặc nước ngoài và là chủ đề của một báo cáo. Đây là điều kiện bắt buộc để tốt nghiệp.

Vào cuối mô-đun, sinh viên phải nộp báo cáo.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

- Sự hiện diện và tham gia hiệu quả trong môn học được đánh giá cao bởi người quản lý thực tập sinh trong công ty chủ quản.

- Hiểu biết về chế độ hoạt động của các công ty được kết nối trong môn học (được đánh giá thông qua báo cáo hội nhập nghề nghiệp).

Đồ án: Lãnh thổ đương đại và bối cảnh đô thị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 120 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 60 | Thi lại | Không |
| Số tín chỉ | 10 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Môn học này do đó có mục tiêu:

- sự thành thạo của bộ ba hoạt động Trace, Cut, Build, nguyên thủy trong phân tích như trong dự án.

- sự coi trọng và có tính đến thực tế của thực địa.

- khả năng phát triển một dự án có liên quan ở quy mô xã, đất đai và nhà ở, sử dụng các công cụ thể hiện phù hợp với từng dự án.

- Làm quen với khái niệm kinh tế toàn cầu thông qua việc sử dụng liên tục các tính toán thống kê thô sơ (mật độ, sử dụng đất...).

Nội dung:

- Làm việc tập thể, trong đó sinh viên thực hiện phân tích thành phố.

- Làm việc cá nhân, sử dụng các hoạt động nhà ở được nghiên cứu trong các giờ thực hành liên quan để kiểm tra khả năng đô thị hóa của vùng đất được chọn.

- Sinh viên nêu chi tiết một dự án, chủ yếu dành cho nhà ở, trên lĩnh vực đã chọn. Ngoài việc kiểm soát các hoạt động Tracer và Tr trim, một câu hỏi ở đây là đề xuất một dự án kiến trúc thực: Tòa nhà.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Sinh viên trình bày tiến độ công việc hàng tuần và sử dụng các kỹ thuật thông thường của dự án đô thị; bản đồ, bản vẽ, mô hình. Đặc biệt chú ý đến các khái niệm đo lường (của các tòa nhà, đường xá, không gian công cộng) và nền kinh tế toàn cầu, không thể tách rời với dự án đô thị, giúp đánh giá mức độ phù hợp của các đề xuất trên cơ sở liên tục.

Tài liệu tham khảo:

- Aucune biographie ne remplace l'observation critique ; le meilleur livre sur l'urbanisme est la ville elle-même. Toutefois, ci-après trois livres très accessibles et didactiques:

- Paquot (Thierry) (dir.). Les faiseurs de villes 1850-1950. Gollion: Infolio éditions: coll. Archigraphy Poche. 2010. 509 p.

- Collection de petites monographies initialement publiées dans la revue Urbanisme, consacrées à vingt-six acteurs importants de l'urbanisme. Hommes politiques, urbanistes, géographes, ingénieurs, architectes, ces portraits rendent compte de la diversité des acteurs et des convictions.

- Ingallina (Patrizia), Le projet urbain. Paris: Presses universitaire de France: coll. Que sais-je?: n° 3585. 2001. 127 p.

- Synthèse de l'émergence, dans les années 1970, et des caractères du projet urbain. Cette approche particulière de l'urbanisme, née d'une réaction à la planification excessive, est aujourd'hui largement diffusée.

- Mangin (David) et Panerai (Philippe). Projet urbain. Marseille: Editions Parenthèses: coll. Eupalinos: série Architecture et urbanisme. 1999. 185 p.

- Cet ouvrage à caractère pédagogique, illustré, est l'aboutissement des réflexions menées depuis les années 1970 par les deux auteurs, acteurs médiatiques et décisifs du projet urbain

Workshop S06: Kiến trúc, đô thị và môi trường

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 2 | | | | |

Mục tiêu môn học:

- Sinh viên tiếp cận một số khái niệm kiến trúc cơ bản: quy mô, phẩm chất không gian, khớp nối ...

- Có thể phát triển phương pháp thiết kế, áp dụng cho các không gian cơ bản.

- Ý định dự án nhà nước, chính thức hóa và thể hiện cho các thiết bị kiến trúc phù hợp với chúng.

- Tìm hiểu để mô tả một không gian đã biết, để đọc các bản vẽ được mã hóa của các ví dụ kiến trúc và thành thạo các công cụ cho phép biểu diễn, trong 2 và 3 chiều, không gian thực hoặc được chiếu.

Nội dung:

Bài tập thực địa Kiến trúc, đô thị và môi trường được tổ chức trong 2 tuần trong đó có 1 tuần thực hiện điền dã, khảo sát và triển khai ý tưởng trên thực địa tại một đô thị ở Đông Nam Á.

Môn học được tổ chức trong 2 tuần, trong đó xen kẽ các bài tập dự án và phân tích các tòa nhà mẫu mực, để giải quyết các vấn đề kiến trúc khác nhau. Các bài tập dự án đặc biệt làm việc về mối quan hệ giữa tuyên bố về một ý định kiến trúc, thể hiện của nó và tương lai có thể của nó. Một loạt các bài tập yêu cầu thực hiện các phương thức biểu diễn khác nhau: mặt bằng, phân, độ cao, mô hình, trong các bước phối hợp với việc giảng dạy biểu diễn.

Phương thức đánh giá:

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Thực hiện các tài liệu đồ họa và mô hình hàng tuần. Thuyết trình về tiến độ công việc của mình.

Tiểu luận tốt nghiệp Cử nhân

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 30 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 90 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 7 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Mô-đun này hướng dẫn cách chuẩn bị một tiểu luận nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành kiến trúc.

Tiểu luận tốt nghiệp cử nhân Kiến trúc là một bản trình bày tóm tắt dựa trên các cách tiếp cận khác nhau đối với các vấn đề kiến trúc và/hoặc đô thị. Sinh viên phải phát triển một vấn đề đã gặp kể từ khi vào trường thông qua quan sát và đặt câu hỏi dựa trên sự đóng góp của các ngành khác nhau.

Tiểu luận này là bước đệm cho việc chuẩn bị luận tốt nghiệp Thạc sĩ Kiến trúc sư.

Nội dung:

Báo cáo nghiên cứu được xây dựng từ một phân tích chuyên khảo hoặc chuyên đề có khung nằm trong lĩnh vực kiến trúc hoặc đô thị được hiểu theo nghĩa rộng. Tuy nhiên, mỗi giáo viên có thể thắt chặt khung điều tra.

Nội dung và mục đích của báo cáo nghiên cứu được xác định theo thỏa thuận giữa giáo viên hướng dẫn và sinh viên, thống nhất các phương pháp thực hiện cụ thể, đặc biệt theo quan điểm phương pháp luận.

Báo cáo nghiên cứu có một phần biên tập và một phần đồ họa.

Phương thức đánh giá:

Sinh viên sẽ trình bày báo cáo vào cuối học kỳ thứ hai.

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.
- Thể hiện bài tập.

Khối lượng yêu cầu:

Mỗi sinh viên được hướng dẫn bởi một giáo viên.

Vào cuối học kỳ đầu tiên, sinh viên đã vạch ra một mặt bằng làm việc, phương thức trình bày được quyết định bởi giáo viên, và làm cơ sở cho việc xây dựng và viết báo cáo nghiên cứu vào cuối học kỳ thứ hai.

Thực tập chủ đầu tư

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|-----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 25 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 150 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 5 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần thực tập này nhằm mục đích hiểu được sự đa dạng của các hoạt động chuyên môn của kiến trúc trong thực tiễn ở cơ quan chủ đầu tư.

Nội dung:

Địa điểm: tại Pháp, Việt Nam hoặc nước ngoài

Tất cả các cơ quan thiết kế hoặc sản xuất ngành kiến trúc, đô thị và cảnh quan, ở Pháp, Việt Nam hoặc nước ngoài: kiến trúc, quy hoạch đô thị và cảnh quan, thiết kế ... văn phòng, văn phòng thiết kế, dịch vụ của (SDAP, DRAC, DDE, Kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật của chính quyền khu vực, Réseau Ferré de France, ...), CAUE, chính quyền địa phương, bảo tàng, hiệp hội văn hóa, văn phòng OPAC và HLM, công viên tự nhiên khu vực hoặc quốc gia, công ty của nền kinh tế hỗn hợp, tổ chức nghiên cứu, NGO, ngân hàng, bảo hiểm.

Phương thức đánh giá:

- Tùy thuộc vào việc nộp báo cáo thực tập được xác nhận bởi giáo viên. Thực tập là bắt buộc để được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Kiến trúc.

- Giấy chứng nhận hoàn thành thực tập phải được xác nhận bởi người giám sát đào tạo, nó bao một phần hành chính và bản đánh giá định tính.

- Việc không tuân thủ thực tập (đặt lịch hẹn bắt buộc với giáo viên chịu trách nhiệm thực tập) cũng như việc không gửi báo cáo sẽ bị xử lý bằng cách không được công nhận tín chỉ ECTS và do đó bị coi là không đạt học phần này.

Khối lượng yêu cầu:

- Báo cáo thực tập sẽ được nộp một tháng sau khi kết thúc thực tập tại văn phòng thực tập.

BTTH Lập nhiệm vụ thiết kế quy hoạch đô thị

| | | | | | |
|------------|-----|---------------|----|----------|----------|
| Năm học | L03 | Giờ lý thuyết | 20 | Đặc điểm | Bắt buộc |
| Kỳ | S06 | Giờ thực hành | 0 | Thi lại | Có |
| Số tín chỉ | 1 | | | | |

Mục tiêu môn học:

Học phần này đề cập đến sự liên quan của các khái niệm, phương pháp và công cụ đã được sử dụng trong suốt thế kỷ 20 cho đến thời kỳ đương đại. Mục đích là để sinh viên tư duy sâu hơn để hiểu các hiện tượng đô thị. Sinh viên sẽ làm báo cáo về những ý tưởng về tự nhiên, văn hóa và ý tưởng tiến bộ, những thành tựu hiện đại phương Tây và đưa ra đánh giá. Sinh viên phải đối chiếu với lịch sử để xây dựng một khung tham chiếu, từ đó giải quyết những thay đổi lớn trong sự phản ánh về thành phố và đô thị và để nắm bắt những vấn đề của thực tiễn quy hoạch hiện tại. Các cấu hình phân tán (lý thuyết và mô hình) được huy động ngay nay trong sự hiểu biết về những thay đổi trong môi trường của chúng ta là gì? Những vấn đề về lãnh thổ, không gian và xã hội nào có xu hướng biến mất thông qua sự phát triển của các địa điểm và không gian trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta?

Nội dung:

Phương Tây đã đưa ra kiến thức và hiểu biết về thế giới của riêng mình về thiết kế QHĐT. Tính phổ quát của nó bị hạn chế bởi toàn cầu hóa ở cấp độ "địa phương". Điều này ngụ ý rằng ngày nay việc xem xét lại các phương thức xác định lại mối quan hệ của chúng ta với thời gian và không gian trong việc xây dựng các lãnh thổ đương đại.

Nội dung môn học tập trung vào các quá trình đô thị hóa, tính chất và đặc điểm của nó. Sinh viên được học lý thuyết và mô hình chính trị, kinh tế và xã hội làm cơ sở cho sự hiểu biết và tổ chức các không gian đô thị và đặt câu hỏi về sự phù hợp của chúng để đọc và phân tích các thay đổi xã hội và không gian đương đại, là chìa khóa để hiểu các động lực đô thị tại nơi làm việc và hình thành các lãnh thổ mới, lập nhiệm vụ thiết kế QH và ĐT trong bối cảnh của Việt Nam.

Phương thức đánh giá:

Bài kiểm tra kết thúc môn dựa trên nội dung của môn học và về một vấn đề hiện tại liên quan chặt chẽ đến các chủ đề được học.

- Sinh viên phải dự lớp học đầy đủ, không được vắng quá 20% tổng thời lượng mới được đánh giá bài tập.

- Có thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các nội quy của trường và của giáo viên phụ trách quy định.

- Thể hiện bài tập.

Tài liệu tham khảo:

Arnaud L., Réinventer la ville. Artistes, minorités ethniques et militants au service des politiques de développement urbain, Presses universitaires de Rennes, 2008.

Berger M., Les périurbains de Paris. De la ville dense à la métropole éclatée?, Paris: CNRS Editions, coll. « Espaces et Milieux », 2004.

Donzelot J., Quand la ville se défait. Quelle politique face à la crise des banlieues?, Paris: Le Seuil, coll. La couleur des idées, 2006.

Esprit: La ville à trois vitesses: gentrification, relégation, périurbanisation, n°3-4, Mars-Avril 2004

Fuezssery, S., Simay Ph.(dir), Le choc des métropoles: Simmel, Kracauer, Benjamin, Paris Ed. de l'éclat, 2008. Halbert L., L'avantage métropolitain, PUF, 2010.

Lussault, M., L'homme spatial. La construction sociale de l'espace humain, Paris: Seuil, 2007.

Manière de voir. Le monde diplomatique: L'urbanisation du monde, n°114, Décembre 2010-Janvier 2011.

Massot, M.-H. (dir), Mobilités et modes de vie métropolitains: les intelligences du quotidien, Paris: L'œil d'or, 2010. Paulet, J.P., Géographie urbaine. Paris: A. Colin, 2000.

Pinol, J.-L., Atlas historique des villes de France, Hachette, 1996. Roncayolo, M., La Ville et ses territoires, Gallimard, 1990.

Sassen, S., La ville globale, New-York, Londres, Tokyo, Éd. Descartes & Cie, 1997.

Topalov, Ch., Coudroy de Lille, L., Depaule, J.-Ch., Marin, B., L'aventure des mots de la ville à travers le temps, les langues, les sociétés. Paris: Robert Laffont, coll. Bouquins, 2010.

Vidal Rojas R., Fragmentation de la ville et nouveaux modes de composition urbaine, Paris: L'Harmattan, 2002. Vieillard-Baron H., Banlieues et périphéries. Des singularités françaises aux réalités mondiales, Paris: Hachette, 2011. Weber M., L'urbain sans lieux ni bornes, Préface et annotations Françoise Choya, L'Aube, coll. Essai, 1998.